

Phật thuyết A Di Đà kinh

Chuyển Phạn văn sang Hoa văn :
Tam Tạng Pháp Sư Cựu Ma La Thập
của triều đại Diêu Tần

Thích Vĩnh Hóa lược giảng



Lư Sơn Tự

Lu Mountain Temple
7509 Mooney Drive
Rosemead, CA 91770
USA
Tel: (626) 280-8801

Xuất bản lần thứ nhất
Bodhi Light International, Inc.
www.TinhDoDaiThua.org
www.BLI2PL.org

Lời Tựa

Tôi xin thành thật tri ơn công lao và những hy sinh lớn lao mà nhiều Phật tử và đạo hữu đã đóng góp vào để sửa soạn bản kinh này.

Tôi trích nhiều lời dạy quý báu của Hòa thượng Tuyên Hóa trong chú thích của ngài để chia sẻ cùng độc giả tri kiến thâm sâu của bậc thánh nhân.

Thích Vĩnh Hóa



A Di Đà Phật



Quán Thế Âm Bồ Tát



Đại Thế Chí Bồ Tát

Contents

LỜI GIỚI THIỆU	1
KINH TỰA	52
CHÁNH PHẦN	129
PHẦN LƯU THÔNG	312

Kinh A Di Đà

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Phật Thuyết A Di Đà còn được gọi là tiểu bộ Kinh A Di Đà, là một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh độ tông.

Tịnh Độ là một trong năm tông phái lớn của Phật Giáo Á Đông:

1. Luật tông
2. Thiền tông
3. Mật tông
4. Giáo tông
5. Tịnh độ tông.

Luật tông chú trọng sự nghiêm cứu và thủ hộ giới. Người tại gia trước nên quy y Tam Bảo rồi thọ giới. Phật tử tại gia có thể thọ Ngũ giới, Bát giới hoặc Bồ Tát giới. Nền tảng đạo đức dựa trên Ngũ giới:

1. Không sát sinh, ngay cả kiến cũng không nên giết huống gì thú vui săn bắn.
2. Không trộm cắp, gồm cả không mua đồ ăn cắp.
3. Không tà dâm: tức là chỉ có chuyện tình dục trong hôn nhân thôi.
4. Không vọng ngữ, gồm cả dùng những lời thêu dệt để tạo sự xung đột.
5. Không dùng các chất rượu, ma túy, hút thuốc v.v.

Người xuất gia có thể thọ Thập giới (của Sa Di và Sa Di Ni), Thức Xoa Ma Na Ni 式叉摩那尼 giới, Tỳ Kheo giới, Tỳ Kheo Ni giới hoặc Bồ Tát giới.

Thích Vĩnh Hóa

Giữ giới thanh tịnh thì sẽ sinh Định rồi Huệ và có thể đắc chứng. Đó là đường lối tiêu biểu của Nam tông hoặc Tiểu Thừa, thường rất thịnh hành ở các nước như Tích Lan, Cam Bốt, Lào, Thái Lan, Âu Châu v.v.

Thiền tông chú trọng sự phát triển định lực. Thiền sinh có thể tu luyện và tiến bộ từ trạng thái thông thường của tâm tán loạn, thăng lên tứ Thiền của Sắc giới, tứ Định của Vô Sắc giới, Cửu Định của vị A La hán v.v. cho đến Như Lai định. Họ thường bắt đầu bằng Ngũ Đình Tâm 五停心 (năm điều quán để đình chỉ tâm tán loạn và đối trị những bệnh của tâm):

1. Bất Tịnh Quán 不淨觀: quan sát thấy thân thật sự đầy ô uế, nên bớt tham dục và có thể làm tâm điên cuồng ngừng lại.
2. Từ Bi Quán Contemplation 慈悲觀: để đối trị sân hận và có thể làm tâm điên cuồng ngừng lại.
3. Nhân Duyên Quán 因緣觀: quán xét Thập Nhị Nhân Duyên và thấy nguyên do sự luân chuyển của thế giới, để đối trị ngu si và làm tâm điên cuồng ngừng lại.
4. Sổ Tức Quán 數息觀: quán và đếm hơi thở để bớt loạn tâm và có thể làm tâm điên cuồng ngừng lại.
5. Niệm Phật Quán 念佛觀: tức là niệm hồng danh Phật, niệm công đức Phật. Nhờ đó mà tiêu trừ chướng ngại và làm tâm điên cuồng ngừng lại.

Luyện Thiền giúp cho chúng ta từ từ đạt đến các Thiền Định cao cho đến khi đắc Như Lai Thiền 如來禪. Một vị Thiền Sư hỏi học trò về nhãn kiến. Thiền sinh đáp: “Năm ngoái,

Kinh A Di Đà

con nghèo đến nỗi chỉ có cái gáo (bằng tre để mức nước uống). Năm nay thì bần cùng đến độ ngay cả cái gáo cũng không có nữa!” Nghĩa là, năm trước người học trò còn chấp vào cái gáo. Nghèo về vật chất nhưng chúng ta không cần phải thương hại cho ông ta. Phải rất giàu có về tâm linh mới có thể nghèo được như thế về vật chất! Năm nay, ông ta đã xả được cái gáo, nên đã giác ngộ rồi. Đó là Phật Huệ được phát ra từ Như Lai Thiên.

Thiên tông rất thịnh hành ở các quốc gia như Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam v.v.

Mật tông chuyên dùng Chân Ngôn Bí Mật chi Pháp 真言祕密之法. Người Trung Hoa và Nhật Bản có những Kinh chuyên môn về Mật tông như: Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Kinh, Kim Cang Đỉnh Kinh 毗盧遮那成佛經、金剛頂經等. Họ thiết lập mạn đồ la 曼荼羅, luyện thần chú cho đến khi tam mật, tam nghiệp tương ưng 修到三密、三業相應 và giúp họ chứng Phật quả.

Trung Quốc và Nhật Bản đều có Mật tông bên cạnh các tông phái khác. Riêng Tây Tạng phần lớn chuyên về tu luyện Mật tông.

Giáo tông nhấn mạnh việc nghiên cứu giáo lý. Họ tham khảo Tam Tạng giáo điển gồm có Luật tạng (dạy về giới luật và oai nghi), Kinh tạng (lời Phật dạy) và Luận tạng (lời bàn luận của các ngài đệ tử thánh nhân của đức Phật).

Thích Vĩnh Hóa

Muốn mở trí huệ xuất thế thì cần phải học giáo lý. Các tông khác thường phải dùng giáo tông để dạy tín đồ. Ngược lại, Giáo tông cũng cần sử dụng cách tu luyện của các tông khác để phát triển thiền định và mở trí huệ.

Sau cùng, Tịnh độ tông thịnh hành nhất trong thời đại này, nhất là ở Á Châu. Tông này chủ trương niệm Phật cầu vãng sinh về Tịnh độ để tiếp tục tu cho đến khi thành Phật vì nơi đó rất thuận tiện cho việc tu hành, lại chẳng còn bị thối chuyển, không như cõi Ta Bà đầy dẫy bất tịnh và ác nghiệp này. Nếu đắc vãng sinh thì chắc chắn sẽ thành Phật trong một kiếp, và sẽ không còn phải luân hồi nữa.

Hiện nay, đa số nghĩ rằng niệm A Di Đà Phật để vãng sinh là Pháp Tịnh độ. Thật ra, cõi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà chỉ là một trong vô số cõi Tịnh độ. Ví dụ, còn có cõi Tịnh độ ở phương Đông của đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang (giảng trong Kinh Dược Sư của bổn tự) hoặc, có một số ít Phật tử đã biết, Di Lạc Bồ Tát ở Nội Cung của cõi trời Đâu Suất, gọi là Di Lạc Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh độ thích hợp cho mọi trình độ căn cơ: thượng, trung và hạ.

Chúng tôi hy vọng giúp giải đáp nhiều nghi vấn hoặc hiểu lầm về Tịnh độ tông qua những sách xuất bản như quyển này.

Theo truyền thống, có Tịnh Tam Kinh 淨三經: Kinh Phật thuyết A Di Đà (Tiểu A Di Đà Kinh), Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh Vô Lượng Thọ (Đại A Di Đà Kinh). Có người lại thêm hai Kinh nữa: Chương 40 của Kinh Hoa Nghiêm:

Kinh A Di Đà

Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên và Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông của Kinh Lăng Nghiêm lập thành Tịnh Độ Ngũ Kinh 淨五經.

Kinh Phật Thuyết A Di Đà Kinh này thịnh hành nhất trong các kinh Tịnh độ. Có rất nhiều người đọc tụng Kinh này. Có lẽ vì tụng càng nhiều thì càng dễ thông đạt giáo lý của Kinh. Lời Kinh hàm chứa rất nhiều chân lý sâu xa, khó hiểu nên người thường khó có được lòng tin. Vì vậy, chúng tôi sẽ cố gắng bảo tồn bề sâu của giáo lý và đồng thời dùng những lời giảng giản dị để cho mọi người dễ hiểu hơn.

Từ Phạn văn dịch sang Hoa văn:

Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập
của triều đại Diêu Tần

Tam Tạng Pháp Sư:

1. Lấy Tam Tạng làm thầy.
2. Giảng Pháp cho chúng sinh.

Có bốn loại Pháp Sư:

1. Giảng Giải Pháp Sư 講解, Giảng Kinh và dạy giáo lý;
2. Đọc Tụng Pháp Sư 讀誦, họ chuyên đi tụng Kinh, làm đám.
3. Thư Tả Pháp Sư 書寫, đời xưa không có máy in nên các thầy cô phải chép kinh điển bằng tay.
4. Thọ Trì Pháp Sư 受持: Thọ trì kinh điển; thọ lời dạy với tâm và thực hành với thân.

Tất cả kinh điển của Phật đều nhằm mục đích khai ngộ chân

Thích Vĩnh Hóa

lý cho chúng sanh; tùy theo căn cơ và hoàn cảnh mà có bốn loại tất đàn:

1. Thế gian tất đàn **世間悉檀**: chúng sanh trên thế giới đa số đều thiên về thiệt chấp (chấp có) nên phải theo Tục đế mà bỏ thí pháp, giúp họ được lợi lạc.

Ví dụ : Luật nhân quả , tội báo , nghiệp v.v... Tịnh độ tông tả rõ cảnh giới Cực lạc và đại nguyện của Phật A Di Đà làm cho chúng sanh hoan hỉ kính tin.

2. Đối trị tất đàn **對治悉檀**: Đối trị từng vấn đề riêng biệt như tùy bệnh cho thuốc, làm cho chúng sanh đắc lợi lạc.

Ví dụ: Pháp quán bất tịnh dùng để đối trị tham dục. Niệm Phật liên tục và chân thành cũng có thể tiêu trừ được ác nghiệp của thân khẩu ý.

3. Vị nhân tất đàn **為人悉檀**: Phá trừ chấp ngã – nhơn là thường kiến của con người. Chúng sanh phát tâm tu pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh một cách triệt để sẽ buông được sở chấp này nhờ hướng toàn tâm vào Tây Phương Cực Lạc.

Đây là nhân duyên cho vô lượng thiện căn và công đức.

4. Đệ Nhất Nghĩa Tất đàn **第一義悉檀**: ban Chân Lý cứu cánh tuyệt đối cho chúng sanh, khiến họ nhập vào Nhất Chân Pháp Giới. Khi công phu niệm Phật thành thực và đắc “Lý nhất tâm bất loạn” sẽ ngộ nhập Đệ nhất nghĩa (Chân Lý).

Kinh A Di Đà

Phần lược giảng của chúng tôi căn cứ vào bản Kinh bằng tiếng Hoa, nguyên gốc do Ngài cư Ma La Thập dịch từ Phạn Văn.

Vị Pháp Sư này là một trong những Pháp Sư có sự công hiến rất lớn lao đối với Phật Giáo Trung Hoa.

Diêu Tần 姚秦 (344-413 A.D.) là thời của triều đình vua Diêu Hưng 姚興.

Cha Ngài Cư Ma La Thập là Cư Ma La Diễm 什父鳩摩羅炎, vốn là con của một vị thủ tướng (tên quan đời xưa là Tể Tướng). Thay vì nối vị cha, ông ta xuất gia, đi khắp nơi tông sư. Ông ta không thọ Tỳ Kheo giới nhưng là người tu hành. Ngày kia đến nước Quy Tư 龜茲國 ở Trung Á Châu. Em gái nhà vua mê ông ta nên nhà vua giữ lại và gả em gái. Ông ta trở thành triều thần của nhà vua. Cũng như trường hợp của mẹ Ngài Xá Lợi Phất, vợ ông khi mang thai bỗng nhiên có biến tài vô địch, không ai có thể tranh luận hơn bà. Một vị A La Hán nói rằng đứa bé trong bụng bà ta nhất định có đại trí huệ. Bà sinh ra Ngài Cư Ma La Thập.

Trong một ngày Ngài có thể học thuộc một ngàn câu kệ, khoảng 36,000 chữ 一千首的偈頌。這一千首偈頌就有三萬六千個字。 Nội trong hai ngày lại có thể học thuộc lòng Kinh Pháp Hoa.

Lúc bảy tuổi, Ngài theo mẹ đến chùa và nắm lư đồng ở ngoài, nhắc lên khỏi đầu một cách dễ dàng. Bỗng nhớ sự là bản

Thích Vĩnh Hóa

thân còn nhỏ tuổi, làm sao có thể làm như thế được? Vì tư tưởng đó mà thấy lư đồng nặng như ngàn cân và phải thả xuống. Ngài liền ngộ rằng “vạn vật duy tâm tạo: tất cả đều do tâm tạo”. Sau đó, hai mẹ con quyết định xuất gia.

Cha Ngài không cho phép: trước thì ông ta mê tu nay thì mê sắc. Mẹ Ngài liền tuyệt thực: trước thì bà ta mê sắc nay thì mê tu. Nhịn ăn sáu ngày thì bà ta hấp hối nên ông chồng phải chịu thua, cho phép họ xuất gia. Bà ta đòi phải được xuống tóc mới chịu ăn. Không bao lâu sau khi xuất gia, bà ta chứng Sơ quả A La Hán.

Hai mẹ con vào chùa tu. Cưu Ma La Thập bắt đầu học kinh điển. Ngài có trí nhớ vô song: đọc gì là không quên. Ngài qua nước Kế Tân Kasmir 罽賓國 học Tiểu Thừa với Sư Bàn Đậu Đạt Đa 槃頭達多法師 cho đến 12 tuổi. Rồi mẹ Ngài dẫn về Quy Tư. Trên đường gặp một vị A La Hán, ông ta báo cho bà là nếu đứa trẻ này giữ giới thanh tịnh cho đến 34 tuổi, thì sẽ có thể độ vô lượng chúng sinh. Ngài bắt đầu học Đại Thừa với Tu Lợi Đề Su Ma Pháp Sư 須利耶蘇摩 và học rất giỏi.

Rồi viếng nước Kế Tân, thăm thầy cũ và bàn thuyết Đại Thừa với thầy. Sau vài ngày, vị sư Tiểu Thừa thán phục, xin tôn Ngài làm thầy và xin đánh lễ. Ngài Cưu Ma La Thập từ chối nói làm sao dám nhận lễ của thầy được. Bàn Đậu Đạt Đa Pháp Sư bèn nói: “Bần tăng là sư Tiểu Thừa. Vậy lạy sư Đại Thừa có gì không đúng?” Ngài Cưu Ma La Thập mới chịu nhận lễ. Ngài lại trở về nước Quy Tư. Mẹ Ngài thấy nước

Kinh A Di Đà

đang suy nên quyết định đi qua Tây Tạng tu (và đăc Tam Quả A La hán bên đó). Trước khi đi, bà khuyên Cưu Ma La Thập Pháp Sư nên qua Trung Quốc để truyền bá Đại Thừa và hy sinh thân mệnh phục vụ Phật Pháp làm lợi cho chúng sinh.

Ngài Cưu Ma La Thập đã tranh luận nhiều lần với các luận sư ngoại đạo Ấn Độ, luôn luôn thắng họ và trở nên rất nổi tiếng. Danh truyền qua đến Trung Quốc. Hoàng Đế Trung Quốc là Phù Kiên 苻堅 đã được quan thái sử tâu rằng có dị tinh hiện bên Ấn Độ, đó là hiện tượng có vị đại trí huệ sẽ đến Trung Quốc. Hoàng Đế liền phái đại tướng Lữ Quang 呂光 đem 70.000 quân qua Quy Tư bắt Cưu Ma La Thập đem về Trung Hoa. Cưu Ma La Thập khuyên vua cậu không nên kháng cự và để cho họ đem Ngài về Tàu. Vua cậu (vua nước Quy Tư là cậu ruột của ông) không nghe lời nên bị đại bại và giết chết. Lữ Quang dẫn Cưu Ma La Thập về Trung Quốc.

Trên đường về, Lữ Quang cắm trại trong thung lũng mặc dầu Cưu Ma La Thập khuyên can. Tối đến, trời mưa lụt làm rất nhiều quân sĩ bị chết đuối. Nửa đường về, Lữ Quang được tin Phù Kiên bị Diêu Trường truất ngôi nên Lữ Quang lưu lại Lương Châu xưng vương. Vài năm sau, cháu của Diêu Trường là Diêu Hưng nối ngôi. Diêu Hưng nghe danh Cưu Ma La Thập nên đòi Lữ Quang phải giao. Lữ Quang từ chối nên Diêu Hưng phái quân đánh bại Lữ Quang và đem Cưu Ma La Thập về kinh thành ở Trường An 常安. Hoàng Đế tôn sùng Cưu Ma La Thập và phong làm Quốc Sư. Lại ra chiếu lệnh Cưu Ma La Thập dịch kinh điển. Cưu Ma La Thập hướng dẫn hơn 800 tu sĩ phiên dịch. Ngài phụ trách dịch hơn 98 bộ kinh và sao chép 390 quyển kinh.

Thích Vĩnh Hóa

Trước khi viên tịch, Ngài Cưu Ma La Thập tuyên bố rằng nếu các công trình phiên dịch của ông chính xác thì lưỡi sẽ không cháy sau khi hỏa táng. Lúc hỏa thiêu, thân Ngài cháy rụi nhưng lưỡi không cháy.

Đạo Tuyên 道宣 Luật Sư đời Đường hỏi vị trời Lục Huyền Sướng 陸玄暢: tại vì sao chúng sinh thích đọc tụng kinh sách Ngài Cưu Ma La Thập dịch. Lục Huyền Sướng nói rằng Ngài Cưu Ma La Thập đã từng phiên dịch cho bảy đời chư Phật vừa qua nên sách dịch rất chuẩn. Vì thế những sách Ngài dịch được chư Phật hộ niệm, long thiên hộ tống và bảo vệ, và loài người thích thọ trì. Thất Phật là:

1. 毗婆尸佛 – Vipasyin, Tì Bà Thi Phật
2. 尸棄佛 – Sikhin, Thi Khí Phật
3. 毗舍浮佛 – Viśvabhū, Tì Xá Phù Phật
4. 拘留孫佛 – Krakucchanda, Câu Lưu Tôn Phật
5. 拘那含牟尼佛 – Kanakamuni, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật
6. 迦葉佛 – Kasyapa, Ca Diếp Phật
7. 釋迦牟尼 – Śākyamuni, Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngài Cưu Ma La Thập đã chứng Tam Quả A La Hán.

Cưu Ma La Thập có nghĩa là Đồng Thọ 童壽. Có thể nói là Ngài sống rất thọ. Ngay cả khi còn trẻ tuổi nhưng đã rất lão luyện về phương diện trí huệ, biện tài và đạo đức: Ngài có trí huệ của một vị trưởng lão.

Kinh A Di Đà

Các phiên dịch của Ngài:

- Được chư Phật hộ niệm 諸佛護念.
- Được chư long thiên ủng vệ 龍天擁衛: tụ họp lại bảo vệ.
- Rất thịnh hành. Nhiều người thích thọ trì 人人歡喜受持.

Huyền Trang Pháp Sư của nhà Đường cũng dịch Kinh này ra tiếng Hoa. Hai bản không khác gì nhiều.

Ân Sư của tôi, cố Hòa Thượng Tuyên Hóa, trong quá trình đem Đại Thừa Phật Giáo qua nước Mỹ, đã thành lập ra Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, gồm Vạn Phật Thành và các chi nhánh, và Hội Dịch Kinh Phật Giáo (Buddhist Text Translation Society). Ngài cũng đã đào tạo rất nhiều nhân tài đệ tử. Bản thân tôi rất thành tâm cảm ơn công lao của họ trong việc phiên dịch kinh sách của Ngài Tuyên Hóa giảng ra tiếng Anh và Việt. Theo kinh nghiệm của tôi, sách họ dịch ra Anh ngữ thật sâu xa, và chính xác nhất hiện nay. Đó là vì người phụ trách thông dịch thật sự đã thông đạt các giáo lý đó. Đây là một việc mà dân trí thức không thể nào thực hiện được vì họ chỉ có thể hiểu ngôn ngữ nhưng không thể nào ngộ được ý của đức Phật.

Ngài Tuyên Hóa đã giảng Kinh này. Tôi cũng quyết định giảng Kinh này để cống hiến thêm một vài khía cạnh khác mặc dầu tôi tự biết sự hiểu biết còn quá nông cạn và thiển cận, nhưng phải giảng để:

1. Cố gắng trả ơn của thầy tôi: bằng cách gia tăng thêm kinh sách Đại Thừa ở phương Tây.

Thích Vĩnh Hóa

2. Trình bày thêm vài phương diện của Tịnh độ tông mà thầy tôi không có cơ hội làm. Vì thế, chúng tôi nghiên cứu rất nhiều chú giải khác của chư vị tổ sư và bậc giác ngộ. Sau lại kết hợp, giảng dịch thêm tư tưởng của họ và trình bày theo nhân sinh quan thời đại này.
3. Cố gắng giúp sáng tỏ nhiều quan niệm sai lầm về Tịnh độ tông, nếu không thì dân trí thức hoặc người thế hệ sau không khỏi nghĩ rằng Tịnh độ tông chỉ là mê tín dị đoan.
4. Chúng tôi chủ trương Thiền Tịnh đồng tu nên cố ý dùng danh từ và tư tưởng Thiền tông để làm sáng tỏ Pháp môn Tịnh độ.
5. Quý vị chắc đã để ý thấy rằng chúng tôi kèm theo nhiều khúc văn chữ Hoa để bảo tồn thâm ý của cổ nhân mà chúng tôi không đủ khả năng hiểu hoặc sợ có thể bị mất mát trong việc thông dịch.

Chúng tôi thành tâm thỉnh cầu chư Tôn Đức, Hòa Thượng Thượng Tọa và các Trưởng Lão tha thứ cho sự hiểu biết nông cạn và thiếu văn chương của chúng tôi. Mong chư vị thông cảm và từ bi chỉ dẫn cho để cùng cống hiến thêm cho Tịnh độ Đại Thừa.

Theo truyền thống, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách phân tách một cách đại khái nội dung của Kinh qua Ngũ Huyền Nghĩa của phái Thiên Thai.

Thiên Thai Ngũ Huyền Nghĩa:

- I. (Thích) Đề: Vô danh không thể hiện Pháp.
- II. (Biện) Thể: Danh hiện thể, then chốt của các nghĩa.

Kinh A Di Đà

- III. (Minh) Tông: Hội thể do tu hành. Tu hành cần tông chỉ.
- IV. (Luận) Dụng: Hội thể và tự hành đã viên mãn, sau khởi dụng lợi ích chúng sinh.
- V. (Phán) Giáo: bản vị trí trong Giáo lý: Tiêu Đại Quyền Thật v.v.

I. (Giải) Thích Đề :

Nguyên đề của Kinh là **Phật thuyết A Di Đà Kinh**.

Phật là Phật Thích Ca Mâu Ni, vị giáo chủ của cõi Ta Bà thế giới này.

Phật là đấng giác ngộ. Có ba loại giác ngộ:

1. Bồn 本 Giác: Phạm phu thường mê muội nhưng vốn có sẵn giác tính. Nhưng họ không biết như thế. Cho nên mới gọi là bồn giác. Mặc dầu họ không biết nhưng giác tính vẫn sẵn có. Đây là một bí mật mà các Phật tử cùng biết: chúng ta là Phật chưa thành. Nói một cách khác, chúng ta cùng một thể tính như mười phương chư Phật.
2. Thi 始 Giác: Phạm phu chúng sinh gặp được thiện tri thức và bắt đầu tu. Họ tụng kinh, nghiên cứu giáo lý, luyện thiền, niệm Phật và phát huệ. Nhờ vậy nên giác ngộ được bồn lai diện mục (our original face), giao hội với bồn giác: đây là thi giác.
3. Cứu Cánh 究竟 Giác. Bồn Giác thuộc về lý; Thi Giác thuộc về huệ (được phát ra từ giáo lý đã học). Tất cả chúng sinh vốn đã có bồn (nội) nhân để giác

Thích Vĩnh Hóa

ngộ (đã sẵn có giác tính). Họ có phước để gặp thiện tri thức và các ngoại duyên khác (ngoại duyên) để thực hiện được thi giác. Cuối cùng, khi sự giác ngộ đó vẹn toàn thì thành tựu được trí huệ của chư Phật: đó là Cứu Cánh Giác.

Ta Bà 娑婆 nghĩa là “kham nhẫn 堪忍: có thể chịu đựng được”. Về phương diện chư Phật, chúng sinh rất khó điều hóa nhưng đức Phật vẫn cam chịu được những khó khăn đó. Về phương diện của chúng sinh, họ quen cái khổ ở cõi này nên không muốn rời khỏi.

Trước kia, (lúc kiếp thứ nhất), theo “Khởi Thế Nhân Bản Kinh,” chư thiên từ cõi Quang Âm Thiên đến 光音天 Ấn Độ. Họ ăn vỏ trái đất, cũng được gọi là mỡ đất vì rất béo ngon. Ăn no nên sinh tham đắm nên không bay trở về lại cõi trời được; họ ở lại và sinh sản ra loài người. Bản gốc của họ là cõi trời Phạm Thiên.

Thích Ca Mâu Ni có nghĩa như sau:

- Thích Ca 能仁: năng và nhân. Ngài dùng từ tâm cứu độ chúng sinh. Ngài cũng rất có lòng đại bi: cố ý đến cõi ô uế này để giúp chúng ta thay vì trụ Niết Bàn mà hưởng lạc.
- Mâu Ni 寂默: Tịch và mặc. Tịch là không động dấy: tượng trưng cho cảnh định thâm sâu. Mặc, hoặc là im lặng, tượng trưng cho huệ (không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được) vì chư Pháp không thể nghĩ bàn được.

Kinh A Di Đà

- Thích Ca không lia Mâu Ni: trí huệ không tách rời từ bi; động không chia cách tịch. Vì thế Ngài quảng độ chúng sinh.

Có ba loại tâm bi:

1. Ái Quán Bi 愛觀悲: của phàm phu, thường có giới hạn. Nhất là họ không thể phát tâm bi cho loài khác.
2. Pháp Duyên Bi 法緣悲: tâm này bao gồm Ái Quán Bi. Nhị Thừa có tâm này dựa vào sự giác ngộ của duyên pháp. Họ thông đạt được cái Không và khởi tâm bi cứu khổ chúng sinh mà không chấp vào hạnh đó.
3. Đồng Thể Bi 同體悲: đây là tâm Đại Bi của đấng Giác Ngộ.

Chư Phật có Tam Thân (Báo Thân, Pháp Thân và Hóa Thân), Tứ Huệ (Đại Viên Kính Huệ, Bình Đẳng Huệ, Diệu Quán Sát Huệ, Thành Sở Tác Huệ) và Lục Thông (Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mệnh Thông, Thần Túc Thông và Lậu Tận Thông).

“Thân” hàm nghĩa “tích tập”. Chúng ta có cái thân này là do sự tích tập của nhiều quả báo. Ví dụ, kẻ giàu sang là đang hưởng quả bố thí trong quá khứ và nay được sinh trưởng vào chốn sung túc và thoải mái. Đức Phật thì khác. Ngài thì nghiệp tận thức không 業盡識空, nghĩa là không còn tạo nghiệp và hóa thức thành không. Vì thế nên Ngài có Tam Thân trong khi chúng ta chỉ có một thân.

Tam Thân của Phật là:

Thích Vĩnh Hóa

1. Pháp Thân: do lý tích tụ **理積聚**, thân tạo ra do sự tích tụ của Chân Như Lý Pháp **積聚真如理法以為身**. Chân Như viên mãn và thanh tịnh, phổ biến khắp nơi. Pháp cũng như thế. Đây là Tỳ Lô Giá Na Phật **毘盧遮那佛**, tiếng Phạn này nghĩa là “biến nhất thiết xứ **遍一切處**: có mặt khắp nơi”. Pháp thân vô thi vô chung.
2. Báo Thân: là trí huệ tích tụ **智慧積聚**, thân thành do sự kết hợp của Nhất Thiết Chúng Trí **積聚一切種智以為身** (đắc nhờ tu luyện). Trí huệ chân thật hiển lộ viên mãn và vô minh bị phá tan. Vì thế nên được gọi là Viên Báo Thân. Đây là Lô Xá Na Phật **盧舍那佛**; (vô cấu) tịnh và vẹn toàn (huệ) Phật. Báo Thân hữu thi vô chung.
3. Hóa Thân: do công đức tích tụ **功德積聚**, thân tạo ra do sự kết hợp của vô lượng công đức (cái dụng của trí huệ). Ví dụ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tu hành ba a tăng kỳ kiếp để tích tụ phước huệ. Sau lại tu tiếp thêm 100 kiếp để đắc 32 tướng hảo và 80 tùy hình. Hóa Thân hữu thi hữu chung.

Một số người tu có thần thông như Ngũ Nhân: Thiên Nhân, Nhục Nhân Nhân, Huệ Nhân (quán “chân lý”), Pháp Nhân (quán “tục lý”) và Phật Nhân.

Ngũ Nhân được mô tả qua câu kệ như sau:

Kinh A Di Đà

Thiên Nhân thông phi ngại

Nghĩa là: Thiên nhân nhìn thông suốt

天眼通非礙

Nhục Nhân ngại phi thông

Nghĩa là: Nhục nhân còn chướng ngại

肉眼礙非通

Pháp Nhân duy quán tục

Nghĩa là: pháp nhân do quán tục để (thấy được vô thường, khổ, không, vô ngã)

法眼唯觀俗

Huệ Nhân liễu chân không

Nghĩa là: Huệ nhân đạt chân không

眼了真空

Phật Nhân như thiên nhật.

Nghĩa là: Phật nhân như ngàn mặt trời

佛眼如千日

Chiếu dị thể hoàn đồng.

Nghĩa là: Đồng chiếu soi muôn pháp

照異體還同

“Thuyết” có những hàm nghĩa như sau:

- Đứng thời thì đức Phật dùng bát âm (giảng trong Kinh 42 Chương) và tứ vô ngại biện tài để giảng cho thánh giả.
- Ngài hoan hỷ thuyết về Pháp môn Tịnh độ vi diệu.
- Trong thâm tâm Ngài biết không có gì để nói, nhưng phải dùng phương tiện nói ra để giúp chúng sinh.

Thích Vĩnh Hóa

- Vì lòng từ mẫn thương xót sự khôn khổ của chúng sinh, Ngài giảng Pháp này cho đại chúng, gồm có các đại diện của tất cả cửu giới.

Năm loài hữu tình có thể giảng kinh:

1. Chư Phật
2. Đệ tử chư Phật
3. Chư thiên
4. Kẻ trường sinh
5. Hóa thân của chư thiên, Phật, Bồ Tát v.v...

Tất cả phải được đức Phật chứng minh trước khi giảng Pháp mới được gọi là kinh.

A Di Đà Phật là vị giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc. Sau sẽ giảng thêm.

A Di Đà là tiếng Phạn, có nghĩa là “vô lượng quang (ám chỉ huệ)”. Còn có nghĩa khác là vô lượng thọ (tượng trưng cho phước đức). Không phải chỉ có trí huệ và mạng sống vô lượng, mà công đức và thần thông của Ngài cũng vô lượng.

Trên nhân địa, Ngài vốn là một vị Chuyển Luân Thánh Vương. Được nghe Thế Tự Tại Vương Phật 世自在王佛 thuyết pháp, liền từ bỏ ngôi vua và xuất gia tu đạo. Ngài trở thành Pháp Tạng Tỳ Kheo 法藏比丘. Tỳ Kheo lập 48 đại nguyện trước Phật để trang nghiêm chánh báo và y báo của Phật độ. Nguyện thứ 12 nói rằng Phật mệnh vô lượng kiếp (ít nhất trăm ngàn ức na do tha kiếp 百千億那由他劫. Nguyện thứ 13 lại nói rằng Phật quang vô lượng. Nguyện 12 còn nói rằng Phật quang phổ chiếu ít nhất đồng số Phật độ.

Kinh A Di Đà

Nguyện 1: Phật độ không có địa ngục; nguyện 48: mười phương Bồ Tát khi nghe hồng danh của Ngài sẽ đắc đệ nhất, đệ nhị và đệ tam Pháp Nhẫn.

Sau khi thành tựu viên mãn tất cả đại nguyện hạnh, Ngài trở thành A Di Đà Phật.

Trong cõi Phật độ của Ngài, thời Chánh Pháp dài vô lượng kiếp. Không có thời Tượng và Mạt Pháp. Chánh Pháp biến mất trong thượng bán dạ 上半夜. Vào lúc hạ bán dạ, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ thành Phật, danh hiệu sẽ là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật 普光功德山王佛. Cõi Phật độ không còn gọi là Cực Lạc mà đổi thành Chúng Bảo Phổ Tích Trang Nghiêm 眾寶普集莊嚴.

Kinh: là danh từ chung để chỉ tất cả lời giảng của đức Phật. Nguyên gốc tiếng Phạn là Tu Đa La 修多羅 nghĩa là khế kinh 契經. Khế hợp với giáo lý 理 của tam thế (quá khứ, hiện tại và vị lai) chư Phật dạy ở trên, và ở dưới thích hợp với căn cơ 機 của chúng sinh trong cửu giới (chưa thành Phật).

Lời Phật dạy tương ứng với căn cơ của chúng sinh. Đặc biệt Kinh này dạy một Pháp môn đặc biệt để giúp chúng sinh lìa khổ đắc lạc trong một đời. Đây cũng là cách chữa trị các khốn khổ và phiền não của chúng ta một cách tận gốc. Chúng ta nên lợi dụng pháp này để tìm đường tắt đến Phật quả.

Kinh hàm chứa nhiều nghĩa:

Thích Vĩnh Hóa

1. Quán 貫: Là như sợi giây 線 có thể xuyên lại các giáo lý cho hợp lý và không tán loạn (có hệ thống).
2. Nhiếp 攝: nhiếp thọ những kẻ có thể được giúp đỡ họ khỏi bị đọa ác thú và thăng hoa tiến lên quả vị phật.
3. Thường 常: Lời dạy không thay đổi theo thời gian và không gian. Giáo lý này không khác gì những lời dạy của tam thế mười phương chư Phật.
4. Pháp 法: là phương pháp tu hành, thường để phát triển định lực. Phật Pháp được tôn trọng khắp mười phương. Chư Bồ Tát nương vào Pháp để chứng Phật quả.
5. Dũng tuyền 湧泉: vì Pháp vị vô tận như nước phun ra từ suối.
6. Thăng mặc 繩墨: Như giây mực của thợ mộc, dùng để vẽ đường thẳng hoặc hình vuông, kinh cũng có thể dùng để giúp phân biệt chánh tà.
7. Kính 徑: theo đường đi thì chóng đến mục tiêu.
8. Kiết man 結蔓: như vòng hoa kết, kinh nối kết những giáo lý một cách có thâm mỹ và khéo léo.

Đề kinh có thể được phân thành ba loại: nhân, dụ hoặc pháp. Kinh đề có thể:

1. Tam Đơn 三單 (đơn nhân lập đề 單人立題: như Kinh Phật Thuyết A Di Đà 佛說阿彌陀經, đơn pháp lập đề: như Đại Niết Bàn Kinh 大涅槃經, đơn dụ lập đề: như Phạm Võng Kinh 梵網經).

Kinh A Di Đà

2. Tam Phục 三複 (nhân pháp lập đề 人法立題: như Văn Thù Sư Lợi vấn Bát Nhã Kinh 文殊師利問般若經, nhân dụ lập đề: như Như Lai Sư Tử Hống Kinh 如來獅子吼經, Pháp dụ lập đề: như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 妙法蓮華經) và
3. Nhân Pháp Dụ cụ túc lập đề 人法喻具足立題 như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh 大方廣佛華嚴經: có đầy đủ cả ba.

Đề tựa kinh này thuộc loại đơn nhân lập đề.

II. Biện Thể

Kinh này lấy Thật Tướng làm thể.

Thật Tướng là vô tướng: Nó bất nhị, không ở trong, ngoài hoặc giữa, không thuộc quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, không trắng không đen, không ngắn cũng không dài, không vuông hoặc tròn, không phải là thính, xúc hoặc vị. Tìm nó thì không kiếm ra được. Bàn đến nó thì không thể diễn tả được. Nó có thể tạo vạn thể giới nhưng chúng ta không thể lường tượng được giới hạn của nó. Nó lia tất cả duyên và phân biệt, khác biệt với ngôn ngữ nhưng lại không khác biệt với ngôn ngữ. Nó tịch nhưng có thể động. Tịch và động bất nhị. Thân và Tịnh độ bất nhị. Tính và tu hành bất nhị.

Không có tướng (Chân Không) nhưng không có gì không có tướng (Diệu Hữu). Thật Tướng còn được gọi là Chân Như, Nhất Chân Pháp Giới, Như Lai Tạng Tính.

III. Minh Tông

Tịnh độ tông là đường tu tắt, có đầy đủ Tam Học và Lục Ba La Mật.

Tông chỉ được hàm chứa bao gồm tam tư lương của pháp môn Tịnh độ:

1. Tín,
2. Nguyện
3. Hành: trì hồng danh Phật.

Tín:

Tín được xếp hàng đầu vì nó là mẹ đẻ ra tất cả các công đức. Thiếu tín, chúng ta không thể nhập pháp môn này và lập nguyện vãng sinh Tây Phương Tịnh độ. Tín có nhiều phương diện khác nhau. 信則信自，信他，信因，信果，信事，信理

信自者，信我現前一念之心，本非肉團，亦非緣影；豎無初後，橫絕邊涯；終日隨緣，終日不變。十方虛空微塵國土，元我一念心中所現物。我雖昏迷倒惑，苟一念回心，決定得生自心本具極樂，更無疑慮。是名信自

Trước tiên, chúng ta phải có tự tín. Đương nhiên là chúng ta xứng đáng được vãng sinh vào Tịnh độ. Mặc dầu chúng ta chưa giác ngộ, nhưng vẫn có thể đời nghiệp vãng sinh (mang nghiệp cũ vãng sinh qua cõi Tịnh độ). Một khi đến cõi Tịnh

Kinh A Di Đà

độ, các nghiệp cũ không còn có thể tạo chướng ngại nữa và chúng ta có thể an toàn tu hành. Ngược lại ở cõi Ta bà này, chúng sinh luôn luôn bị đủ thứ cản trở và chi phối. Không muốn tu thì không sao cả. Khi phát tâm tu thì đủ thứ trở ngại khởi lên: Chẳng hạn như được thăng chức nên phải bỏ thêm thì giờ làm việc và không còn có thể đến chùa tu cuối tuần.

Về phương diện tâm linh, tin rằng chúng ta sẵn có tâm chân thật (nó khác với tâm phân biệt mà chúng ta dùng để tính toán, phân tích v.v...!) Tâm chân thật này vượt qua thời gian và không gian. Tất cả thế giới, ngay cả Tây Phương Cực Lạc, đều do tâm này hiện ra. Cõi Cực Lạc rất thanh tịnh trang nghiêm, do Pháp Tạng Tỳ kheo lúc còn tu Bồ Tát đạo phát nguyện lập ra để cứu độ chúng sanh

信他者，信釋迦如來決無誑語，彌陀世尊決無虛願，六方諸佛廣長舌決無二言。隨順諸佛真實教誨，決志求生，更無疑惑。是名信他。

Tiếp theo, chúng ta phải tin tha. Chân tâm hiện diện trong tất cả chúng sinh. Chúng ta vẫn còn mê muội nên chưa biết sử dụng nó thôi. Cho nên chúng ta nên tin vào tâm chân thật của chư Phật. Chúng sinh và chư Phật cùng có một thể tính. Tin vào Phật tức là tự tin vào chính mình.

Chúng ta phải thật sự tin rằng Phật Thích Ca và các Phật khác nói lời chân thật khi các Ngài khen ngợi pháp môn Tịnh độ. Các Ngài đang cố ý giúp chúng ta sớm đắc giải thoát.

信因者，深信散亂稱名，猶為成佛種子，況一心不亂，安得不生淨土。是名信因。

Thích Vĩnh Hóa

信果者，深信淨土，諸善聚會，皆從念佛三昧得生，如種瓜得瓜，種豆得豆，亦如影必隨形，響必應聲，決無虛棄。是名信果。

Tiếp theo, phải tin luật nhân quả. Chúng ta đã từng trồng vô lượng thiện căn để bây giờ có thể gặp pháp môn Tịnh độ. Chúng ta nên vững tin rằng niệm Phật trồng nhân cho vãng sinh. Chúng ta có thể tin rằng những vị thánh nhân đắc vãng sanh vào Tây Phương Cực lạc cũng là nhờ nhân niệm Phật. Vì thế chúng ta cũng nên noi gương họ mà cầu vãng sinh tìm sự an toàn. Tịnh độ không khác tịnh tâm. Tâm chúng ta bất tịnh vì ảnh hưởng của ác ngoại duyên. Vậy chỉ cần đắc vãng sinh thì dễ thanh tịnh tâm hơn vì Tịnh độ không có ác duyên. Vãng sinh là quả. Chúng ta nên thành thật tin là Tây Phương Cực Lạc thật sự có. Nếu chúng ta đắc được niệm Phật tam muội (nhân) thì chắc chắn sẽ được vãng sanh vào đó (quả). Cũng như chư tổ sư tuyên bố: ai niệm Phật cũng sẽ được vãng sinh (không sớm thì muộn).

信理者，深信十萬億土，實不出我今現前介爾一念心外，以吾現前一念心性實無外故。又深信西方依正主伴，皆吾現前一念心中所現影。全事即理，全妄即真，全修即性，全他即自。我心遍故，佛心亦遍，一切眾生心性亦遍。譬如一室千燈，光光互遍，重重交攝，不相妨礙。是名信理。

Tiếp theo, chúng ta nên tin lý. Nên tin rằng theo lý, vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc tương đối dễ hơn vì nhờ nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Hơn nữa, Tây Phương thế giới là từ

Kinh A Di Đà

chân tâm của Ngài hiện tướng ra.

信事者，深信只今現前一念不可盡故，依心所現十方世界亦不可盡。實有極樂國在十萬億土外，最極清淨莊嚴，不同莊生寓言。是名信事。 Chúng ta cũng nên tin sự. Tây Phương Cực Lạc thật sự có như chư Phật Bồ Tát đã tuyên bố. A Di Đà Phật có đại duyên thâm sâu với chúng ta. Ngài tạo ra cõi Tịnh độ đó để giúp chúng ta dễ thoát ly bánh xe luân hồi hơn.

如此信已，則娑婆即自心所感之穢，而自心穢，理應厭離。極樂即自心所感之淨，而自心淨，理應欣求。厭穢須捨至究竟，方無可捨。欣淨須取至究竟，方無可取。故《妙宗》云：取捨若極，與不取捨亦非異轍。設不從事取捨，但尚不取不捨，即是執理廢事。既廢於事，理亦不圓。若達全事即理，則取亦即理，捨亦即理。一取一捨，無非法界。

Kinh Hoa Nghiêm bàn về bốn loại pháp giới:

1. Sự vô ngại pháp giới **事無礙法界**.
2. Lý vô ngại pháp giới **理無礙法界**.
3. Lý sự vô ngại pháp giới **理事無礙法界**.
4. Sự sự vô ngại pháp giới **事事無礙法界**: trên nguyên tắc (lý) chúng ta đều có thể thành Phật và cuối cùng cũng sẽ (sự) đắc. Đó cũng như có ngàn bó đuốc

Thích Vĩnh Hóa

trong phòng, mỗi đũa phát quang và không chướng ngại gì nhau cả.

Nguyên:

願則厭離娑婆，欣求極樂

Sau khi có lòng tin thì nên phát nguyện thoát ly cõi Ta Bà này vì có quá nhiều đau khổ (đừng quên rằng phú quý cũng chỉ là giấc mơ!) và cầu sự an tịnh giải thoát của cõi Cực Lạc (được tạo và trang nghiêm bởi tâm thanh tịnh).

Bốn đại nguyện là nguyện chung xưa nay của tất cả những ai muốn đắc đạo Bồ đề:

1. Chúng sinh vô biên thề nguyện độ, theo Khổ Đế.
2. Phiền não vô tận thề nguyện đoạn, theo Tập Đế.
3. Pháp Môn vô lượng thề nguyện học, theo Đạo Đế.
4. Phật Đạo vô thượng thề nguyện đắc, theo Diệt Đế.

Lập nguyện rất quan trọng vì có thể giúp chúng ta sử dụng các tài nguyên một cách hữu hiệu hơn. Những chủng tử này được tích trữ trong A Lại Da thức và có công năng thúc đẩy công việc vãng sinh về cõi Tịnh độ. Nhất là những chủng tử đó sẽ tạo ra duyên lành để chư Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn chúng ta về Cực lạc quốc.

Tại sao chúng ta thất bại trong việc tu hành và vẫn còn quanh quẩn trong vòng luân hồi? Đó là vì phát nguyện chưa đủ quảng đại hoặc chưa đủ thành tâm. Nay muốn lập nguyện vãng sinh thì nên hiểu những khía cạnh như sau:

1. Chúng ta nguyện muốn vĩnh viễn thoát bánh xe luân hồi. Còn luân hồi thì còn rất nan giải vì mỗi lần đời

Kinh A Di Đà

thân thì hoàn toàn thiếu tự chủ. Những lúc đó, nếu chúng tử thiện thành thực thì có cơ hội sinh chỗ thiện như cõi người và trời. Ngược lại, nếu chúng tử ác thành thực thì sẽ bị đọa tam ác thú: cõi súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Nếu thiết sự hiền như vậy thì sẽ muốn thoát ly vòng luân hồi càng sớm càng tốt! Và cũng không còn tham lam phước báo thế gian nữa.

2. Lập nguyện hoành xuất (thoát ngang) Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới). Đừng nên tìm cầu được trời người ngưỡng mộ và phước báo hữu lậu.
3. Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh. Không nên tham cầu tư lợi hoặc an lạc cho chính bản thân thôi.
4. Nguyện đắc vãng sinh cõi Tịnh độ càng sớm càng tốt. Đừng tham lam những dục lạc của thế giới ngũ trước này vì nó chỉ làm cho chúng ta bị kẹt, và thất bại. Cuối cùng rồi nó cũng sẽ suy sụp và tiêu tán hết.
5. Nguyện thành thực căn cơ của chính mình. Chúng ta vốn có đầy đủ linh tính. Vì vô minh nên để bụi trần che lấp và phiền não làm chướng ngại. Nay được thân người, gặp Phật Pháp, biết Pháp môn Tịnh độ thì nên hiểu rằng mình có đại phước duyên, hãy quyết tâm thân cận A Di Đà Phật, nghe Ngài thuyết Pháp và đắc giác ngộ. Lần này không nên lại lỡ chuyến tàu nữa! Như có câu: “Phật tại tâm nhưng chúng sinh tìm ở ngoài. Họ mê muội cái chân và chạy theo giả nên lỡ cơ hội cả ngàn thu 佛在此心頭, 時人向外求, 迷真每逐妄, 錯過幾千秋”. Biết quán như thế thì có thể chí thành phát tâm lập nguyện cầu xin được đến nơi an toàn để tu.
6. Nguyện liễu khổ và đắc lạc. Khổ và lạc tương phản. Trong cõi Ta Bà này, chúng ta thường bị các khổ não

Thích Vĩnh Hóa

áp bức; trái lại, cõi Cực Lạc chỉ toàn là sự vui sướng an lạc mà thôi. Ở cõi này, thiên phước không vĩnh cửu: những lợi lạc của Dục Giới thiên và Nhất Nhị và Tam Thiên thiên cũng sẽ kết thúc: đó là hoại khổ. Ngay cả các cảnh giới của Tứ Thiên và Tứ Định, chúng ta tránh được cảm thọ khổ, lạc nhưng vẫn còn bị hành uẩn chi phối. Bất cứ ở cõi tiên nào, khi thiên phước tận thì cũng phải đọa. Như Thiên Sư Vĩnh Gia nói trong Chứng đạo Ca: “Bố thí và giữ giới tạo thiên phước; cũng như bắn tên lên trời, khi lực hết thì phải rơi xuống, đời sau ắt phải gặp khổ nạn”.

Có một Đạo sĩ tên là Lữ Thuần Dương 呂純陽 đến viếng thăm Thiên Sư Hoàng Long 黃龍禪師. Lữ trốn dưới chuông đồng lớn để nghe lóm lời giảng của thiên sư. Hoàng Long Thiên Sư biết và tuyên bố rằng có Pháp tặc. Lữ nghe, lập tức hiện ra nói: “Tôi đã đắc pháp trường sinh. Tại sao lại phải ăn cắp pháp của thầy?” Thiên Sư trả lời: “Đồ thủ thi quỷ 守屍鬼 (ma giữ thầy người)”. Lữ bắt mẫn và hỏi thêm: “Một hạt lúa chứa thế giới, nồi nấu cân nẫu Tam Thiên 一粒粟中藏世界, 半升鍋內煮三千: đó là cảnh giới gì vậy?” Thiên Sư đáp: “Nếu có thể sống cả 80.000 kiếp cũng chỉ không khác chết trong không 縱經八萬劫, 猶自落空亡”. Lữ lập tức tỉnh ngộ, bỏ Đạo giáo và quy y Tam Bảo. Kẻ tu pháp trường sinh không hiểu rằng trường sinh hoặc cuộc sống trên trời không miễn được khổ. Chỉ có pháp môn Tịnh độ mới có thể cho phép chúng ta tức tốc thoát sinh tử.

Kinh A Di Đà

7. Nguyên bất thối chuyển. Chúng sinh của Tây Phương Cực Lạc đều là a bi bạt trí 阿鞞跋致: “bất thối chuyển”. Ngược lại, trong cõi Ta Bà này, chúng sinh tạo ác nghiệp nên phải trả quả báo bị gặp nhiều chướng ngại. Tu hành ở đây như chèo thuyền ngược dòng: khó tiến dễ lùi. Đó là tại vì thiếu nguyên kiên cố để duy trì tín và hành. Vì thế, một tỷ người tu, ngay cả được một người thành công cũng rất khó. Phần đông bỏ cuộc vì thiếu ý chí hoặc vì gặp ma chướng và ác hữu.

Thông thường, họ chưa đạt được gì khả quan mà tử thần đã đến. Khi đội lốt khác thì quên hết và phải bắt đầu lại. Trong cõi ngũ trược này, tu hành rất khó thành tựu trừ phi có đại thiện căn và chính tri kiến. Hoặc có căn cơ, nhưng nếu không thuận duyên, thì sẽ bỏ bê việc tu hành. Hoặc gặp duyên may trong đời thì thường đeo đuổi vật chất quyền thế.

Ngay cả các vị Thập Tín Bồ Tát, dầu đã phát tâm tu hành, cũng có lúc tiến bộ có lúc thoái bộ. Như sợi lông trong không trung, Bồ Tát tu Thập Tín phải trải qua vạn kiếp thì tín tâm mới thành, thiện căn thành thực và có thể chứng Sơ Trụ, như thế mới đắc vị bất thối.

Nếu biết niệm Phật và đắc vãng sinh về cõi Cực Lạc, thì sẽ lập tức chứng tam bất thối.

8. Nguyên được hóa sinh trên liên hoa và kiến Phật. Thì sẽ không lãng phí kiếp sống này. Kinh Pháp Hoa nói: “Đức Phật xuất thế, hiếm như hoa Ưu Bát La utpala

Thích Vĩnh Hóa

優鉢羅華”. Chúng ta sinh vào thời Mạt Pháp sau khi đức Phật đã nhập Niết Bàn. Vậy mà vẫn có đủ phước để đắc thân người và gặp pháp môn Tịnh độ. Vậy nên dựa cơ hội, phát tâm Bồ Đề, nguyện hóa sinh trên hoa sen vàng và kiến Phật.

Vào đời Tống, có vị Tỳ Kheo tên là Hoài Ngọc 懷玉. Ông tinh tấn tu tịnh hạnh rất lâu ở trên Thiên Đài Sơn. Một hôm nọ, thấy Phật A Di Đà hiện ra trong không trung, thiên nhạc hòa tấu, và tay cầm đài sen bạc đến đón về cõi Tịnh độ. Thầy chợt hiểu rằng ân huệ đó là do một đời đã thành tâm niệm Phật. Nhưng chưa phải đúng theo nguyện vọng nên thầy không chịu theo Phật A Di Đà về. Ông ta biết rằng tu hành còn chỗ khiếm khuyết nên càng tu tinh tấn hơn nữa. Ba tuần sau, lại thấy Phật A Di Đà thân vàng sáng rực đem đài sen bằng vàng đến và nói: “Nguyện vọng của con nay đã thành tựu”. Thầy chấp tay, ngời kiết già và vãng sinh. Trong không trung, nhạc trời không người đánh mà tự trỗi lên. Mọi người nghe đều thích thú. Một người đệ tử của thầy làm quan, rất cảm động nên làm bài thơ kể lại chuyện. Chuyện này có thật và được ghi chép trong sách sử Trung Hoa.

Vấn: Thầy chủ trương dùng Pháp bài vị vãng sinh để tích tụ phước vãng sinh. Pháp bài vị vãng sanh này không cần chờ sau khi qua đời mới thỉnh vị:

1. Muốn tích trữ đầy đủ phước để sử dụng khi lâm chung, là lúc cần nhất,
2. Dọn đường cho vãng sanh hoặc
3. Nâng cao phẩm vị vãng sanh.

Vậy nếu chúng ta có quá nhiều phước thì có bị chết sớm không?

Kinh A Di Đà

Đáp: Đúng, bài vị vãng sanh có 3 điều lợi như thế tôi nghĩ là những người có nhiều phước (có lòng tin thanh tịnh) nên dùng Pháp Đại Thừa đặc biệt của thế vãng sinh để tích tụ phước sớm như thường lệ vì:

1. Những kẻ cần gặp Diêm Vương sau khi mất, nếu có nhiều phước thì dễ đắc vãng sinh hơn,
2. Pháp có thể giải quyết những nghiệp chướng (như oan gia trái chủ) thường cản trở sự vãng sinh.
3. Nhiều phước thì phẩm vị vãng sanh cao hơn.

Có nhiều phước vãng sinh chưa chắc sẽ làm thọ mạng ngắn hơn như một số người sợ. Không bắt buộc quý vị phải đi nếu chưa muốn. Câu chuyện Hoài Ngọc thiền sư là một minh chứng.

Chúng tôi có một vị thí chủ tuổi hơn ngũ tuần. Ông ta đã thành tâm cúng dường cho Chánh Pháp Đại Thừa hơn hai mươi năm. Gần đây, ông bị ung thư ruột già và phải cần mổ. Ông ta rất lo vì giải phẫu có thể làm mất mạng. Chùa Chánh Pháp Đại Thừa của ông không cho phép thỉnh bài vị vãng sinh trước nên ông ta đến chùa chúng tôi thỉnh, nói rằng: “Con biết thầy khuyên chúng con nên thỉnh bài vị vãng sinh trước, con cứ đinh ninh không có gì cấp bách cả. Nhờ thầy làm bài vị giùm để lỡ con không thoát qua nỗi cái ải này.” Hai tuần sau giải phẫu thành công. Công phu của ông ta cao đến độ chỉ vài ngày ra khỏi nhà thương, ông có thể tới chùa tu học cuối tuần như thường lệ. Ông ta kể rằng lúc đang cận kề với cái chết ở phòng intensive care unit, tâm hoàn toàn hỗn loạn thấy nhiều sự kiện kinh hoàng thì bỗng nhiên sư phụ người Hoa của ông và vị Hộ pháp của chùa đứng trước mặt một bên. Sự lựa chọn là do quý vị: không cần đi nếu chuẩn bị chưa xong.

Thích Vĩnh Hóa

Hành: Trì hồng danh Phật.

行則執持名號，一心不亂

Nguyện lực còn yếu thì sẽ không dẫn đến sự thực hành nghiêm túc. Hành như để thanh thủy ngọc vào bùn, nước bùn sẽ trong. Cũng như hồng danh Phật để vào tâm tán loạn thì tâm tán loạn thành tâm Phật 清珠投于濁水，濁水不得不清；佛號投於亂心，亂心不得不佛也。 Hành tăng trưởng lòng thành.

Có bốn phương pháp niệm Phật:

1. Quán Tưởng niệm Phật (觀想念佛; giảng trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ): như quán Báo Thân theo kệ tán A Di Đà. Kinh Quán liệt kê ra 16 pháp quán.
2. Quán Tượng niệm Phật (觀像念佛; theo Ban Chu Tam Muội Kinh 般舟三昧經): chọn một tượng Phật A Di Đà mà mình thích, vừa niệm Phật vừa ngắm tượng.
3. Trì Danh niệm Phật (持名念佛; thích hợp nhiều căn cơ hơn). Pháp môn này thịnh hành nhất. Cứ tiếp tục niệm Phật để thanh tịnh tâm và sẽ nhập định.
4. Thật Tướng niệm Phật (實相念佛). Đây là cách niệm Phật của đấng giác ngộ.

Pháp môn Tịnh độ không phải chỉ có như trên. Còn có thể:

5. Lễ bái (禮拜; đệ nhất Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện).

Kinh A Di Đà

6. Cúng Dường (供養; đệ nhị và tam Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện).
7. Sám Hối (懺悔; Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện thứ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10).

Sau rốt, chúng ta luyện niệm Phật để đắc “nhất tâm bất loạn” hoặc nói cách khác, nhập niệm Phật tam muội. Được như thế thì chắc chắn sẽ đắc vãng sinh kiếp này.

Cần phải hành nếu muốn vãng sinh. Hành thì phải lực hành 力行, cần tốn sức lao công. Có thâm tín (lòng tin thâm sâu) và nguyện chí thành thì mới gia công gắng sức, tận lực tu hành.

Trên đây là Tịnh độ pháp môn tam tu lương. Không khác gì ba chân của lu hương: không thể thiếu bất cứ một chân nào cả.

Hành có hai phương diện:

1. Sự hành 事行.
2. Lý hành 理行.

Sự hành thuộc về sự tướng 事行屬於事相. Chúng ta dùng tâm (năng 能) có thể niệm hồng danh Phật (sở 所). Năng sở phân minh (能所分明). Khi tâm và Phật (năng và sở) tương ưng thì tâm bất ly Phật 心不離佛 và Phật bất ly tâm. Niệm tư tại tư 念茲在茲: niệm niệm rõ ràng, minh bạch và liên tục không gián đoạn. Dẫu là đi, đứng, nằm hoặc

Thích Vĩnh Hóa

ngồi tâm không rời hồng danh Phật. Chuyên tâm khứ vọng 專念去妄: sự chú tâm đuổi các vọng tưởng, như hồ đông ngăn nước chảy 使心如寒潭止水. Lúc đó Phật như mặt trăng mùa thu trong không trung, sáng ngời và bất động 湛然不動. Và chúng ta có thể nhập định. Cảnh giới này được mô tả trong thơ Hàm Sơn 寒山詩:

“Ngô tâm tự thu nguyệt 吾心似秋月,

Nghĩa là: tâm tôi như trăng mùa thu,

Bích đàm thanh kiểu khiết 碧潭清皎潔.

Nghĩa là: như hồ xanh, thanh khiết.

Vô vật kham tỉ luân 無物堪比倫.

Nghĩa là: không có gì có thể so sánh được.

Giáo ngã như hà thuyết 教我如何說!

Nghĩa là: dạy tôi làm sao diễn tả!”

Cảnh giới của niệm Phật nhất tâm bất loạn như tay nối tay thông qua ngực: trì giữ hồng danh trong tâm không quên, cho đến độ không một tư tưởng nào khác còn khởi lên. Dòng tư tưởng tạp loạn không còn nữa, không có một tư tưởng, ý nghĩ gì khác ngoài hồng danh A Di Đà Phật liên tục không gián đoạn 念念相續, 無雜無間. Đây mới là chân tinh tấn!

Lý hành thuộc về lý tính 理行屬於理性. Tâm niệm Phật không chấp Hữu cũng không chấp Không. Nó vô trụ nhi trụ: trụ mà không trụ 無住而住; trụ ư trung đạo chi lý tính trung 住於中道之理性中: trụ trong lý tính của Trung Đạo. Khi giác ngộ mới biết rằng ngoài cái tâm (năng) niệm

Kinh A Di Đà

Phật thì không có Phật (sở) có thể được niệm 能念心外, 無有佛為我所念. Ngược lại ngoài đức Phật đang được niệm 所念佛外, không có tâm có thể niệm 亦無有心能念佛. Năng sở song mẫn 能所雙泯: năng và sở đều biến mất. Tâm Phật nhất như 心佛一如: tâm và Phật thành một. Lúc đó tâm tức là Phật 心即是佛, Phật tức là tâm. Vô hữu nhị tướng 無有二相: không còn hai tướng, bất nhị. Và sẽ ngộ rằng không có gì đáng chấp 了無所著.

Cổ nhân nói:

“Hốt nhiên niệm khởi Di Đà Phật 忽然念起彌陀佛;

Nghĩa là: Bỗng nhiên khởi niệm Di Đà Phật;

Bình địa, vô phong, tự tác ba 平地無風自作波;

Nghĩa là: đất bằng, không gió mà sóng tự khởi lên;

Niệm niệm tiêu quy vô niệm niệm 念念消歸無念念;

Nghĩa là: niệm niệm tiêu tan về vô niệm niệm;

Khởi tri vô niệm diệc vi đa 豈知無念亦為多!

Nghĩa là: ngay đến khởi biết vô niệm cũng quá nhiều!”

Khi đạt được cảnh giới này, chỉ còn “nhất phiến Không linh”

一片空靈: linh hồn thành một khối không, và lý tính tự

hiện 理性自現: lý tính tự xuất hiện.

Tịnh độ tam yếu thuật nghĩa 淨土三要, do Lạc quý hòa 駱季和 khai thị, phân loại niệm Phật ra:

1. Chánh hành 正行

Thích Vĩnh Hóa

2. Trợ hành 助行.

Chánh hành gồm tám loại:

1. Nhiếp tâm niệm 攝心念: Niệm Phật mọi nơi không quên lãng, không nghĩ gì khác, ngay lúc ngủ cũng không ngừng niệm Phật.
2. Dũng mãnh niệm 勇猛念: Với lòng can đảm (không biết sợ) và mãnh liệt (dùng hết sức): không có gì cản trở nổi.
3. Thâm tâm niệm 深心念: Dầu biển sâu nhưng chúng ta phải mò tới đáy; đường giác ngộ có vẻ còn xa nhưng chúng ta phải đến và không nên ngừng nghỉ. Về phương diện hành trì, tâm như đại dương sâu không thấy được đáy, hồng danh A Di Đà Phật càng lúc càng đi sâu vào tâm, nói cách khác mình đi vào trong.
4. Quán tưởng niệm 觀想念: niệm niệm quán 32 tướng hảo và 80 tùy hình.
5. Tức tâm niệm 息心念: Tiêu trừ cái tâm cầu danh lợi, mưu đoạt quan vị, thích phóng dục hưởng thụ, đam mê việc thế gian, tham ái tình, ngạo mạn, thường che đậy, và phân biệt tự tha, phải trái trong lúc niệm Phật.
6. Bi đê niệm 悲啼念: Mỗi lần tôi nghĩ đến Phật, thân lông tôi dựng đứng 身毛豎, ngũ tạng (五臟 = 心 tim · 肝 gan · 脾 lách · 肺 phổi, 腎 thận) như bị xé 五內裂, chợt nhớ đã từng quên công cha mẹ (nghĩa là: trả hiếu) 如憶少背父母, đứa con bất hiếu này (đã hiểu biết hơn và) thật tưởng nhớ song thân (đã qua

Kinh A Di Đà

đời) 及多慧亡兒. Lập nguyện chóng thành tựu việc tu hành để có thể giúp người. (Nhất là những người thân, sợ họ qua đời quá sớm mình không làm gì được).

7. Phát phần niệm 發憤念: Quyết tâm niệm do sự nổi giận hoặc thất vọng. Không khác gì bị thi hỏng Khoa Cử 科舉 (khóa thi đặng quan thời xưa) và bị ruồng bỏ mặc cho đói lạnh 如落第孤寒. Vì tài năng bị ruồng bỏ, nên cảm thấy cô đơn chán chường 負才寂寞. Mỗi tư tưởng bức bách và không còn thú vị sống 每一念及, 殆不欲生. Dùng cái tâm chán sống này niệm Phật thì dễ nhất tâm vì đã dừng dung với tất cả sự đời.
8. Nhất thiết niệm 一切念: 見聞覺知 Kiến (thấy), văn (nghe), giác (ngộ) và tri (biết), 及毛孔骨髓 ngay cả chân lông, xương tủy, 無一處不念佛 không một chỗ nào không niệm Phật. 如此念佛 Niệm được như thế, 方謂淨念 mới đáng gọi là tịnh niệm.

Trợ hành gồm có sáu loại:

1. Tịnh đức 淨德: Ngoài niệm Phật ra, chúng ta nên làm thiện, trồng phước và hồi hướng trang nghiêm Tây Phương Tịnh độ.
2. Tịnh giới 淨戒: Các tịnh Pháp dựa trên tịnh giới. Trước khi nhập Niết Bàn đức Phật cân nhắc các đệ tử

Thích Vĩnh Hóa

- phải tôn giới làm thầy. Kinh Quán nói rằng trong công việc tu tam phước, giữ giới thanh tịnh và oai nghi là thượng thủ: đứng đầu.
3. Tịnh sám 淨懺: Kinh nói rằng “tâm trước tạo nghiệp như mây che khung trời; tâm sau tiêu trừ nghiệp như bó đuốc đuổi bóng tối”. Sám hối gồm có nội sám 內懺, ngoại sám 外懺, sự sám 事懺, lý sám 理懺 v.v...
 4. Tịnh quán 淨觀: Ngoài niệm Phật ra, chúng ta cũng nên dùng quán Pháp để đánh bóng gương tâm và làm nó thanh tịnh. Có thể dùng các Pháp quán như Bát Tịnh Quán 不淨觀, Đối Trị Quán 對治觀, Tàm Quý Quán 慚愧觀, Từ Bi Quán 慈悲觀 v.v...
 5. Tịnh xứ 淨處: Chúng ta niệm Phật để thoát ly bụi trần. Vậy nên biết chán ghét 厭 chỗ ác và tìm chỗ thuận tiện cho việc tu hành. Chúng ta nên xa lánh 離 chỗ ồn ào, đông đúc, hỗn loạn, tránh nơi tiêu khiển và rượu chè, và cắt đứt các sự ràng buộc của ân huệ và yêu thương.
 6. Tịnh lữ 淨侶: Lữ là người đồng hành. Không thể thực hiện bốn năng với ác hữu; không thể cản ác pháp nếu thiếu thiện hữu. Nó như hai bánh xe của xe chở đồ: không thể thiếu bất cứ bánh xe nào. Nên thân cận thiện hữu nếu họ thích tịnh xứ như núi cao, giữ tịnh giới, có trí huệ thâm sâu, tính tình khiêm tốn, kiên nhẫn v.v. Tránh xa ác hữu, nếu không, sẽ bị hại hoặc mất tâm đạo.

Kinh A Di Đà

Kẻ tu pháp môn niệm Phật nhưng chưa thanh tịnh tâm sẽ gặp mười loại chướng ngại:

1. Tín chi bất đốc **信之不篤**: Thiếu tín tâm, không đủ lòng tin, có sự nghi ngờ về pháp môn niệm Phật, chẳng hạn như: Thật không? Ai cũng có thể vãng sanh được sao? Đừng nghi ngờ! Chúng ta nên tin tưởng những gì Phật nói. Nếu không có sự thật Phật không bao giờ nói như vậy.
2. Hành chi bất dũng **行之不勇**: Hành không can đảm, niệm Phật mà vẫn còn sợ.
3. Phát nguyện bất thiết **發願不切**: Không thành tâm phát nguyện, phát nguyện thiếu thành thật, thấy ai cũng tu Tịnh độ, mình cũng nên tu Tịnh độ. Hãy phát nguyện vãng sanh vì mình muốn vãng sanh chứ không phải vì lý do nào khác.
4. Du du mặc niệm **悠悠默念**: Vừa niệm Phật vừa bị phiền não.
5. Tâm duyên thế sự **心緣世事**: Còn tham lam đeo đuổi nhiều chuyện không quan trọng, có gì quý hơn và quan trọng hơn niệm A Di Đà Phật.
6. Ái tăng bất trừ **愛憎不除**: Chưa trừ yêu hận, bị chi phối, bị hao sức, nuôi lửa giận trong người.
7. Bàng cập ngoại tịch **旁及外籍**: Theo ác hữu và tin kinh điển tà đạo, kinh điển ngoại đạo chướng ngại cho việc tu hành. Tại sao như vậy? Họ làm mình lạc đường.
8. Đam trước ngâm vịnh **耽著吟詠**: Đam mê ca ngâm, thích ca hát, mấy bài nhạc nó trôi lên, âm điệu của nhạc không cho phép mình nhập định.

Thích Vĩnh Hóa

9. Nhân giảng tạp thoại 閒講雜話: Chẳng hạn như người nhiều chuyện, người ngồi lê đôi mách.
10. Vô nhất tâm bất loạn chi tịnh công 無一心不亂之靜功 và không chịu lập chí, không tinh tấn tu để chứng đắc 無立意剋期取證: Thiếu công phu nên khó đắc nhất tâm bất loạn hoặc chọn phương pháp sai. Nếu tu đúng pháp, càng ngày càng ít vọng tưởng và tiến tới nhất tâm.

Bồ Tát Giác Minh Diệu Hằng Hạnh 覺明妙恆行菩薩 mô tả thượng phẩm niệm Phật như sau:

1. Tâm vốn vô niệm 心本無念: không có một niệm nào cả. Niệm theo tưởng mà sinh 念逐想生 (tưởng là sự nhận thức nhờ ngũ giác quan). Cái tưởng này hư giả và tạo nhân để đọa vòng luân hồi.
2. Câu niệm Phật không khởi từ tưởng 不從想起, không nhờ niệm mà có 不從念有, không trụ ở trong hoặc ngoài 不住內外, không có tướng mạo 無有相貌 và tức là sự cùng tận của vọng tưởng 即是盡諸妄想.
3. Chân thân của chư Phật 真實之身 thanh tịnh 清淨, vi diệu 微妙, phi nhất phi nhị 非一非二: không một không hai, bất khả phân biệt 不可分別.

Kinh A Di Đà

4. Những kẻ có thể niệm như thế sẽ không bị phiền não và bụi trần chuyền. Họ có thể ngừng cái tâm này 止是一心 và nhất định sẽ đắc nhất tâm 必得一心.
5. Vậy thì có thể coi là chấp trì danh hiệu 方得名為執持名號, hoặc nhất tâm bất loạn 一心不亂. Tịnh nghiệp công phu đã thành 淨業功成 và có thể đi thẳng đến thượng phẩm 直趣上品.
6. Niệm như thế còn có thể gọi là:
 - a. Thanh Tịnh niệm 清淨念. Tức là niệm Phật với tâm cực kỳ thanh tịnh.
 - b. Minh Triệt niệm 明徹念. Tâm niệm Phật sáng rõ và không tán loạn.
 - c. Quang Diệu niệm 光耀念. Vì huệ quang chiếu sáng ngời.
 - d. Thật Tướng niệm 實相念. Niệm như vậy là chân thật nhất.
 - e. Viên Dung niệm 圓融念. Chúng ta niệm Phật với tâm bao dung tất cả và không từ bỏ ai.
 - f. Vô Phân Biệt niệm 無分別念. Tâm niệm Phật không còn phân biệt. Óc suy nghĩ ngừng làm việc.
 - g. Ly Trần niệm 離塵念. Ở trình độ này, chúng ta có thể đắc vãng sinh và thoát bụi trần.
 - h. Bất Tư Nghị niệm 不思議念. Lợi lạc của trình độ niệm Phật này thật không thể nghĩ bàn được.

Thích Vĩnh Hóa

- i. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đệ niệm 第一義畢諦念.
Niệm như thế tương ứng với giáo lý của đức Phật dạy về tự tánh Chơn Như.

Tóm lại, tam tư lương của Pháp môn Tịnh độ là:

1. Tín: Chúng ta nên tin
 - a. Nhất là vào trí huệ và nguyện lực của Phật.
 - b. Bản thân: chúng ta rất nhiều phước nên mới có thể trùng phùng (gặp) Pháp môn Tịnh độ Đại Thừa này.
 - c. Pháp môn Tịnh độ có thể giúp chúng ta sớm thoát sinh tử.
2. Nguyện: tin rồi thì nên phát quảng nguyện
 - a. Để dốc vận tài nguyên.
 - b. Để có tự chủ.
 - c. Để làm mạch sống đời đời kiếp kiếp.
3. Hành: Tinh tấn tu hành để đắc chứng
 - a. Để tăng trưởng phẩm vị.
 - b. Để phát triển tam muội.
 - c. Để giúp đời và người.

IV. Luận Dụng

Kinh này có năng lực ban bất thối. Hơn nữa còn có công dụng giúp chúng sinh đắc vãng sinh.

A La Hán còn có “trụ thai chi hôn” và Bồ Tát lại bị “Cách ẩm chi mê”. Trừ phi họ gặp được thiện tri thức, nếu không thì sẽ thối chuyển đời đời kiếp kiếp và khó mà phát tâm Bồ Đề. Nói chung, rất dễ thối chuyển.

Kinh A Di Đà

Có bốn loại bất thối chuyển:

1. Vị bất thối chuyển: không thụt lùi về trình độ, nghĩa là không còn thụt lùi về trạng thái của phàm phu nữa. Đây là nhờ có thể đới nghiệp vãng sinh vào cõi Phạm Thánh Đồng Tu Tịnh độ.
2. Hạnh bất thối chuyển: không thối lùi về Pháp tu. Chúng ta đặc vãng sinh về cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ và sẽ không bao giờ thụt lùi lại trình độ của phàm phu.
3. Niệm bất thối chuyển: Tâm không bao giờ khuyết chánh niệm. Chúng ta đặc vãng sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh độ và không bao giờ thối lui xuống cảnh giới Nhị Thừa.
4. Cứu Cánh bất thối chuyển: Nghe hồng danh Phật đầu chỉ một lần thôi, đầu chuyên tâm hay tán loạn, có lòng tin hoặc thiếu lòng tin, đầu hiểu hoặc không hiểu, chủng tử được vĩnh viễn tích trữ vào A Lại Da thức, và sẽ tạo nhân duyên đưa đến đặc giải thoát trong tương lai. Khi tất cả vô minh cùng tận, chúng ta có thể chứng Cứu Cánh Bất Thối và đặc vãng sinh về cõi Thường Tịch Quang Tịnh độ.

Dân cư trú bốn cõi Tịnh độ đều đặc bất thối.

Có bốn loại Tịnh độ:

1. Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh độ 梵聖同居土. Phàm phu chưa đoạn kiến tư hoặc. Thánh chỉ hàng Sơ quả cho đến Tam quả A La Hán. Họ đồng cư lẫn lộn nhau không có phân biệt. Có hàng người trời nhưng không có tứ ác thú: A Tu La, ngựa quỷ, súc sinh và địa ngục.

Thích Vĩnh Hóa

Ngay cả ngoại đạo và thiên ma cũng nhập chánh định, không có tà định.

Tóm lại, những kẻ dưới Tứ quả A La Hán đắc vãng sinh vào cõi này 若執持名號，未斷見思，隨其或散或定.

2. Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ 方便有餘土: dành cho kẻ đã đoạn được kiến và tư hoặc nhưng chưa đoạn trần sa hoặc. Họ đã đắc được sự nhất tâm bất loạn; sự chỉ niệm Phật tướng.

A La hán và Bích Chi Phật sinh vào cõi này 若持至事一心不亂，見思任運先落.

3. Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh độ 實報莊嚴土: dành cho những kẻ đã đắc được lý nhất tâm bất loạn. Họ đã đoạn cho đến 41 phẩm vô minh. Lý ám chỉ chân lý: tâm tức là Phật, ngoài tâm không có Phật, niệm mà không niệm, tịch và bất động.

Bồ Tát đắc vãng sinh về cõi này 若至理一心不亂，豁破無明一品，乃至四十一品.

4. Thường Tịch Quang Tịnh độ 常寂光土: đây là cõi Niết Bàn của chư Phật.

Ngoại trừ Thường Tịch Quang Tịnh độ, mỗi cõi có chín phẩm vị vãng sinh. Có bốn loại Tịnh độ nhưng cũng không ngoài tâm.

V. Phán Giáo

Kinh A Di Đà

Giáo lý này thuộc về Kinh Tạng và Bồ Tát Thừa.

Suy luận ra, không thuộc thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã và Pháp Hoa vì có thể độ tam căn (độn, trung và thượng). Vậy nên thuộc thời Phương Đẳng. Nhưng hàm chứa Viên và Đôn giáo.

Kinh còn thuộc Vô vấn tự thuyết bộ. Đó là vì không một vị đệ tử của đức Phật có đủ trí huệ để thỉnh giáo pháp Tịnh độ. Vì thế nên đức Phật quyết định giảng mà không được thỉnh.

Một đặc điểm khác của Kinh là sẽ biến mất cuối cùng. Trước tiên, kinh Thủ Lăng Nghiêm sẽ mất vì không còn ai tin là nó thật. Không còn Kinh Thủ Lăng Nghiêm nên không còn ai tụng chú Lăng Nghiêm. Rồi dần dà, các Kinh khác cũng biến mất. Chữ bỗng nhiên biến mất trên trang giấy. Kinh Phật Thuyết A Di Đà này sẽ biến mất sau cùng hết. Nó tồn tại trên thế gian khoảng trăm năm cuối cùng để cứu độ vô lượng chúng sinh: lúc đó chỉ cần tụng Kinh một biến là đắc vãng sinh. Sau đó chỉ còn câu “Nam Mô A Di Đà Phật”. Câu niệm Phật tồn tại và hiện ra trên không trung nhưng nghiệp báo chúng sinh quá nặng nên không ai chịu niệm, những kẻ niệm Phật một lần thôi thì tức tức đắc vãng sinh. Tiếp theo, chỉ còn câu “A Di Đà Phật” tồn tại trăm năm nữa, cứu độ vô lượng chúng sinh. Sau đó thì Phật Pháp thất truyền.

Có ba loại hoặc:

1. Kiến tư hoặc 見思惑, còn được gọi là hoặc của “tôi không thấy”.
2. Trần sa hoặc 塵沙惑; cũng được gọi là hoặc của “tôi không biết” (không có sự hiểu biết chân chính).

Thích Vĩnh Hóa

3. Vô minh hoặc 無明惑. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phần sinh tướng vô minh 一分生相無明. Sau khi bị hủy diệt thì sẽ đắc Diệu Giác của chư Phật.

Kiến hoặc chỉ về tham dục ngoại vật. Thay vì thấy ngoại vật là không lại coi là thật. Có tất cả 88 loại kiến hoặc. Kiến hoặc bao gồm Ngũ Lợi Sử 利史:

1. Thân Kiến 身見: Do vì không hiểu rằng thân chỉ do các nhân duyên giả hợp mà thành. Bản thể vốn là không.
2. Biên Kiến 邊見: Hoặc tin “Thường” (ví dụ như tin rằng một khi làm bò thì sẽ luôn luôn làm bò) hoặc “Diệt” (tin rằng tất cả sẽ trở về cát bụi khi chết; cho nên cứ tha hồ tiếp tục vui chơi vì tạo nghiệp không có hậu quả gì cả).
3. Tà Kiến 邪見: Không tin luật nhân quả. Nhiều người đã không những không tin nhân quả mà còn xúi kẻ khác, phủ định có nhân quả luôn. Bọn họ chắc chắn sẽ đọa địa ngục và không ít mây may có cơ hộ đắc vãng sinh cõi Tịnh độ.
4. Giới Thủ Kiến 戒取見: Không phải là nhân mà coi là nhân. Nhiều ngoại đạo tuân theo giới luật nghiêm khắc quá độ và vô lý vì tin rằng làm thế sẽ được sinh vào cõi tốt. Ví dụ, một vài vị tu theo Ấn Độ giáo và mở Thiên Nhân. Họ thấy con chó chết và được sinh lên cõi trời, nên tưởng lầm là bắt chước hành động của chó sẽ giúp thăng thiên. Họ bèn thường gặm xương, sữa, đuối đuối v.v. Họ không hiểu rằng thăng thiên là do hành Thập Thiện.

Kinh A Di Đà

5. Kiến Thủ Kiến 見取見: Không phải quả mà cho là quả. Đây là trường hợp của Vô Văn Tỳ Kheo. Ông ta đạt Tứ Thiên và liễu luôn cả những tư tưởng tế nhị. Ông ta lại tưởng là đã đắc Tứ quả A La Hán. Lúc lâm chung, ông ta thấy đệ bát thức rời thân nên phỉ báng đức Phật, trách Ngài đã lừa dối đệ tử khi nói rằng vị A La Hán đã liễu sinh tử. Nói cách khác, ông ta mê muội về quả, tưởng lầm đã đắc một cảnh giới mà thật sự còn cách rất xa! Vì tội phỉ báng Phật nên vị này lập tức đọa xuống địa ngục để chịu khổ quả.

Tư hoặc là khởi óc phân biệt do mê muội về chân lý. Có tất cả 81 loại. Tư hoặc bao gồm Ngũ Độn Sử 頓使:

1. Tham: Muốn nhiều thứ, không bao giờ biết đủ.
2. Sân: Dễ nổi giận.
3. Si: Mê muội về chân lý.
4. Mạn: Kinh nói rằng đời Mạt Pháp chúng sinh thường ngạo mạn.
5. Nghi: Chân Lý thì không tin nhưng tà giáo thì rất tin.

Ngũ giáo thời là (Phật xuất gia lúc 19 tuổi, thành Đạo lúc 29 tuổi, nhập Niết Bàn lúc 80 tuổi):

1. Thời Hoa Nghiêm: dạy nội trong ba tuần ngay sau khi Ngài giác ngộ (Viên giáo).
2. Thời A Hàm: dạy 12 năm đầu tiên (Tạng giáo).
3. Thời Phương Đẳng: dạy trong 8 năm tiếp theo (Thông giáo).
4. Thời Bát Nhã: truyền trong 22 năm (Biệt giáo).
5. Thời Pháp Hoa – Niết Bàn: 8 năm cuối cùng (Viên giáo).

Thích Vĩnh Hóa

Thập Nhị Bộ 部 là:

1. Trường hàng 長行: câu văn thông thường.
2. Trùng tụng 重頌: câu thơ nhắc lại giáo lý mới bàn trong phần trường hàng.
3. Thọ ký 授記: Phật tiên đoán sẽ thành Phật nói rằng trong tương lai, sau vô lượng vô biên kiếp sẽ đắc Đạo, danh hiệu là ..., quốc độ tên ...v.v...
4. Cô khởi 孤起: Phần này không có gián tiếp liên quan đến phần trước và sau. Ví dụ, Kinh Kim Cang có rất nhiều câu kệ ngắn loại này.
5. Vô vấn nhi tự thuyết 無問而自說: Thông thường đức Phật chỉ thuyết Pháp sau khi có người thỉnh. Nhưng đôi khi Ngài nói Pháp mà không có người thỉnh vì không ai biết để thỉnh.
6. Nhân duyên 因緣: Cho chi tiết về luật nhân quả.
7. Ví dụ 譬喻: Đức Phật có biệt tài dùng ví dụ để dẫn chứng giáo lý, giúp người nghe dễ thông đạt giáo lý thâm sâu.
8. Bản sự 本事: Đây là những sự kiện cuộc đời trước của đệ tử Phật.
9. Bản sinh 本生: Đây là những sự kiện cuộc đời trước của Phật.
10. Phương Quảng 方廣: Giảng giáo lý một cách rộng lớn.
11. Vị tăng hữu 未曾有: đây là những kinh mới, trước đây chưa từng có.

Kinh A Di Đà

12. Luận Nghĩa 論議: ghi lại lời bàn luận của những đệ tử đã giác ngộ.

Có câu thơ mô tả 12 bộ:

Trường hàng Trùng tụng tịnh Thọ ký 長行重頌並授記
Cô khởi Vô vấn nhi tự thuyết 孤起無問而自說
Nhân duyên Ví dụ cập bản sự 因緣譬喻及本事
Bản sinh Phương quảng Vị tăng hữu 本生方廣未曾有
Luận nghĩa cộng thành thập nhị bộ 論議共成十二部.

Đặc điểm của Tịnh độ tông ở chỗ có thể giúp chúng sinh hoàn hảo (thoát ngang) Tam Giới và đời nghiệp (mang theo nghiệp) vãng sinh. Các pháp môn khác phải siêu thoát lên trên chiều cao, nên không dễ đắc. Ví dụ như con sâu muốn trèo lên đỉnh tre thì phải cắt qua rất nhiều khúc mắt, nơi cứng nhất của thân tre (tượng trưng cho sự khó khăn của tăng trưởng định lực). Nếu đục được ngang ra ngoài (tượng trưng cho tu Tịnh độ tông) rồi bò lên thì dễ hơn nhiều lắm.

Pháp môn Tịnh độ rất tuyệt vời vì:

1. Rất dễ học: Không cần phải có trí nhớ tốt, không cần biết quán v.v...
2. Rất an toàn: Chúng ta trì hồng danh của Phật thì sẽ được Phật hộ trì chúng ta. Nếu đạt được nhất tâm bất loạn, lúc lâm chung sẽ được đức Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Ở đó thì sẽ thành Phật nội trong một kiếp, không còn phải bấp bênh trong biển sinh tử nữa.
3. Là đường tắt: nếu không giác ngộ kiếp này thì sau khi vãng sanh Tịnh độ sẽ đắc giác ngộ.

Thích Vĩnh Hóa

Pháp môn này rất thích hợp cho kẻ thượng căn (như Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền Bồ Tát v.v.; ngay chính họ cũng đã phát nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc), trung căn (như Nhị Thừa) và hạ căn (như kẻ phàm phu).

Sa môn là một tên khác của người xuất gia. Có bốn loại sa môn:

1. Thánh Đạo 聖道 sa môn: Chỉ về các vị thánh nhân của Tam Thừa.
2. Thuyết Đạo 說道 sa môn: Họ thuyết Pháp để lợi lạc chúng sinh.
3. Hoạt Đạo 活道 sa môn: Họ chuyên môn giữ giới.
4. Ô Đạo 汙道 sa môn: Họ chuyên môn phạm giới.

Có một người thợ rèn rất siêng năng làm việc nhưng cũng không đủ tiền cung cấp cho gia đình. Ngày nào ông nghỉ làm, ngày đó không đủ tiền mua thực phẩm. Ông ta thường tự trách đã không chịu tu trong những kiếp trước nên kiếp này nghèo khó. Một hôm có vị sa môn đi ngang qua, ông mời vào nhà cúng nước trà. Ông thợ rèn thỉnh Pháp, muốn học cách tu mà không cản trở công việc làm. Vị sa môn truyền cho phương pháp niệm Phật. Từ đó mỗi lần dùng ống thổi lửa thì niệm một lần hồng danh của Phật; mỗi lần giơ búa và hạ búa cũng niệm Phật. Ông ta cứ như thế mà tu, mong rằng lúc lâm chung, Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn về Tịnh độ. Vợ ông hỏi: Tại sao lại khó nhọc như thế? Người thợ rèn đáp: Lúc niệm Phật thì không còn thấy lò nóng và tay không còn ê vì dùng búa phan. Vả lại, đêm thì ngủ ngon hơn. Năm tháng trôi qua, ngày nọ ông ta bảo vợ: Tôi muốn trở về nhà. “Về đâu?” Bà

Kinh A Di Đà

vợ hỏi. “Về phương Tây” ông trả lời. Lúc đó ông đang làm việc bên cạnh lò lửa, bỗng niệm Phật to tiếng hơn. Chung quanh tỏa mùi hương huyền diệu và thiên nhạc trỗi lên khi ông ta qua đời.

Còn có câu chuyện khác: một ông đồ tể chuyên môn bán thịt bò. Lúc lâm chung, ông ta mơ thấy đám bò đến đòi mạng. Ông khiếp sợ nên bảo vợ vào chùa cầu cứu. Một vị hòa thượng đến và nói rằng nghiệp sát sinh của ông rất nặng, chỉ còn Pháp môn niệm Phật mới có thể giúp thôi. Ông đồ tể niệm Phật theo vị hòa thượng. Sau một lúc thì báo rằng nhóm ma bò đã bỏ đi. Ông ta tiếp tục niệm Phật thành tâm hơn nữa và cuối cùng thấy A Di Đà Phật đến đón. Nhờ niệm Phật như thế mà ông ta đắc vãng sinh cõi Tịnh độ.

Đắc “nhất tâm bất loạn” tức là nhập niệm Phật tam muội (chánh định). Cổ nhân gọi pháp môn này là vô thượng thậm thâm diệu Thiên.

KINH TỰA

Lời Kinh:

Như vậy tôi nghe: Một thuở nọ, Phật ở nước Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, cùng với đại Tỳ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị cùng ở chung, đều là bậc đại A La Hán, mọi người đều biết đến.

Đó là Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi-bàn-đà-già, Nan-đà, A Nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, Tân-đầu-Lô Phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-ni, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, A-nậu-lâu-đa, và các vị đệ tử lớn như vậy nhiều nữa; cùng các vị Bồ-tát Ma-ha-tát như Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, A-dật-đa Bồ-tát, Càn-đà-ha-đề Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát và các vị Bồ-tát lớn nhiều như thế nữa; cùng với Thích Đề Hoàn Nhon..v..v.. vô lượng chư thiên đại chúng đồng câu hội.

Lời giảng:

Như vậy tôi nghe: Một thuở nọ, Phật ở nước Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc,

Theo truyền thống Kinh thường được phân tách thành ba phần chính:

1. TỰ PHÂN 序分:

Từ bắt đầu cho đến cùng với Thích Đề Hoàn Nhon..v..v.. vô lượng chư thiên đại chúng đồng câu hội. 及釋提桓因等，無量諸天大眾俱。

Kinh A Di Đà

2. Chánh Tông Phần 正宗分:

Cho đến nói cho tất cả thế gian pháp khó tin này, thật là rất khó! 為一切世間說此難信之法，是為甚難.

3. Lưu Thông Phần 流通分:

Từ Phật nói Kinh này rồi 佛說此經已 cho đến cuối Kinh.

Tự phần còn được gọi là “Lời bạt” vì được thêm sau này trong thời kết tập kinh điển. Tự phần nói về nhân duyên Phật thuyết pháp và đưa ra sự chứng minh những lời dạy này thật sự do Phật nói ra. Phần này dọn đường cho Chánh phần chứa đựng giáo lý chính. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, đại chúng đắc đại lợi lạc. Cho nên đức Phật thường kết thúc với lưu thông phần, khuyên chúng ta y giáo phụng hành và phổ biến lưu truyền kinh để giúp kẻ khác đắc lợi lạc.

Tự phần của kinh này không nêu ra lý do đưa đến sự truyền dạy của giáo lý, chỉ có lục thành tựu 成就:

1. Tín: **Như vậy** (diễn tả tịch).
2. Văn: **tôi nghe** (Ngài A Nan đích thân được nghe Phật nói; “tôi” giả của các Bồ Tát).
3. Thời: **Một thuở nọ** (Kinh được giảng khi hợp thời cơ; thời điểm không nhất định).
4. Chủ: **Phật**.
5. Xứ: **nước Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc** và
6. Chúng: **cùng với đại Tỳ-kheo** (đại chúng tỳ kheo thường theo Phật).

Thích Vĩnh Hóa

Sự hiện diện của sáu yếu tố này chứng minh rằng đây là lời Phật dạy.

Đa số kinh Phật giáo bắt đầu với “**Như vậy tôi nghe 如是我聞**”. Ngài A Nan Đà thêm câu này lúc kết tập và sao chép kinh điển. Trước kia, Kim Tiên (như đức Phật thường được gọi) chỉ thuyết pháp bằng lời (khẩu thuyết). Sau đó các đệ tử của ngài họp lại và trùng tuyên những lời dạy của Phật cho nhau nghe. Về sau, họ quyết định ghi chép giáo lý một cách chính xác để thuận lợi cho việc lưu thông hơn, cũng là để dành làm bằng chứng về những gì Phật đã giảng nói.

Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, A Nan Đà hỏi Ngài nên bắt đầu kinh điển như thế nào. Đức Thế Tôn bảo nên bắt đầu với “Như vậy tôi nghe”. Sau này, khi A Nan Đà phụ trách phân chép kinh tạng, Ngài nhớ lời Phật dạy nên thêm câu này ở đầu kinh.

Thời xưa, kinh điển ngoại đạo thường bắt đầu với “A 阿” hoặc “Ưu 憂” để ám chỉ “vô (vô hữu; đây là cảnh giới Không cao nhất mà họ đạt được nhưng vẫn còn rất xa với cái Không của Tiểu Thừa) 無” or “hữu 有”. Chưa ai có thể thông đạt được Chân Không và Diệu Hữu. Vì thế câu “Như vậy tôi nghe” phân biệt kinh điển Phật giáo với ngoại đạo.

Hơn nữa, câu đó còn giải quyết nghi vấn của đại chúng. Khi Ngài A Nan Đà thăng Pháp tòa thuyết pháp, tướng mạo Ngài giống hệt Phật nên người nghe không khỏi có ba loại phản ứng như sau:

Kinh A Di Đà

1. Một số nghĩ rằng đức Phật đã hoàn sinh.
2. Một số nghĩ rằng một vị Phật từ cõi khác đến thuyết pháp.
3. Một số tưởng rằng Ngài A Nan Đà đã thành Phật.

Cho nên bắt đầu với câu đó chứng nhận rằng theo sau là lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni và phá tan các nghi kỵ và bàn tán của đại chúng.

Như vậy gốc từ chữ Hoa Như thị 如是:

1. Như 如 nghĩa là bất dị 不異: không khác. Ý nói đây “chính là” lời Phật đã dạy. Và chính là cái tôi đã đích thân nghe. Tâm (nghe) không khác Phật và ngược lại, Phật không khác tâm. Như chỉ tịch: vạn pháp (nghĩa là tất cả) đều tịch 萬法俱寂. Như thế thì tâm không mê muội.
2. Thị 是 nghĩa là vô phi 無非: không sai. Tâm và Phật đều cùng đồng thể 心佛無非一體. Thật ra, tâm này là Phật 是心是佛, tâm này làm Phật 是心作佛.
3. Quý vị nên y theo lời dạy mà đọc, tụng, cúng dường và tu hành. Không nên xa rời những giáo lý mà Phật đã giảng.
4. Giáo lý được thuyết vì có người thỉnh. Vì được thỉnh nên đức Thế Tôn mới dạy tùy theo căn cơ người nghe. Trong tương lai, những thiện tri thức cũng nên trả lời như vậy khi có người thỉnh.
5. Nghe xong thì nên y giáo phụng hành. Nếu có ai hỏi thì nên trả lời: Phật đã dạy như vậy, đây là tôi đã nghe như vậy.

Thích Vĩnh Hóa

“Nhu” chứng minh phương diện tín: giáo lý này có thể tin được.

Kinh Pháp Hoa nói: đức Phật thành tựu cứu cánh mà chỉ có chư Phật mới thông hiểu được. Tất cả các Pháp có như thế tướng, như thế tính, như thế thể, như thế lực, như thế nhân, như thế quả, như thế báo, như thế duyên, v.v... đức Thế Tôn chỉ như thế giảng về tướng, tính, lý v.v...

Chữ “tôi” trong câu “Nhu vậy tôi nghe” là cách Ngài A Nan Đà tự xưng. Phàm phu chấp lầm vào cái ngã, tưởng nó là thật 妄執實我 và tham hưởng khoái lạc của thế gian. Văn hóa càng tiến bộ thì cái ngã càng được tôn sùng. Nhưng lúc này Ngài A Nan Đà đã đắc Tứ quả A La Hán (thường gọi tắt là A La Hán), nên không còn chấp trước vào cái ngã giả của phàm phu, do tứ đại hợp thành (thổ, phong, hỏa và thủy) 四大妄身 làm đại biểu. Ngài cũng không còn chấp vào thần ngã 神我 của ngoại đạo (đây là một giác tỉnh khá vi tế khi nhập được đệ bát định: phi tướng phi phi tướng định). Ngài A Nan Đà tuy không còn chấp ngã nhưng cũng xưng “tôi” theo lệ thường của thế gian: đây là tinh thần Trung Đạo.

Vấn: Tại sao A Nan Đà nói là “nghe” mà không nói “thấy”?

Đáp: Vì những lý do sau:

1. “Nghe” hàm ý “được giảng như thế”. Muốn chứng thâm lý thì phải bắt đầu bằng cách nghe lời giảng (văn huệ).
2. Cõi Ta Bà dựa vào âm thanh để truyền Phật Pháp.

Kinh A Di Đà

3. Muốn chứng đắc Bồ Đề thì phải biết nghe pháp và có “huân” (từ chữ Hoa huân tập 熏習: để mùi thơm từ từ thấm vào). Nếu biết huân tập giáo lý đã được nghe thì chắc chắn sẽ đắc giải thoát.
4. Nghe còn đại diện cho tất cả các giác quan khác nữa. Nói ra hết thì quá dài dòng.

Vấn: Đức Phật giảng Pháp để diệt trừ ngã. Tại sao không dùng “Vô ngã 無我”? Tại sao lại dùng “Tôi nghe”?

Đáp: Có bốn nguyên nhân:

1. Vì thuận tiện. Nếu dùng “Vô ngã” thì không khỏi bị chỉ trích: vậy trong cõi này ai biết được Kinh này?
2. Tuân theo cách xưng hô của người thế gian.
3. Để phá trừ cái chấp “vô ngã”: nếu không có ngã, thì ai tới nghe giảng kinh?
4. “Tôi” bao hàm sự hiện diện của ngã và tha (người ta), tịnh và bất tịnh, nhân và quả, sự và nghiệp v.v...

Vấn: Vậy thì tại sao không dùng tên của Ngài A Nan Đà thay vì “tôi”?

Đáp: “Tôi” có ba nghĩa:

1. Tránh trái ngược với thế tục 示不乖俗. Đức Phật muốn biểu lộ Chân Lý chứ không muốn tạo mâu thuẫn với thế tục. Giáo lý rất vi diệu và thâm sâu nhưng danh từ không trái lại phong ngữ của thế gian. Đây chứng minh rằng Chân Đế không rời Tục Đế 真諦不離俗.

Thích Vĩnh Hóa

2. “Tôi” ám chỉ làm chủ và tự tại 主宰自在之義. Tập Tạng Truyền 集藏傳 nói rằng có ba A Nan 阿難: a) A Nan Đà 阿難陀。云慶喜。持聲聞藏: phụ trách Thanh Văn Thừa Tạng b) A Nan Bạt Đà 阿難跋陀。云喜賢。持獨覺藏: phụ trách Độc Giác Thừa Tạng c) A Nan Gia La 三阿難伽羅。云喜海。持菩薩藏: đảm trách Bồ Tát Thừa Tạng. Thật ra chỉ có một nhân vật dùng tên khác nhau tùy theo cái đức hạnh riêng biệt. Ngài đa văn, nghe qua tai thì không bao giờ quên, kết tập tam huệ và đối với Tam Tạng đã đắc tự tại. Nêu tên Ngài cũng được nhưng sẽ mất hàm ý rằng Ngài đã đắc tự tại đối với tất cả Pháp.
3. Tôi đã đích thân nghe. Thông thường, khi nói “tôi nghe”, là một sự chứng nhận của cá nhân. Nếu nói rằng “A Nan Đà nghe” sẽ thiếu thể tính cá nhân và còn có thể bị hiểu lầm là lời đồn (nghe từ người khác). Cho nên câu đó loại trừ tất cả các nghi vấn mà có thể có (về tính xác thực của lời dạy). Thính căn khởi nên thính thức.

“Nghe 聞” ám chỉ rằng A Nan Đà đích thân nghe điều này từ kim khẩu (miệng của Phật). Quý vị đừng lo: đức Phật dùng thần thông lập lại cho A Nan Đà những bài thuyết pháp khi A Nan Đà vắng mặt. Ngài A Nan Đà có trí nhớ thật tốt: một khi lời Phật giảng qua tai thì không bao giờ quên. Cho nên sau này được Ma Ha Ca Diếp giao cho nhiệm vụ biên chép Kinh tạng. Chúng ta nên nhớ ơn Ngài: nhờ Văn huệ của Ngài mà chúng ta có được pháp môn Tịnh độ vô ngại 以聞慧, 聞

Kinh A Di Đà

持淨土無障礙法門.

Tại sao A Nan Đà nói “nghe”? Một mình nhĩ căn được dùng để đại diện cho tất cả các giác quan. Ngài A Nan Đà thường sát bên Phật nên có cơ hội quan sát đức Thế Tôn và giác ngộ giáo lý. Cho nên, phương diện nghe được dùng để nhấn mạnh:

1. Muốn chứng thâm Pháp chúng ta phải bắt đầu bằng nghe Pháp 欲證深理、要先聞法: chúng ta cần bỏ thời giờ nghiên cứu và suy gẫm giáo lý (đa văn).
2. Cõi Ta Bà này dùng âm thanh để truyền Pháp.
3. Mong chúng Bồ Đề, chúng ta phải cần nhiều thời gian để cho phép những giáo lý đã nghe (và đọc, tiếp xúc, ném vị, tư duy v.v.) huân tập; từ huân tập sẽ đem đến sự giải thoát 希證菩提要聞熏習。由聞熏習、成出世故.

Lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, A Nan Đà chỉ mới đắc Sơ quả A La Hán, nên khóc lóc thảm thiết. Trưởng lão A Nậu Lô Đà 阿冕樓駄 bèn bảo: ông nên có một tí tự chủ! Đức Phật sắp ra đi. Đây là cơ hội cuối cùng để chúng ta hỏi để được giải đáp những thắc mắc. Ông nên mau đến thỉnh giáo đức Thế Tôn.

A Nan Đà chùi nước mắt và bình tĩnh lại, rồi đến thỉnh giáo Phật. Đức Phật dặn nên dùng câu “Nhu vậy tôi nghe” để mở kinh. Đức Thế Tôn còn dặn thêm ba điều nữa:

1. Sau khi Phật nhập Diệt, tất cả các đệ tử của Ngài nên tôn Ba La Đề Mộc Xoa 波羅提木叉 (tiếng Phạn

Thích Vĩnh Hóa

- nghĩa là giới) làm thầy. Họ nên tránh làm ác, chỉ làm thiện và phải cứu độ tất cả chúng sinh.
2. Họ có thể đối phó với ác Tỷ Kheo (không chịu tu mà lại chuyên cản trở việc tu hành người khác), không cãi cọ mà chỉ mặc bần 默擯: im lặng mà đuổi họ. Pháp đuổi này thật thích hợp với thời hiện đại vì chúng ta hay thích tranh cãi để chứng minh rằng mình có lý!
 3. Người Phật tử nên trụ ở Tứ Niệm Xứ. Nhờ thế mà dễ thành Đạo.

Tứ niệm xứ 四念處 là:

1. Quán thân bất tịnh 此身以業識為因。父母為緣。和合而成: quan sát thấy thân thể không sạch. Nó luôn luôn tiết ra chất bất tịnh qua chín lỗ. Sau khi xuất gia tôi mới khám phá ra được điều này vì luật ở đây chỉ được tắm hai tuần một lần chứ không thể tắm mỗi ngày như lúc trước. Chúng tôi phải đứng bên cạnh nhau sau bục gỗ lạy trong Phật điện. Nên lắm khi phải chịu đựng mùi mồ hôi. Dần dần tự nhiên mùi này cũng giảm đi theo thời gian!
2. Quán thọ là khổ 惟有念佛。往生西方。是真快樂: quan sát thấy cảm giác thực sự chỉ là khổ. Thọ (hoặc cảm giác) khởi lên do sự tiếp xúc với ngoại cảnh. Quý vị còn nhớ lúc từ bụng mẹ ra đời không? Giây phút của sự tiếp xúc đầu tiên với không khí làm cho chúng ta đau đớn. Cho nên con nít thường khóc thét khi chào đời. Ít người nhớ hoặc hiểu đó có thể là tiên báo cho vô số khổ não trong đời đang chờ chúng ta!

Kinh A Di Đà

Một số người không đồng ý, nói rằng họ cảm thấy cuộc sống khả quan và hạnh phúc. Họ cần đợi cho đến khi khó khăn khổ ách tới thì mới biết mùi. Thật ra, hạng người sung sướng này đang bị một loại phiền não rất vi tế: họ thậm sợ bị khổ và rất tự hào vì thấy chúng ta có nhiều lo âu và khổ sở tranh đấu sinh nhai! Ngay cả kẻ giàu có cũng không tránh được bệnh tật và già cả. Họ lại rất sợ chết! Họ có thể dựa y khoa chữa bệnh và giải phẫu thẩm mỹ để giữ nét trẻ trung. Nhưng họ cũng phải bó tay khi tử thần đến.

3. Quán tưởng vô thường: các tư tưởng đều phù du (thân, thọ và pháp cũng vô thường luôn). Tư tưởng khởi và ào ạt đến như làn sóng. Nó đến rồi đi, cứ liên miên như vậy. Đó là hiện tượng vô thường của cuộc sống: không gì vĩnh cửu (ngay cả tình yêu và vẻ đẹp cũng vậy thôi!) Tại sao chúng ta cứ hồi tưởng về quá khứ, thích mơ mộng viễn vông và bám víu vào những giây phút sung sướng?

Kinh Kim Cang nói: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc 過去心不可得, 現在心不可得, 未來心不可得: nghĩa là tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm tương lai không thể được”. Tại sao chấp vào cái huyền?

4. Quán pháp vô ngã: tất cả pháp không có tự tính. Không có năng cũng không có sở 愚人執身為我。餘皆我所。 Pháp chỉ vạn vật: tất cả những gì mà tâm chúng ta nhận thức được. Tất cả duy tâm tạo. Vạn vật

Thích Vĩnh Hóa

thành do sự hòa hợp của các thứ nhân duyên. Ví dụ, chúng ta thành người do sự kết hợp của cha mẹ chúng ta. Nay được thân người là vì đã từng trồng nhân làm người (như giữ ngũ giới). Cha mẹ chúng ta chỉ là duyên đem đến cuộc sống này (như họ nợ chúng ta tiền nên nay phải nuôi cho đến trưởng thành, mua xe, cho nhà, trả tiền học đại học v.v...)

Tất cả phải tuân theo luật nhân quả. Phật giáo gọi đó là “vô ngã”: thiếu tự tính (nghĩa là được tồn tại nhờ hội đủ nhân duyên).

Vấn: Tôi có thể ngồi kiết già được một tiếng đồng hồ. Rồi bị đau đینگ chịu không nổi. Tôi thấy thầy ngồi kiết già nhiều giờ không động đậy. Làm sao tôi làm được như thầy?

Đáp: Sự thành tựu nào cũng do nhiều nhân duyên kết hợp trong đó nhân là yếu tố quan trọng nhất. Tiếp tục ngồi. Gia tăng thời gian ngồi từ từ. Tôi đang dạy quý vị nhân cái đau của chân, lưng, vai, đầu gối, eo v.v... Ít thầy còn dạy thiền như vậy nữa. Cách tu luyện chúng ta hơi gắt gao hơn một chút. Nếu ông nhân được cơn đau thì sẽ khám phá những điều mà kẻ khác không mừng tượng được. Nếu thật sự muốn biết thì phải làm. Đó cũng là một thử thách về sự thành tâm và lòng tin. Nếu vượt qua được thử thách thì sẽ hiểu và hết đau. Có nhiều cách đối phó với cơn đau. Cách tốt nhất là chịu đựng: phải biết kiên nhẫn!

Một lần nữa, câu “Nhu vậy tôi nghe” được thêm vào khúc đầu để giúp đọc giả phát lòng tin và tùy thuận 令眾生信順. Trí Độ luận 智度論 nói: thành tâm tin, chấp nhận và

Kinh A Di Đà

phụng hành 信受奉行 thì trí huệ sẽ sinh 生智. Tín có thể cho phép nhập Đạo 信為能入, huệ có thể giúp độ chúng sinh 智為能度. Tín là nền tảng để nhập Pháp 信為入法之所基. Huệ là sự giác ngộ thâm sâu rất ráo 智為究竟之玄術. Nhờ có lòng tin nên thuận theo lời dạy 信則所言之理順. Thuận theo lời Thầy nên đạo nghiệp thầy trò đều thành tựu 順則師資之道成. Do tín, những Pháp đã thuyết đều có thể được tuân theo 由信、故所說之法皆可順從. Vì tuân theo Pháp nên người nói kẻ nghe, thầy trò, đều xứng đáng 由順、故說聽二徒師資建立.

Tín cực kỳ quan trọng vì:

1. Là sơ nhân để hưởng cực quả 趣極果之初因: Chúng ta phải bắt đầu bằng cách phát tâm tin quả Bồ Đề. Tâm lớn lao đó lấy thiện căn làm thể, thiện hữu làm thuận duyên và bất thối làm chiến lược để chúng ta có thể tự rửa sạch và tinh tấn tiến lên với chí tâm.
2. Là nền tảng (ngâm) để nhập chân lý 入諦理之基漸. Các luận nói rằng muốn nhập thánh quả thì phải cần có tín căn 信根 và tín lực 信力. Nhờ có tín căn nên vạn thiện nhân được sinh. Nhờ có tín lực nên bốn loại ma (thiên ma, tử ma, bệnh ma và phiền não ma) không thể chướng ngại chúng ta được.
3. Để thông đạt sự chứng đắc thanh tịnh của Diệu Chân 通妙真之證淨: Những vị đắc thánh quả, lòng tin không thể hủy hoại được. Phật tử có lòng tin Tam Bảo

Thích Vĩnh Hóa

sẽ không bị đọa tam ác thú. Có lòng tin giới thì không tròng nhân hạ tiện, không sanh vào cảnh thấp hèn.

4. Là áo tốt của chí đức 荷至德之嘉依: Tỳ Bà Sa luận 毗婆沙論 nói rằng tín là bàn tay khéo có thể lấy đồ ăn có Pháp vị 食法味之嘉手. Người tu Phật Pháp như đại long tượng 大龍象. Nó lấy tín làm tay 以信為手, xả làm răng 以捨為牙, niệm làm cổ 以念為頸, và huệ làm đầu 以慧為頭. Nó đảm đang và tích tụ thiện pháp. Khi voi ăn phải dùng vòi làm tay. Vì vậy, trước tiên người tu hành phải phát tín tâm.
5. Là nguyên thai của thất thánh tài 聖七財之元胎: Tín là nguồn gốc của Pháp bảo. Thất thánh tài là: tín, giới, đa văn, xả, huệ, tâm, quí 信戒聞捨慧慚愧. Tín là mẹ đẻ của các bảo.
6. Là căn cứ của tám thiện nhân 善八因之俶落. (Tám thiện nhân cho: 1. Thọ 壽: sống lâu, như do không sát sinh, 2. Sắc 色: thân thể, như do cúng dường ẩm thực, đèn đuốc v.v., 3. Chủng tộc 種姓: giòng dõi, như không ngạo mạn, 4. Tự tại 自在: không thiếu thốn; do rộng lượng cúng dường, 5. Tín ngôn 信言: tránh tứ ác khẩu nghiệp, 6. Đại lực 大力: tạo đại công đức, lập đại nguyện, 7. Trọng phu 丈夫: thuyết pháp của trọng phu, và 8. Lực 力: dùng hết sức của mình để giúp người); vì nó là nền tảng của thiện pháp. Du Già

Kinh A Di Đà

luận 瑜伽論 nói: muốn nhập thiện pháp thì phải lấy dục làm căn bản 欲為根本 (vì dục, lòng muốn khởi hy vọng 起希望故). Dục sinh do tác ý 作意所生 (muốn được giác ngộ 數警覺故), tích tụ và khởi từ xúc 觸所集起 (hợp tâm và thuận cảnh 和心心所對勝緣故) và tiếp dẫn bởi thọ 受所引攝 (làm trú tại tâm 領在心故). Dục được tăng trưởng bởi định lực 定為增上 (vì tâm thanh tịch 心澄寂故), chọn lọc do huệ 慧為最勝 (vì biết kén chọn thiện ác 擇善惡故), nhờ giải thoát làm kiên cố 解脫為堅固 (vì dứt ràng buộc 息纏縛故), đạt mục đích do thoát ly 出離為後邊 (vì giác Đạo viên mãn 覺道滿故). Tóm lại, Du Già luận giải thích vì sao người tu hành phải lấy dục làm căn bản: Đầu tiên là phải có ý muốn tu (thiện dục) thiện dục này được tích tụ ngày càng mạnh nếu gặp được thuận duyên, thuận cảnh (xúc). Xúc dẫn đến thọ (cảm thấy thích tu). Nhờ duyên thù thắng, gặp thiện tri thức chỉ dạy, liền hạ thủ công phu thì thiện dục càng tăng trưởng thêm (vì bắt đầu có định lực). Định sinh huệ nên biết rõ thiện ác (không mê lầm) nhờ đó mà được giải thoát. Dục do đâu mà có? Ban đầu, tín dẫn đến dục, nên tín phải khởi xuất trước tiên.

7. Là bàn tay thù thắng mở cửa cho cơ hội 啟機門之勝手: Bàn tay tiếp nhận giáo lý 攝教手也. Câu Xá

Thích Vĩnh Hóa

luận 俱舍論 nói : một tay kéo chúng sinh thoát sinh tử và bùn (thuyết chánh tông gọi là giáo thủ 拔眾生出生死泥。陳正宗為佛教手), rồi làm cho họ phát lòng tin gọi là chúng sinh thủ 序今生信為眾生手. Hai tay hợp tác để nhiếp chúng sinh thoát bùn lầy 兩手相攝出淤泥故. Trí Độ luận 智度論 nói: cũng như có người đến bảo sơn; nhờ có tay mà tha hồ lượm lặt tùy ý; không có tay thì không đem gì về được.

Tương tự như vậy, kẻ tín tâm khi vào bảo sơn sẽ đắc Đạo quả; kẻ thiếu lòng tin, mặc dầu hiểu lời và nghĩa, không được gì hết cả.

8. Là hòn ngọc làm nước tâm trong 湛心水之清珠: Vì có thể làm tâm thanh tịnh. Thành Duy Thức luận 成唯識云 nói: tín, như hòn ngọc làm nước trong, có thể làm nước đục thành trong, có thể chữa sự hôn trầm và chấp trước của kẻ bất tín 信如水精珠、能清濁水。能治不信性渾濁故.
9. Là phương tiện tốt để thiết lập danh Đạo 建名道之良資. Nếu chúng sinh thiếu lòng tin thì không thể thành tựu được gì cả 人無信不立. Cũng như chiếc xe thiếu tay lái: đi đâu được đây? Vì vậy, trước khi khởi hành chúng ta phải khởi tín tâm.
10. Chúng ta phải biết thành tâm đôi đũa 款哀誠之佳待. Nếu có tín tâm thì có thể dùng rau cỏ mọc trong

Kinh A Di Đà

suối hồ, rong rêu lau sậy mà nấu cúng cho quỷ thần, vua chúa. Huống chi là sự tương kết (dựa trên lòng tin) giữa hai nước.

Mười điều mục trên, từ một đến tám, dựa trên Chân Đế. Từ chín đến mười dựa vào Tục Đế.

Chúng ta vừa bàn qua hai thành tựu đầu tiên: tín và vãn.

Thành tựu thứ ba là thời gian, được chứng nhận qua câu **Một thuở nợ**. Kinh Phật giáo thường không nêu rõ thời gian (ngày tháng...) vì:

1. Đức Phật thuyết pháp khắp mọi nơi: đôi khi ở cõi người, đôi khi trên trời. Trên cõi trời, một ngày đêm có thể tương đương với ngàn năm trong cõi người.
2. Cõi này lại còn có sự khác biệt giữa âm lịch, dương lịch, Tây lịch hoặc Mayan v.v.
3. Lại còn có sự phân biệt ngày đêm tùy theo bán cầu khác nhau.

Vì vậy, kinh điển Phật giáo thường chỉ vắn vắn nói: “một thuở nợ” để mô tả sự kiện quan trọng nhất: lúc lý tưởng nhất để giáo lý và căn cơ tương ứng 機教相印. Nghĩa là dạy những điều gì có lợi cho người nghe lúc đó và trong tương lai.

Còn có thêm hai khía cạnh khác:

1. Thời gian lưu chuyển: vừa nói hiện tại thì nó đã đi qua rồi. Thời gian không cố định vì ngũ uẩn thường xuyên sinh tử theo mỗi sát na: vì thế không nên quá cố chấp vào thời gian cho chính xác.

Thích Vĩnh Hóa

2. Thời gian chỉ là sự biến chuyển của tâm thức. Chúng ta quen phân biệt tam thế (quá khứ, hiện tại và vị lai) mà không ý thức rằng nó chỉ phản ánh sự biến đổi của tâm theo nhân duyên trong thời gian. Đức Phật thì khác: Ngài chỉ muốn ban giáo lúc đúng thời cơ mà thôi.

Thành tựu thứ tư là chủ: đức **Phật**, chỉ về Thích Ca Mâu Ni Phật, vị giáo chủ của cõi Ta Bà này.

Phật là tiếng Phạn, nghĩa là đấng giác ngộ:

1. Ngài tự giác ngộ (tự giác), không như phàm phu vì họ còn u mê. Đây là trí huệ của Nhị Thừa.
2. Ngài giúp người đắc giác ngộ (giác tha): đây cũng là trình độ của các vị Bồ Tát vì họ có khả năng giúp người khác đắc giác ngộ.
3. Ngài hoàn thành sự giác ngộ của chính mình và người (tự độ và độ tha). Khi hoàn toàn có thể thành tựu tự giác và giác tha, thì không còn cần học nữa: đó là cứu cánh giác ngộ. Quý vị phiền não tận và liễu sinh tử.

Vấn: “Chủ” chỉ thân nào của Phật?

Đáp: Tùy người nghe. Bồ Tát thấy Báo thân Phật, kẻ có trình độ thấp hơn thì thấy Ứng Thân Phật Thích Ca Mâu Ni. Tất cả đều nghe một cách rất thích thú.

Thành tựu thứ năm: Xứ. Kinh được giảng ở **nước Xá Vệ, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc**.

Nước Xá Vệ 舍衛國 có thể dịch là Phong Đức 豐德:

Kinh A Di Đà

- Phong 豐: Có nhiều
 - Tài bảo 財寶 và
 - Ngũ dục 五欲.
- Đức 德: Nhân dân có đức như
 - Đa văn 多聞
 - Giải thoát 解脫: Họ ít bị xiềng xích, chỉ một ít chấp trước.

Đây là thủ đô của nước vua Ba Tư Nặc 波斯匿王, ở Trung Ấn Độ.

Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc 祇樹給孤獨園: Được cúng dường bởi Tô Đạt Đa 蘇達多, nghĩa là “lạc thí 樂施”. Ông ta cũng có tên là Cấp Cô Độc. Ông ta vốn là đại quan rất giàu có trong triều của vua Ba Tư Nặc, nhưng không biết gì nhiều về Phật Pháp. Hôm nọ, nhân đi lo việc hôn nhân cho con nên đến viếng thăm bạn là trưởng lão San Đàn Na 珊檀那. Lúc ấy đức Phật còn ở núi Linh Thứu 靈鷲山 bên Ma Kiệt Đà 摩竭陀 và chưa đến Nước Xá Vệ.

Ban đêm bạn ông thức dậy lo trang trí nhà để tiếp đón đức Phật tới nhận của cúng dường. Nghe lục đục, Tô Đạt Đa dậy theo và hỏi thăm. Khi nghe đến tên Phật, lông tóc bỗng dựng đứng và tâm rất hoan lạc. Trở về giường ngủ, một lúc sau như bị ai đánh thức dậy, thấy ánh sáng chói lòa tưởng đâu trời đã sáng. Bước ra ngoài, ông tò mò tìm nguồn ánh sáng đó. Lăn theo ánh sáng ông tới công thành, công thành tự động mở ra, đưa Tô Đạt đến núi Linh Thứu gặp Phật. Thấy tướng hảo của

Thích Vĩnh Hóa

Phật ông vô cùng hân hoan. Rồi một vị thần hiện ra, đi nhiễu chung quanh Phật ba vòng, và lạy Phật ba lạy, xong mới ngồi xuống. Vị này dạy cho Tô Đạt phải biết làm gì khi gặp Phật: cung kính và tinh pháp. Tô Đạt nghe pháp thích quá. Ông đứng dậy hơn hờ thỉnh Phật đến thành phố con để giảng pháp cho mọi người nghe. Phật nhận lời. Phật dạy: Tôi có nhiều đệ tử, hơn ngàn người, tới đó ở đâu bây giờ? Nếu như ông tìm được nơi nào đủ rộng để cho tôi và những đệ tử tôi ở, chúng tôi sẽ tới đó hoằng pháp. Tô Đạt Đa trở về thành Xá vệ kiếm đất để mua nhưng chỗ nào cũng không vừa ý, chỉ có vườn của thái tử Kỳ Thọ là thích hợp. Hoàng tử Kỳ Thọ (dịch là “Chiến thắng 戰勝”) là con của vua Ba Tư Nặc. Thái tử ra đời lúc vua Ba Tư Nặc chiến thắng nước láng giềng nên được đặt tên như vậy. Ông Tô Đạt đến viếng thăm thái tử Kỳ Thọ, yêu cầu thái tử bán lại vườn của ông để cúng cho Phật. Thái tử Kỳ Thọ rất thích khu vườn của mình, vì vườn của ông xanh tươi, mát mẻ và rất đẹp. Thái tử nói nửa đùa nửa thật: “Nếu như ông đem vàng đến phủ kín cả vườn thì tôi bán cho.” Tô Đạt tức tốc trở về, gọi người nhà mở tất cả kho vàng chất lên xe, chở đến vườn Kỳ Thọ lát vàng lên mặt đất. Sau khi hoàn tất, ông yêu cầu thái tử ký giấy bán. Thái tử nói: tôi chỉ đùa thôi, tôi đâu muốn bán. Tôi rất thích vườn của tôi. Tô Đạt nghiêm mặt nói rằng: Bẩm thái tử: Thái Tử trong tương lai sẽ làm vua. Vua không thể nào đùa giỡn như thế được. Tôi yêu cầu thái tử bán vườn cho tôi. Thái tử đuối lý đành phải đồng ý bán. Nhưng những cây trong vườn choán đất không thể lấp vàng nên vẫn còn thuộc về của Thái tử. Thái tử vô cùng ngạc nhiên khi thấy ông Tô Đạt phát tâm mạnh mẽ như thế nên bèn xin cúng tất cả cây trong vườn.

Đức Phật đến nhận, kể nhân duyên cho A Nan Đà biết và gọi

Kinh A Di Đà

đó là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc để thừa nhận sự cúng dường chung của thái tử và vị trưởng lão.

Bên Trung Quốc, sau khi Văn Vương 文王 lập quốc, bèn giúp đỡ bốn hạng người nghèo khó: góa phụ, góa phụ, cô độc, và cô đơn. Sau này các vị quan lại trưởng lão cũng bắt chước làm việc từ thiện như thế.

Cuối cùng là thành tựu thứ sáu: Chúng. Chúng gồm có năm thành phần:

- Ba thành phần đầu: tu sĩ (nội hộ pháp), Bồ Tát (nội hộ pháp) và chư Thiên (ngoại hộ pháp).
- Hai thành phần sau: nhân và phi nhân.
- Chỉ có những kẻ thượng căn (hoặc những người đầy đủ phước đức nhân duyên) mới có thể thọ trì pháp môn Tịnh độ.
- Đại chúng ở pháp hội này cũng giống như đại chúng của kinh Kim Cang.

Vấn: Các kinh khác có đủ loại chúng sinh và thiên long bát bộ ở trong đại chúng, tại sao kinh này chỉ nêu ra năm hạng chúng sinh?

Đáp: Kinh này khuyên chúng ta nên nương tựa vào pháp môn Tịnh độ. Cõi Tịnh độ là nơi rất thù thắng để an sống và tu hành. Chỉ những kẻ có đại phước đức nhân duyên mới có thể thọ trì pháp môn. Vì thế chỉ có năm hạng chúng sinh này mới đủ tiêu chuẩn.

Chúng ta quan sát đại chúng như thế nào.

Thích Vĩnh Hóa

cùng với đại Tỳ-kheo, các vị này không phải là thầy tu thông thường. Họ tổng cộng hơn **một nghìn hai trăm năm mươi vị cùng ở chung, đều là bậc đại A La Hán, mọi người đều biết đến**. Họ rất nổi tiếng khắp nơi vì đạo cao đức trọng (không một ai tu pháp Tiểu Thừa) và luôn luôn tùy tùng theo đức Phật giúp Ngài chuyển Pháp Luân.

Tăng già 僧伽 do tu sĩ hợp thành, là:

- Một trong những cộng đồng dân chủ đầu tiên của loài người.
- Danh từ tiếng Phạn, dịch thành “Hòa hợp chúng” 和合眾: thành viên chung sống hòa hợp như nước và sữa, nôi và nắp.
- Thường có ít nhất bốn thành viên, cùng một pháp, chung yết ma 同一羯磨.
- Họ hòa hợp sự và lý.
- Lý hòa hợp 同證無為解脫道: Họ đồng chứng Vô Vi Đạo giải thoát.
- Sự hòa hợp gồm có sáu:
 1. Thân hòa đồng trụ 身和同住: Cùng ở với nhau.
 2. Khẩu hòa vô tranh 口和無諍: Họ nhường nhịn nhau, tránh cãi cọ giành giật nhau.
 3. Ý hòa đồng duyệt 意和同悅: Họ thích tu chung.
 4. Kiến hòa đồng giải 見和同解: Họ cùng chung kiến giải. Nhất là thật tin vào luật nhân quả.
 5. Giới hòa đồng tu 戒和同脩: Họ đều phải giữ giới.
 6. Lợi hòa đồng quân 利和同均: Họ chia cúng dường

Kinh A Di Đà

đồng đều nhau.

Có năm loại tăng già:

1. Vô tà quý tăng 無慚愧僧: Chuyên phạm giới.
2. Á dương tăng 啞羊僧: Họ thuộc loại hạ căn, thiếu trí huệ, không hiểu Tam Tạng, không hành yết ma, không thuyết pháp v.v...
3. Hữu đảng tăng 朋黨僧: Họ thích thân cận quyền thế, thường có chương trình riêng biệt.
4. Thế tục tăng 世俗僧: Sống như người thế tục.
5. Thánh nghĩa tăng 聖義僧: Họ chứng quả và giảng Pháp.

Tăng chúng hiện diện trong kinh thuộc loại thứ năm.

Tỳ Kheo là danh từ Phạn không phiên dịch vì có nhiều hàm nghĩa:

1. Khất sĩ 乞士: Bên ngoài thì xin ăn để nuôi dưỡng nhục thân, bên trong xin Pháp để trì dưỡng Huệ mạng.
2. Phá ác 破惡: Họ tu pháp xuất thế thanh tịnh và phá ác phiền não.
3. Bỏ ma 怖魔: Lúc thăng Pháp đàn, thiên ma kinh hoảng vì khám phá rằng tín đồ của Phật đông thêm.

Tại sao người xuất gia khất thực? Tại vì đức Phật chế định rằng:

- Họ không được tự nấu ăn và phải đi khất thực. Làm thế để bớt chấp vào hương vị.
- Họ có nhiều thì giờ chuyên tâm tu hành để đoạn dứt phiền não. Bớt thì giờ nấu nướng trong bếp, thêm thì

Thích Vĩnh Hóa

giờ tu hành.

- Họ không được buôn bán, trồng trọt, kinh doanh, học nghề vì mục tiêu không phải là làm lợi.
- Họ không làm việc của người thế gian: vì như thế thì sẽ phạm giới. Nếp sống của họ là không tham gia vào thế sự.

Trong lúc thọ giới yết ma, khi đặng giới đàn để thọ Tỳ Kheo giới, họ được hỏi: ông phải là trượng phu không 汝是丈夫否? Họ đáp: phải. Tại vì sao? Đức Phật là đại trượng phu 大丈夫 như một trong mười danh hiệu của Ngài. Các tăng ni đều là đại trượng phu chưa thành. Trượng phu làm những việc khó làm. Họ nhẫn những gì khó nhẫn. Họ chịu đựng mười việc rất khó làm:

1. Gió: Họ sống ngoài trời nên phải chịu đựng gió sương.
2. Mưa: Thường chỉ được ở dưới cây không quá ba ngày. Bóng cây nhiều khi không phải chỗ tốt để trú mưa.
3. Con đói: Đi khát thực không ai cúng dường thì phải nhịn đói.
4. Con khát: Nhất là lúc trên đường đi.
5. Lạnh: Thời xưa, người xuất gia rất nghèo, chỉ có ba y che thân nên nhiều khi bị lạnh lẽo.
6. Nóng: Họ phải chịu đựng sự nóng bức. Không có máy lạnh hoặc những tiện nghi của thời nay.
7. Ác ngữ: Khi tu hạnh đạo đức, họ thường bị chửi bới, phỉ báng v.v...
8. Côn trùng độc: Có rất nhiều ở trong rừng.
9. Ăn mỗi ngày một bữa: Vì đức Phật chế rằng Tỳ Kheo chỉ ăn một lần trong ngày, trước Ngọ.
10. Trì giới: Trong cõi đời ngũ trược này, người tu sĩ bị nhiều cám dỗ dễ bị phạm giới.

Kinh A Di Đà

Đòi người xuất gia thật nhiều thử thách và cần nhiều sự hy sinh.

Vinh hoa và phú quý là nhân duyên tạo chướng ngại cho tu Đạo. Kẻ giàu có và quyền quý thường có ngã rất lớn. Họ thường thiếu kiên nhẫn nên khó tu Đạo. Phật Thích Ca Mâu Ni phát chí đại trượng phu: Ngài quyết bỏ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương để xuất gia hành đạo. Chư Tỳ Kheo Ni cũng thế: họ là đại trượng phu trong phái nữ. Các thầy Tỳ Kheo mong xuất Tam Giới (Dục, Sắc và Vô Sắc Giới), liễu sinh tử, và phát tâm Bồ Đề. Đó là tinh thần của đại trượng phu nên làm thiên ma kinh sợ. Các gia đình không hiểu đạo thường cản trở việc xuất gia vì không hiểu được sự lợi ích lớn lao này. Một người xuất gia thật tâm tu đạo không những cá nhân họ được giải thoát mà còn làm cho cộng đồng, quốc gia được ích lợi chung. Ví dụ, những chôn có thánh nhân ở thường không có thiên tai nhân họa. Nhưng các Ngài sẽ không bao giờ công bố như thế đâu. Đừng tin những kẻ tham danh lợi khi họ rao này khoe nọ!

Đại có năm nghĩa:

1. Số đại 數大: Có cả thảy 1,250 Tỳ Kheo.
2. Ly đại 離大: Họ khắc phục đại chướng ngại.
3. Vị đại 位大: Trời, vua và trượng phu kính phục họ.
4. Danh đại 名大: Danh tiếng của họ truyền xa và rộng.
5. Thức đại 識大: Họ nổi tiếng hơn ngoại đạo. Họ có đạo cao đức trọng 法高德重.

Các vị đại Tỳ Kheo:

Thích Vĩnh Hóa

1. Thường theo đức Phật: để học hỏi Ngài và giúp đỡ dạy chúng sinh.
2. Chuyên Pháp Luân. Pháp Luân có hàm nghĩa như sau:
 1. Cán nát những mê hoặc thô và vi tế của chúng sinh.
 2. Chở chúng sinh từ vị phàm phu đến thánh vị.
3. Họ đã độ vô lượng nhân thiên.
4. Vì thế nên **mọi người đều biết đến** họ, ngưỡng mộ:
 1. Danh 名 họ.
 2. Trí huệ 知 của họ vì đã thông đạt thâm lý.
5. Cùng với chư Bồ Tát, họ làm Ảnh Hưởng Chúng 影 響眾.
6. Họ cũng gọi là đại Tỳ Kheo vì họ thật sự là Bồ Tát hóa thân, hiện tiêu ẩn đại, hiện ra tướng A La Hán Tỳ Kheo để giúp đức Phật độ chúng sinh.

A La Hán nghĩa là:

1. Ứng Cúng 應供: Tịnh hạnh đã được lập; họ làm phước điền cho nhân gian; họ xứng đáng nhận sự cúng dường của trời người. Đây là quả của nhân khát sĩ (khi còn trên Tỳ Kheo nhân địa).
2. Sát Tặc 殺賊: Tứ Trụ đã không; họ đã đoạn kiến và tư hoặc và giết chết các giặc phiền não. Đây là quả của phá ác nhân (khi còn trên Tỳ Kheo nhân địa).
3. Vô Sinh 無生: Họ đã làm những gì họ cần làm (mục tiêu người Tỳ Kheo là liễu sinh tử); họ không còn phải luân hồi vì đã xuất Tam Giới. Đây là quả của bố ma nhân (khi còn trên Tỳ Kheo nhân địa).

Kinh A Di Đà

Liệt A La Hán trước hết vì:

1. Họ có tướng xuất thế, rất trang nghiêm.
2. Họ rất cảm kích ơn Phật nên xả thân thường theo Ngài đi giáo hóa chúng sinh khắp nơi.
3. Phật Pháp y tăng già để truyền.

Họ không phải là định tính 定性 A La Hán (thành đạt pháp, chứng quả nhưng không muốn tiếp tục tu cho đến Phật quả). Họ thật là đại A La Hán có “hồi tâm 回心, hồi tâm từ Pháp Tiểu Thừa hướng về Đại Thừa 乃回小向大”: họ phát tâm Bồ Đề và muốn tu Pháp Đại Thừa.

Phật Địa luận 佛地論 nói:

- Trong quốc độ bất tịnh, Thanh Văn là Thật và Bồ Tát là Quyền.
- Ở Báo độ, Bồ Tát là Thật và Thanh Văn là Quyền.
- Vì thế nên ở cõi Ta Bà này, Bồ Tát là phương tiện.

Luận trên cũng nêu ra bốn lý do tại sao liệt A La Hán trước:

1. Về phương diện tướng: Họ rất trang nghiêm như đức Phật.
2. Họ thân cận Phật.
3. Họ giữ giới thanh tịnh, phô bày đức hạnh thù thắng.
4. Đức Phật muốn các Bồ Tát từ bỏ các sự ngạo mạn vì thế đối với Nhị Thừa.

một nghìn hai trăm năm mươi vị cùng ở chung có thể phân tích ra như sau:

- Trần Như 陳如: Năm vị Tỳ Kheo đầu tiên, trước là tùy tùng của thái tử.

Thích Vĩnh Hóa

- Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, người anh cả 優樓頻螺迦葉: đem đến 500 đệ tử.
- Già Da Ca Diếp và em trai, hai em trai 伽耶迦葉, 於希連河度那提迦葉二人: đem đến 500 đệ tử.
- Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên: cùng đem đến 200 đệ tử.
- Da Xá trưởng lão tử 耶舍長者子: con của một vị trưởng lão đem lại 50 vị tỳ từ.
- Tổng cộng, có tất cả 1,255 nhưng nói gọn thành 1,250.

Vấn: Đức Phật đã độ vô lượng vô biên chúng sinh. Tại sao chỉ nêu ra 1,250 người thôi?

Đáp: Vì họ là những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Phật, luôn theo bên cạnh Ngài cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn.

Anh em Ca Diếp đã từng tu chung từ thời Ca Diếp Phật 迦葉佛. Họ là Bà La Môn thờ thần lửa.

Sau khi giảng xong Kinh Hoa Nghiêm để giáo hóa các Bồ Tát, đức Phật nhiếp thọ năm vị Tỷ Kheo đầu tiên. Ngài liền dùng Diệu Quán Sát Trí 妙觀察智 để chọn người mà giáo hóa.

Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp (nghĩa là vườn đu đủ; 木瓜林) có 500 đệ tử. Có thể ông ta đã tu trong vườn đu đủ, hoặc có người nói rằng trên lưng ông ta có cái bướu to như đu đủ hoặc có thể ông thích ăn đu đủ. Đu đủ rất tốt để trị bệnh phổi.

Kinh A Di Đà

Ông ta đã 120 tuổi. Nhà vua tôn ông làm thầy và ban hiệu là “Đại Tiên 大仙”.

Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp có hai người em: Gaya, nghĩa là thành 城 hoặc núi đầu voi 象頭山 và Nadi, nghĩa là sông 河. Mỗi người đều có 250 đệ tử.

Đức Phật đến thăm Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp và xin trọ qua đêm. Ông ta sinh nghi vì dùng thần thông để dọa mà không thể thấy được đức Phật. Ông ta bèn để Phật nghỉ trong hang có rỗng lửa hộ pháp của ông. Giữa đêm con rồng phun lửa để đốt đức Phật nhưng không đốt được vì Ngài đã nhập (hỏa quang) tam muội. Rồng lại phun hơi độc, đức Phật liền nhập Từ Tâm tam muội và không bị hại. Sáng hôm sau Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp khám phá rằng con rồng bị tiêu phục. Đức Phật bèn dỡ thần thông, dụng cho đến 16 lần thì Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp động tâm. Đức Phật liền nói Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp rằng không nên có tư tưởng ngạo mạn nghĩ mình là A La Hán vì như thế là phạm đại vọng ngữ (và sẽ đọa đại địa ngục). Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp phát lòng tin và xin quy y Phật. Ông ta lại bảo 500 đệ tử quy y luôn. Họ ném tất cả đồ dùng để cúng lửa vào sông. Không bao lâu sau khi xuất gia, họ đắc quả.

Cũng như người anh lớn, hai người em cũng thờ lửa. Người em thứ nhì đang tu bên sông, bỗng thấy dụng cụ cúng lửa trôi qua. Lo âu cho hai anh nên đi tìm hỏi thăm. Cuối cùng ba anh em và đệ tử đều quy y Phật. Họ đều chứng quả A La Hán hết.

Đó là Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-

Thích Vĩnh Hóa

ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi-bàn-đà-già, Nan-đà, A Nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, Tân-đầu-Lô phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-ni, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, A-nậu-lâu-đa, và các vị đệ tử lớn như vậy nhiều nữa;

Trưởng lão là danh từ dùng để tỏ lòng cung kính. Có ba loại trưởng lão:

1. Về tuổi tác: Vì sống rất thọ.
2. Về Pháp tính: Vì thông hiểu Phật Pháp, bất luận tuổi tác, vẫn xứng đáng làm trưởng lão vì rất thông minh và có trí huệ.
3. Về phước đức: Dân Chúng thích cúng dường cho họ.

Tất cả các vị A La Hán liệt ra đều là trưởng lão.

Theo sau là tám cặp đại đệ tử 八對:

1. Nội trí, ngoại thông đối 內智外通對.
2. Khổ hạnh, biện tài đối 苦行辨才對.
3. Ngộ không, tri huyền đối 悟空知幻對.
4. Xả ngu, khiêm bản đối 捨愚謙本對.
5. Đa văn, mật hạnh đối 多聞密行對.
6. Lưu tuyên, ứng cúng đối 流泉應供對.
7. Hóa tham, trừ mạn đối 化貪除慢對.
8. Thí dược, diên tăng đối 施藥筵僧對.

Xá-Lợi-Phát:

Vị trưởng lão này được đặt tên theo mẹ. Xá lợi 舍利 là tên

Kinh A Di Đà

của mẹ; phát 弗 nghĩa là tử 子: con. Xá-Lợi-Phất có thể được dịch như sau:

1. “Thân con”: Thân của mẹ Ngài rất đẹp. Tư cách lại đoan chính.
2. “Cò bạch con”: Mắt mẹ Ngài đẹp như mắt của cò bạch.
3. “Bảo con”: Mắt mẹ Ngài sáng ngời như châu bảo và để con ra cũng có mắt rất đẹp.

Cha Ngài thuộc giòng đại Bà La Môn; ông ta đa văn: học thức thật sâu rộng. Ông ta thường nghiên cứu tất cả kinh điển không cần nhắc gì cả.

Vợ ông ta mơ thấy một người mang áo giáp vàng, tay nắm chùy kim cương, đánh các núi tan nát thành bụi chỉ trừ một hòn núi. Đó là điềm cát tường báo cho biết rằng bà ta sẽ sinh một người con trai có đại trí huệ, biện tài vô song, và có thể khuất phục tất cả các giáo lý khác.

Bà ta mang thai, trí huệ bỗng nhiên tăng bội phần, có thể tranh luận ngang ngửa với các danh sư cao tăng khác.

Khi còn trong bụng mẹ, Ngài giúp bà thắng các cuộc tranh luận, nhất là với người anh của bà dù rằng trước đây bà thường đuối lý. Ông cậu biết rằng mình bị thua đứa bé trong bụng em gái nên bỏ đi khắp nơi trong vòng 16 năm để nghiên cứu các sách vở. Ông cậu không chịu lãng phí thời giờ để tắm rửa hoặc cắt móng tay nên được mệnh danh là “ông Bà La Môn với móng tay dài”. Khi ông về lại nhà thì nghe tin rằng cháu trai đã xuất gia theo Phật. Ông ta lật đật đến viếng đức Thế Tôn để đòi lại đứa cháu trai. Đức Phật hỏi lý do của lời thỉnh cầu của ông.

Thích Vĩnh Hóa

“Tôi lấy bất thọ nhất thiết pháp làm tông 我以不受一切法為宗.” Ông ta nói.

“Vậy thì ông có chấp nhận chủ trương không thọ không 汝見受否?” đức Phật lập tức nói không cần suy nghĩ.

Ông cậu cứng họng vì tiền thôi lương nan. Nếu nói không chấp nhận tức là chấp nhận rằng không có tông chỉ. Còn nói chấp nhận thì sẽ bị mâu thuẫn với tông chỉ bất thọ pháp.

Trước khi đầu lý ông cậu thỏa thuận với Phật rằng nếu thắng thì có quyền đem Xá-Lợi-Phất theo về và nếu thua thì sẽ cắt đầu dâng cho Phật. Khi biết bị thua, ông ta lập tức bỏ chạy. Chạy đi một đoạn đường thì đổi ý: lòng sinh hổ thẹn vì sự nhát gan của mình nên quay trở lại, hỏi Phật mượn con dao để tự cứa cổ đưa đầu cho Phật như đã ấn định trước. Đức Thế Tôn khuyên lơn và đề nghị tốt hơn ông ta nên xuất gia tu với Phật. Ông ta nghe có lý và cạo đầu theo Phật tu.

Xá-Lợi-Phất là một vị trưởng lão về Pháp tính. Lúc mới tám tuổi, Ngài thông đạt Phật Pháp nội trong một tuần và đã bại hết thầy các luận gia khác của Ấn Độ. Danh của Ngài được truyền khắp mọi phương. Ngài có hoài vọng rất cao cả và bản tính rất chân thật. Tâm lại rất từ bi. Không lâu Ngài bỏ tất cả các chấp trước và khai trí huệ (nên được gọi là nội trí 內智 của cặp một đã nêu trên).

Trong hàng đệ tử của đức Phật, Ngài là đệ nhất trí huệ. Ngài cũng không kém một ai về thần thông: một lần Ngài ngồi

Kinh A Di Đà

nhập định, Ma Ha Mục Kiền Liên muốn gọi Ngài xuất định, nên đỡ thân thông lay áo của Xá Lợi Phất nhưng đầu có dùng hết sức cũng không nhúc nhích được ngay cả góc cà sa của Xá Lợi Phất.

Tại sao Xá Lợi-Phất đứng đầu về trí huệ? Tại vì trong nhân địa Ngài được thiện tri thức truyền Pháp môn Bát Nhã: tụng chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm, tiểu thập chú và Tâm Kinh. Nếu tụng mỗi ngày thì sẽ làm trí huệ khai phát.

Thật ra Ngài đã thành Phật, danh hiệu là Kim Long Phật.

Vấn: Có rất nhiều Đại A La Hán với đại trí huệ và thần thông, tại sao liệt Xá Lợi-Phất trước tiên?

Đáp: Ngài là người duy nhất có thể thắng đấu lý với tất cả các vị Thanh Văn, trí huệ thì thù thắng và vô song, lại còn là vị thành Pháp tại núi Linh Thứu, thủ lãnh của Thanh Văn ở thành Bì Gia Li (Quảng Nghiêm thành). Vậy liệt ở trước có gì quá đáng?

Ma Ha Mục-kiền-liên

Ma Ha có ba nghĩa:

1. Đại: Được nhiều vương tước kính phục.
2. Nhiều: Có nhiều phước, đức, tùy tùng v.v...
3. Thù thắng: Có thể hàng phục các thiên ma và ngoại đạo.

Mục Kiền Liên nghĩa là “Thái thực thị 采菽氏: con cháu của gia đình hái đậu”, tên đặt theo giòng họ của mẹ. Cũng

Thích Vĩnh Hóa

còn có nghĩa là “lai bặc 萊菔: rễ củ cải” vì tổ tiên ăn củ cải lúc tu Đạo (rất nhiều người xuất gia tu Đạo). Ông còn được gọi là Câu Luật Đà 拘律陀” theo tên của cây mà cha mẹ cầu khẩn thần cây xin một mụn con trai.

Ngài làm bạn rất thân với Xá Lợi Phát . Cả hai đều chán chường cõi đời nhưng không biết nương tựa nơi nào. Họ cùng tu dưới một vị thầy ngoại đạo nhưng đều ý thức rằng pháp này không tốt ráo. Họ để tâm tìm một Pháp khác thù thắng hơn.

Một hôm, Xá Lợi Phát tình cờ gặp một đệ tử của Phật tên là Mã Thắng 馬勝 đang đi bộ ngang qua. Thấy oai nghi đĩnh đạc, phong cách quý phái và thiên lạc của ông, Xá Lợi Phát rất khâm phục vị A La Hán này. Ngài cung kính vái chào và hỏi: “Thầy của thầy là ai? Ông ta dạy gì?”

Mã Thắng đáp: “Thầy của tôi là đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

Chư pháp tùng duyên sinh; 諸法從緣生、

Nghĩa là: Tất cả các pháp đều do duyên sinh

Chư pháp tùng duyên diệt 諸法從緣滅、

Nghĩa là: Tất cả các pháp đều do duyên diệt

Ngã Phật Thích Ca sư 我佛釋迦師、

Nghĩa là: Thầy tôi Phật Thích Ca

Thường như thị thuyết 常如是說

Nghĩa là: Thường nói như thế”.

Xá Lợi Phát nghe xong, lập tức chứng Sơ quả A La Hán. Ngài về tìm Ma ha Mục Kiền Liên kể cho nghe. Mục Kiền

Kinh A Di Đà

Liên cũng tức thời chứng Sơ quả.

Cả hai dẫn tất cả 200 đệ tử đến xin xuất gia với đức Phật. Đức Thế Tôn vồn vẹn nói: “Thiện lai Tỳ Kheo 善來比丘”. Họ nghe, tóc lông đều rụng, tự nhiên được khoác áo Tỳ Kheo và đặc giới thể. Họ tinh tấn tu hành và dần dần đắc A La Hán quả.

Ma-ha Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông. Ngài có lòng hiếu thảo phi thường và cứu độ vô lượng chúng sinh đang chịu khổ trong cõi địa ngục. Ngài là thành phần ngoại thông 外通 của cặp một đã nêu trên.

Có sáu loại thần thông:

1. Như Ý thông 如意通: Cũng được gọi là Thần Túc thông 神足通. Chúng ta có thể đi hoặc bay đến bất cứ đâu một cách vô ngại. Hoặc có thể hiện hoặc biến hóa một cách tự do.

Theo Đại Luận, có ba loại “như ý”:

1) Năng đáo 能到: có thể đến (cũng phân chia ra làm bốn loại:

a) Thân năng phi hành 身能飛行: thân có thể bay, như chim chóc

b) Di viễn tác cận 移遠作近: đi xa nhưng còn gần, không rời chỗ nhưng đến xa

c) Thử một bỉ xuất 此沒彼出: biến mất ở đây, hiện ra ở đó

Thích Vĩnh Hóa

d) Nhất niệm tức năng chí 一念即能至: trong một niệm thì có thể đến

2) Chuyển biến 轉變: Có thể biến đổi từ nhỏ thành to và to thành nhỏ; có thể từ một biến thành nhiều và từ nhiều thu thành một

3) Thánh như ý 聖如意: Có thể quán sát và phát giác rằng lục trần không xứng đáng để chấp trước, nhận định bất tịnh là tịnh, thanh tịnh không ngoài bất tịnh. Tất cả đều có thể quán sát và thấy như nhau, không có sai biệt. Chỉ riêng Phật mới có.

Đây là kết quả của tu luyện Tứ Như Ý Túc (giảng nghĩa sau). Thân thông từ từ thành thực trong quá trình tu hành.

2. Thiên Nhãn thông 天眼通: Cũng được gọi là Tịnh Nhãn 淨眼. Có thể dùng để thấy gần hoặc xa ở trong các cõi Dục và Sắc Giới. Chúng ta có thể dùng thân nhãn này để quán sát mọi việc trong lục đạo của cõi này và ở dưới.

Gồm có hai loại. Loại người có thể đắc được loại đầu tiên nhờ tu luyện như những kẻ đạt được thiên định (tứ thiên và tứ định). Loại thứ nhì có thể đắc sau khi sinh lên cõi Trời.

Thiên Nhãn có thể giúp phát khởi Sinh Tử Trí 死生智: giúp cho chúng ta biết hàm thức (chúng sinh) chết từ một cõi sinh qua cõi khác.

Kinh A Di Đà

3. Thiên Nhĩ thông 天耳通: dùng để nghe âm thanh của cõi Dục và Sắc Giới. Chúng ta có thể nghe âm thanh của đất này, ở dưới và ở trên đầu là nhân hoặc phi nhân, gần hoặc xa v.v...

Cũng như Thiên Nhãn, gồm có hai loại: đặc nhờ tu hoặc nhờ quả báo.

4. Tha Tâm thông 他心通: Có thể đọc được tư tưởng người khác.
5. Túc Mạng thông 宿命通: cho biết các kiếp trước ở cõi nào, cõi tên gì, sống bao lâu, hoàn cảnh sống (khổ hoặc sướng) v.v... Có thể biết sinh tử của các ngũ uẩn hữu lậu trong cõi Dục và Sắc Giới. Không thể biết được việc sinh về cõi Vô Sắc Giới. Có thể nhớ việc luân hồi ở nhiều đại kiếp trong quá khứ.

Bậc A La Hán và Bích Chi Phật có thể biết cho đến 80.000 đại kiếp trước.

6. Lậu Tận thông 漏盡通: Ai cũng có thể tu (hoặc khi sanh Thiên) đạt được ngũ thông trên. Riêng chỉ có các thánh nhân mới đắc được lậu tận thông này: vì đã chấm dứt được tất cả các lậu nên các Ngài không còn phải bị sinh tử.

Có hai loại Lậu Tận thông. Một loại thuộc chư Phật vì các Ngài đã liễu tất cả các lậu của tập khí. Loại kia thuộc về Bồ Tát vì họ chưa hoàn toàn đoạn tất cả các lậu của tập khí.

Sau khi đắc thần thông, Ma-ha Mục Kiền Liên dùng thần

Thích Vĩnh Hóa

thông đi tìm người mẹ đã quá vắng. Ngài thấy mẹ bị dọa trong địa ngục, đang bị đói khát khổ sở khôn cùng. Ngài lập tức bay đến, đem một tô cơm cho mẹ. Bà ta theo thói quen tham lam, một tay chụp lấy tô cơm và tay kia thì che giấu nó. Nhưng khi dứt thức ăn vào miệng thì vì nghiệp chướng quá nặng nên thức ăn biến thành than nóng đốt cháy miệng bà. Ma-ha Mục Kiền Liên rất đau khổ và chạy đến gặp Phật cầu cứu. Đức Phật dạy cho Pháp Vu Lan Bồn 盂蘭盆 dịch là “giải thoát kẻ đang bị treo ngược”. Nhân ngày rằm tháng bảy âm lịch, ngày của đức Phật hoan hỷ và chư tăng Tự Tứ 自恣, mà cúng dường đủ các loại ẩm thực cho chư tăng của thập phương. Rồi nhờ công lực của các Ngài, mẹ của Mục Kiền Liên có thể đắc giải thoát. Ngài y giáo phụng hành. Nhờ thế mà mẹ lập tức được sinh cõi trời.

Ma-Ha Ca-Diếp

“Ma-ha” để phân biệt với các vị Ca-Diếp khác.

Ca-Diếp nghĩa là “đại qui thị 大龜氏” vì tổ tiên theo họa đồ trên lưng một con rùa mà tu. Còn có nghĩa khác là “âm quang thị 飲光氏” vì thân phát quang sáng ngời nên có cảm tưởng như thu hút hoặc làm lu mờ những hào quang khác.

Thân tỏa sáng vì bảy đời Phật trước, trong thời của đức Phật Tỳ Bà Thi 毗婆尸佛, có một phụ nữ nghèo phát tâm sửa chữa một ngôi chùa bỏ hoang. Chùa không còn nóc nên các hình tượng đều lộ thiên chịu nắng mưa dầm dề. Mặt của một tượng Phật còn bị rạn nứt. Bà ta đi khắp nơi yêu cầu giúp sửa

Kinh A Di Đà

chùa. Sau khi quyên đủ tiền thì thuê một vị thợ vàng lát vàng các tượng. Vị thợ vàng thương mến bà ta nên đề nghị làm công miễn phí. Sau họ lấy nhau. Từ đó trong 91 kiếp, họ thành vợ chồng và thân của họ có ánh sáng màu tím vàng.

Ma-Ha Ca-Diếp hưởng đại phước cả 91 kiếp, thường sinh cõi trời người để hưởng thụ. Một lần sinh lên cõi Phạm thiên. Lúc đó ở nước Ma Kiệt Đà 摩竭陀國 có một người Bà La Môn giàu có vì đã trồng phước từ kiếp trước. Ông ta thông minh, có trí huệ, và cực kỳ giàu có (kho đầy bạc, vàng, thất bảo, trâu bò, dê, ruộng, nhà, nô bộc, xe ngựa và xe chở đồ). Ông ta thật ra còn giàu hơn nhà vua nữa. Vua có 1.000 cày bằng vàng. Vì sợ nếu bị biết là giàu bằng vua thì có thể bị vua phạt nên ông ta cố ý chỉ giữ 999 cày bằng vàng. Ông ta còn có 1.000 chăn bằng vàng, cái tề nhất trị giá 100.000 gramme vàng. Ông ta còn có 60 thùy 罽 鬘 óc vàng, mỗi thùy 罽 鬘 có 340 học 斛 (đơn vị đo lường đời xưa bên Trung Quốc; 24 lít = 1 học).

Dầu rất giàu có nhưng ông Bà La Môn không có con nối giòng dõi. Bên cạnh nhà có thần cây nên hai vợ chồng thường đến cây khẩn vái xin được một đứa con trai. Cầu xin nhiều năm mà không có hiệu quả. Ông nổi giận nói: “chúng tôi sẽ thành tâm cúng dường thêm bảy ngày nữa, nếu vẫn không có cảm ứng thì sẽ đốn cây. Thần cây lo âu và hoảng sợ, báo cáo cho Tứ Thiên Vương.

Tứ Thiên Vương tâu với Đế Thích. Đế Thích điều tra và thấy trong cõi Diêm Phù không có ai đủ phước làm con trai của họ. Đế Thích báo cáo với Phạm Vương. Phạm Vương thấy

Thích Vĩnh Hóa

Ma-Ha Ca-Diếp (đang làm trời) sắp chết, nên khuyên ông ta sinh làm con trai của vị Bà La Môn giàu có. Đây là lý do tại sao Ma-Ha Ca-Diếp có tên riêng là “Tất Bát La 必鉢羅” vì cha mẹ khẩn cầu thần cây pippala để xin con trai.

Thế nên gia đình Bà La Môn đó được một người con trai. Một vị thầy coi tướng được triệu đến và tiên đoán rằng cậu ta sẽ xuất gia. Cha mẹ cậu không được hài lòng. Họ bày ra đủ cách để can ngăn và khiến con trai bỏ tư tưởng đòi xuất gia. Họ quyết định cưới vợ cho con để giữ cậu lại trong thế gian. Lúc được 15 tuổi, cha mẹ cậu tuyên bố muốn cưới vợ cho con trai. Ca-diếp từ chối, khẳng định muốn sống một cuộc đời thanh tịnh (có lẽ vì thói quen từ kiếp trước trong cõi Phạm Thiên). Cha mẹ cậu không đồng ý. Ca-diếp bèn bày mưu: đặt điều kiện là chỉ cưới cô gái nào thân có ánh sáng màu tím vàng.

Không sồn lòng, cha mẹ cậu liên lạc hết các bạn giòng Bà La Môn khắp Ấn Độ yêu cầu giúp tìm cô gái như thế. Bạn Bà La Môn đắp một tượng cao ráo bằng vàng, đem khắp nơi rao rằng những cô con gái nào đánh lễ tượng vàng sẽ có thể tìm một người chồng xứng đáng. Có một cô con gái thân có hào quang màu vàng. Nàng ta đoan chính và tuyệt đẹp. Cô ta nghe lời đồn nên đến đánh lễ tượng. Ông Bà La Môn gặp cô ta là tán thành ngay và cưới cô ta cho con trai.

Hai người trẻ gặp nhau và thỏa thuận rằng tuy sống chung nhưng không có chung chăn gối. Mỗi người sống mỗi phòng riêng. Cha mẹ họ khám phá ra hợp đồng của họ nên đập phá một phòng bắt họ sống cùng phòng. Họ lại lập hợp đồng mới: một người ngủ thì người kia thức tỉnh tu. Một hôm họ,

Kinh A Di Đà

đến phiên cô vợ ngủ. Cô ta duỗi tay ra khỏi giường. Có con rắn độc bò vào phòng xông tới muốn mổ cánh tay. Ca-diếp thấy rắn, liền lấy vải bọc tay và nhẹ nhẹ nhấc tay vợ để vào lại trong giường.

Cô vợ chợt tỉnh dậy và trách chồng có hành vi bất tịnh: “Tại sao anh đụng tay em?” Cô ta hỏi. Ca-diếp giải thích cho biết sự kiện. Cô ta đáp: “Nếu bị rắn cắn thì chỉ thân này bị đau đớn nhưng bị anh đụng vào sẽ bị đọa tam ác thú”. Vợ chồng lập tức đi tắm và kỳ cọ thật kỹ. Vì cực kỳ chán chường nếp sống thế tục, cả hai cùng đến xin cha mẹ được xuất gia. Biết vô phương nên họ phải đồng ý.

Cặp vợ chồng trẻ cùng xuất gia. Họ tìm đến đức Phật và được nhận làm đệ tử. Cả hai tu hành rất tinh tấn và từ từ chứng quả. Tâm Ngài Ca-diếp kiên cố và hoàn mỹ như ngọc thạch. Thân và diện mục cùng có ánh sáng màu vàng. Ít ai có thể so sánh với hạnh tu hành của cặp này. Nhất là hạnh thiếu dục và tri túc của Ngài thật vô song.

Ma-ha Ca-diếp vẫn chưa nhập Diệt. Ngài nhập định ở Kê Túc Sơn 現在雞足山 (ở Vân Nam). Ngài sẽ dâng y của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Di Lặc Bồ Tát ở Long Hoa Hội. Lúc đó công tác của Ngài ở cõi Ta Bà này mới kết thúc. Vợ Ngài thành Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni.

Ngài là Sơ Tổ của giòng Chánh Pháp Phật Giáo. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết Pháp ở núi Linh Thứu, Phạm Thiên Vương dâng hoa sen màu vàng và dùng thân cúng dường làm Pháp tòa. Đức Phật nhấc cành hoa trước đại chúng đông cả trăm ngàn nhân thiên. Chỉ riêng Ma-ha Ca-diếp mỉm cười.

Thích Vĩnh Hóa

Đức Thế Tôn nói:

“Ngã hữu Chánh Pháp Nhân Tạng 我有正法眼藏，

Nghĩa là: Ta có Chánh Pháp Nhân Tạng

Niết Bàn Diệu Tâm 涅槃妙心，

Nghĩa là: (thuộc về) Niết Bàn và (huyền) Diệu Tâm

Thật Tướng Vô Tướng 實相無相，

Nghĩa là: Pháp của Thật tướng tức là pháp của vô tướng

Vi Diệu Pháp Môn 微妙法門。

Nghĩa là: Vi tế và huyền diệu Pháp môn

Phổ chúc Ma Ha Ca Diếp 咐囑摩訶迦葉

Nghĩa là: Nay đã truyền cho Ma-ha Ca-diếp”.

Xuất gia với Phật Thích Ca lúc 160 tuổi. Ngài là đệ nhất hạnh đầu đà 頭陀 và tuổi tác.

Hạnh đầu đà 頭陀行

Cũng được gọi là khổ hạnh 苦行, nghĩa là “đầu tẩu 抖擻: hăng hái cố gắng, hoặc đã khởi tinh thần 打起精神: tinh thần phấn chấn, can đảm và hăng hái” để quét sạch ô uế và phiền não. Nhất là người xuất gia chịu khổ nhọc tinh tấn gội rửa cho sạch hết tam độc nên nhà sư được gọi là đầu đà. Hạnh đầu đà còn có người tu là Phật Pháp đang còn được duy trì. Còn có người tu hạnh đầu đà thì Phật Pháp còn tại thế. Khi không còn ai tu hạnh đầu đà nữa thì Pháp sẽ biến mất.

12 hạnh đầu đà là:

Kinh A Di Đà

1. Trước tề nạp 著弊納: mặc áo xấu. Đời xưa, người xuất gia rất nghèo: họ phải lục lạo tìm vải bỏ trong thùng rác, đem về rửa cho sạch, rồi khâu lại làm cà sa. Vì thế nên áo ca sa tượng trưng cho lòng không tham mặc đồ tốt. Lợi ở chỗ không nuôi dưỡng lòng tham: nên tâm thường an lạc và người khác khỏi sinh tâm ganh tỵ.
2. Dẫn tam y 但三衣: chỉ có tam y, ba cà sa. Bây giờ thì còn thêm bình bát và tọa cụ. Có ba loại áo cà sa. Thứ nhất là đại y hoặc thường được gọi là cữu y (có thể từ chín đến hai mươi lăm mảnh), được làm bằng 25 mảnh vải chia thành 108 ô, thường được mặc khi dâng Pháp tòa hoặc khi viếng nhà vua. Áo thứ hai là ngoại y, thường được gọi là thất y, gồm bảy mảnh vải, được mặc khi lạy sám hối hoặc lễ Phật. Thứ ba là nội y, thường được gọi là ngũ y, được mặc thường xuyên để đi làm việc, đi trên đường hoặc tiếp khách. Người xuất gia tập tri túc: biết thỏa mãn với ít của cải.
3. Thường hành khát thực 常行乞食: thường đi xin đồ ăn. Người xuất gia thường không tự nấu ăn.
4. Thứ đệ khát thực 次第乞食: Xin ăn tại bảy căn nhà liên tiếp không phân biệt. Nếu không có ai cúng dường thức ăn thì ngày đó khỏi ăn. Lúc trước, Ma-ha Ca-diếp chuyên môn khát thực trong vùng người nghèo và Subhuti lại chuyên môn xin ăn vùng nhà giàu có. Đức Phật trách mắng cả hai và chế rằng các đệ tử xuất gia không được phân biệt hèn sang khi đi khát thực.
5. Thọ nhất thực pháp 受一食法: chấp nhận Pháp ăn một ngày một bữa. Như thế thì bớt tốn thì giờ ăn uống và dành nhiều thì giờ tu hành.

Thích Vĩnh Hóa

6. Tiết lượng thực 節量食: Bớt ăn. Pháp này là từ từ bớt ăn.
7. Trung hậu bất đắc ẩm tương 中後不得飲漿: sau trưa thì không uống nước (như nước ngọt; nước lã thì không cấm), tương (như chè). Làm vậy thì tránh tâm tham khoái lạc và chấp trước, khỏi bị chi phối trong việc tu các thiện pháp.
8. Tại A Lan Nhã xứ 在阿蘭若處. A Lan Nhã là tiếng Phạm, có nghĩa là “chỗ tịch và tĩnh”: nơi đó thanh vắng và không ồn ào náo nhiệt.
9. Thụ hạ chỉ 樹下止: Lúc trước người xuất gia sống ngoài trời. Họ dùng chân dưới cây để nghỉ và ngủ qua đêm. Họ thường không tá túc dưới bất cứ cây nào quá hai đêm để tránh tạo duyên.
10. Lộ địa trụ 露地住: Sống ngoài đường (không nhà). Pháp này làm tâm kiên cố và bén nhạy, giúp nhập định dễ dàng hơn.
11. Trùng gian trụ 塚間住: Ở trong nghĩa địa. Đây là một phương pháp trị tâm lười biếng vì bị ma quỷ vây đánh thì sẽ làm cho chúng ta đề cao cảnh tỉnh hơn.
12. Dẫn tọa bất ngọa 但坐不臥: chỉ ngồi thôi, không nằm. Làm như vậy thì bớt rất nhiều phiền não.

Ma-ha Ca-diếp thực hành tất cả 12 hạnh đầu đà. Lúc Ngài 200 tuổi, đức Phật khuyên Ngài nên bớt tu đầu đà nhưng Ngài chỉ mỉm cười thôi mà không chịu.

Ma Ha Ca Chiên Diên 摩訶迦旃延

Kinh A Di Đà

Dòng họ Ma ha Ca Chiên Diên là Đại Tiễn Thế 大翦剃: kéo cắt tóc lớn. Con cháu đều thuộc giòng Bà La Môn. Họ ẩn tu đạo tiên ở một dãy núi rất xa. Họ thành người già cả và tóc tai mọc rất dài nhưng không có ai cắt (Bà La Môn không được cắt tóc). Một vị Bà La Môn có hai người con trai. Hai con trai đến thăm cha và người em trai đề nghị xin phép cắt tóc cho các vị tu đạo tiên. Tất cả đều đồng ý và sau này đều đắc đạo (tiên). Cho nên giòng này được gọi là Đại Tiễn Thế. Họ là tổ tiên của Ngài Ma Ha Ca-Chiên-Diên.

Ca-Chiên-Diên nghĩa là phiến thừng 扇繩: giây quạt. Mẹ của Ngài rất yêu thương con. Sau khi sinh ra Ngài thì ông cha qua đời, mẹ muốn tái giá nhưng đưa con như sợi giây cột chân tay lại nên không thể lấy chồng khác.

Trong quá khứ, Ngài dùng Pháp Ngũ Giới để quét sạch ô uế làm nhân địa. Cho nên Ngài đắc quả báo là đọa nghiêm vô song. Ngài du hành khắp nơi để hóa dẫn chúng sinh. Có lần Ngài gặp vua, vua rất khâm phục oai nghi của Ngài. Nhà vua hỏi đức Phật và được đáp: vua cũng đã dùng Ngũ Giới để quét ô uế. Trong tương lai, nhà vua cũng sẽ có quả báo đọa nghiêm như vậy. Nhà vua rất hài lòng và phát Bồ Đề tâm.

Khi Ma-Ha Ca-Chiên-Diên đấu lý, lời nói tuôn ra như thác nước. Dung nhan hoàn mỹ như pha lê. Ngài lại có thể dùng đũa trí huệ để đánh tan đêm dài đen tối. Ngài có biệt tài, có thể tức tốc đả phá với lời nói sắc bén. Ngài tranh cãi thắng hết sáu vị đại luận sư (và đệ tử của họ) đương thời.

Thích Vĩnh Hóa

Ca-Chiên-Diên nghĩa là “văn sức 文飾: thanh nhã văn chương. Ngài có biện tài khó ai sánh kịp và là đệ nhất về luận nghĩa 論義: tranh luận về nghĩa lý. Kinh A Hàm kể lúc Ngài đấu lý với một người ngoại đạo (Bà La Môn). Vị này không tin rằng thiết sự có trời hoặc địa ngục (chỉ tin thuyết lý hư vô nihilism). Vị ngoại đạo hỏi rằng nếu con người sau khi chết mà sinh cõi trời hoặc địa ngục, thì tại sao họ không trở về báo cho cha mẹ bạn bè biết? Ma-ha Ca-Chiên-Diên đáp: Kẻ sinh lên Trời thì không chịu trở về cõi người vì không khác gì phải trở về cầu tiêu ngoài nhà. Những kẻ bị đọa địa ngục thì không thể trở về cõi người được vì như đang bị giam ngục, không còn có tự do nữa. Ngoại đạo cứng họng mà chịu thua.

Có bốn loại biện tài vô ngại:

1. Pháp vô ngại biện tài: có thể giảng vô lượng vô biên giáo lý.
2. Nghĩa vô ngại biện tài: có thể giảng vô lượng ý nghĩa của các Pháp.
3. Từ vô ngại biện tài: Vừa có miệng lưỡi vừa biết văn chương.
4. Lạc thuyết vô ngại biện tài: có thể khéo léo thuyết pháp tùy theo sở thích của người nghe làm họ mê thích. Bản thân thì lúc nói Pháp cũng sinh lạc thú.

Ca-Chiên-Diên còn có nghĩa là “hảo kiên 好肩:” vì có hai vai rất đẹp. Và cũng có nghĩa là “Tur thắng 思勝: suy nghĩ thù thắng” vì có biện tài vô ngại.

Ngài được liệt vào biện tài của cặp hai (đối với khổ hạnh).

Kinh A Di Đà

Ma-Ha Câu-Hy-La 摩訶拘絺羅

Ngài là cậu của Xá Lợi Phất. Tên tiếng Phạn nghĩa là “đại tât 大膝” vì mọi người trong gia đình đều có đầu gối to. Ngài còn có tên hiệu là Trường Trảo Phạm Chí 長爪梵志: Người có móng tay dài và chí nguyện thanh tịnh. Ngài thông đạt Tứ Vê Đà điển 四圍陀典 và cũng có biện tài, tài bàn luận có thể làm nghiêng sông 辯若傾江. Ngài uyên thông về các thuật ngoại đạo 博通道術, lời nói tao nhã như ngọc, và thích thu thập đủ loại kinh thư 遍攬經書.

Ngài chứng A La Hán quả vị nhờ thông đạt được lý Không. Vì thế nên được tôn là Ngộ Không 悟空.

Ngài là đệ nhất Đáp vấn 答問.

Ly-Bà-Đa 離婆多

Ly-Bà-Đa nghĩa là “Bắc phương tinh tú 北方星宿: sao phương Bắc”, tên của tinh tú thứ tư trong 28 tinh tú, tên là “phòng nhật tú 房日兔: sao nhà trời thỏ” vì cha mẹ nhờ khẩn cầu tinh tú mà được con trai.

Ly-Bà-Đa còn có nghĩa “giả hòa hợp 假和合”. Ngày nọ, Ngài đang qua đêm trên đường. Đang ngủ thì có hai con quỉ

Thích Vĩnh Hóa

lôi một cái tử thi đến. Quỷ lớn hỏi ý kiến Ly-Bà-Đa : có nên ăn tử thi không? Ly-Bà-Đa sợ chết điếng, không dám lên một tiếng. Quỷ lớn xé ra một cánh tay nhai ngấu nghiến, quỷ nhỏ liền lấy cánh tay của Ly Bà Đa thế vào cho tử thi. Cứ như vậy mà chúng nó ăn hết tử thi. Trời sáng, Ly-Bà-Đa chạy hốt hải trên đường, la hét om sòm và gặp ai cũng hỏi: “nhìn giùm tôi, xem thân thể tôi có còn không?” Mọi người tưởng ông điên. Sau cùng Ngài gặp hai vị tăng A La Hán. Họ nhận ra tiềm cơ của Ngài nên nói: “thân thể vốn chỉ được tạo ra do sự phối hợp của nhiều nhân duyên. Khi nhân duyên chia lìa thì cơ thể sẽ bị diệt. Không có gì là ông và cũng có gì không phải là ông.” Nghe như vậy lập tức Ly-Bà-Đa giác ngộ. Ngài xuất gia và chứng quả. Tâm của Ngài không tán loạn và miệng thì không vọng ngữ. Ngài là phần Tri Huyền 知幻 của cặp ba.

Ngài đệ nhất về “không đảo loạn 無倒亂.”

Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già 周利槃陀伽

Anh của ông tên là Ma-Ha-Bàn-Đặc 摩訶槃特. Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già nghĩa là “Tiểu kế đạo” (tiếp tục được sinh trên đường) và tên người anh thì nghĩa là Đại kế đạo 繼道. Thời trước bên Ấn Độ, các phụ nữ thường theo truyền thống về nhà cha mẹ để sinh con cái. Mẹ của hai Ngài cả hai lần đều về trễ nên hai lần đều sinh con dọc đường.

Anh thì rất thông minh, còn em thì rất ngu xuẩn. Đó là quả báo của kiếp trước khi Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già làm Pháp sư lại

Kinh A Di Đà

hà tiện Pháp, không chịu giảng Pháp cho người đến thỉnh.

Mẹ của họ là con gái một thương chủ rất giàu, bà lẳng nhăng với một người nô lệ. Khi biết mình mang thai, bà hổ thẹn không dám thú tội với cha mẹ. Người nô lệ thì sợ chủ cho nên thay vì thú tội thì họ quyết định bỏ trốn rất xa. Họ sống với nhau rất hạnh phúc. Khi người phụ nữ đó sắp sinh con, theo truyền thống của Ấn Độ, thì phải về nhà cha mẹ để nương tựa. Nhưng người chồng vẫn còn sợ cha mẹ vợ nên kiếm có trì hoãn. Nhân lúc người chồng vắng nhà, người vợ qua hàng xóm nhờ nhắn với chồng là bà phải về nhà cha mẹ để sinh. Khi người chồng trở về, hay tin liền lập tức chạy theo thì gặp bà đang sanh, họ quay trở lại nhà. Năm sau bà mang thai đứa con thứ hai thì chuyện xảy ra lại y như cũ. Bà sinh Châu Lợi Bàn Đà Già ở dọc đường.

Hai anh em lớn lên và bắt đầu hỏi về lai lịch của gia đình. Cuối cùng cặp vợ chồng quyết định dắt hai đứa con về ra mắt ông bà ngoại. Họ đến thành phố của gia đình ông ngoại, vào nhà trú và nhờ người đến báo tin cho gia đình. Ông bà ngoại gửi tiền cho cặp vợ chồng và nhắn: “Lấy tiền và sống chỗ nào cũng được, hai người nên tránh sự hổ thẹn cho cha mẹ; chúng tôi nhận hai đứa cháu”. Cặp vợ chồng để hai đứa con cho ông bà ngoại nuôi, họ ra đi và chẳng bao giờ dám về thăm nhà.

Người con lớn thích theo ông ngoại tới nghe Phật giảng pháp, một ngày kia ngài Ma Ha Bàn Đà Già xin phép ông ngoại xuất gia, ông ngoại rất hoan hỷ tán thành, ngài tu hành rất gặt gao và đắc được tứ quả A la hán. Mới nhớ người em nhỏ của mình, nên về thăm nhà ông ngoại, và xin phép ông ngoại cho phép người em được xuất gia, ông ngoại rất hoan hỷ tán thành.

Thích Vĩnh Hóa

Thế nên Tiểu kế đạo thành sa di. Đức Phật sai 500 vị A La Hán thay phiên dạy sa di một câu kệ. Họ cố gắng dạy ngày đêm cho thuộc câu kệ sau:

“*Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc phạm 守口攝意身莫犯*
Mạc nào nhất thiết chư hữu tình 莫惱一切諸有情
Vô ích khổ hạnh đương viễn li 無益苦行當遠離
Như thị hạnh giả khả độ 如是行者可度”.

Học trong 100 ngày nhưng Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già cũng không thuộc kệ. Ông anh Tỳ Kheo nổi giận, chửi người em là ngu ngốc và vô dụng, bảo ông em nên hoàn tục. Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già nổi tự ái, tìm cây muốn treo cổ tự vận. Đức Phật biến thành thần cây và nói Pháp cho nghe. Đức Thế Tôn dạy Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già “tảo trừu 掃帚 quét sạch” (quét sạch tất cả kiến thức, tư tưởng và phiền não). Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già y giáo phụng hành và vài tuần sau thì giác ngộ và đắc vô biên vô ngại biện tài.

Ngài là đệ nhất Nghĩa Trì 義持.

Vì vậy nếu muốn tu, thì đừng sợ không đủ thông minh, ngược lại nên sợ rằng không chịu phát tâm. Kẻ ngu si cũng có thể đắc đại trí huệ. Chỉ cần tụng “tảo trừu” mà cũng đắc A la Hán quả! Huống gì là dùng phương pháp niệm Phật!

Trong một tiền kiếp Châu Lợi Bàn Đà Già là một thương gia rất thành công. Lúc đó đức Phật cũng sinh vào một gia đình

Kinh A Di Đà

giàu có, khi học thành tài thì được phong làm thủ quỹ của vua. Ngài coi bói rất tài tình. Ngày nọ thấy một con chuột chết, bói quẻ và nói: “một người đê tiện sẽ nhặt con chuột, làm ăn buôn bán và cưới vợ”. Một thanh niên nhà nghèo (tiền sinh của Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già) nghe lóm, bèn nhặt con chuột chết, đem bán cho chủ hàng rượu cho mèo ăn và được trả một đồng tiền.

Anh ta dùng đồng tiền mua mật, rồi hòa mật với nước đem đãi cho một nhóm người đang hái hoa. Họ trả ơn bằng cách cho anh ta hoa. Anh ta đem hoa bán ở chợ. Ngày hôm sau lại đem nước mật đến cho những người hái hoa. Họ cũng cho hoa như trước, lần này lại tặng thêm nguyên cây hoa, anh đem về trồng, và cây trở hoa.

Ngày kia gió nổi lên. Cành hoa nhỏ bị thổi khắp vườn hoa của nhà vua. Anh ta thương lượng với người làm vườn của vua, đề nghị ông ta nhặt dùm. Anh ta lấy mật cho trẻ em đang chơi ở sân để chúng nó cùng phụ giúp nhặt cành hoa. Một người thợ làm đồ sứ đi ngang qua trả 20 đồng tiền để mua cành hoa này vì nghĩ rằng rất quý, lại còn cho anh ta nhiều bình sành.

Anh đem bình sành, múc đầy nước mật, cho 500 người cắt cỏ uống và yêu cầu họ đáp ơn sau. Anh ta làm quen với một người thương gia. Người bạn thương gia báo cho anh biết có một người buôn ngựa sẽ đến thành phố bán 500 con ngựa. Anh ta bèn đến gặp những người cắt cỏ, xin mỗi người một ít cỏ và yêu cầu họ chỉ bán cỏ sau khi anh ta bán xong cỏ của mình. Người buôn ngựa tìm không ra cỏ cho ngựa nên phải bỏ ra 1.000 đồng để mua cỏ của anh ta.

Thích Vĩnh Hóa

Người bạn thương gia lại mách rằng có thuyền sắp đến hải cảng. Anh ta mượn xe ngựa thật sang (trả theo giờ), rầm rộ lái xe vào hải cảng và mua tất cả hàng hóa trên tàu < hẹn sẽ trả tiền ngay sau khi lấy hàng >. 1.000 thương gia của thành phố cũng đến hải cảng để mua hàng. Nhưng họ khám phá rằng người thương gia trẻ kia đã mua hết. Mỗi vị thương gia điều đình và đồng ý trả tất cả 200 đồng tiền lời cho mỗi cổ phần hàng hóa trên tàu nếu anh chịu bán lại. Cuối cùng anh ta có tất cả 200.000 đồng tiền.

Anh ta đến viếng thủ quỹ của nhà vua và đem 1.000 đồng tiền làm quà tặng. Anh ta kể câu chuyện cho vị thủ quỹ. Ông khen ngợi và gả con gái cho anh ta. Sau cùng anh nổi nghiệp ông nhạc làm thủ quỹ cho vua.

Nan-Đà 難陀

Có tất cả ba “Nan-Đà” trong hàng đệ tử của Phật: A-Nan-Đà, Tôn-Đà-La-Nan-Đà và Nan-Đà.

Nan-Đà nghĩa là “thiện hoan hỷ 善歡喜”. Trước vốn là người chăn trâu. Ngài nghe đức Phật nói Pháp, bàn về mười một pháp chăn trâu, dùng việc chăn trâu làm ví dụ cho sự tu hành. Ngài bèn quyết định xuất gia và không lâu sau thì chứng quả A La Hán.

Một lần nọ đức Phật bảo Ngài thuyết pháp cho một nhóm 500 Tỷ Kheo Ni. Nghe xong họ đều chứng A La Hán quả. Trong một kiếp nữa, Ngài là một vị vua có 500 cung phi. Vị vua đó làm đại hộ pháp và xây một chùa rất lớn cúng Phật. Cung phi mỗi ngày thường đến chùa cúng dường, nguyện sẽ đắc giải

Kinh A Di Đà

thoát với nhà vua trong tương lai.

Ngài đệ nhất Nghi dung 儀容.

Tôn-Đà-La-Nan-Đà 孫陀羅難陀

Ngài có hiệu là “Hoan hi”, sinh vào ngày chín tháng tư âm lịch.

Thân Ngài có ánh sáng màu vàng và có 30 tướng hảo. Ngài là đệ nhất về dung mạo.

Có một ngoại đạo lỏa thể bàn luận với Xá-Lợi-Phất mà cứng lưỡi, bị thua. Ông ta khởi đại tín tâm về Phật Pháp và muốn xuất gia. Khi thấy Tôn-Đà-La-Nan-Đà đẹp trai và trang nghiêm như vậy nên buộc miệng: “Tiểu Tỳ Kheo có trí huệ tuyệt đỉnh mà lại thật đáng tôn quý”. Ông ta ngưỡng mộ và xin xuất gia.

Ngài là em họ của đức Phật. Ngài rất mê vợ tên là Tôn-Đà-La 孫陀羅. Bữa nọ đức Phật khát thực, đi qua nhà họ. Tôn-đà-la đang ăn trưa với chồng. Trước khi Tôn-Đà-La nhỏ nước miếng xuống đất và bảo chồng phải trở lại trước khi nước miếng khô.

Khi Tôn-Đà-La-Nan-Đà bước tới gần để đặt thức ăn vào bình bát, đức Phật bước lui một bước, vài bước sau thì bỗng nhiên cả hai đều đến tại vườn Cô Độc, cách nhà Tôn-đà-la-nan-đà khá xa. Đức Thế Tôn ra lệnh Tôn-đà-la-nan-đà nên xuất gia. Dầu đã cạo đầu, Tôn-Đà-La-Nan-Đà vẫn tìm cách trốn về nhà

Thích Vĩnh Hóa

với vợ càng sớm càng tốt.

Một ngày kia, Tôn-Đà-La-Nan-Đà được phân công ở lại Tịnh thất để quét dọn trong khi mọi người đều đi khát thực. Vừa quét xong thì gió thổi lên làm bụi rác bay tứ tung, phải quét lại nhiều lần. Hễ đóng cửa sổ cho bớt gió thì cửa sổ tự động mở; cả mấy tiếng đồng hồ mà chẳng xong việc. Ông chán nản bỏ cuộc, định trốn trở về nhà.

Ngài rời chùa đi ngõ sau để tránh gặp đức Phật. Đi một lúc thì thấy đức Phật đang đi ngược đường phía trước. Ngài bèn núp sau cây tránh Phật nhưng tránh không được nên phải theo Phật trở về chùa.

Ở chùa nhưng lại nhớ nhung vợ nên thường ủ rũ và âu sầu. Phật thương hại nên dùng thần thông dắt Ngài lên núi du ngoạn. Họ thấy một bầy khỉ. Tôn-đà-la-nan-đà nói với Phật rằng : “Vợ mình, Tôn-đà-la đẹp hơn khỉ nhiều.”

Lần sau, hai người lên dạo cõi Trời. Tôn-đà-la-nan-đà đến một cung điện có 500 tiên nữ và nô tỳ : Tất cả sẽ thuộc quyền sở hữu của ông sau khi ông qua đời. Phật hỏi ý kiến, Ngài đáp: “Tôn-Đà-La chỉ như con khỉ so với bầy tiên nữ này”. Tôn-Đà-La-Nan-Đà về lại chùa và nỗ lực tu hành đợi sinh lên trời.

Đức Phật lại dẫn Tôn-Đà-La-Nan-Đà xuống viếng địa ngục. Họ thấy hai con quỷ trách một nồi dầu. Lửa đã tắt từ lâu mà quỷ lơ là không chịu lo nên nồi dầu nguội lạnh. Tôn-Đà-La-Nan-Đà hỏi bọn quỷ tại sao thì chúng nó bảo: “không có gì gấp rút cả. Nồi dầu dành cho Tôn-Đà-La-Nan-Đà, em của Phật. Chừng nào ông ta hưởng thụ xong thú lạc của cõi tiên

Kinh A Di Đà

thì mới đọa xuống đó”. Nghe xong thì Tôn-Đà-La-Nan-Đà rờn tóc gáy.

Từ đó trở đi ông không còn tham tu để hưởng phước trời nữa. Không bao lâu sau thì chứng A La Hán quả.

A Nan-Đà

Ngài là đường đệ của Phật, em cùng cha khác mẹ. Tên của Ngài nghĩa là “khánh hỉ 慶喜”, vì Ngài sinh ra ngày đức Phật thành Đạo. Lúc 20 tuổi thì Ngài theo Phật xuất gia. Cùng với Ma-ha Ca-diếp, Ngài làm thị giả của Phật. Ca-diếp đứng ở phía trước và A-nan-đà đứng ngay ở sau.

Ngài thính Phật thuyết Pháp lại những buổi mà Ngài không có mặt. Ngài nhớ hết tất cả buổi thuyết giảng của đức Phật. Nên Ma-ha Ca-diếp nói: nước biển Phật Pháp đã thâm nhập vào tâm của A-Nan-Đà.

Trong một kiếp trước, Ngài là một vị trưởng lão giàu có. Trưởng lão cúng dường nước uống cho một vị sa di đang tụng kinh và nguyện rằng: “khi vị sa di này thành Phật thì tôi nguyện sẽ làm một đệ tử đa văn của Ngài”. Người sa di kiếp trước là tiền kiếp của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Ngài đệ nhất đa văn. Ngài có tám cảnh giới bất khả tư nghì:

1. Không nhận biệt thính.
2. Không mặc áo cũ của Phật.
3. Không nhìn sự bất chính.
4. Không khởi tư tưởng bất tịnh (dầu gắp tiên nữ, nữ A-tu-la và long nữ).

Thích Vĩnh Hóa

5. Biết Phật nhập loại định nào trong khi các thầy khác không biết.
6. Biết những kẻ được Phật dạy trong lúc Ngài nhập định sẽ có những lợi ích gì.
7. Thông đạt được tất cả những Pháp của Phật dạy.
8. Không bao giờ cần phải nghe lại Pháp. Nghe một lần là không bao giờ quên.

Thông thường, tu sĩ không được nhận biệt thỉnh. Họ phải ăn chung với đại chúng và không thể ăn riêng.

La-Hầu-La 羅侯羅

Ngài là con của thái tử Tất Đạt Đa và mẹ là công chúa Gia-Tô-Đà-La 耶蘇陀羅. Trước khi sinh thì ở trong bụng mẹ sáu năm.

Tên của Ngài nghĩa là “phục chương 覆障”. Kiếp trước, Ngài nhốt một con chuột trong lỗ cả sáu ngày nên nay phải chịu quả báo ở trong bụng mẹ sáu năm. Trước khi thái tử Tất Đạt Đa rời cung điện xuất gia, Gia-Tô-Đà-La yêu cầu thái tử cho một mụn con. Thái tử chỉ ngón tay vào bụng vợ và bà ta mang thai. Khi La-hầu-La ra đời sau sáu năm, cả hoàng tộc tin rằng vợ Phật có tư thông. Họ không tin lời giải thích của bà bèn đào một hố lửa sâu và bắt quăng cả mẹ lẫn con vào hố lửa. Gia-Tô-Đà-La bước tới hố lửa, ôm con trong lòng và khẩn: “nếu tôi vô tội thì xin cho hố lửa này biến thành hồ sen.” Bà ta nhảy vào hố lửa. Hố lửa biến thành hồ nước. Có một hoa sen màu đỏ mọc vươn lên và hứng lấy mẹ con bà. Nhờ thế nhà vua và cả hoàng tộc mới tin và không còn chỉ

Kinh A Di Đà

trích nữa.

Còn có một truyền thuyết khác về La Hầu La. Trong một tiền kiếp, Ngài còn có tên là: Chấp Nhật 執日. Ngài là một thái tử, có người em trai tên là Chấp Nguyệt. Sau khi vua cha qua đời, Chấp Nhật nối ngôi. Dần dà vua bắt đầu chán chường vinh hoa và quyền lực, nên nhường ngôi cho em trai và xuất gia với Phật. Ông ta giữ giới rất thanh tịnh. Ngay cả một lỗi nhỏ cũng không phạm. Sau này, vì tội không thấy đường nên dùng lầm một bình nước của người khác. Ông ta lập tức đánh chuông hội tống chúng để xin sám hối. Tống chúng cho rằng tội không đáng gì nên bác lời yêu cầu. Ông càng lo âu. Cuối cùng chịu không nổi nên trở lại hoàng cung báo cho vua Nguyệt, thú tội để sám hối lỗi ăn cắp. Vua Nguyệt muốn chịu ý anh nên sai thuộc hạ bắt ông giam tại một phòng. Nghĩ rằng nhờ thế mà bỏ được lòng tham nên nhà sư rất hoan hỉ. Lúc còn làm vua, Chấp Nhật vì bỏ bê việc nước trong sáu tháng cho nên kiếp nay phải trả nghiệp báo và bị ở trong bụng mẹ sáu năm.

La-Hầu-La là đệ nhất về mật hạnh 密行. Ngài tu hành rất gắt gao. Ngài có thể nhập định ở bất cứ chỗ nào, ngay ở trong cầu tiêu.

Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật nói rằng lúc Phật làm thái tử, La-Hầu-La là trưởng tử. Bây giờ đức Phật đã thành Đạo thì vị trưởng tử thành Pháp vương tử. Chỉ có đức Thế Tôn mới biết hết tất cả các mật hạnh của Ngài La-Hầu-La.

Đức Phật có ba loại con:

1. Chân tử 真子: Họ là các vị Bồ Tát.

Thích Vĩnh Hóa

2. Nội tử 內子: Đây là các vị A La Hán đã đắc được biên không và chưa đắc được Trung Đạo.
3. Ngoại tử 外子: Hay là phạm phu.

Kiều-Phạm-Ba-Đề 憍梵波提

Kiều-Phạm-Ba-Đề nghĩa là “Nguu ha 牛呵: thức ăn nhai lại của trâu bò.”

Trong quá khứ, Ngài chế diễu một lão Tỳ Kheo vì ông ta không có răng nên nhai đồ ăn khó khăn và hơi khó nhìn: “Thầy nhai như bò vậy”. Vị tăng già đã đắc Bích Chi Phật quả nên lập tức bảo ông nên sám hối. Ngài sám hối. Vậy mà vì nghiệp đó vẫn bị sinh 500 kiếp làm thân bò.

Cuối cùng Ngài gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, học cách tu và đắc quả A La Hán. Nhưng Ngài vẫn giữ tập khí làm bò của các kiếp trước và thở phì phèo suốt ngày như lúc bò nhai đi nhai lại.

Đức Phật phái Ngài lên cõi trời tu để tránh chúng sinh tạo nghiệp phỉ báng Ngài mà bị đọa. Cho nên Ngài đệ nhất về thọ thiên nhân cúng dường 受天人供.

Lại có truyện kể rằng trong quá khứ, Kiều-Phạm-Ba-Đề nhặt một cành lúa, vô ý làm nhiều hạt lúa rơi xuống đất. Vì thế phải làm bò 500 kiếp để ăn lúa. Sau này được làm người nhưng vẫn còn giữ thói bò nhai. Đức Phật sợ rằng người khác sẽ phỉ báng Ngài và sẽ bị đọa và chịu khổ, nên phái Ngài lên vườn cõi trời Đạo Lợi để tu Thiên.

Kinh A Di Đà

Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, trong thời kết tập kinh điển, có người đến viếng thăm Ngài. Kiều-Phạm-Ba-Đề hỏi: “Đức Thế Tôn có thường an lạc không? Họ báo cho Ngài biết rằng Phật đã nhập Diệt. Ngài hỏi tiếp: “Thầy tôi thì sao?” Họ đáp: “Xá-Lợi-Phất không nhẫn được việc đức Phật đã ra đi, nói rằng Tam Giới không còn một chỗ nương tựa và cũng nhập Diệt luôn.”

Kiều-Phạm-Ba-Đề nghe xong, thở dài ba lần, rồi biến thành giòng nước chảy xuống nhân gian. Trong giòng nước có bài kệ như sau:

“*Kiều-Phạm-Ba-Đề đầu diện lễ* 憍梵波提頭面禮

Nghĩa là: Kiều-Phạm-Ba-Đề cúi đầu đánh lễ

Diệu chúng đốn nghiêm đệ nhất tượng 妙眾端嚴第一像

Nghĩa là: Vị voi chúa đốn nghiêm trong đại chúng vi diệu

Tượng vương kí khứ tượng tử tùy 象王既去象子隨

Nghĩa là: Voi vua đã đi voi con cũng bỏ theo

Đại sư nhập Diệt ngã diệt diệt 大師入滅我亦滅

Nghĩa là: Đại sư phụ đã nhập Diệt, tôi cũng làm vậy.”

Rồi Kiều-Phạm-Ba-Đề biến ra lửa tự thiêu thân mà nhập Diệt. Ngài trung thành với đức Phật và thầy như thế.

Vì vậy Kiều-Phạm-Ba-Đề thuộc lưu tuyên 流泉 của cặp.

Tân-Đâu-Lô Phả-La-Đọa 賓頭盧頗羅墮

Thích Vĩnh Hóa

Tên có thể dịch là “Bất động lợi căn 不動利根: không thể di động được và có căn cơ cao”. Cho đến ngày nay, Tân-Đầu-Lô Phả-La-Đọa vẫn chưa nhập Niết Bàn vì phạm qui luật.

A La Hán không được biểu diễn thần thông một cách cầu thả. Một hôm nọ, có một trưởng lão cho khắc một tô bằng hương chiên đàn, bỏ lên đỉnh của cái sào và tuyên bố rằng ai có khả năng dùng thần thông đem tô xuống thì có quyền giữ. Tân-Đầu-Lô Phả-La-Đọa khởi tâm háo thắng. Lúc đó đầu đang tu ở trên núi, Ngài dùng Thiên Nhân quan sát sự kiện, dùng thần túc thông bay lại trong chớp nhoáng và vào thành. Ngài che mặt trời nên không trung trở thành mờ tối. Dân chúng khiếp sợ. Một phụ nữ đang mang thai bị sảy thai.

Nhiều người đến than phiền với đức Thế Tôn nên Ngài bị Phật mắng một trận và nói: “Từ nay về sau, ông không được phép đi theo tôi nữa và cũng không được nhập Niết Bàn. Ông phải ở lại lâu dài trong thế gian để giúp chúng sinh tăng trưởng phước bằng cách nhận sự cúng dường của họ.” Bây giờ, Ngài đang ở trong núi bên vùng Nam Ấn Độ 南天竺摩利支山. Ngài nhận các cung thỉnh và đến nhận bằng cách thể hiện ra thân. Ngài thường thỉnh cách làm nghi lễ và qui luật. Mỗi khi chúng sinh cõi Nam Diêm Phù này cúng dường Tam Bảo thì Ngài đến nhận.

Ngài đệ nhất phước điền 福田.

Ca-Lưu-Đà-Di 迦留陀夷

Kinh A Di Đà

Ca-Luru-Đà-Di thuộc giòng họ Bà la Môn và làm thầy của thái tử Tất Đạt đa trước khi thái tử xuất gia đi tu và đắc Đạo.

Tên của Ngài nghĩa là “Hắc diệu 黑曜: ánh sáng đen”. Da rất ngăm nhưng thân có ánh sáng và mắt cũng rất sáng. Một đêm nọ, Ngài đi kinh hành một phụ nữ mang thai thấy Ngài, tưởng gặp quỷ, hoảng sợ nên sẩy thai và chết. Vì vậy Phật chế giới cấm tu sĩ ra ngoài sau khi mặt trời lặn.

Ngài cũng làm thị giả và hộ pháp cho đức Phật. Ngài là đệ nhất giáo hóa 教化 vì đã dẫn dạy nhiều chúng sinh nhất, đã độ vô số thánh nhân.

Ma-Ha Kiếp-Tân-Na 摩訶劫賓那

Kiếp-Tân-Na nghĩa là “phòng túc 房宿: ngôi sao”. Cha mẹ Ngài nhờ cầu nguyện một trong 28 tinh tú mà sinh ra Ngài.

Lúc trước Ngài sống ở nước Kiêu Tát La 憍薩羅國. Đức Phật hiện thân lão Tỳ kheo đến nói Pháp và giúp Ngài đắc Đạo. Nhờ sự giáo huấn của đức Phật nên ngài trừ bỏ được tâm kiêu ngạo.

Đức Thế Tôn hiện ra tướng Tỳ kheo để dạy Ngài. Vị thầy tu cầm tích trượng lúc đi đường và đến ở chung với Ngài trong lều tranh một khoảng thời gian. Khi thấy thiện căn của Kiếp-Tân-Na đã thành thực thì Phật hồi phục lại nguyên thân. Kiếp-Tân-Na thấy Phật thì lập tức phát Bồ Đề tâm. Kiếp-Tân-Na nhờ nghe lời giảng nhẹ nhàng vi diệu của Phật mà từ

Thích Vĩnh Hóa

bỏ tâm tự mãn. Vì thế nên gọi là trừ mạn 除慢 trong cặp số bảy

Ngài là đệ nhất liễu tri tinh tú 解知星宿.

Bạc-Câu-La 薄拘羅

Bạc-Câu-La dịch là “thiện dung 善容: mặt đẹp”.

Ngài rất tuấn tú. Sau khi Phật Tì Bà Thi 毗婆尸佛 nhập Niết Bàn, một vị Bích Chi Phật bị đau nhứt đầu cực nặng. Dầu Bạc-Câu-La rất nghèo nhưng vẫn tìm cách cúng một ít trái cây cho vị sư. Ông thầy ăn và hết bệnh. Nhờ phước của sự cúng dường đó, trong 91 kiếp Bạc-Câu-La thọ hưởng của cải và lạc thú trong cõi nhân thiên.

Kinh Bạc-Câu-La nói: “Tôi đã học Chánh Pháp và giới luật, tôi chưa bao giờ bị bệnh, thậm chí một chốc lát nhưc đầu cũng không có đau chỉ trong thời gian của búng ngón tay. Đã hơn 80 năm, tôi cũng chưa từng uống hoặc ăn thuốc 我於此正法律中學道以來，八十年未曾有病乃至彈指頃頭痛者。未曾憶服藥乃至一片訶梨勒（果名）”.

Đệ nhất về thọ mạng 壽命, Ngài thọ đến 160 tuổi.

Vì nhân cúng dường thuốc, Ngài đắc quả thù thắng của miễn

Kinh A Di Đà

bệnh tật. Vì thế nên thuộc thí dược 施藥.

Hơn nữa, lúc trước Ngài làm Tỳ kheo. Bạc-Câu-La phát nguyện không nhìn khuôn mặt của phụ nữ, không nhận áo quần của phụ nữ cúng và cũng không nhận sự cúng dường ẩm thực từ phụ nữ. Mẹ Ngài thương nhớ con trai nên đến chùa thăm. Ngài rất bất bình và đuổi mẹ ra khỏi chùa. Bà mẹ nuôi hận, cho rằng con mình phạm tội ngũ nghịch. Bà ta phát lời thề ác độc: “Trong tương lai khi tôi làm mẹ nó, tôi sẽ thường phạt và trị tội nó”. Nên lần này, khi Bạc-Câu-La sinh làm con cho bà ta, Ngài phải chịu đựng năm lần bị giết hại nhưng đều thoát chết. Sau này, Ngài xuất gia và chứng quả.

Bạc-Câu-La rất nổi tiếng về hạnh thiếu dục tri túc. Ngài không mặc áo dày, không thích chỗ náo nhiệt, thích lẻ loi một mình và thường hưởng thiên định lạc. Ngay sau khi Ngài đã nhập Niết Bàn, tháp của Ngài cũng thích yên lặng. Một lần A Dục vương cúng dường một đồng tiền ở nơi tháp của Ngài. Đồng tiền bỗng nhiên bay lên và rớt xuống trên chân của nhà vua. Rõ ràng là sau khi nhập Diệt, Ngài cũng không thích người đến quây rây tháp.

Trong quá khứ, Bạc-Câu-La giữ giới bất sát rất thanh tịnh. Ngài không hại bất cứ loài vật nào cả, ngay cả cỏ cây cũng không làm hư. Vì thế mà đặc năm loại bất tử quả báo:

1. Hỏa thiêu bất tử 火燒不死: Lúc ra đời Ngài cười rộ thay vì khóc như những hài nhi khác. Mẹ Ngài cho rằng quái thai nên quăng vào lửa cho chết, nhưng Ngài không bị cháy.
2. Thang chử bất tử 湯煮不死: Thấy đứa bé không bị lửa đốt cháy, bà mẹ càng tin rằng Ngài là yêu quái nên

Thích Vĩnh Hóa

thả vào nồi nấu nước sôi. Nhưng Ngài cũng không bị hại.

3. Thủy yểm bất tử 水掩不死: Bà mẹ bèn quăng Ngài vào biển, bị một con cá lớn nuốt sống nên không bị chết chìm.
4. Ngư thôn bất tử 魚吞不死: cá bị bắt lưới nên Ngài không chết vì bị cá nuốt.
5. Dao cát bất tử 刀割不死: ngư ông lấy dao mổ bụng cá thì Ngài trôi ra không bị một chút sứt mẻ. Nên Ngài không chết vì dao.

A-Nậu-Lâu-Đà 阿那樓駄

A-Nậu-Lâu-Đà nghĩa là “bất cùng 無貧: Không nghèo”.

Có câu chuyện kể về tiền thân của ngài rất nổi tiếng trong Phật giáo Đại thừa. Hồi trước trong thời Phát Sa Phật 弗沙佛, A-Nậu-Lâu-Đà là một người nông phu rất nghèo. Ngày kia đang cày ruộng đến giờ trưa, có một vị Bích Chi Phật trong vùng đó đang tu pháp tuyệt thực, bảy ngày mới ăn một lần. Đến ngày ăn, ngài xuống núi khát thực. Hồi đó hạn hán không đủ đồ ăn, ai cũng đói, vì thế không ai cúng cho vị Bích Chi Phật. Theo luật, ngài im lặng đi bảy nhà liên tiếp im lặng, không ai cúng đi tới nhà bên cạnh. Nếu đủ bảy nhà đó đi mà không ai cúng thì trở về, nhịn ăn. Ngài Bích Chi Phật đi ngang gặp ông nông phu, lúc đó có mang theo nắm com nhưng rất thô và dẽ. Nhìn bình bát ngài Bích Chi Phật trống không, ông nông phu thưa: Hôm nay ngài không kiếm được cúng dường hả? Cho phép tôi cúng dường bữa com trưa của

Kinh A Di Đà

tôi. Ngài Bích Chi Phật từ chối, nhưng người kia năn nỉ ,cuối cùng ngài nhận. Nhận xong ngài hiện lên không trung biểu diễn thần thông rồi biến mất. Ông này tiếp tục cày ruộng, bỗng nhiên có con thỏ bò lên lưng ông, ông đuổi nó không chịu đi, ông vội vàng về nhà nhờ vợ giúp kéo con thỏ ra khỏi lưng mình mới khám phá ra con thỏ đã chết. Con thỏ chết biến thành con thỏ vàng, bẻ chân ra bán nó tự mọc chân lại. Vì thế suốt đời ông này giàu có và trong 91 kiếp sau ông không bao giờ nghèo và được hưởng các lạc thú theo sở thích. Cho nên được liệt vào cặp: diên tăng 筵僧: cúng cho tăng.

Một kiếp khác, A-Nậu-Lâu-Đà làm thợ săn. Vì muốn ăn cắp châu báu nên bán tên thấp đèn. Đèn sáng thì thấy tướng hảo của đức Phật nên phát tâm Bồ Đề, bỏ cung tên và nguyện không sát hại chúng sinh nữa. Nhờ thiện căn đó mà bây giờ đủ phước xuất gia.

A-nậu-lâu-đà hay ngủ gật khi đức Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn mắng Ngài như sau:

“Đốt! Đốt! Hồ vi mị? 咄咄胡為寐

Nghĩa là: Này! Này! Ham mê ngủ

Loa si cáp bạng loại 螺螄蛤蚌類

Nghĩa là: Như loài sò ốc

Nhất thụ, ki thiên niên, 一睡幾千年

Nghĩa là: Một khi ngủ, ngủ ngàn năm

Bất văn Phật danh từ 不聞佛名字

Nghĩa là: Không nghe được hồng danh Phật”.

Thích Vĩnh Hóa

Ngài thức tỉnh và tinh tấn tu, bảy ngày liên tiếp không ngủ, không nhắm mắt. Vì thế mà bị mù. Nên đức Phật thương hại, truyền cho “Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội 照明金剛三昧”. Do đó A-Nậu-Lâu-Đà có thể quan sát thấy tam thiên thế giới như nhìn lòng bàn tay.

Ngài đệ nhất Thiên Nhân.

Ở trên là 16 vị A La Hán hiện diện trong đại chúng để làm:

1. Ảnh hưởng chúng 影響眾.
2. Đương cơ chúng 當機眾.
3. Trang nghiêm chúng 莊嚴眾.

BỒ TÁT CHÚNG

cùng các vị Bồ-Tát Ma-Ha-Tát như Văn-Thù-Sur-Lợi Pháp vương tử, A-Dật-Đa Bồ-Tát, Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát và các vị Bồ-Tát lớn nhiều như thế nữa; cùng với Thích Đề Hoàn Nhơn..v..v.. vô lượng chư thiên đại chúng đồng câu hội.

cùng các vị

Không những đại A La Hán tụ tập trong đại chúng, lại còn có rất nhiều Bồ Tát và đại Bồ Tát: vì họ cũng cần nghe về pháp môn Tịnh độ.

Bồ-Tát

Các Ngài có thể chọn hình tướng xuất gia hoặc tại gia, không nhất định. Họ có thể từ thế giới khác đến vì thường đi khắp Pháp giới độ chúng sinh. A La Hán chấp trước Hữu Dư Niết

Kinh A Di Đà

Bàn. Nhân thiên thì chấp trước Hữu. Chỉ có Bồ Tát thì chọn không trụ Niết Bàn, các Ngài cũng không bị Hữu làm mê hoặc, vì thế tượng trưng cho Trung Đạo.

Bồ Tát là thành phần quan trọng thứ nhì của đại chúng. Các Ngài hiện thân vì tâm Đại Bi: tham gia đại hội để ủng hộ pháp môn Tịnh độ giúp đỡ chúng sinh.

Bồ Tát thường tu hai loại pháp môn chính 二門:

1. Tự lợi 自利: Tâm thức và tình cảm chưa hoàn toàn tận 識情未盡. Các Ngài coi đại trí huệ là quan trọng nhất 大智為首.
2. Lợi tha 利他: Họ chủ trương đại bi là quan trọng nhất 大悲為先. Họ coi chúng sinh như bản thân của chính mình nên từ bỏ sự thoải mái và sung sướng riêng tư để giúp đỡ cứu khổ chúng sinh. Các Ngài coi khổ não của chúng sinh không khác gì của chính mình, và không một chút phân biệt chọn lựa gì cả.

“Bồ”: nghĩa là giác ngộ, tức là cầu trí huệ xuất thế. “Tát”: nghĩa là hữu tình, mục tiêu của công tác là giúp đắc giải thoát tất cả chúng hữu tình, không phân biệt. Các Ngài Bồ Tát đã phát rất nhiều thệ nguyện, nhưng không ngoài tứ đại thệ nguyện:

1. Thệ độ vô biên chúng sinh.
2. Thệ đoạn vô tận phiền não.
3. Thệ học vô lượng pháp môn.
4. Thệ chúng vô thượng Đạo.

Thích Vĩnh Hóa

Danh tiếng của các Ngài **Ma-ha-tát** truyền khắp mười phương. Họ đã đạt ít nhất là Bát Địa, đều có đại Đạo tâm. Ma-ha có thể dịch thành đại, hàm chứa bốn nghĩa:

1. Đại nguyện 願大: Họ từng lập rất nhiều đại nguyện trên con đường đi đến Bồ Đề.
2. Đại hạnh 行大: Vì các Ngài sẵn sàng giúp tất cả các chúng sinh không so đo.
3. Đại thời 時大: Vì các Ngài liên tục giúp chúng sinh không ngừng, nhiều khi phải trải qua đời đời kiếp kiếp mới cứu độ được.
4. Đại đức 德大: Vì có đầy đủ tất cả các công đức của Nhất Thừa.

Văn-Thù-Sur-Lợi 文殊師利

Văn-Thù-Sur-Lợi có thể dịch là “diệu cát tường 妙吉祥”.

Theo Tông Hoa nghiêm , Ngài tượng trưng cho tín, hạnh và nguyện. Tín đứng hàng đầu vì là mẹ đẻ của tất cả công đức. “Diệu cát tường”: Vì Ngài giúp đỡ chúng sinh không cần biết là bạn hay thù. Ngài không bao giờ làm cho chúng sinh bị thiệt thòi hoặc sinh phiền não.

Văn-Thù-Sur-Lợi cũng nghĩa là “diệu đức 妙德”. Tên của Ngài có đầy đủ tất cả các công đức huyền diệu: nghe danh thì có thể xóa tứ trọng tội 四重等罪 (như giới “cắt cổ” của người tu sĩ).

Ngài là vị thầy của cả bảy đức Phật Hiện kiếp. Thật ra đã

Kinh A Di Đà

thành Phật, với danh hiệu là Long Chúng Tôn Vương Phật 龍種上尊王佛. Hiện đang ở phương Bắc, thể hiện thành Phật gọi là Bảo Tích Phật 寶積佛.

Khi Ngài chào đời, có mười hiện tượng báo cho biết rằng Ngài có công đức vẹn toàn và trí huệ vô song:

1. Quang minh mãn thất 光明滿室: ánh sáng tỏa khắp phòng, tượng trưng cho trí huệ Bát Nhã phân tán hết thấy u mê.
2. Cam lồ doanh đình 甘露盈庭: các bình đầy tràn nước cam lồ, biểu tượng cho sự dùng pháp cam lồ để cứu độ chúng sinh. Ví dụ, rảy nước cam lồ lên đầu quỷ thì sẽ tiêu trừ ác nghiệp và giúp chúng nó được sinh vào cõi tốt.
3. Địa dũng thất trân 地涌七珍: đất vọt hiện ra bảy loại châu báu, để Ngài tùy ý sử dụng.
4. Thần khai phục tạng 神開伏藏: thổ thần mở kho tàng trong đất. Chuyển Luân Thánh Vương có thất bảo: Kim luân, Bạch tượng, Ngọc nữ, Thần mã, Ngọc như ý, binh tướng và thần cai quản kho tàng. Các kho tàng này được chôn cất từ lâu nên bị quên. Khi Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ Tát sinh, thần bảo hộ kho tàng khai mở lại.
5. Kê sinh phượng tử 雞生鳳子: Gà đẻ ra phượng hoàng. Phượng hoàng rất cát tường: thấy được thì gặp nhiều may mắn.
6. Trư hài long đôn 豬孩龍豚: Heo sinh ra rồng.
7. Mã sản kì lân 馬產麒麟: ngựa sinh ra lân, cũng một

Thích Vĩnh Hóa

động vật cát tường. Khi Khổng Tử ra đời, một con kì lân bỗng xuất hiện. Mẹ Khổng Tử cột một sợi dây đỏ lên cổ nó. Mấy mươi năm sau, một người thợ săn bắt được con kỳ lân, và giết nó chết, đức Khổng Tử thấy vậy, biết rằng không bao lâu mình sẽ chết.

8. Ngưu sinh bạch dịch 牛生白驛: Bò sinh ngựa trắng. Bạch dịch cực kỳ hiếm và rất cát tường. Nó có thân ngựa nhưng chân bò.
9. Thương biến kim túc 倉變金粟: lúa trong kho biến thành vàng.
10. Tượng cụ lục nha 象具六牙: Voi có sáu ngà xuất hiện.

Mười hiện tượng trên biểu hiện cho thập Ba La Mật.

Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ Tát được gọi là **Pháp vương tử** vì đã đắc tự tại đối với Phật Pháp. Như các vị Bồ Tát khác, Ngài “nhập Chánh vị”: tức làm các Phật chúng kiên cường và sẽ nối ngôi Pháp Vương (Phật vị), cũng như thái tử nối ngôi vua. Ngài làm thầy của tất cả các Bồ Tát.

Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ Tát phải đến tham dự đại hội Tịnh độ vì pháp môn Tịnh độ thật bất khả tư nghị: chỉ có vị đệ nhất trí huệ của hàng Bồ Tát mới có thể đến yểm trợ và chứng nhận. Xá-Lợi-Phất tiêu biểu Quyền trí và Văn-Thù-Sur-Lợi thì đại diện cho Thật trí. Phải cần có cả hai thủ lĩnh của hai loại trí huệ để giúp xây nền tảng của pháp môn Tịnh độ để tự chuyển hóa và chuyển hóa cho tha nhân.

Vấn: Vị Ma-ha-tát này đã thành tựu viên mãn các nguyện hạnh. Ngài có Phật độ riêng để giáo hóa chúng sinh. Tại sao Ngài lại rời bỏ cảnh giới của mình mà đến cõi Ta Bà vậy?

Kinh A Di Đà

Đáp: Hành động của chư Phật Bồ Tát khác hành động của chúng ta. Các Ngài không phân biệt tự tha. Vì tâm từ bi nên vị đại Bồ Tát này đến cõi Ta bà để giúp Phật Thích Ca Mâu Ni truyền bá pháp môn Tịnh độ. Các người không nên nghi ngờ hành động vị tha và vô ngã của đấng giác ngộ! Và lại, Ngài có rất nhiều ứng hóa thân tùy cơ cảm của chúng sanh mà xuất hiện.

A-Dật-Đa 阿逸多

A-Dật-Đa nghĩa là “vô năng thắng 無能勝: không thể thắng được”. Ngài là Di Lặc “Tử thị 慈氏: họ Tử” Bồ Tát. A-Dật-Đa Bồ Tát chuyên môn tu Tử tâm tam muội: dầu có bị ngược đãi cho đến mức nào, Ngài vẫn từ tâm đối xử tất cả chúng sinh. Trong quá khứ, ngài thuộc giòng Bà La Môn gọi là Nhất Thiết Trí 一切智. Ngài tu từ tâm tam muội cả 8.000 năm. Về sau, trong thời của Phật Sa Phật 弗沙佛, Ngài và tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni cùng phát Bồ Đề tâm và thường tu pháp từ tâm. Bi Hoa Kinh 悲華經 nói: Ngài nguyện rằng trong kiếp Dao Binh 刀兵劫: thời chiến tranh, ngài sẽ bảo vệ cho tất cả chúng sinh. Vì tâm từ nên Ngài xuất thế, và cũng vì tâm đại từ bi mà ngài lo cho chúng sinh trong thời tận thế. Tất cả các vị tu Tiểu Thừa đều không thể tranh luận thắng Ngài vì thế được mệnh danh Vô Năng Thắng.

Khi mang thai Ngài, tánh tình của mẹ bỗng nhiên thay đổi. Bà trở nên từ bi với tất cả chúng sinh, nhất là đối với kẻ bị hoạn nạn. Một vị tướng số bảo rằng đó là do đức độ của đứa

Thích Vĩnh Hóa

bé trong bụng. Vì thế Ngài được gọi là thuộc họ Từ. Lúc ra đời, Ngài sẵn có tất cả 32 tướng hảo, thân phát từ kim quang, và oai nghi phong cách thật là quý phái và xuất chúng. Nay nhân duyên thành thực nên Ngài tham gia pháp hội Tịnh độ để giúp tuyên dương Tịnh tông.

Ngài là vị Phật kế theo Phật Thích Ca Mâu Ni, chủ trì Long Hoa hội và sẽ độ vô lượng chúng sinh. Ngài đang ở nội viện của cõi trời Đâu Suất đợi thành Phật.

Muốn tu định thì trước hết phải tu nhẫn. Ngài có viết một bài thơ:

Lão chuyết xuyên nạp áo 老拙穿衲襖

Nghĩa là: Lão ngu mặc áo rách rưới

Đạm phạn phúc trung bão 淡飯腹中飽

Nghĩa là: Bụng no nhờ cơm lạt

Bổ phá hảo giã hàn 補破好遮寒

Nghĩa là: Áo khâu che băng hàn

Vạn sự tùy duyên liễu 萬事隨緣了

Nghĩa là: Đối mọi sự thường tùy duyên

Hữu nhân mạ lão chuyết 有人罵老拙

Nghĩa là: Nếu có người chửi bới lão ngu

Lão chuyết chỉ thuyết hảo 老拙只說好

Nghĩa là: Lão ngu chỉ chấp nhận

Hữu nhân đả lão chuyết 有人打老拙

Nghĩa là: Nếu có ai đánh đập lão ngu

Lão chuyết tự thụ đảo 老拙自睡倒

Nghĩa là: Lão ngu tự nằm xuống mà ngủ

Kinh A Di Đà

Thóa tại ngã diện thượng 唾在我面上

Nghĩa là: Nhổ nước miếng vào mặt tôi

Băng tha tự can liễu 憑它自乾了

Nghĩa là: Thì tôi để nước miếng tự khô đi

Ngã dã tỉnh lực khí 我也省力氣

Nghĩa là: Tôi vừa tiết kiệm sức lực

Nễ dã vô phiền não 你也無煩惱

Nghĩa là: Ông cũng không bị phiền não

Giá dạng Ba La Mật 這樣波羅蜜

Nghĩa là: Ba La Mật như vậy

Tiện thị diệu trung bảo 便是妙中寶

Nghĩa là: Thật là bảo vật trong cái huyền diệu

Nhược tri giá tiêu tức 若知這消息

Nghĩa là: Nêu biết điều này

Hà sầu đao bất liễu 何愁到不了

Nghĩa là: Há phải lo buồn không đến bĩ ngạn (bờ bên kia) được ?

Thuận duyên tức là:

“*sự lai tức ứng, sự khứ tức tĩnh*: 事來則應, 事去則靜: khi sự việc đến thì phản ứng, xong thì trở về tịnh, bất động.”

Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát 乾陀訶提菩薩 / 常精進菩薩

Càn-Đà-Ha-Đề

Thích Vĩnh Hóa

Càn-Đà-Ha-Đề nghĩa là “bất hưu tức 不休息”: không nghỉ ngơi”. Từ trường kiếp đã lâu, Ngài đã tu hạnh lợi tha và đã chưa từng nghỉ một giây phút nào cả. Thế gian ác trước đầy đầy phiền não lo âu. Chúng sinh lại tạo vô lượng ác nghiệp. Sông ái tình không đáy và sóng phiền não thì vô tận. Vì biết thế, vị Đại Bồ Tát này không hề tạm nghỉ dầu chỉ trong chốc lát việc cứu độ chúng sinh.

Đây là tinh thần của Kinh Kim Cang: “Hoặc noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, ngay gồm cả những kẻ bất hữu tướng, và bất bất hữu tướng, tôi nguyện sẽ khiến họ nhập Vô Dư Niết Bàn và chứng Diệt”. Tương tự như thế, trong Kệ Lăng Nghiêm, Ngài A Nan Đà phát nguyện: “nếu có một chúng sinh chưa thành Phật, tôi nguyện không nhập Niết Bàn.”

Thường Tinh Tấn

Thường Tinh Tấn 常精進 nghĩa là niệm niệm không có tư tưởng lười biếng. Tinh tấn 精進 gồm hai phần. Tinh 精 nghĩa là không ô hợp, do không có sự hư nguy. Tấn 進 nghĩa là tiến lên hoặc tiến vào gần, do có hiểu biết chân lý. Vị Bồ Tát này đã từng trải qua vô lượng kiếp để cứu độ chúng sinh mà không hề khởi một niệm muốn bỏ cuộc.

Cặp mẫn vật, sách cần 愍物策勤: thương hại chúng sinh, tinh tấn, khuyến khích nhau từ vô lượng kiếp. Bất hưu tức và thường tinh tấn có cùng ý nghĩa. Hạnh của họ đều giống nhau: cả hai đều trên câu Phật huệ, dưới để cứu độ chúng sinh. Huệ và đại bi đều được vận dụng.

Kinh A Di Đà

Mặc dầu rất nhiều Bồ Tát có mặt trong đại chúng nhưng kinh chỉ nêu ra bốn vị thôi vì các Ngài tượng trưng cho tam tu lương:

1. Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-tát tượng trưng cho tín. Pháp môn Tịnh độ thật bất khả tư nghĩ, chỉ có các bậc đại trí huệ mới có thể phát tín tâm.
2. A-Dật-Đa Bồ-Tát tượng trưng cho nguyện. Trong quá khứ, vị Bồ Tát này gặp Đại Từ Như Lai 大慈如來, lập nguyện tu Pháp đại từ và lập tức đắc Từ Tâm Tam Muội 慈心三昧. Ngài luôn tưởng niệm các chúng sinh, muốn giúp họ vãng sinh Tây Phương Cực Lạc và đắc vô lượng thọ và vô lượng quang như A Di Đà Phật.
3. Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát và Thường Tinh Tấn Bồ Tát đại biểu cho hạnh. Trải qua vô lượng kiếp, cặp Bồ Tát này luôn luôn có hạnh giúp chúng sinh đắc lợi lạc vĩnh viễn. Nay các Ngài tu pháp môn niệm Phật: niệm niệm liên tục, tinh tấn không ngừng nghỉ vì đã đắc nhất tâm bất loạn.

và các vị Bồ-tát lớn nhiều như thế nữa

Còn có vô số Đại Bồ Tát khác đang tu vạn hạnh, đang có mặt ở đại chúng để trang nghiêm Tịnh độ hội. Họ đại diện cho đại bi quảng đại chúng câu hội.

Về phương diện sự, sự hội họp của các Ngài tiêu biểu sự đại nhân duyên 事是大因緣: có đại nhân duyên mới có được Tịnh độ đại hội này. Các Ngài không bao giờ lìa Tam Bảo vì Tam Bảo là đại nhân duyên để chứng Phật quả. Hơn nữa, được gặp Phật và nghe Pháp, được dạy về tri kiến của đức Phật và thân cận Tăng Bảo cũng cần đại nhân duyên.

Thích Vĩnh Hóa

Về phương diện lý, sự có mặt của các Ngài tượng trưng cho Bí Mật Tạng 理是秘密藏. Họ đã đắc được tri kiến của đức Phật.

Sau hết, sự hiện diện của các vị đại thánh này nhắc nhở chúng ta nên tin và tu pháp môn Tịnh độ vì đó là đường tắt đến A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn 釋提

Còn được gọi là Nhơn Đà hoặc Đề Thích. Chú Lăng Nghiêm nêu danh là Nhơn Đà La Gia 因陀囉耶: nghĩa là “năng thiên chủ 能天主: chúa trời có khả năng”. Trong tương lai sẽ thành Phật hiệu Vô Trác Tôn Phật 無卓遵佛: Phật không chấp trước, rất đáng tôn kính.

Thời Phật Ca Diếp 迦葉佛, vị này là một phụ nữ. Bà ta phát tâm tu bồ một tháp Phật, được 32 người khác giúp đỡ. Nên nhóm họ sanh lên cõi Trời Đạo Lợi gồm 33 cõi trời: mỗi người làm chủ một cõi. Có một cõi chính ở trung tâm là của Đề Thích. Chung quanh bốn hướng Đông Tây Nam Bắc mỗi phương có tám cõi; 32 vị trời này là nội thân của Đề Thích, cùng tháp tùng đến pháp hội.

vô lượng chư thiên đại chúng đồng câu hội.

Cũng có chư thiên từ các cõi trời khác của cõi Dục giới như trời Diệm Ma, Đâu Suất, Hóa Tụ Tại, Tha Hóa Tụ Tại v.v...

Tầng trời thấp nhất trong cõi Dục giới là Tứ Thiên Vương

Kinh A Di Đà

thiên. Có bốn cõi trời, mỗi cõi do bốn vị vua tiên gọi là ngoại thần 外臣 của Đế Thích cai quản:

1. Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương 東方持國天王: Cung điện của ông làm bằng vàng.
2. Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương 南方增長天王: Cung điện bằng lưu ly.
3. Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương 西方廣目天王: Có cung điện bằng bạc.
4. Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương 北方多聞天王: Cung điện bằng pha lê.

Bốn vị vua trời này thủ lãnh bát bộ quỷ thần và có nhiệm vụ bảo vệ nhân gian.

Sắc giới không còn có phân biệt nam nữ vì đã đắc thanh tịnh và xả lòng dâm dục.

Vô sắc giới thì không còn sắc thân nữa: họ xả bỏ sắc để trụ không.

Nhân thiên được liệt sau cùng vì:

1. Họ có tướng thể tục hữu lậu.
2. Họ lẫn lộn, có phạm phu trà trộn với thánh nhân: ví dụ thiên long bát bộ có nhiều Bồ Tát hóa thân.
3. Họ phụ trách làm ngoại hộ pháp.

Vô lượng tiên ông tiên nữ, A Tu La, nhân và phi nhân, quỷ thần v.v. từ mười phương đến đại hội, tượng trưng cho ảnh hưởng rộng rãi của pháp môn Tịnh độ: không từ bỏ bất cứ một chúng sinh nào cả.

Thích Vĩnh Hóa

Đến đây kết thúc tự phần của Kinh. Kinh được giảng đầu không có người thỉnh vì pháp môn Tịnh độ quá bất khả tư nghì nên ngay cả thánh nhân cũng không biết đề thỉnh.

Trí huệ của đức Phật vẹn toàn, không còn chút sai lầm. Ngài biết pháp môn Tịnh độ thích hợp cho đủ hạng người, đủ loại căn cơ nên thuyết giảng đề ban bố bốn loại lợi (tứ tất đàn 四悉檀):

1. Thế gian tất đàn 世間悉檀: Giúp chúng sinh đắc lợi lạc. Nghe đến đức Phật A Di Đà đang thuyết Pháp ở cõi Tây Phương Cực Lạc chúng sinh cảm thấy hoan hỉ.
2. Đối trị tất đàn 對治悉檀: Giúp chúng sinh diệt trừ cái ác. Nếu biết y giáo phụng hành, giữ giới thanh tịnh và niệm Phật liên tục, chúng ta sẽ có thể tiêu trừ các ác của thân khẩu ý khiến tam nghiệp được thanh tịnh.
3. Vị nhân tất đàn 為人悉檀: Giúp chúng sinh hướng thiện và tăng trưởng thiện căn. Nhờ nghe Pháp mà biết có thể đắc vãng sinh về cõi Cực Lạc do niệm Phật, chúng ta thành tâm niệm Phật. Hạnh niệm Phật tạo ra vô lượng thiện phước, công đức và nhân duyên.
4. Đệ nhất nghĩa tất đàn 第一義悉檀: Giúp chúng sinh nhập Đạo. Công phu niệm Phật càng ngày càng cao, cuối cùng sẽ cho phép chúng ta nhập định và giác ngộ chân lý thâm sâu: Lý nhất tâm niệm Phật.

CHÁNH PHẦN

Lời Kinh:

Bấy giờ đức Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất: "Từ đây qua phương Tây cách mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc, nước ấy có Phật hiệu là A Di Đà hiện đang thuyết pháp ở đó.

Lời giảng:

Bấy giờ đức Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

Pháp môn Tịnh độ viên dung, không thể nghĩ bàn này không khỏi sẽ tạo sự nghi ngờ. Đó là về chiều sâu. Về bề ngang thì Tịnh độ tông có thể thu nhiếp (圓融。乃圓通融洽。無障無礙。即以心佛明之。心性圓滿周遍。不妨佛性。亦滿亦遍。一切法性。皆滿皆遍。佛性法性。圓滿周遍亦然。彼此無障無礙) tam căn:

1. Tham, sân và si.
2. Thượng, trung và hạ.
3. Phàm phu, Nhị Thừa và Bồ Tát Thừa.

Hơn nữa, pháp môn Tịnh độ bao gồm và không kém các pháp môn khác. Pháp môn này rất thâm sâu và khó tin. Vì thế đức Phật chọn thuyết Pháp cho Xá-lợi-phất, vị đứng hàng đầu về trí huệ trong hàng đệ tử A La Hán của đức Phật. Nếu không có đủ trí huệ hoặc phước báu, người nghe không tránh sinh lòng nghi kỵ.

Thích Vĩnh Hóa

Ngay những kẻ đã mở Thiên Nhân cũng không thể thấy được. Phật Thích Ca Mâu Ni phải giảng mà không có ai tỉnh, vì muốn các vị Thanh Văn mở Pháp Nhân, thấy cõi Tịnh độ, phụng sự mười phương chư Phật và tu học Bồ Tát Thừa.

Vấn: Tại sao giảng cho Xá-lợi-phất mà không giảng cho một vị Bồ Tát?

Đáp: Bồ Tát đã diệt trừ chủng tử bất tịnh và có thể trụ trong cõi Tịnh độ. Thanh Văn vẫn còn đầu óc phân biệt, cho rằng cõi tịnh và bất tịnh khác nhau rất nhiều. Giảng cho thủ lãnh của nhóm Thanh Văn để cho họ sinh lòng hoan hỷ và khiến họ hâm mộ pháp môn thù thắng này.

Vấn: Vậy tại sao chỉ dạy Xá-lợi-phất mà không dạy các vị Thanh Văn khác?

Đáp: Đức Phật bắt đầu với dạy hàng người thầy (teach the teachers).

Từ đây qua phương Tây cách mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc.

“Từ đây qua phương Tây cách mười vạn ức cõi Phật” tượng trưng chế phục thập phiền não hoặc thập sử. Số mười tượng trưng cho số lớn: mỗi lần nhân là số tăng gấp bội lần. Đó là ngụ ý có thể vượt qua vô số phiền não bằng pháp tu Tịnh độ. Nhờ vậy mà tâm trở nên thanh tịnh để trang nghiêm cõi Tịnh độ. Pháp Tạng Tỳ Kheo đã từng làm như vậy trong lúc tu Bồ Tát Đạo: Ngài phát 48 đại nguyện để thanh tịnh hóa các phiền não để có thể độ chúng sinh.

Kinh A Di Đà

Có tất cả 20 tầng thế giới chung. Cõi Ta bà này và Tây Phương Cực Lạc đều ở tầng thứ 13. Vì thế nên chúng ta có thể đi ngang về phía Tây để đến cõi Phật độ của đức Phật A Di Đà.

Phật độ còn được gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

Tất cả bốn châu quanh núi Tu di (là tiếng phạn, dịch là diệu cao) có cùng chung một mặt trời mặt trăng, đại dương (rộng 84000 do tuần) bao quanh, bên ngoài đại dương lại có dãy núi thiết vi bọc giập vòng, đây là một tiểu thế giới.

Đông châu tên là Phát Bà Đề 弗婆提: thắng thân; tên ám chỉ dân cư có thân thể thù thắng: cao tám trửu 肘 (khủy tay); thọ mạng là 250 năm.

Tây châu gọi là Cù Gia Ni 瞿耶尼: hàng bò; họ dùng bò làm hàng hóa; người cao 16 trửu; họ sống đến cả 500 tuổi.

Nam châu gọi là Diêm Phù Đề 閻浮提: thắng kim; tên của một loại cây. Mủ của cây chảy vào nước và làm cát sỏi thành vàng còn quý hơn vàng thông thường. Dân chúng cao 3.5 trửu, sống cho đến 100 năm.

Bắc châu tên là Đơn Việt 單越: thắng xứ 勝處; vì thù thắng hơn ba châu kia; dân chúng cao 32 trửu và sống 1.000 năm.

Giữa lưng núi Tu Di, cao 42.000 do tuần, có mặt trời và mặt trăng chiếu sáng tất cả. Ở cao độ đó cũng là nơi của Tứ Thiên Vương Thiên.

Thích Vĩnh Hóa

Tất cả ở trên hợp thành “một tiểu thế giới 一小世界”, cũng còn được gọi là “nhất tứ thiên hạ 一四天下: bốn châu dưới trời”.

Ở trên là lục Dục thiên và Sơ Thiên thiên. Một ngàn tiểu thế giới gọi là một tiểu thiên thế giới.

Một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là trung thiên thế giới (ở tột đỉnh là Tam Thiên thiên).

Một ngàn trung thiên thế giới gọi là tam thiên đại thiên thế giới, hoặc gọi tắt là đại thiên thế giới (Tứ Thiên thiên ở tột đỉnh).

Tam thiên đại thiên thế giới là một Phật độ.

Vấn: Tại sao về phương Tây?

Đáp: Câu hỏi này vô lý! Ông cũng có thể hỏi tại sao về hướng Đông nếu như Kinh nói như vậy!

Tây Phương Cực Lạc là từ danh từ tiếng Phạn Tu Ma Đề 須摩提 nghĩa là “Cực Lạc”, hoặc là “An Dưỡng 安養”, hoặc là “An Lạc 安樂” hoặc là “Thanh Thái 清泰”. Tên có hơi khác nhưng ý nghĩa không khác nhau. Trong cõi này, không có sinh tử, không phiền não, không đau khổ và không nguy hiểm. Chỉ có cực hoan lạc. Dân cư lìa bỏ tất cả khổ sở và đắc được một nếp sống bình an và vững chắc.

nước ấy có một vị giáo chủ: Phật hiệu là A Di Đà hiện đang

Kinh A Di Đà

thuyết pháp ở đó.

A Di Đà nghĩa là “vô lượng quang”. Ngài còn được gọi là “vô lượng thọ”. Hiện nay vẫn còn đang thuyết Pháp. Ngược lại ở cõi Ta Bà của chúng ta Phật Thích Ca Mâu Ni đã ngừng dạy và Di Lạc Đương Lai Hạ Sinh Phật chưa dạy.

Ở cõi Ta bà Bồ Tát thấy thanh tịnh (vì tâm quý ngài đã tịnh) còn chúng sanh thì thấy ô uế đầy dẫy khổ đau. Vì vậy, khác thế giới của chúng sinh, cõi Tịnh của Bồ Tát và chư Phật không bị hủy hoại bởi các thiên tai.

Cõi Tịnh độ như Tây Phương Cực Lạc là để nhiếp thọ chúng sinh. Cõi bất tịnh như cõi Ta Bà này thì để chế phục chúng sinh.

Có bốn loại Tịnh độ:

1. Phạm Thánh Đồng Cư độ 凡聖同居土. Chúng ta nên phân biệt sơ về tướng thanh tịnh và bất tịnh của loại Tịnh độ này. Kinh Lăng Nghiêm mô tả: trước là bỏ bùn vào trong nước làm nước vẫn đục, ám chỉ cõi Ta Bà ngũ trược này. Ngược lại phạm thánh đồng cư độ ở Tây phương Cực lạc như nước bùn đã được lắng trong nên trở thành thanh tịnh.
2. Phương Tiện Hữu Dư độ 方便有餘土. Còn được gọi là Hóa Thành. A La Hán và Bích Chi Phật sinh vào cõi này. Và những người tu cao hơn nhưng chưa phá vô minh cũng sinh vào cõi này. Các vị này đã biến ngã thành không vì thế nên được thanh tịnh. Thành phần này của Tây Phương Cực Lạc được coi là thanh tịnh.

Thích Vĩnh Hóa

3. Thật Báo Vô Chướng Ngại độ **實報無障礙土**. Khu vực này rất trang nghiêm. Chư Bồ Tát cho đến Đẳng Giác Bồ Tát trú ở đây nên rất thanh tịnh.
4. Thường Tịch Quang độ **常寂光土**: Dành riêng cho chư Phật.

Tây phương Cực lạc cảnh giới phàm thánh đồng cư độ là đặc điểm của Cực Lạc quốc. Tại cõi Ta bà, tuy cũng có thánh nhân sống chung với phàm nhân nhưng không thể coi là cõi thanh tịnh vì chúng sanh có khuynh hướng thiên về ác nhiều hơn thiện, lại không thích tu do đó chiêu cảm nhiều thiên tai khổ nạn.

Sắc thân chúng ta do sự phối hợp của nhiều nghiệp chướng. Chư Phật thì khác. Các Ngài có Tam Thân:

1. Pháp Thân thành do sự tích tụ lý pháp **積聚理法**: sự tổng hợp của tất cả các lý và Pháp. Pháp lý bình đẳng không phân biệt và hiệu nghiệm ở khắp nơi. Cho nên Pháp Thân ở khắp mọi nơi.
2. Báo Thân thành do hoặc tịnh trí mãn **惑淨智滿**: Phá trừ hết si mê, nên trí huệ đầy đủ trọn vẹn. Báo Thân này lấy huệ làm thân. Thật ra, Báo Thân thể hiện ra từ hậu đắc trí **此從後得智所現** (chỉ loại trí huệ của Bồ Tát khai phát sau khi mở huệ Bát Nhã). Ngay cả nhóm Nhị Thừa cũng không thể thấy được Báo Thân.
3. Ứng Thân thành do sự tích tụ cơ duyên **積聚機緣**: hiện ra để đáp ứng duyên với chúng sinh. Vì thế nên khi duyên hoặc thiện căn của chúng sinh thành thực **機緣成熟** chư Phật Bồ Tát hiện ứng thân và biến

Kinh A Di Đà

hóa thành sắc thân của cửu giới chúng sinh. Ứng Thân có 32 tướng hảo và 80 tùy hình.

Mặc dầu có tam thân nhưng thật ra chỉ là một: cả ba đều từ một thể mà tùy duyên hiện ra.

Cho nên A Di Đà Phật là một ứng thân hiện ra trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh độ.

Những kẻ muốn vãng sinh về cõi Tịnh độ nên tu ba loại phước:

1. Hiếu thảo với cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tu hạnh từ, không sát sinh và tu thập thiện.
2. Qui y Tam Bảo, giữ giới và không vi phạm qui luật.
3. Phát Bồ đề tâm, có lòng tin thâm sâu về luật nhân quả, đọc tụng kinh Đại Thừa, khuyến khích kẻ khác thân cận và tu Phật Pháp.

Đó là ba loại phước báo chính yếu tạo duyên thù thắng để giúp người tu Tịnh độ có thể vãng sanh.

có hàm chứa bốn nghĩa:

1. Thật sự có: để khiến chúng sinh sinh lòng hâm mộ và cầu vãng sinh về đó,
2. Đây là những lời chân thật: Có thể làm người nghe chuyên tâm,
3. Quốc độ được mô tả này không phải là Hóa Thành. Đây không phải là ảo tưởng. Cũng không phải là phương tiện hiện tướng hoặc một duyên khởi thể hiện hoặc một phản ảnh giả. Không bị chấp vào hai cực đoan. Lại có thể đả bại ma quỷ và phá những chấp trước của Quyền giáo và Tiểu Thừa.
4. Là sự thể hiện viên mãn của chân tính mà bất cứ ai cũng có thể chứng đắc.

Thích Vĩnh Hóa

hiện đang thuyết pháp:

Chỉ chánh báo và y báo, không phải về quá khứ hoặc tương lai. Vị Phật này thường xuyên giảng Pháp ở đó. Ở đây thì đức Phật Thích Ca đã nói Pháp xong rồi và chúng ta phải đợi khá lâu mới được nghe Di Lạc giảng. Vì vậy, chúng ta nên mau về Cực Lạc Quốc, thân cận Phật A Di Đà, thoát ngang Tam giới và học Nhất Thừa của chư Phật Bồ Tát.

Một lần nữa:

1. “Có”: ngụ ý ngay bây giờ, xác nhận tín.
2. “Tây Phương Cực Lạc”: Thật sự có; nên phát nguyện vãng sanh về đó.
3. “A Di Đà”: Là vị giáo chủ; nên tinh tấn tu hành: niệm hồng danh của Ngài để nhờ Phật lực đắc vãng sinh.

Vấn: Sự an lạc ở các Tịnh độ của mười phương không mấy gì khác. Tại sao lại khuyên vãng sinh về Tây Phương Quốc độ mà không về chốn Tịnh độ khác?

Đáp: Phàm phu nghiệp rất nặng. Họ rất tham lam. Nếu không cho họ mục tiêu thì họ không thể chú tâm. Vì vậy Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Chúng sinh chấp chụm mọi nơi. Họ cần được dẫn dắt đến giải thoát. Hơn nữa, vị Pháp chủ của Tây Phương Cực Lạc có nguyện thù thắng và đặc biệt là tiếp dẫn khi lâm chung. Chúng ta nên lợi dụng cơ hội, khuyên mọi người biết nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà để đắc vãng sinh.”

Lời Kinh:

Này Xá-lợi-phất! Vì sao gọi nước kia tên là Cực Lạc?

Kinh A Di Đà

Vì chúng sanh của nước ấy không có các khổ não, chỉ hưởng những điều vui, cho nên gọi là Cực Lạc.

Lời giảng:

Này Xá-lợi-phất! Vì sao gọi nước kia tên là Cực Lạc?

Phật Thích Ca tiếp tục giải thích về “Cực Lạc” để giúp người nghe phát tín tâm.

Ngài vừa hỏi vừa trả lời vì mặc dầu Xá-lợi-phất đệ nhất trí huệ nhưng vẫn không biết đặt câu hỏi.

Vì chúng sanh của nước ấy không có các khổ não, chỉ hưởng những điều vui, cho nên gọi là Cực Lạc.

Chúng sanh: có ngũ uẩn gồm sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Cũng có thể nói rằng được sinh từ sự phối hợp của tất cả các Pháp tướng. Thân thể thành hình do sự hòa hợp tạm thời của tứ đại và thuộc về *sắc* uẩn. Năm thức đầu tiếp nhận ngũ trần, và hợp thành *thọ* uẩn. Thức thứ sáu phan duyên với pháp trần và tạo sự phân biệt, nên tạo ra *tưởng* uẩn. Thức thứ bảy chuyên môn so sánh, suy nghĩ liên miên, niệm chạy theo niệm không ngừng: đó là *hành* uẩn. Sau cùng, thức thứ tám chứa chánh và y báo chủng tử. Đó là *thức* uẩn. Chúng sinh bao gồm từ kẻ thấp hèn nhất cho đến các Bồ Tát ở vị Đẳng Giác.

Tất cả chúng sinh trong cõi Phật độ này không còn khổ nữa vì được hóa sinh (ở cõi Ta Bà thì sinh do tình cảm, vừa có cảm giác khổ và sướng; nhưng cái khổ còn có thể nhẫn được) và suốt đời sống trong thanh tịnh.

Thích Vĩnh Hóa

Nếu chúng ta đắc vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc thì thọ mạng sẽ thành vô lượng kiếp, lại được có lực thông và có thể tùy hỉ du hí khắp cả Pháp giới. Thiên y và thiên âm thực rất phong phú và đến tùy ý. Chúng ta hoàn toàn không có một tí khổ. Ngày đêm chúng ta nghe Pháp và luôn luôn hưởng Pháp hỉ lạc.

Lạc của chúng sinh ở cõi Cực Lạc thật vô thượng (chỉ có lạc chứ không có sự lẫn lộn của khổ và sướng như ở đây)! Thật xứng đáng được gọi là Cực Lạc!

Có ai không biết rằng khổ là tự tạo không?

Có ba loại khổ:

1. Khổ khổ: Cái khổ trong cái khổ. Ví dụ như cái thân này đã là quả báo khổ. Lại còn chịu đựng thêm khổ vì nó (như bệnh tật, đói khát v.v...)
2. Hoại khổ: Có rồi bị mất. Trong cõi Ta Bà này, sung sướng hạnh phúc chỉ là tạm bợ. Nói cách khác, ở đây, hỉ lạc là một loại hoại khổ. Thật là khó chấp nhận phải không? Thật tế là ở đây thật sự không có hạnh phúc chân chính!
3. Hành khổ: Loại khổ này không một người phạm phu nào có thể tránh được. Nó không phải như hai loại khổ trước. Chúng ta từ bỏ thọ uẩn (và không còn cảm thấy khổ hoặc sướng). Nhưng không ai có thể tránh hành uẩn luôn luôn thay đổi. “Hành” ám chỉ thay đổi không ngừng và rốt cuộc bị tiêu diệt.

Có một chuyện nhỏ về tướng của loại khổ này. Không Tử đi ngang suối. Ông ta thở dài và nói: “Nó cũng

Kinh A Di Đà

chảy như thế, ngày đêm không ngừng! 孔子在川上曰。逝者如斯乎。不捨晝夜。即借水寄嘆”

Chung quy, khi bàn về tịnh lạc của An Lạc quốc, đó là đề đối chiếu với cái khổ của cõi Ta Bà. Đó là pháp “yém li”. Yém là chán chường, ghê tởm và không ham muốn nữa. Li là muốn lìa xa. Cho nên yém li là ghê chán cõi này và muốn xa lìa bằng cách vãng sinh về cõi Cực Lạc độ. Chúng ta có thể bàn đến mười cặp khổ lạc đối:

1. Cõi Ta Bà thường có cái khổ khó gặp Phật. Bên cõi Tịnh độ, chúng sinh hóa sinh ở hoa sen, hoa nở thì lập tức kiến Phật, cho nên chúng sinh có cái lạc được thân cận Phật A Di Đà.
2. Ở đây, chúng ta có cái khổ không được nghe Phật Pháp. Bên kia, chúng sinh hưởng cái lạc của nghe nước, chim, cây và gió thuyết Pháp.
3. Cõi Ta Bà có cái khổ bị ác hữu cảm dỗ hoặc bị kèm chế, bị kẹt lại trong u mê và đen tối. Cõi Tây Phương Cực Lạc lại có cái lạc được tham dự vào sinh hoạt tu học với các thiện thượng nhân.
4. Ở đây, chúng ta phải chịu đựng cái khổ tạo ra bởi chúng ma (ngoại chướng) và phiền não (nội chướng). Tại An Lạc quốc, chúng sinh hưởng lạc được chư Phật hộ niệm, che chở nên chẳng những không có ngoại chướng mà cũng không có nội chướng.
5. Ở đây chúng ta bị khổ của lưu chuyển không ngừng trong bánh xe luân hồi. Bên đó, chúng sinh thoát ngang sinh tử và vĩnh viễn thoát luân hồi.
6. Cõi này, còn bị cái khổ của dễ đọa tam ác thú. Bên kia, chúng sinh được cái lạc của vĩnh viễn không bị

Thích Vĩnh Hóa

đọa tam ác đồ. Ngay cả tên của tam ác thú còn không có nữa!

7. Thế giới này có cái khổ làm chướng ngại cho sự tu hành vì có quá nhiều trần duyên cám dỗ, ràng buộc 塵緣障道之苦. Thế giới ở Tây phương, không có loại khổ đó.
8. Ở đây, chúng ta phải chịu đựng cái khổ của một cuộc đời ngắn ngủi và đầy dẫy khó khăn. Bên kia, chúng sinh sống vô lượng kiếp như đức Phật.
9. Cõi này chúng ta thường bị cái khổ của thối lui hoặc bỏ cuộc. Cõi kia, chúng sinh đều có đầy đủ chính định, và còn có cái lạc của bất thối.
10. Ở đây, chúng ta phải chịu đựng cái khổ của sự cực kỳ khó khăn để thành Đạo. Bên Tây Phương Cực Lạc, chúng sinh sẽ đắc Đạo trong một kiếp và hưởng cái lạc của sự thành tựu viên mãn Phật đạo.

Trong cõi Ta Bà, chúng ta có phân đoạn tử 分段死. Phân 分 ám chỉ sự hạn chế của mạng sống phân hạn dài ngắn 分限,壽命長短. Đoạn 段 chỉ đo thước về chiều ngang, dọc hoặc cao của thân thể. Bên Cực Lạc quốc, họ không còn loại khổ đó nữa. Họ hóa sinh trên hoa sen và đắc sắc thân cuối cùng trước khi thành Phật trong một kiếp. Họ không còn có phần đoạn sinh tử nữa.

Khổ cũng còn có thể phân ra làm tám loại. Chúng sinh của Tây Phương Cực Lạc:

Kinh A Di Đà

1. Không phải chịu cái khổ của *sinh* đẻ, phải ở trong bụng mẹ chín tháng mới ra đời. Trái lại, họ hưởng cái lạc của hóa sinh trên hoa sen.
2. Không có khổ của già cả (*lão* khổ): thân thể thay đổi suy nhược. Họ có cái lạc của có thân thể hoàn mỹ.
3. Hoàn toàn không bị *bệnh*. Ngược lại, còn đắc tự tại và an toàn.
4. Không bị cái khổ của thân tứ đại tan rã (*tử* khổ). Trái lại, họ có cái lạc của thọ mạng vô lượng.
5. Không bị khổ của vì *xa lìa người thương*. Họ có cái lạc được làm thành viên của thanh tịnh đại hải chúng, và thánh hiền nhân.
6. Không có cái khổ của *chung đụng kẻ chán ghét*. Trái lại còn có thể thân cận kẻ thượng căn và cao thượng.
7. Không có cái khổ của *không đắc cái mong muốn*. Ngược lại, tất cả đều được hưởng cái lạc của tự nhiên thành tựu mọi việc theo như ý.
8. Tránh được cái khổ của *ngũ uẩn lửa bùng cháy*. Đó vì quán được ngũ uẩn đều là không nên đắc lạc.

Vấn: Tây phương Tịnh độ, vì sao chẳng gọi là nơi không khổ, mà gọi là Cực lạc?

Đáp: Danh từ Cực lạc, hàm nghĩa không hề có khổ, lại còn có nhiều điều vi diệu thù thắng mà cõi Ta bà bất tịnh không thể có được; khiến nhiều chúng sanh ham chuộng cầu vãng sanh.

Vấn: Tại sao nói Tịnh độ là pháp Đại thừa viên dung đốn ngộ trong khi người tu niệm Phật còn cái tâm chán bỏ và tìm cầu : chán bất tịnh chuộng thanh tịnh, bỏ khổ, cầu lạc. Trong khi đó, Bồ Tát tu Đại thừa không hề có phân biệt chấp trước: không cầu Niết bàn, không ruồng bỏ chúng sanh; không chấp

Thích Vĩnh Hóa

vào khổ cũng không chấp vào lạc, không chấp thủ không chấp xả. Vậy tại sao người niệm Phật cầu vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc lại không có tâm như thế?

Đáp: Dầu đắc Vô sinh Pháp Nhẫn mà không hoằng dương Tịnh độ vẫn chưa đủ sức để cứu độ chúng sinh. Tình cảnh của chúng ta hiện nay không khác gì đang cùng ở trên một chiếc tàu bị bể và sắp chìm: mình và người đều không thể thoát nạn. Chúng ta niệm Phật để cầu vãng sinh về Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật và ngộ Vô Sinh. Sau đó mới đi khắp các Phật độ giúp chúng sinh đắc giải thoát để hoàn thành tự lợi và lợi tha. Theo đường lối này, từ bỏ cái khổ của cõi Ta Bà thật ra là để cầu độ chúng sinh thoát khổ ách: đó là tâm Bồ Tát. Và lại, cầu lạc thật ra là để cuối cùng có khả năng ban lợi lạc cho tất cả chúng sinh: đó cũng là tinh thần của Bồ Tát. Ngược lại, người theo tu Tiểu Thừa chỉ chú trọng lo tự giải thoát; làm sao có thể gọi là viên dung đốn ngộ Pháp?

Vấn: Tây Phương Cực Lạc có phải là Tam giới không?

Đáp: Không phải, vì:

1. Không có tham dục nên không có Dục giới.
2. Chúng sinh trụ trên mặt đất nên không có Sắc giới.
3. Họ lại có sắc thân nên không phải là Vô sắc giới.
4. Tất cả dân cư đều đã xuất Tam giới: bên trong họ không tạo chủng tử bất tịnh, ở ngoài họ không bị ngoại cảnh lung lạc tinh thần. Họ thoát khỏi vòng luân hồi và đã vĩnh viễn thoát tam giới.

Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng sinh muốn đồ ăn, thức uống hoặc áo quần thì tất cả tự động đến. Không cần phải lao công và đi mua mới có được!

Kinh A Di Đà

Vừa rồi là phân xét khổ lạc của loại Tịnh độ thứ nhất: Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh độ, nơi mà phàm phu và thánh nhân cùng sống chung với nhau.

Tiếp theo, chúng ta phân tích loại Tịnh độ thứ hai: Phương Tiện Hữu Dư độ. Trong thế giới này, chúng sinh có cái khổ của biển không tịch diệt 徧空寂滅之苦. Ngược lại, ở Cực Lạc thế giới, họ không bị kẹt trong thiên không và tịch. Họ có cái lạc của du hí thần thông để trang nghiêm Tịnh độ và cứu độ chúng sinh.

Đối với Thật Báo Vô Ngại độ, các vị Bồ Tát vãng sinh về do nhất tâm và tam quán. Không còn sự phân biệt trong Pháp Giới, tập khí vô minh rất vi tế nhỏ nhiệm mà tư huệ của các Ngài lại mạnh mẽ sắc bén. Ngược lại, ở cõi Ta Bà này, tam tư huệ còn chưa thuần thực nói chi đến viên mãn. Cho nên ở cõi Tây Phương An Lạc quốc các Ngài thọ hưởng hi lạc bất khả tư nghì và vô ngại. 實報莊嚴土：若從次第三觀所感，則雖證道同圓，而無明習重，智慧稍鈍，名之為穢。若從一心三觀所成，則雖法界無別，而無明習輕，智慧猛利，名之為淨。

Cuối cùng là Thường Tịch Quang độ. Trong thế giới chúng ta chỉ thích hợp với biệt giáo và đầu 12 vô minh bị trừ diệt (đếm từ Sơ Địa cho đến Diệu Giác, có tất cả 12 phẩm vô minh phải cần phá), cái lạc vẫn chưa rốt ráo. Ngược lại ở Thường Tịch Quang độ hưởng thọ lạc bất khả tư nghì của Phật.

Thích Vĩnh Hóa

Lời Kinh:

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực Lạc có bảy lớp lan thuẫn, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều bằng bốn thứ báu vây quanh giáp vòng, cho nên nước ấy tên là Cực Lạc.

Lời giảng:

Tiếp theo, đức Phật mô tả y báo của Tây Phương Cực Lạc. Ngay cả Ngài Xá-Lợi-Phất cũng chưa được từng thấy những sự trang nghiêm như thế.

Lại này Xá-Lợi-Phất! Tất cả những gì mà chúng sanh ở thế giới Ta bà cho là trang nghiêm đẹp đẽ nhất cũng đều do sự tập hợp của các nhân duyên tạo thành, do đó tất cả đều là hữu vi, hữu lậu pháp.

Ngược lại ở cõi nước Cực Lạc có bảy lớp lan thuẫn, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều bằng bốn thứ báu vây quanh giáp vòng, cho nên nước ấy tên là Cực Lạc.

Tất cả các trang nghiêm mà chúng sanh ở thế giới đó thấy đã được tạo từ phước đức của đức Phật A Di Đà: tất cả đều là pháp vô vi và vô lậu.

Lan thuẫn 欄楯: là lan can, hàng rào bề ngang và bề cao, có công dụng làm ranh giới, tượng trưng cho giới.

Lưới giăng 羅網, trang hoàng không trung, tượng trưng định.

Kinh A Di Đà

Hàng cây 行樹, trang điểm đường xá và đất đai. Mỗi cây đều có **bảy lớp** lưới, làm bằng thất bảo. Giữa lớp lưới có năm tí diệp hoa và cung điện rất huy hoàng. Cây đại biểu cho huệ. Mỗi lớp xen kẽ với lớp khác.

Bảy: Tiêu biểu cho bảy hạng, phân liệt 37 Bồ Đề giác phần ra bảy nhóm:

1. Tứ Niệm Xứ
2. Tứ Chánh Cần
3. Tứ Thần Túc
4. Ngũ Căn
5. Ngũ Lực
6. Thất Bồ Đề phần
7. Bát Chánh Đạo.

Đều bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Tứ bảo tượng trưng cho bốn đức của Niết Bàn (thường, lạc, chân ngã và tịnh). Hoặc cũng có thể nói rằng tứ bảo tiêu biểu cho tứ nhiếp pháp mà A Di Đà Phật dùng để thâm nhiếp chúng sinh.

Thật ra, không phải chỉ có bốn hoặc bảy loại bảo, mà có nhiều lớp đây vô lượng loại bảo.

Ví dụ, khi Kinh mô tả cây làm bằng vàng, có nghĩa tất cả đều bằng vàng: rễ, thân, cành cây, lá, hoa và quả. Lại cũng có nhiều cây với thân vàng và rễ bạc. Phần còn lại của cây cũng do vàng bạc hợp thành. Hoặc có cây thì do thất bảo hợp thành.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ có chi tiết về bảy lớp hàng cây. Mỗi cây cao 8.000 do tuần. Mỗi đóa hoa và các lá được làm

Thích Vĩnh Hóa

bằng đủ loại bảo và màu sắc. Từ lưu ly bảo, tỏa chiếu ra ánh sáng màu vàng. Hoặc từ pha lê bảo, tỏa chiếu ra ánh sáng màu đỏ, v.v... Lại có lưới đính ngọc giăng phủ lên cây. Mỗi hàng cây có bảy lớp lưới. Giữa mỗi lớp lưới có năm ức tuyệt diệu hoa và cung điện. Kinh này chỉ tóm tắt mô tả các trang nghiêm thôi!

Bản về trang nghiêm của cõi Cực Lạc:

1. Ở Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh độ, các trang nghiêm là cảm ứng của thiện nghiệp thù thắng. Và cũng thành hình theo năm quán phẩm. Thể của các trang nghiêm là duyên sinh ngũ trần huyền diệu và thù thắng.
2. Ở Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ, các trang nghiêm là cảm ứng của Quán Không Huệ. Và cũng là cảm ứng từ tương tự tam quán 亦相似三觀所感. Thể của các trang nghiêm là Diệu Không Đế ngũ trần.
3. Nơi Thật Báo Vô Ngại Tịnh độ, các trang nghiêm là cảm ứng của Diệu Hữu Quán huệ. Và cũng là cảm ứng từ Phần Chứng Tam Quán 亦分證三觀所感. Thể của các trang nghiêm là vô biên Diệu Hữu Đế ngũ trần.
4. Ở nơi Thường Tịch Quang Tịnh độ, các trang nghiêm là cảm ứng của Trung Quán. Và cũng là cảm ứng của Rốt Ráo Tam Quán 亦究竟三觀所感. Thể của các trang nghiêm là Diệu Trung Đế Xưng Tính ngũ trần 以妙中諦稱性五塵為體.

Tất cả các trang nghiêm cõi Tịnh độ được phân biệt để giúp chúng sinh dễ mừng tượng hơn. Thật ra, tất cả các trang nghiêm của bốn cõi Tịnh độ, không có bất cứ gì

Kinh A Di Đà

không được tạo ra từ hữu vi pháp, không có gì không xuất thân từ Không, Tục, và Trung Quán. Vì vậy ở Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh độ thanh tịnh, Không và Tục đều viên dung vô ngại.

Vấn: Thường Tịch Quang Tịnh độ chỉ thuần là lý tính 寂光 惟理性, làm sao có tướng trang nghiêm được?

Đáp: Thể tính của mỗi thứ trang nghiêm là lý tính 一一莊嚴全體理性, mỗi lý tính lại đầy đủ tất cả các sự tướng trang nghiêm 一一理性具足莊嚴, như thế mới có thể gọi là y báo rốt ráo của chư Phật 方是諸佛究竟依果. Nếu Thường Tịch Quang Tịnh độ thiếu các ngũ trần huyền diệu và thù thắng thì không khác gì với thiên không pháp tính.

Chúng sinh của Cõi Tây Phương Cực Lạc có tám tự tại của cái ngã:

1. Từ một thân có thể hiện ra vô số thân.
2. Một thân nhỏ bằng một trần 塵 có thể choáng hết tam thiên đại thiên thế giới.
3. Đại thân có thể nổi bổng và bay đến các chốn xa xôi.
4. Có thể làm hiện ra vô biên loại chúng sinh.
5. Chư căn hỗ dụng: lục căn có thể được dùng như nhau. Ví dụ tai có thể thấy, mũi có thể ăn.
6. Đắc nhất thiết pháp nhưng không khởi niệm có đắc pháp (được diễn tả là “không huệ không đắc” trong Tâm Kinh).
7. Thuyết giảng một kệ trong vô lượng kiếp.

Thích Vĩnh Hóa

8. Thân có khắp tất cả nơi như hư không.

Vấn: Lan can, lưới giăng và hàng cây có bảy lớp. Tại sao số bảy?

Đáp: Số bảy tượng trưng cho việc mọi chúng sinh đắc vãng sinh vào cõi này có bảy Bồ Đề phần. Thân, khẩu và ý nghiệp của họ không còn khuyết lỗi vì họ có thất thánh tài.

Lời Kinh:

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức tràn đầy trong đó. Đáy ao toàn trải cát bằng vàng. Thềm đường bốn phía do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Bên trên có lầu có các, cũng dùng đủ loại vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang sức.

Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, vi, diệu, thơm và tịnh.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lời giảng:

Phần vừa rồi chúng ta được giới thiệu về đất và môi trường của cõi Tịnh độ. Phần này diễn tả chi tiết về hồ liên hoa, nơi hóa sanh của chúng sinh.

Kinh A Di Đà

Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao do bảy báu
hợp thành,

Thất bảo là:

1. Vàng. Có tất cả năm màu, loại tốt nhất màu vàng. Có thể chôn vàng rất lâu mà không bị hư hại. Có thể đánh uôn mà không biến đổi đặc tính. Vàng hóa ra giữa đất nên chữ Tà vàng có đất ở trung tâm 金.
2. Bạc.
3. Lưu ly 琉璃. Cũng có năm màu.
4. Pha lê 玻璃. Trí Luận nói rằng pha lê là loại đá xuất phát từ các động trên núi. Nó bị đông giá cả ngàn năm mới thành pha lê. Nhưng ở Cực Lạc quốc không có nóng và lạnh, mặt đất không bao giờ đông giá, làm sao có thể có pha lê được? Ở đó, dầu gọi là đá nhưng không phải như đá ở thế gian.
5. Xa cừ 砗磲.
6. Thích chân châu 赤真珠.
7. Mã não 瑪瑙.

nước tám công đức tràn đầy trong đó

Thế giới Ta Bà có nhiều sạn sỏi vì chúng sinh tạo nhiều hữu lậu hoặc nghiệp. Thế giới Cực Lạc có nhiều châu báu nhờ các nghiệp vô vi thanh tịnh. Kinh Vô Lượng Thọ cho thêm chi tiết: trong ngoài phải trái mọi nơi đều có hồ sen to mười hoặc ba mươi do tuần. Có hồ rộng cả vạn do tuần. Có hồ thì lớn như đại dương. Mỗi hồ được tạo thành bằng một cho đến bảy loại châu bảo.

Nước hồ có tám công đức:

Thích Vĩnh Hóa

1. Thanh lãnh 清冷: Không nóng và không lạnh. Nước ấm và mát tùy theo sở thích cá nhân. Ngược lại nước ở cõi này thì có thể rất nóng hoặc rất lạnh.
2. Trùng thanh 澄清: Trong trẻo. Nước không bao giờ bị dơ, không giống như nước cõi Ta Bà thường không tinh khiết lại bị vẩn đục.
3. Cam mỹ 甘美: Nước ngọt và ngon. Ở cõi của chúng ta, nước thì mặn, nhạt và không ngon.
4. Khinh nhuyễn 輕軟: nhẹ nhàng và mềm mại. Ngược lại, nước cõi Ta Bà nặng nề và có sức ép rất mạnh.
5. Nhuận trạch 潤澤: ướt và trơn tru. Có thể rửa đất ra dễ dàng. Ngược lại, ở cõi này nước có thể có mùi hôi, mùi vị có thể thay đổi với thời gian, màu sắc cũng đổi với thời gian, nước đọng thường làm vi trùng sinh sôi nảy nở.
6. An hợp 安和: uống nước làm tâm bình an và hòa hợp, không giống nước ở đây, có khi chảy xiết và cuộn cuộn.
7. Trừ cơ khát 除饑渴: uống vào thì sẽ hết đói khát.
8. Trường dưỡng chư căn 長養諸根: uống vào làm các căn thêm lợi lạc; ngược lại nước cõi Ta Bà có thể hại các căn, làm chết đuối và làm môi trường sinh ra bệnh dịch.

Nước ao không những tràn đầy tám công đức mà còn có vô lượng công đức. Kinh Quán nói rằng hồ sen làm bằng thất bảo. Mỗi bảo đều nhu nhuyễn, sinh ra từ ngọc như ý. Hồ chia thành 14 giòng suối. Mỗi giòng có màu của thất bảo.

Kinh A Di Đà

Nước màu mã não chảy giữa hoa và thuyết Pháp khổ, vô thường, vô ngã và không.

Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng khi những thiện chúng sinh có thượng căn vào hồ, nhiệt độ của nước hồ đổi thành ấm hoặc mát tùy theo sở thích. Ngâm nước làm cho tâm thần phóng khoáng và thân thể thoải mái. Tắm nước có thể tẩy sạch ô uế của tâm và rửa thân sạch. Loại nước này vô tướng vì có thể tùy thuận với ý thích của chúng sinh. Công đức của nước thật bất khả tư nghĩ!

Nước của cõi Ta Bà này có thể hoặc khô hoặc tạo lụt. Ngược lại, nước cõi Cực Lạc vừa đúng: chiều sâu thích hợp với sở thích của cá nhân. Ví dụ, khi muốn rửa ngực thì nước tự động dâng lên. Rửa xong thì nước tự hạ xuống dưới đầu gối để dễ rửa bàn chân. Đặc tính của nước y như ý muốn của chúng sinh.

Nước hồ chảy chậm chậm, không quá nhanh cũng không quá chậm. Mặt nước có nhiều làn sóng lăn tăn. Nước phát ra âm thanh niệm Phật, văn huệ Pháp âm 或聞法聲, văn huệ Tăng âm 或聞僧聲, tịch tĩnh âm, không và vô ngã âm, đại từ bi âm, Ba La Mật âm, và đủ loại âm thanh vi diệu. Muốn nghe âm thanh gì thì có âm thanh nấy. Những âm thanh đó làm cho người nghe có tâm thanh tịnh, thành thực các căn và đắc bất thối Vô Thượng Bồ Đề. Mặc dầu nước là vô tình, nhưng có thể diễn thuyết các Ba La Mật và đủ thứ bất khả tư nghĩ Pháp.

Sau khi tắm trong nước, một số người có thể ngồi trên tòa hoa sen hoặc trên mặt đất để giảng kinh, đọc kinh, học kinh, thọ

Thích Vĩnh Hóa

kinh, nghe kinh, tụng kinh, quán Đạo và ngồi tọa thiền hoặc đi kinh hành. Một số có thể làm như thế trong không trung theo khả năng. Những kẻ chưa đắc Tứ quả A La Hán sẽ đắc Tứ quả nhờ những hạnh nhân như thế. Những kẻ chưa đạt được bất thối Bồ Tát địa cũng nhờ thế mà đạt được. Mặc dầu nước chỉ là xúc pháp mà có những công đức tuyệt diệu như vậy!

Đáy ao toàn trải cát bằng vàng

Kinh này chỉ miêu tả đáy hồ một cách sơ lược thôi. Kinh Quán Vô lượng Thọ cho nhiều chi tiết hơn: thật ra, cát vàng có Kim Cang bảo đủ các màu sắc. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng đáy hồ có cát làm bằng đủ loại châu bảo.

Mỗi hồ có thể to như 100 đại hải. Đường kính bánh xe của Chuyển Luân Thánh Vương khoảng một do tuần. Một tiểu do tuần là 40 dặm, một trung do tuần là 60 dặm và một đại do tuần là 80 dặm. Vì thế mỗi hoa sen có đường kính dài ít nhất 80 dặm. Trông giống như nước nhưng đụng vào thì cảm thấy như không có gì cả. Nước có mùi thơm vi diệu.

Thềm đường bốn phía do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành.

Chung quanh hồ sen có đường lối được lát bằng tứ bảo.

Bên trên có lầu có các, cũng dùng đủ loại vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang sức..

Các có hai tầng và khá cao. Có vô số lầu các giữa hồ sen và trên các hoa (trong không trung).

Kinh A Di Đà

Thêm để leo lên lầu các mà tăng chúng ở hoặc chỗ thuyết Pháp. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng giảng đường của Phật A Di Đà được trang sức bằng thất bảo. Lầu các của Dục giới thiên được trang sức bằng thất bảo và trang nghiêm gấp trăm ngàn vạn lần các cung điện trong cõi nhân gian. Giống như vậy, lầu các của chư vị Bồ Tát thì trang nghiêm gấp trăm ngàn vạn lần cung điện cõi trời. Sự trang nghiêm của lầu các cõi Tịnh độ cũng gấp bội lần hơn cung điện cõi trời.

Vàng liệt trước tiên vì có bốn công đức:

1. Thể kiên cố
2. Tính chất mềm dẻo
3. Màu tươi sáng
4. Được quý trọng.

Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, vi, diệu, thơm và tịnh.

Hoa sen bốn màu phát quang, tượng trưng cho Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần và Tứ Thân Túc.

Bốn màu ánh sáng là:

1. Thanh: xanh, của hoa Ưu Bát La 優鉢羅, tượng trưng cho Thập Trụ.
2. Hoàng: vàng, của hoa Câu Vật Đầu 拘勿頭, tượng trưng cho Thập Hạnh.
3. Thích: đỏ, của hoa Bát Đầu Ma 鉢頭摩, tượng trưng cho Thập Hồi Hương.
4. Bạch: trắng, của hoa Phân đà Lợi 芬陀利, tượng trưng cho Thập Địa.

Thích Vĩnh Hóa

Cho nên bốn màu hoa sen đại biểu cho 40 quả vị và nhân đức 四十位因德, nhân và quả hợp nhất. Vì thế bốn loại hoa sen này là quả cảm tứ sắc hoa 果感四色花: quả báo từ cảm ứng.

Kinh Quán nói rằng có vô lượng châu bảo trang nghiêm những hoa sen to như bánh xe trong các hồ. Mỗi hồ có 60 ức hoa sen làm bằng thất bảo. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng hoa sen to từ một do tuần cho đến một ngàn do tuần.

Hoa sen lớn nhỏ tùy trình độ công phu của người tu. Niệm Phật càng nhiều thì hoa sen càng mọc lớn hơn theo công phu. Nếu ngừng niệm Phật thì hoa sen sẽ héo và chết. Lúc mạng chung, chúng sinh hóa sinh lên đài hoa sen này. Vì vậy, nên nói rằng chúng vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc lấy hoa sen làm cha mẹ. Đây là một phương pháp hóa sinh thanh tịnh. Khi hoa sen nở, chúng ta tức thời thấy A Di Đà Phật.

Chữ bánh xe được dùng để hàm ý hoa sen có thể đi khắp mười phương để đón rước những kẻ vãng sinh về Cực Lạc, y theo nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Kinh chỉ nêu ra bốn màu nhưng thật ra có vô số màu.

Vấn: Tại sao nêu ra bốn màu?

Đáp: Đó là bốn màu chánh tượng trưng cho sự chân thật. Dân chúng ở Cực Lạc không nịnh bợ hoặc dùng lời quanh co. Họ có thể thành bốn loại Niết bàn và đắc bốn loại trí huệ.

Vi 微, diệu 妙, thơm 香, và tịnh 潔:

Đây là bốn đức tính của hoa sen:

Kinh A Di Đà

- “Vi” phản ảnh tính chất hoặc thể tính chứ không phải hình sắc; mỗi hoa sen có một hiện tượng khác nhau tùy theo chiều sâu của chánh niệm.
- “Diệu” nghĩa là vô ngại: Đắc tự tại vô ngại, đại biểu cho trình độ của công phu niệm Phật.
- “Thơm”: Mùi thơm này hơn xa hương thơm ở cõi Ta Bà. Khi còn ở nhân địa (tu Bồ Tát hạnh; trồng nhân thành Phật), A Di Đà Phật có đầy đủ tam vô lậu học (giới, định và huệ) hương. Nay ở quả địa, hương thơm của hoa sen vô song.
- “Tịnh” ám chỉ rằng không bị bụi trần làm dơ. Nó phản ảnh tâm Bồ Đề thanh tịnh và huyền diệu.

Hoa sen có ý nghĩa đặc biệt trong Đại thừa Tịnh độ. Hàm nhiều nghĩa như sau:

- Chỗ ở không giới hạn (không bị giới hạn như cung điện) và là nơi nương tựa của huệ mạng.
- Tây Phương Cực Lạc thường được gọi là Liên Hoa Quốc.
- Pháp môn Tịnh độ thường được gọi là liên tông.
- Hội niệm Phật thường được gọi là Liên Hoa xá.
- Bạn đồng tu niệm Phật thường gọi là liên hữu.

Này Xá-lợi-phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Tất cả những sự trang nghiêm của cõi Cực lạc được thành tựu như thế đều do công đức của Phật A Di Đà đã viên mãn những đại nguyện và đại hạnh của Ngài.

Thích Vĩnh Hóa

Thành tựu 成就, tiêu biểu khả năng thành tựu của đức Phật: năng 能. Những hồ, đường, thêm, lầu các, hoa sen v.v. là cái được thành tựu: sở 所.

Như thế ám chỉ các cảnh giới dụng quả như nước công đức, hồ nhỏ lớn và hình v.v.

Cực lạc quốc có hương quang trang nghiêm rất vi diệu. Nguyên 32 nói rằng: “Khi tôi thành Phật, từ mặt đất đến hư không, tất cả đều do vô lượng châu bảo hợp thành. Châu bảo này tỏa ra ánh sáng và trăm ngàn hương thơm, xông khắp mười phương thế giới. Bồ Tát, Thanh Văn cùng chúng sanh nào nghĩ hoặc thấy được đều tu Phật hạnh. Nếu không được như vậy, tôi chẳng giữ lấy Chánh giác.”

Sau đó, Pháp Tạng Tỳ Kheo trải qua a tăng kỳ kiếp tu Bồ Tát Đạo (đại hạnh). Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng Pháp Tạng Tỳ Kheo trước mặt đức Thế Tụ Tại Vương Phật đã chọn 21 ức hạnh để thanh tịnh hóa cõi Tịnh độ mà tu.

A Di Đà Phật phát đại nguyện và đã thành tựu tất cả các đại hạnh. Chúng sinh có thể nương tựa vào đại hạnh nguyện của Ngài y theo lời dạy mà niệm hồng danh thì nhờ đó mà thành tựu những công đức như Ngài.

Về phương diện lý, tất cả các trang nghiêm được thành tựu từ tâm của Ngài. Tâm này không lìa chúng sinh.

Tiếp theo, đức Phật Thích Ca miêu tả Tây Phương Cực Lạc (y báo) để người nghe phát lòng tin.

Kinh A Di Đà

問。西方佛聖。何以貪華麗。尚美觀耶。此土
上古聖賢。如堯帝處茅茨。禹王卑宮室。顏回
居陋巷。祇貴其德。不重寶嚴。讀古者。無不
景仰其風。答。此由彌陀大願所成。亦由諸上
善人淨行所感。

Vấn: Tại sao vị Phật phương Tây và thánh chúng có vẻ mê thích hoa và trang nghiêm?

Đáp: Các trang nghiêm là quả báo của những đại nguyện của A Di Đà Phật và cũng là cảm ứng do tịnh hạnh của các bậc thượng thiện nhân, thanh tịnh đại hải chúng. Trang nghiêm tự có, không cần phải làm hoặc tu bổ. Hơn nữa, những trang nghiêm tuyệt diệu đó là phương tiện của đức Phật A Di Đà. Ngài tùy thuận chúng sinh, biết họ vốn không thích ô uế và chuộng thanh tịnh. Cho nên Ngài tạo ra cõi Tây Phương Cực Lạc để khuyến khích mười phương chúng sinh nên lìa khổ và cầu lạc. Họ chỉ cần phát tín tâm, nguyện đắc vãng sinh và niệm hồng danh của Ngài để được vãng sinh về cõi Cực Lạc và thoát ngang tam giới. Đây là một đại phương tiện đại biểu cho câu:

“*Tiên dĩ dục câu khiên, hậu lệnh nhập Phật trí* 所謂先以
欲鉤牽。後令人佛智

Nghĩa là: trước hết dùng lòng mong muốn mà (câu) móc và (hướng) dẫn, sau khiến (thâm) nhập trí huệ của chư Phật.”

Đó là cảnh giới mà Pháp Sư Huệ Viễn miêu tả như sau: ví như đang chìm đắm trong khó khăn, đói và lạnh và bỗng

Thích Vĩnh Hóa

nhiên nghe nói có một chốn an toàn, ấm no thì lòng không khỏi phấn khởi, hoan hỉ, và tâm muốn bỏ khổ cầu lạc. Nếu họ đắc vãng sinh thì cũng sẽ được giải thoát. Đây là một thí dụ của phương tiện tiếp dẫn 方便接引.

Đức chỉ vô lậu tính đức. Bồn tính vốn có sẵn tất cả các trang nghiêm. Nhưng không thể chứng được nếu không có Phật lực. A Di Đà Phật đã thành tựu các nguyện hạnh trang nghiêm an lạc quốc để tạo cảnh giới thù thắng cứu độ chúng sanh. Chúng sanh nào hữu duyên Tịnh độ tự nhiên sinh lòng nhằm chán Ta Bà cầu sinh Cực lạc. Họ giữ giới, tu phước và niệm Phật; những công đức này đều góp phần trang nghiêm Cực lạc quốc, cuối cùng sẽ đắc vãng sanh do tự lực nương vào tha lực. Bồn tính vốn sẵn có lại còn phải hội đủ sở 所 và năng 能 mới thành tựu được cõi Tây phương Tịnh độ:

- Năng: A Di Đà Phật có thể hộ trì. Sở: Tây Phương Cực Lạc có thể được hộ trì.
- Năng: Công đức của Phật có thể trang nghiêm. Sở: Tây Phương Cực Lạc có thể được trang nghiêm.
- Năng: A Di Đà Phật có thể trang nghiêm. Sở: Tây Phương Cực Lạc có thể được trang nghiêm.

Có ba loại thế gian:

1. Khí thế gian 器世間: Như Tây Phương Cực Lạc,
2. Hữu tình thế gian 有情世間: Chúng sinh.
3. Chánh Giác thế gian 正覺世間: Chư Phật.

Ba thế gian này có thể được tổng hợp thành một thể tính gọi là Y Chánh Nhất Như 依正一如: y báo và chánh báo hợp

Kinh A Di Đà

thành một Chân Như. Tự tha bất nhị 自他不二. Toàn Phật tức là chúng sinh 全佛即生. Toàn tha tức là ngã 全他即自.

Lời Kinh:

Lại nữa Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia, thường trỗi nhạc trời, vàng ròng làm đất, ngày đêm sáu thời, mưa hoa Mạn-đà-la cõi trời. Chúng sanh ở cõi ấy, cứ mỗi sáng sớm, thường dùng dây y, đựng các hoa đẹp, đem cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, vừa đến giờ ăn, trở về nước mình, ăn cơm và kinh hành.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lời giảng:

Lại nữa Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia, thường trỗi nhạc trời, vàng ròng làm đất.

Kinh tiếp tục giảng về cảnh giới ngũ trần thù thắng của cõi Tịnh độ: nhạc (âm thanh), đất (sắc), hoa (sắc và hương), đồ ăn (vị) và nước ao bảo hòa/kinh hành (xúc).

Các trần của cõi Tịnh độ thì vi tế còn các trần của cõi Ta Bà thì thô sơ. Đó là vì khi tâm thô thì trần thô. Ngược lại khi tâm vi tế thì trần cũng tương ứng vi tế.

Trong cõi Cực Lạc **nhạc** thường xuyên hòa tấu không ngừng. Thiên nhạc tràn đầy không gian. Nhạc được tạo ra do đủ các loại nhạc khí. Các nhạc cụ được treo trên cây hoặc cột cờ,

Thích Vĩnh Hóa

hòa tấu âm nhạc đang thuyết Pháp khiến người nghe sinh thiện niệm. Nhạc có hai ý nghĩa:

1. Thiên nhạc để cúng dường cho chư Phật và thánh chúng.
2. Nhạc tự nhiên: Không cần có người chơi mà vẫn hòa âm. Nếu không muốn nghe nữa thì nhạc tự dứt.

Vàng ròng làm đất ở trên, mọi thứ đều làm bằng thất bảo, ở dưới thì vàng ròng lót đất bằng phẳng, sạch bóng. Khi Hoa rụng trên mặt đất thì thỉnh thoảng gió tự động thổi đi. Thân thể của mỗi người ở đó đều phát quang nên không cần ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Cõi Tịnh độ không có ban đêm vì luôn luôn sáng.

Ngày đêm sáu thời, sáng có ba thời và đêm có ba thời, **mưa hoa Mạn-đà-la cõi trời**.

Tại cõi Ta Bà, phương Nam mưa rơi và phương Đông thì tuyết rơi. Ngược lại, bên nước đó có mưa hoa sen.

Hoa Mạn-đà-la 曼陀羅 là loại hoa “thích ý 適意: thuận theo ý thích” hoặc “bạch hoa 白花”. Hoa thường được trời rải, tượng trưng cho sự cúng dường.

Dân cư cúng dường hoa Mạn-đà-la: một loại hoa cõi trời, ít có trong cõi khác. Hoa đại biểu cho tất cả các loại cúng dường, theo tinh thần của thập hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát: quảng tu cúng dường.

Kinh Pháp Hoa nói rằng hoa có bốn loại công đức:

1. Trang nghiêm cõi Tịnh độ tượng trưng cho dùng thiện pháp để trang nghiêm thân.

Kinh A Di Đà

2. Phu vinh kiến đài 敷榮見臺: hoa sen nở thấy đài hoa sen, tượng trưng cho đức Phật muốn tiết lộ Nhất Thừa: Pháp chân thật.
3. Tiên hoa hậu quả 先華後果。表生彼國先因後果故: trước hết có hoa sau thì có quả, tượng trưng cho việc đắc vãng sinh là hậu quả của những nhân đã được trồng từ trước.
4. Hương hoa thơm ngát khắp mọi nơi khiến những kẻ nguỉ được sinh lòng hoan hỉ và an lạc. Đó tượng trưng cho đạo cao đức trọng và danh truyền khắp mười phương.

Vì thế nên mưa hoa sen.

Vấn: Mưa hoa sen trắng của cõi Tịnh độ tượng trưng cho gì?

Đáp: Rằng ở cõi Tịnh độ chỉ có bạch nghiệp. Màu trắng là căn bản của các màu, cũng như Nhất Thừa là nguồn gốc của các pháp.

Chúng sanh ở cõi ấy, cứ mỗi sáng thường dậy sớm, thường dùng dây y, bị làm bằng vải, đựng các hoa đẹp, đem cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác.

Mỗi người có quyền tự do đi đây đó tùy hỉ. Họ thường tu cúng dường cho thập phương chư Phật.

Họ dùng **dây y 衣裓** đựng đủ các loại hoa như: Ma-ha Mạn-đà-la (hoa trắng lớn), Mạn-thù-sa 曼殊沙華 và Ma-ha Mạn-thù-sa 摩訶曼殊沙華, loại hoa mềm mại.

Thích Vĩnh Hóa

Họ đến viếng thăm các Phật độ khác để dâng hoa cúng Phật và nghe thuyết pháp. Ở cõi Ta Bà, chúng ta quá bận rộn lo kiếm sinh nhai, cầu danh và tranh lợi. Ngược lại, ở bên cõi Tịnh độ, dân cư lại lo cúng dường chư Phật, lễ Phật và tu các Ba La Mật.

Bốn loại hoa sen được dùng để cúng dường mười phương chư Phật, tượng trưng thành tâm cúng dường cho Phật quả của tam thế và mọi nơi.

Mười vạn ức: cùng số thế giới giữa cõi Ta Bà và cõi Cực Lạc. Cho nên chúng ta có thể trở về lại cõi Ta Bà để cúng dường cho Phật Thích Ca và Di Lặc Bồ Tát. Thật ra, chúng ta có thể đi khắp mọi nơi tu cúng dường nhờ thần lực của đức Phật A Di Đà: chúng ta có thể đến khắp nơi một cách nhanh chóng như trong thời gian của búng ngón tay.

Vừa đến giờ ăn, trở về nước mình, ăn cơm và kinh hành.

Dân cư của cõi Cực Lạc có thần túc thông 神足通: họ có thể đi thật xa để cúng dường, rồi có thể trở về lại để kịp giờ ăn. Đó là do nguyện thứ 23 của Phật A Di Đà: tất cả các Bồ Tát, dựa trên Phật lực, có thể trong một chốc lát đi cúng dường cho trăm ngàn vạn ức mười phương chư Phật. 設我得佛。國中菩薩。承佛神力。供養諸佛。一食之頃。不能遍至無數無量億那由他。諸佛國者。不取正覺

Thần túc thông có thể được chia làm ba loại:

Kinh A Di Đà

1. Năng đáo 能到: có thể đến. Thân có thể bay hoặc lơ lửng bay đến chỗ xa.
2. Chuyển biến 轉變: có thể biến thành thân nhỏ hoặc lớn, thành một thân hay nhiều thân.
3. Thánh như ý 聖如意: biến hiện tùy hi. Có thể tạo những biến hóa khó lường được để đáp ứng và tùy thuận chúng sinh. Mặc dầu không lìa cõi Cực Lạc nhưng có thể hiện ra khắp mười phương Phật độ.

Khả năng đi các Phật độ ở xa có nghĩa là:

1. Cõi Cực Lạc và các cõi khác thật ra không xa cách nhau.
2. Không khởi Diệt Tận định 不起滅盡定 mà vẫn có thể biểu thị các oai nghi 現諸威儀 cũng như mặt trăng có thể tức tốc và đồng thời phản ánh trên nhiều mặt nước.

Đến Phật độ của mười phương thì cũng rất mau chóng, về lại thì cũng trong chớp nhoáng. Loại thân thông này là do tịnh hạnh cảm ứng ra lại thêm có Phật A Di Đà trợ lực.

Bàn sâu xa hơn một tí, cũng có nghĩa rằng mỗi âm thanh, mỗi trần, mỗi sát na và ngay cả cái búng ngón tay đều liên thông với khắp mười phương vô ngại. Đây là sự sự giai vô chướng ngại pháp giới 事事皆無障礙法界: sự kiện này hoàn toàn không tạo chướng ngại cho sự kiện khác. Thể của Tây Phương Cực Lạc là Pháp Giới và bao gồm mười phương Tam Bảo. Ngược lại, thể của thập phương Tam Bảo tức là Pháp Giới và bao gồm chánh y báo của cõi Tây Phương Cực Lạc.

Thích Vĩnh Hóa

Cũng như lưới báu của Đế Thích: mỗi viên ngọc phản ánh tất cả các viên ngọc khác. Một và nhiều hỗ trợ nhau mà không có một chút chướng ngại.

Trong cõi Ta Bà này, sự chấp trước rất thâm sâu, và nặng nề và các ác nghiệp của chúng ta tạo ra nhiều chướng ngại. Cho nên, mặc dầu không cách biệt nhưng chúng ta cảm thấy có sự cách biệt: Cõi Tịnh dường như rất xa! Ngược lại, ở cõi Cực Lạc, công đức của chúng sinh rất thâm sâu cho nên, mặc dầu có sự cách biệt nhưng không cảm thấy cách biệt. Giữa Thánh nhân và phàm phu cũng thế: cách biệt nhưng không cách biệt 隔而不隔!

Đến giờ ăn, khi dân cư cõi Cực Lạc nghĩ đến ăn, các thức ăn đồ uống tự nhiên đến, cho nên họ được thọ dụng thoải mái. Họ không cần phải nấu ăn hoặc bày bàn ghế. Thức ăn tự động hiện ra trong tô bát với trọng lượng vừa vặn. Ăn xong cũng không cần rửa chén. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “Đến giờ ăn, tô bằng vàng, tô bằng bạc, tô bằng đủ loại báu hiện ra như ý, đầy đủ với trăm hương vị tùy theo sở thích của mỗi người”. Dầu ẩm thực biến đổi và thơm ngon như ý thích nhưng không tạo sự chấp trước như ở cõi Ta Bà.

Làm sao họ biết đến giờ ăn? Một chuông vàng tự động vang khiến cho mọi người nghe và tụ tập.

Tại sao họ còn phải ăn? Ở Thật Báo Vô Ngại Tịnh độ: chúng sinh dùng thiên lạc làm ẩm thực. Ở cõi Hóa Tịnh độ: họ dùng ẩm thực để nuôi dưỡng thân thể.

Ăn cơm, xong thì họ đi **kinh hành** như:

Kinh A Di Đà

1. Đi nhiều ở bảo điện 繞寶殿
2. Đi nhiều ở vườn, rừng 繞瓊林
3. Hoặc đi lui tới.

Chân đi, miệng tụng kinh và tâm suy tư.

Sau khi ăn, họ đi kinh hành chứ không phải phí thì giờ lui tới! Họ quán những lời chư Phật mười phương mới giảng dạy khiến cho họ phát huệ. Cho nên họ đồng tu phước huệ. Họ không bao giờ phí thì giờ và luôn luôn tu hành tinh tấn.

Cảnh giới tu hành ở đó thật an lạc:

1. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng gió tự động thổi từ bốn hướng và tạo thành 500 loại âm thanh, khi thổi xuyên qua các cành lá bằng thất bảo. Cho nên hương hoa theo gió đi khắp nơi. Ngay cả các đồ sắt hoặc bảo vật đều ấm và mềm dẻo.
2. Mặt đất bằng phẳng. Không có núi hoặc biển, hồ hoặc thung lũng hoặc chỗ tối tăm.
3. Lục căn khi tiếp xúc với lục trần mà tâm vẫn giữ được thiền định và an lạc.
4. Loại lạc đó không cản trở Đạo mà hỗ trợ thêm cho việc tu Đạo.

Vấn: Ở cõi Cực Lạc, hoàn cảnh thù thắng, chúng sinh đã liễu vô minh, không có ngày hoặc đêm. Vậy làm sao biết giờ giấc?

Đáp: Một chuông làm bằng vàng tự đánh hoặc chuông ngọc tự rung, tạo ấn tượng bình minh. Chim chóc có thể nghỉ ban đêm trong rừng. Các Bồ Tát cũng có thể tạo ra hiện tượng của thời gian và ban tối.

Thích Vĩnh Hóa

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Đức Phật, một lần nữa, nói với Xá-Lợi-Phất rằng các cảnh trí kỳ diệu, huy hoàng, trang nghiêm ở cõi Cực Lạc như thiên nhạc, thiên hoa, du hý thần thông, ẩm thực và kinh hành v.v..., không phải tự nhiên mà có. Tất cả đều do nguyện, hạnh và công đức của Phật A Di Đà tạo thành.

Lời Kinh:

Lại nữa Xá-Lợi-Phất, cõi nước kia thường có các loài chim kỳ diệu đủ màu, như Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Cộng Mạng. Những thứ chim này, ngày đêm sáu thời, hót lên tiếng hòa nhã, tiếng ấy diễn xướng năm căn, năm lực, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo phần. Các pháp như thế ấy, chúng sanh ở nước kia nghe âm thanh này rồi, hết thảy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng!

Lời giảng:

Lại nữa Xá-Lợi-Phất, cõi nước kia thường có các loài chim kỳ diệu đủ màu, như Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Cộng Mạng.

Luôn luôn có (không phải lúc có lúc không!) đủ các loại chim; chỉ liệt ra sáu loại trong Kinh.

Kỳ 奇: Có hình tướng thù thắng;

Diệu 妙: Chim có thể thuyết Pháp.

Kinh A Di Đà

Đủ màu 雜色: Lông có đủ các màu.

Bạch Hạc 白鶴: Hoàn toàn trắng, tượng trưng chính thống. Một số chim có lông đầu màu đỏ và thân còn lại thì trắng như tuyết. Chúng nó hót rất lớn tiếng và bay nhảy rất khéo.

Khổng Tước 孔雀 rất thu hút vì có nét đẹp tao nhã và mảnh khảnh. Loại chim bầm sinh có bản tính linh thiêng và khác những súc vật khác. Đầu thường có lông màu lục và lông trên thân có đủ các màu.

Anh Vồ 鸚鵡: thân rất đẹp và đặc sắc. Lông màu ngọc lục bảo và miệng thì đỏ tươi. Có thể bay vì có lông nhẹ. Lưỡi mỏng và dài nên chim có thể nói.

Xá-lợi 舍利 rất đẹp ngay từ lúc còn nhỏ. Có thể bay cao và xa. Âm thanh rất líu lo. Thường nhỏ con nhưng đẹp và rất có linh thiêng tính.

Bốn loại chim liệt ra ở đầu đều có ở cõi Ta Bà.

Ca-lăng-tần-già 迦陵頻伽 nghĩa là “chim hót hay”. Theo Đại Trí luận chim hót hay hơn tất cả loài chim khác ngay khi còn chưa ra khỏi vỏ. Tiếng hót lãnh lót trong trời hay hơn cả giọng người và trời. Chỉ có giọng của đức Phật mới hay hơn thôi. Thân chim cũng rất mỹ miều. Tiếng chim hót sẽ làm người nghe mê mết. Vẻ đẹp của nó cũng khiến người nhìn say đắm và không biết chán.

Thích Vĩnh Hóa

Cộng Mạng có một thân và hai đầu. Nó bay rất nhanh và nhẹ nhàng. Nó có mặt người thân chim. Ví dụ, những cặp vợ chồng đam mê chuyện tình dục thường sanh làm loài chim này để có hai thức trong một thân.

Hai loại chim sau sống trong Hy Mã Lạp sơn.

Những chim này lúc nào cũng hót liên tục. Tất cả các dân cư đều được hóa sinh và không cần ngủ. Chim cũng vậy, không cần ngủ nên ban đêm cũng hót.

Tiếp theo, chúng ta bàn về Pháp âm. Kinh không liệt ra hết tất cả.

Những thứ chim này, ngày đêm sáu thời, hót lên tiếng hòa nhã, tiếng ấy diễn xướng năm căn, năm lục, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo phần. Các pháp như thế ấy
Các loài chim ấy hót líu lo như có sự hòa tấu, ngày đêm không ngừng.

Hót 演暢: Ca hát một cách thanh nhã và dễ dàng, không cần có sự cố gắng.

37 giác phần gồm bảy nhóm:

1. 4 niệm xứ
2. 4 chánh cần
3. 4 như ý túc
4. 5 căn
5. 5 lục
6. 7 giác phần
7. 8 chánh đạo.

Kinh A Di Đà

Đại Trí luận nói rằng nội trong 37 giác phần, không có bất cứ Pháp nào không hiện diện: vì hàm chứa vô lượng Pháp.

Kinh Niết Bàn nói rằng nếu có thể quán Bát Chánh Đạo thì có thể kiến tính và đắc giác ngộ.

Tứ quán, còn được gọi là tứ niệm xứ hơi khác ở cõi Tịnh độ vì ở đó không có thân bất tịnh hoặc khổ:

1. Thân quán: Thân thể thật ra thanh tịnh, không giống như ở cõi Ta Bà.
2. Thọ quán: Chúng sinh cõi đó hưởng thọ lạc bất khả tư nghì không giống như ở đây, chúng ta bị đủ loại khổ não áp bức.
3. Tưởng quán: Tâm của họ chân thật, lià sinh diệt và vô thường.
4. Pháp quán: Ở đó tất cả các ngũ uẩn đều là thật sự của ngã không giống ở đây: các pháp thật không có ngã.

Bốn quán này lấy huệ làm thể.

năm căn

Căn có hai nghĩa:

1. Năng trì 能持: có thể hộ trì. Cũng như rễ cây có thể nuôi dưỡng cành lá khiến khỏi khô héo.
2. Năng sinh 能生: có thể sinh. Có thể sinh trưởng hoa quả; nghĩa bóng là có thể giúp thành thực.

Ngũ căn là:

1. Tín: tin Chánh Pháp. Có nghĩa là tin vào những Pháp của Chánh Đạo (tin rằng tất cả chúng sinh có Phật tính, phát Bồ Đề tâm và hướng về Phật quả) và Phụ Đạo

Thích Vĩnh Hóa

(các pháp phụ đạo: hành tất cả các thiện pháp, giúp trồng chánh nhân).

2. Tinh tấn: Tu hành các Pháp của Chánh Đạo và Phụ Đạo không ngừng nghỉ.
3. Niệm: tưởng niệm những Pháp của Chánh Đạo và Phụ Đạo và không có tư tưởng nào khác cả.
4. Định: Nhiếp tâm ở các Pháp của Chánh Đạo và Phụ Đạo mà không bị tán loạn.
5. Huệ: Đối với các Pháp của Chánh Đạo và Phụ Đạo, dùng trí huệ chiếu sáng và phân tích. Đại sư Ngẫu Ích 蕩益 nói: “Chúng ta nên quán Tứ Diệu Đế và làm ánh sáng của trí huệ có thể hiển hiện. Quán Khổ Đế để thấy rằng thể là Pháp Thân. Quán Tập Đế để thấy thể là Bát Nhã. Hơn nữa, Đạo Đế là nhân của sự giải thoát và Diệt Đế là quả giải thoát. Đó là huệ căn.”

Năm yếu tố trên là căn bản của sinh thiện.

Ngũ căn thành thực và trở thành **năm lực**. Khi ngũ căn thành thực, sẽ có đầy đủ tất cả các lực (sức mạnh) và (sử) dụng, không bị các pháp khác chế phục mà có thể thắng và khuất phục tất cả. Ngũ lực là:

1. Tín lực: Thâm sâu tin rằng thị tâm thị Phật 是心是佛: tâm này là Phật, và thị tâm tác Phật 是心作佛: tâm này làm Phật. Tín lực giúp diệt trừ cái nghi ngờ của chúng sinh về họ cũng có thể thành Phật. Có tín lực thì sẽ không bị sự mê hoặc làm động tâm. Tà giáo cũng không thể làm ta trở nên hồ đồ hay điên đảo. Tín lực giúp chúng ta đoạn phiền não và không bị phiền não chi phối.

Kinh A Di Đà

2. Tinh tấn lực: Có thể khắc phục cả thân và tâm không lười biếng. Không còn thân kiến nên can đảm tu hành và nhẫn khổ, thắng sự giải đãi của thân và sự lười biếng của tâm: hôn trầm 昏沉 hoặc trầm mặc 沉沒 để hoàn tất đại sự xuất thế (liễu sinh tử).
3. Niệm lực: Phá hủy tất cả các tư tưởng tà, kể cả thiên biên không và hữu, chỉ chứa chấp tư tưởng chính đáng, hoàn thành Trung Đạo Chánh Niệm xuất thế, và tưởng niệm tất cả các công đức.
4. Định lực: Đắc nhất tâm bất loạn, khắc phục được tâm tán loạn và nhập định (công phu chưa thâm sâu thì đắc sự định, công phu thâm sâu thì đắc lý định).
5. Huệ lực: Huệ quang có thể phá tan tất cả các mê hoặc và vô minh. Chúng ta có thể phát huệ vô lậu.
Thế của ngũ lực là ngũ căn; có ngũ lực thì khó bị ngoại cảnh và nội ma làm chướng ngại.

Thất Bồ-đề phần cũng còn được gọi là bảy giác chi. Khi ngũ lực trở thành kiên cố, trí huệ sẽ phát và chúng ta học cách dùng trí huệ một cách khéo léo, lúc đó thì có thể tỉnh giác và hiểu biết. Những người đã chứng chánh vị sẽ khai mở trí huệ chân thật và sử dụng bảy bồ đề phần này một cách dễ dàng tự tại như tứ chi của mình. Thất giác chi gồm có:

1. Trạch Pháp 擇法: Có thể khéo phân biệt giữa các ngũ uẩn pháp, giả và chân (vô lậu) Pháp. Có trạch pháp nhãn tức sẽ không chọn các pháp giả dối và sai. Pháp sai lầm là gì? Họ lầm tưởng rằng ngũ uẩn là ngã. Theo chân lý, ngũ uẩn là giả huyền nhưng kẻ thiếu trạch pháp nhãn tưởng lầm là chân thật. Các tướng của ngã và pháp đều không thật, và không tương ưng với

Thích Vĩnh Hóa

trí huệ vô lậu. Ngược lại, chân lý về tánh Không của ngã và pháp phù hợp với trí huệ vô lậu.

2. Tinh tấn tu hành. Tinh tấn 精進 là làm sao? Tinh 精 nghĩa là không tạp loạn tinh chất. Tấn 進 nghĩa là không thối lui, tức là tiến gần hơn. Nếu có thể giác liễu (覺了: sáng suốt và minh bạch) trên đường tu, không tin theo những khổ hạnh hành hạ thân xác một cách vô ích (không giúp đắc giải thoát) và tinh tấn tu hành Chân Pháp. Người tu pháp môn Tịnh độ có thể dùng cửa yếm (chán ghét) và mộ (hâm mộ) để tu pháp môn niệm Phật, từ bỏ dơ bẩn và thực hiện tịnh pháp mà lìa khổ đắc lạc.
3. Hi 喜 đắc được do sự tu hành. Sau khi tu hành Chân Pháp một thời gian lâu dài thì đắc cảm ứng với Chân Pháp và có thể hiểu rõ ràng rằng cái lạc này không phải do tà pháp mà có được, cũng không do chấp trước về hư vô, thường, không hoặc hữu. Người hữu duyên Tịnh độ, khi nghe giảng rằng pháp môn niệm Phật giúp đắc vãng sanh Cực lạc, tâm họ sinh hoan hỷ và quyết tâm y giáo phụng hành.
4. Trừ 除 thô hoặc: Tức là tiêu trừ kiến hoặc (ngũ lợi sử: thân kiến 身見, biên kiến 邊見, tà kiến 邪見, kiến kiến 見見, giới kiến 戒見; thuộc về kiến hoặc; được gọi là lợi sử vì đến rất nhanh chóng) và phiền não (tức là ngũ độn sử: tham, thân, si, mạn và nghi; thuộc về tư hoặc; “độn” vì đến chậm hơn). Thập sử khiến chúng sinh tạo nghiệp và phải chịu quả báo khổ, đọa trong vòng luân hồi. Chúng ta có thể chỉ trì hồng danh của Phật, dùng một tư tưởng đó để trừ xuất tất cả các tư

Kinh A Di Đà

tưởng khác, thu nhiếp lục căn và khiến tư tưởng thanh tịnh tăng trưởng.

5. Xả 捨 té hoặc: Một khi đã trực xuất kiến và tư hoặc vừa nói trên, chúng ta biết rõ ràng rằng các cảnh giới đều hư giả, đều như giấc mơ và không còn đeo đuổi nữa. Người tu Tịnh độ tông nên hệ niệm (trói buộc tâm với hồng danh của Phật), từ bỏ tất cả các duyên và đối với cõi Ta bà này sinh tâm yếm li 厭離 (chán chường và muốn lìa xa).
6. Định 定: Ngoại đạo có thể đắc vô tâm định 無心定 và ngừng đệ lục thức. Họ có thể sinh vào cõi vô tướng thiên, sống lâu cả 500 kiếp. 499 kiếp đầu thì không khởi bất cứ một tư tưởng nào, phần nữa sau của kiếp cuối cùng thì mất định lực và khởi sinh tư tưởng lại. Vì đã phi báng Tam Bảo nên họ bị đọa địa ngục. Một số có thể đạt được phi tướng phi phi tướng định và hưởng định lạc cả tám vạn kiếp nhưng cuối cùng cũng phải đọa. Những kẻ chưa đắc được Diệt thọ tưởng định 滅受想定 không thể nào liễu sinh tử. Chỉ có Phật Pháp mới có thể đoạn ái và kiến hoặc. Người tu Tịnh độ tông một cách rất ráo sẽ luôn luôn sáng suốt và hiểu rằng tất cả các loại định đều là huyền nên không chấp trước vào đó. Khi công phu niệm Phật thâm sâu và kiên cố, tâm trở nên tịch tịnh không còn bị vướng mắc vào những chấp trước, vì thế khi đối cảnh sẽ không bị động, không bị tán loạn.
7. Niệm 念: Trong lúc tu hành Chánh Pháp, chúng ta cần luôn luôn duy trì sự thăng bằng giữa định và huệ (không khác gì đi với hai chân, hoặc hai cánh của chim, hoặc hai bánh của xe chở đồ).

Thích Vĩnh Hóa

Khi định lực quá lỏng, tâm sẽ trầm mặc 沉沒 thì cần phải ý thức được và xử dụng: 1) trạch 2) tinh tấn và 3) hi là ba Bồ Đề Phần đầu tiên để trung hòa lại. Những khi huệ lực quá lỏng, tâm bị phù động 浮動: bị khích động, thì nên dùng ba Bồ Đề Phần tiếp theo để đối phó. Chế phục và điều hòa tâm để định và huệ được thăng bằng, đó là niệm.

Thánh nhân đã dạy:

“Hữu Phật xứ bất đắc trụ 有佛處不得住 ,

Nghĩa là: Chỗ đó có Phật thì không được ở lại,

Vô Phật xứ cấp tẩu khứ 無佛處急走過 .

Nghĩa là: Chỗ không có Phật thì cấp tốc đi bộ qua khỏi”.

Muốn đắc quả thì cần phải vượt qua hai cái ải của Hữu và Không để có thể đắc cảnh giới niệm mà không niệm, hoặc không niệm mà niệm.

Bát thánh đạo phần: cũng được gọi là tám chánh đạo. Nhờ trạch Pháp của thất Bồ Đề phần mà không lạc vào tà đạo. “Đạo” hàm ý dẫn đến Niết Bàn. Bát Chánh Đạo gồm có:

1. Chánh kiến 正見 về chân lý: Không dung túng những kiến thức hữu lậu. Dùng huệ nhãn quán chiếu để nhận thức được giáo lý chính đáng và chân thật 慧眼分明。見理正確.

Kinh A Di Đà

2. Chánh tư duy 正思惟: dựa trên trí huệ xuất thế, không căn cứ trên tâm phân biệt, khế hợp với tâm vô lậu. Thế là trí huệ. Nhờ có trí tuệ nên ngôn ngữ mới tương ưng với ngôn ngữ của đức Phật. Chánh tư duy giúp phát khởi sự thức tỉnh, thông hiểu và phán đoán (về Tứ Diệu Đế), khiến tư huệ tăng trưởng, nhờ đó mới có thể đoạn hoặc và chứng Chân Lý, nhập Đại Niết Bàn.
3. Chánh ngữ 正語: Không phạm tứ ác khẩu nghiệp. Và cũng không phạm tứ tà khẩu nghiệp: 1) Phương khẩu thực 方口食: nịnh bợ kẻ có quyền thế trong bốn phương, 2) Duy khẩu thực 維口食: dùng thần chú và bói quẻ để sinh sống, 3) Thượng khẩu thực 仰口食: dùng thiên văn học và 4) Hạ khẩu thực 下口食: trông trọt và hành nghề y dược. Chánh ngữ là không dùng những tà khẩu nghiệp để kiếm sinh nhai hoặc lợi ích. Cho nên sẽ không vi phạm bốn ác khẩu nghiệp: vọng ngữ, ý ngữ, bạo ngữ và lường thiệt.
4. Chánh nghiệp 正業, ám chỉ thân nghiệp: Tu hành Phạm hạnh và không phạm tam ác thân nghiệp. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Không sát sinh, trộm cắp hoặc tà dâm.”
5. Chánh mệnh 正命: Tránh tạo ác nghiệp của thân, khẩu và ý. Người xuất gia có năm loại tà mệnh: 1) Trá hiện dị tướng 詐現異相: Nói nôm na là làm bộ làm tịch. Giả đò có những hành động khác thường, không giống người khác như không ăn ngũ cốc, ngủ trên giường đình, dẫm trên lửa; “biểu diễn” phô bày những

Thích Vĩnh Hóa

kỳ công để khiến kẻ khác phát lòng tin và sinh lòng
khâm phục, 2) Tự thuyết công đức 自說功德: khoe
khoang về công đức của bản thân để cảm dỗ hoặc lừa
bịp người khác, 3) Chiêm tướng cát hung 占相吉凶:
Bói quẻ, coi tướng, tiên đoán, coi thiên văn, hoặc coi
điềm tốt điềm xấu, 4) Cao thanh hiện oai 高聲現威:
la hét, thị oai để khiến kẻ khác kính nể và 5) Thuyết
đắc cúng dường 說得供養: kể lễ người này cúng cái
này, người kia cúng cái nọ để gây ấn tượng tốt nơi
người khác. Năm loại trên đều là phương pháp tà để
câu lợi. Người tu hành không những không làm những
điều tà vậy để trục lợi mưu danh mà còn phải giữ tâm
trong sạch không vướng bận lợi danh mới có thể giữ
tròn chánh mệnh.

6. Chánh tinh tấn 正精進: Tu Chánh Pháp không lười
biếng và tương ưng với trí huệ vô lậu. Không bị nhàm
chán hoặc biếng nhác.
7. Chánh định 正定: Luôn luôn trụ trong chánh định nên
không phát khởi tà kiến. Xa lìa tâm tán loạn, tà định
và các định hữu lậu v.v...
8. Chánh niệm 正念: Nhất tâm tưởng niệm Chân Như
và vạn hạnh phụ đạo. Biết dùng trí huệ vô lậu để trục
xuất các vọng tưởng.

Các pháp như thế ấy

Như các Pháp vừa được nêu ra. Còn có rất nhiều Pháp khác
như tứ Nhiếp Pháp, tứ Vô Úy, lục Ba La Mật, thập lục v.v...

Kinh A Di Đà

Vấn: Tại sao Kinh không liệt kê ra Niệm Xứ 念處, Chánh Cần 正勤, Thần Túc 神足?

Đáp: Trong cõi Tây Phương Cực Lạc tưởng quán gồm có: 1. Thân quán (thân thể thanh tịnh, do được hóa sinh trên hoa sen) 2. Thọ quán (ở cõi Tịnh độ không còn có khổ não).

Chánh cần là siêng năng cần mẫn không cho ác tâm khởi lên và thường quán tâm niệm mình: hễ có ác khởi lên thì đoạn trừ ngay. Tại Cực lạc quốc, dân chúng không hề khởi niệm ác nên không cần đoạn ác.

Thần túc phát sinh từ sự truy cầu ngoại cảnh 謂於所求境, 希向慕樂, mong được có, ao ước, thán phục và thích lạc. Ở cõi Cực Lạc, tất cả đều được toại nguyện như ý nên không còn cần phải truy cầu.

Tứ Nhiếp Pháp là:

- 1) Bố Thí 布施: Chúng ta không thể cứu độ những chúng sinh không hữu duyên. Cho nên trước hết phải bắt đầu bằng cách bố thí để tạo duyên.
- 2) Ái Ngữ 愛語: Biết dùng lời nói dịu dàng và thân ái để khuyến khích chúng sinh biết nghe lời và muốn được giúp.
- 3) Lợi Hành 利行: Xăn tay áo lên mà làm bất cứ gì cần làm để đem lợi lạc cho tất cả các chúng sinh.

Thích Vĩnh Hóa

- 4) Đồng Sự 同事: Cùng làm chung các công việc dù lớn hay nhỏ; đầu tư thời giờ để gây lòng tin và tăng trưởng thiện cảm.

Lục Ba La Mật là:

- 1) Bố thí: Để đối trị hà tiện và tham lam.
- 2) Giới: Để đối trị các ác.
- 3) Nhẫn: Để đối trị sân hận.
- 4) Tinh tấn: Để đối trị biếng nhác.
- 5) Định: Để đối trị tâm tán loạn.
- 6) Huệ: Để đối trị ngu si.

Sáu pháp này là Pháp dược mà đức Phật dạy các Bồ Tát thực hành để tự lợi và lợi tha, chữa trị tâm bệnh.

Đức Phật có Thập Lục:

- 1) Tri Thị Xứ Phi Xứ Trí Lục 知是處非處智力: Biết thế nào là đúng thế nào là sai. Chư Phật biết tường tận nhân duyên và quả báo của chúng sinh. “Thị Xứ”: chỗ đúng; nghĩa là nếu làm thiện thì sẽ đắc quả thiện: đó là thị xứ (nhân và quả tương ứng). “Phi Xứ”: chỗ không đúng; nghĩa là tạo nghiệp rồi mong được quả tốt: đó là phi xứ (nhân và quả không tương ứng).
- 2) Nghiệp 業 Trí Lục: Biết tất cả nghiệp chúng sinh tạo ra trong tam thế (quá khứ, hiện tại và vị lai).
- 3) Định 定 Trí Lục: Ngài đạt được hết tất cả loại định, từ thế gian đến xuất thế gian (Tiểu Thừa hoặc Đại Thừa).
- 4) Căn 根 Trí Lục: Đức Phật biết căn cơ của chúng sinh, từ hạ căn cho đến thượng căn. Vì thế nên có thể tùy cơ

Kinh A Di Đà

- thí được 隨機施教: ban lời chỉ giáo tùy theo khả năng hấp thụ của chúng sinh.
- 5) Dục 欲 Trí Lực: Các Ngài biết rõ ràng các sở thích và chấp trước của chúng ta.
 - 6) Thế 界 Trí Lực: Biết tường tận mỗi chúng sinh thuộc giới nào.
 - 7) Đáo Xứ 至處 Trí Lực: Biết Pháp môn tu sẽ đem đến chốn nào, quả báo sẽ ra sao.
 - 8) Túc Mạng 宿命 Trí Lực: Các Ngài biết tường tận vô lượng vô biên kiếp mạng sống trước của chúng sinh và tất cả mọi sự việc đã xảy ra.
 - 9) Thiên Nhãn 天眼 Trí Lực: Biết chúng sinh từ cõi nào đến và sẽ đến cõi nào 從何到來.
 - 10) Lậu Tận 漏盡 Trí Lực: Các Ngài đã chấm dứt tất cả vô minh lậu hoặc (dù là vi tế) nên vĩnh viễn không bị sinh tử luân hồi.

Tứ Vô Úy là:

1. Nhất Thiết Trí Vô Sở Ngại 一切智無所畏: Đối với tất cả Phật Pháp đều tường tận biết và thấy tất cả 盡知盡見. Tường tận nghĩa là rõ ràng và đầy đủ không thiếu sót. Biết ám chỉ ở bên trong: tự mình hiểu rõ. Thấy là bên ngoài: không có gì không thấy. Tất cả đều thấy rõ và hiểu rõ không có gì làm chướng ngại được.
2. Lậu Tận 漏盡 Vô Sở Ngại: Tất cả các lậu đã hết, ngũ trụ đã rốt ráo 五住究竟 (ngũ trụ sẽ được giảng sau),

Thích Vĩnh Hóa

và lương tử (phần đoạn và biến dịch tử) vĩnh viễn ngừng 兩死永亡. Nếu không còn lậu thì làm sao còn có thể có sợ?

3. Thuyết Chướng Đạo 說障道 Vô Sở Ngại (các hoặc, nghiệp và khổ đều có thể tạo chướng ngại): Biết hết tất cả các chướng ngại (mà chúng ta không thể biết là có hoặc tin là chướng ngại) mà không ngại nêu rõ ra (như Bác sĩ kể rõ nguyên nhân và triệu chứng của bệnh để sau đó đưa ra phương pháp trị liệu).
4. Khổ Tận Đạo 苦盡道 Vô Sở Ngại: Đối với tất cả các con đường tu dẫn đến liễu khổ, đều biết hết không có mảy may nghi ngờ và có thể giảng nói một cách không chướng ngại.

Nói tóm lại, chúng sinh có vô lượng phiền não và chứng bệnh. Cho nên đức Phật phải giảng vô lượng pháp môn để giúp họ. Giáo lý được ban tùy duyên và tương ứng với căn cơ của chúng sinh.

chúng sanh ở nước kia nghe âm thanh này rồi, hết thảy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng!

Với tứ vô úy, đức Phật có thể giảng hết tất cả các pháp một cách vô ngại. Riêng ở cõi Cực lạc, Phật A Di Đà dùng các loại âm thanh như tiếng gió thổi, nước chảy, chim hót v.v... để chuyên chở pháp âm màu nhiệm. Chúng sinh nhờ nghe nên đắc đại lợi ích và tự nhiên luôn luôn tương niệm Tam Bảo:

1. A Di Đà Phật vừa từ bi (nhiếp thọ 攝受 tất cả các chúng sinh) và vừa có oai nghi (折服之威; Ngài có thể khắc phục tất cả với oai nghi và công đức của

Kinh A Di Đà

Ngài); dân cư đều luôn luôn ý thức được sự hiện diện của đức Phật ở khắp nơi và công đức của Ngài ở khắp chốn: đó là niệm Phật.

2. Niệm Pháp: Thường được nghe Pháp nên tâm luôn an lạc. Cho nên càng muốn nhớ và nghe.
3. Niệm Tăng: Chúng sinh có cơ hội thân cận thiện tri thức và thọ giáo, rồi từ từ chứng các quả vị. Họ tự nhiên biết ơn thầy và quý trọng lời dẫn dắt và bảo hộ.

Ngũ Trụ là nơi cư trú của phiền não trụ. Và cũng là chốn sản xuất phiền não. Ngũ Trụ là:

1. Kiến Nhất Xứ Trụ Địa 見一處住地，即身見等三界之見惑，入見道時，併斷於一處: Đây là các loại kiến hoặc (thấy biết sai lầm) chung của tam giới (dục giới, sắc giới vô sắc giới). Khi nhập Đạo đầu tiên thì đồng được đoạn loại tại một chỗ.
2. Dục Ái Trụ Địa 欲愛住地，即欲界煩惱中，除見、無明，而著於外之五欲（色、聲、香、味、觸）之煩惱: Tức là các phiền não của Dục giới, ngoại trừ kiến và vô minh. Phiền não khởi lên vì chấp trước về ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị và xúc).
3. Sắc Ái trụ địa 色愛住地，即色界之煩惱中，除見、無明，捨外之五欲而著於一己色身之煩惱: Tức là các phiền não của Sắc giới, ngoại trừ kiến và vô minh. Họ có thể xả chấp trước về ngũ dục bên ngoài nhưng vẫn còn chấp vào sắc thân.

Thích Vĩnh Hóa

4. Hữu ái Trụ Địa 有愛住地，即無色界之煩惱中，除見、無明，捨離色貪而愛著己身之煩惱: Tức là các phiền não của Vô sắc giới, ngoại trừ kiến và vô minh. Họ có thể xả chấp trước về sắc thân nhưng vẫn còn chấp vào các phiền não (còn lại) tạo từ thân.
5. Vô Minh Trụ Địa 無明住地，即三界一切之無明。無明為癡闇之心，其體無慧明，是為一切煩惱之根本: Gồm tất cả các vô minh của Tam giới. Vô minh là tâm ngu si và đen tối. Thể của vô minh là sự thiếu trí huệ và thiếu ánh sáng. Vô minh là căn bản của tất cả các phiền não.

Duy Thức tông chủ trương rằng bốn trụ địa đầu tạo chủng tử của phiền não chướng và trụ địa thứ năm là căn cứ địa của sở tri chướng.

Thiên Thai tông coi trụ địa đầu tiên là kiến hoặc, trụ địa thứ nhì cho đến thứ tư là tư hoặc của Tam Giới. Nhị Thừa có thể đoạn bốn trụ địa đầu tiên và thoát li Tam Giới. Trụ địa thứ năm hoặc thuộc về thế ngoại hoặc 界外之惑, đoạn được thì chứng Đại Niết Bàn.

Tam Bảo nên được tôn quý vì:

1. Phậ Bảo: viên mãn huệ và đức.
2. Pháp Bảo: liạ dục.
3. Tăng Bảo: làm phước điền.

Kinh A Di Đà

Trụ trì Tam Bảo 住持 như:

1. Phật: vàng, bạc, gỗ; khắc hoặc đúc
2. Pháp: màu vàng, kinh sách, Tam Tạng
3. Tăng: trang nghiêm, thanh tịnh, truyền Pháp

Tam Bảo cùng một thể, khởi từ tự tính. Phật Bảo là linh giác thể tính 靈覺體性 (:thể tính có sự giác ngộ linh thiêng), viên minh chiếu liễu 圓明照了 (vẹn toàn, sáng ngời, có thể chiếu mọi nơi). Pháp Bảo có vô biên xung tính công đức 稱性功德 (chứa tất cả các công đức tán thán tự tính). Tăng Bảo là lý và trí bất nhị 理智不二 (Chân lý và trí huệ không hai), hòa hợp và vô vi 和合無違 (không có sự xung đột và không trái lại tông chỉ).

Nhất thể này là Tam bảo của tự tính. Tính tướng nhất như 性相一如 (thể tính và thể tướng cùng là Chân Như), bất phân nhi phân 不分而分 (không có sự phân chia nhưng lại hiện tướng có phân chia), nhị nhi bất nhị 二而不二 (có đôi đũa nhưng thật ra không có đôi đũa).

Tăng là tiếng Phạn, có thể dịch là hòa hợp chúng. Họ tu lục hòa:

1. Thân: Lìa xa thể tục Tăng chúng sống chung hòa hợp với nhau 身和共住.
2. Ngữ: Không tranh cãi 語和無諍.
3. Ý: đồng ý nguyện thì làm đồng sự 意和同事.

Thích Vĩnh Hóa

4. Giới: Cùng tu giới 戒和同修.
5. Kiến: Cùng một hiểu biết 見和同解 (nhất là tin luật nhân quả).
6. Lợi: Vật phẩm cúng dường đồng thọ dụng như nhau 利和同均.

Vấn: Các loài chim thuyết Pháp và dân cư niệm Tam Bảo. Tất cả đều thuyết Nhất Thừa. Điều này biểu hiện sự vi diệu chăng?

Đáp: Chim, cây, gió và nước đều thuyết Pháp, tượng trưng cho sự vô tận. Chúng sinh thường niệm Tam Bảo, ý nói luôn có đầy đủ thiện căn: thường sống với giác ngộ, chánh pháp và sự thanh tịnh.

Tứ Chánh Đoạn (còn được gọi là Tứ Tinh Tấn) là:

- 1) Đoạn đoạn 斷斷: diệt trừ cái ác sẵn có.
- 2) Luật nghĩa đoạn 律儀斷: không cho phép cái ác chưa sinh được sinh ra.
- 3) Tùy hộ đoạn 隨護斷: cái thiện chưa sinh thì làm nó sinh ra. Nhất là, tùy thuận, hộ trì vô lậu Chánh Đạo để đắc bất thối trong việc tu hành. Phật Pháp không bị thất truyền, nhờ thế nên ác pháp không sinh khởi được.
- 4) Tu đoạn 修斷: phát triển cái thiện đã sẵn có, làm sinh sôi nảy nở và lần đẩy tất cả các ác ra khỏi tâm địa.

Tinh tấn cũng được gọi là chánh đoạn 正斷.

Kinh A Di Đà

Tứ Như Ý Túc 四如意足 còn được gọi là Tứ Thần Túc, có thể thành thực thần thông và giúp thành tựu những điều mong muốn. Tứ Như Ý Túc là:

- 1) Dục 欲: Như hâm mộ Tây Phương Cực Lạc và muốn đời này đắc vãng sinh.
- 2) Tinh tấn 精進: Đạt được ba loại bất thối.
- 3) Tâm/niệm 心/念: luôn luôn tưởng niệm các Bồ Đề nguyện và hạnh.
- 4) Tư duy/huệ 思惟/慧: Thâm nhập Phật tri kiến. Đắc tự tại và càng ngày càng sáng suốt 任運增明.

Tứ Thần Túc lấy định làm thể vì có thể dùng để tu thần thông. Thần nghĩa là biến hóa không thể lường. Dựa vào định lực nên có thể thần dụng (biến hóa không lường) phàm phu không hiểu được. Túc 足 có nghĩa có thể nương tựa: dựa vào định mà đắc thần biến.

37 Giác Phần có sự khác biệt tùy theo giáo (theo Trí Giả Đại Sư của Thiên Thai tông):

1. Tạng giáo 藏教: là Tam Tạng của Tiểu Thừa (còn được gọi là bán tự giáo 半字教; ba giáo còn lại thuộc Đại Thừa), dạy về sinh diệt Tứ Đế 生滅四諦. Định sinh khởi từ những Đế này. Khổ Đế là ba tướng của sinh, trụ và diệt đều thay đổi và lưu chuyển. Tập Đế tức là tham, sân, si và tứ tâm (1) nhục tâm 肉團心, 2) duyên lự tâm 緣慮心, 眼、耳等八識, 具有緣慮之作用, 3) tập khởi tâm 集起心, 第八識; 以

Thích Vĩnh Hóa

其能積集種子而生起現行，故稱之為集起心 và 4) kiên thật tâm 堅實心，指真如心) lưu động. Đạo Đế có thể đối trị dịch (biến đổi) và đoạt (chiếm đoạt). Diệt Đế là diệt và hữu đều trở về không. 苦諦。則生住滅三相流遷。集諦。則貪瞋癡等分。四心流動。道諦。則對治易奪。滅諦。則滅有還無。

2. Thông giáo 通教: là nhập môn của Đại Thừa, dành cho những kẻ có lợi căn. Họ dạy về vô sinh Tứ Đế 無生四諦. Khổ Đế nói khổ như huyễn như hóa không có tướng áp bức. Tập Đế nói rằng tất cả như huyễn như hóa, không có tướng hòa hợp. Đạo Đế có tướng bất nhị. Diệt Đế có tướng vô sinh.

苦諦如幻如化。無逼迫相。集諦。如幻如化。無和合相。道諦不二相。滅諦無生相。

3. Biệt giáo 別教: dành cho Bồ Tát cho nên khác biệt với Thông giáo ở thời trước và Viên giáo thời sau. Họ dạy về vô lượng Tứ Đế 無量四諦. Khổ Đế có vô lượng tướng vì mười phương quả báo không giống nhau. Tập Đế có vô lượng tướng vì ngũ trụ phiền não không giống nhau. Đạo Đế có vô lượng tướng vì hằng hà sa số Phật Pháp không giống nhau. Diệt Đế cho rằng các Ba La Mật không giống nhau.

苦諦。有無量相。十界果報不同故。集諦。有無量相。五住煩惱不同故。道諦。

Kinh A Di Đà

有無量相。恆沙佛法不同故。滅諦。諸波羅密不同故。

4. Viên giáo 圓教 dạy về Vô Tác Tứ Đế 無作四諦

(Đệ Nhất Đế 第一諦): Tất cả đều là chân tướng của Chân Như nên không cần phải làm gì cả. Khổ Đế nói rằng ngũ uẩn vốn là Như Lai Tạng nên không có khổ để liễu. Tập Đế nói rằng phiền não tức là Bồ Đề: không có tập để đoạn. Đạo Đế nói rằng biên và tà đều là Trung và Chánh Đạo: không có Đạo có thể tu. Diệt Đế nói rằng sinh tử tức là Niết Bàn, không có Diệt mà có thể chứng.

苦諦。五陰本如來藏。無苦可離。集諦。煩惱即菩提。無集可斷。道諦。邊邪皆中正。無道可修。滅諦。生死即涅槃。無滅可證。

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, ông chớ cho rằng chim này thiệt là do tội báo sanh ra. Tại sao thế? Vì cõi nước của Phật kia không có ba ác đạo. Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước của Phật kia còn không có tên của ác đạo, huống chi lại có thật. Các thứ chim ấy đều là do Phật A Di Đà muốn cho tiếng Pháp âm truyền khắp mà biến hóa ra như thế.

Lời giảng:

Thích Vĩnh Hóa

Này Xá-Lợi-Phất, ông chớ cho rằng chim này thiệt là do tội báo sanh ra. Tại sao thế? Vì cõi nước của Phật kia không có ba ác đạo.

Nguyện thứ nhất của A Di Đà Phật là quốc độ của Ngài sẽ không có tam ác thú. Cho nên ở đây Ngài sợ rằng chúng ta có thể sinh nghi, Ngài mới nói rằng các chim không phải sinh do từ các nghiệp chướng. Tây Phương Cực Lạc không có súc sinh giới. Thật ra, nguyện thứ 16 nói rằng ngay cả tên của tam ác thú cũng không hề nghe đến! Về phương diện vi tế, danh từ chim không phải là tên bất thiện, mà thật ra là thiện báo, tượng trưng cho các công đức tốt ráo của Ngài.

Tam ác đồ là:

1. Địa ngục: Vốn từ tiếng Phạn Na Lạc Ca 那落迦 nghĩa là khổ khí 苦器: dùng để tra tấn.
2. Ngạ quỷ: luôn luôn lo sợ, bị đói trường kỳ và trông rất thêu não.
3. Súc sinh: Được người nuôi. Còn được gọi là bàng sinh 傍生: chúng ở bên cạnh loài người thường làm đồng lõa tạo nghiệp và cùng thọ báo chung với nhau 造業傍故、受報亦傍.

Vấn: tại sao Tây Phương Cực Lạc không có tam ác thú?

Đáp: Vì nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Hơn nữa, thiện căn của chúng sinh ở cõi đó rất thâm sâu. Họ đã vĩnh viễn liễu các loại thân khác. Họ thọ hưởng các phước báo tương tự như thiên phước của cõi Trời, tất cả đều do đã tạo thiện nghiệp trong quá khứ. Họ không còn có tam độc (tham: nhân của cõi ngạ quỷ, sân: nhân của cõi địa ngục và si: nhân của cõi

Kinh A Di Đà

súc sinh). Nơi ấy, không có cơ hội nhân duyên tạo ác nghiệp nên vĩnh viễn không có tam ác đạo để chúng sinh có dịp trả nghiệp.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước của Phật kia còn không có tên của ác đạo, không có danh từ của tam ác đồ, huống chi lại có thật. Cũng không có ba giới đó.

Các thứ chim ấy đều là do Phật A Di Đà muốn cho tiếng Pháp âm truyền khắp mà biến hóa ra như thế.

Trong cõi Ta Bà, ngũ uẩn thuộc về nghiệp báo. Ở cõi Cực Lạc, ngũ uẩn thì thuộc về thiện báo. Vì thế, danh từ chim là danh từ tốt, không phải là ác danh.

Bàn sâu hơn về nhân của tam ác đồ:

1. Nhân của địa ngục là sân hận, ngũ nghịch, thập ác v.v...
2. Nhân của ngạ quỷ là tham lam, hà tiện, ganh tị v.v...
3. Nhân của súc sinh là ngu si, đên tối v.v...

Tam ác thú rất đáng sợ vì đọa thì rất dễ nhưng thoát ra lại rất khó. Kẻ bị đọa phải trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp để chịu khổ mà không một chút hy vọng đắc giải thoát.

Có một câu chuyện về ngạ quỷ. Có hai ngạ quỷ kiếm thức ăn nhưng kiếm không được gì cả. Tụi nó quyết định chia tay ở cửa thành phố và hẹn lập tức đến lại ở cổng thành khi kiếm được thức ăn. Một con quỷ vào thành kiếm và con quỷ kia thì chọn kiếm ở ngoài thành. Con quỷ ở ngoài kiếm khắp nơi nhưng không tìm được gì cả nên đến cổng thành đợi bạn. Con quỷ vào trong thành tìm được hai giọt sữa của hậu môn. Nó liền ăn và rất thỏa mãn. Ăn xong, nó trở về cổng thành và

Thích Vĩnh Hóa

hỏi qui ở ngoài: phải đợi bao lâu? Qui kia trả lời: nó chứng kiến thành bị hủy hoại ba lần và được xây lại ba lần. Nó đã đợi bạn cả nhiều năm tháng. Nó đói đến độ bầy lổ đều chảy máu nhưng không thể chết được!

Chim còn tượng trưng tứ tất đàn 四悉檀:

1. Thế gian tất đàn(世間悉檀; dùng thế gian pháp để giúp chúng sinh đắc lợi lạc): Biết chúng sinh thích chim chóc nên A Di Đà Phật biến hóa ra để làm chúng ta thích thú.
2. Đối trị tất đàn (對治悉檀; đối trị triệu chứng riêng biệt): Chim có thể thuyết pháp nên không thể khinh khi chim chóc được. Chúng sinh ở đó không có sinh những tư tưởng chê bai, khi dễ nên không gieo nhân xấu, đắc lợi lạc diệt ác, tránh phải hái gặt quả báo ác.
3. Vị nhân tất đàn (為人悉檀; cho tất cả các chúng sinh): Sự việc kỳ diệu (chim thuyết pháp đủ loại) khiến chúng sinh niệm Tam Bảo và sinh tâm thiện.
4. Đệ Nhất Nghĩa tất đàn (第一義悉檀; giảng Chân Lý cho chúng sinh): Họ đắc lợi nhập Đạo và trở thành một thể với đức Phật A Di Đà.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia, gió nhẹ lay động các hàng cây báu và các lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, giống như trăm nghìn thứ âm nhạc đồng trời một lượt. Ai nghe tiếng này rồi, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Kinh A Di Đà

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia, gió nhẹ lay động các hàng cây báu và các lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, giống như trăm nghìn thứ âm nhạc đồng trời một lượt.

Gió nhẹ: là xúc trần. Do nguyện lực của đức Phật Di Đà, gió thổi nhẹ nhàng êm dịu. Gió có thể thành thực vạn vật. Trong cõi Ta Bà, gió vô thường mạnh mẽ và điên cuồng có thể hủy hoại thế gian; gió được tạo do phiền não của chúng sinh. Trong cõi Tịnh độ, gió là quả báo thù thắng của tâm thanh tịnh chơn thành, thuần hậu, từ bi nên mát dịu. Mưa toàn hoa trời êm nhẹ rơi xuống (không làm đất bể thành mảnh), mưa thuận gió hòa luôn.

Các hàng cây báu và các lưới báu: là sắc, hương và vị trần. Đều làm bằng châu báu nhưng không cứng cáp. Tất cả diễn tấu nhạc nói về các Pháp như giới, định, huệ v.v...

Phát ra âm thanh vi diệu: là tinh trần.

Tất cả trần trên đều tạo ra một dư hương trong tâm gọi là pháp trần. Tất cả đều là y báo pháp và chúng sinh là chánh báo pháp. Tất cả đều đồng một thể của tam thân (Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân) và tứ đức (thường, lạc, tịnh và (chân) ngã) của A Di Đà Phật.

Ai nghe tiếng này rồi, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Thích Vĩnh Hóa

Tất cả các hữu tình và vô tình chúng sinh đều thuyết pháp khiến chúng ta niệm Tam Bảo. Làm sao vô tình chúng sinh có thể nói Pháp? Vạn vật đang nói Pháp: quý vị chỉ chưa biết nghe mà thôi!

Đó là phước báo của chúng sinh cõi Tây Phương Cực Lạc: cây và lưới cùng hòa tấu âm nhạc một cách vi diệu nên thay vì làm tâm tán loạn lại khiến tăng trưởng chánh niệm.

Chúng sanh sung sướng đến độ tâm tưởng không muốn rời Tam Bảo (bên ngoài). Và nhờ đó, họ giác ngộ được rằng tâm mình (bên trong) đồng thể với Tam bảo: tất cả đều là một ; họ liền phát tâm Bồ Đề.

Chúng sinh ở đó có thể niệm Phật bằng ba cách:

1. Tâm niệm: Hệ niệm hồng danh của Phật trong tâm 心中繫念.
2. Âm thanh nhẹ: Nghe hồng danh của Ngài với tai 自耳聞.
3. Âm thanh thông thường: Niệm to tiếng 高聲念.

Niệm Phật có mười đức:

1. Trục xuất tâm buồn ngủ 能排睡眠.
2. Thiên ma kinh sợ 天魔驚怖.
3. Âm thanh vang đến mười phương 聲遍十方.
4. Diệt khổ trong tam ác đồ 三塗息苦.
5. Âm thanh bên ngoài không thể vào 外聲不入.

Kinh A Di Đà

6. Tâm không tán loạn 心不散亂.
7. Tâm thanh dũng mãnh tinh tấn 勇猛精進.
8. Chư Phật hoan hỉ 諸佛歡喜.
9. Tam muội hiện tiền 三昧現前.
10. Vãng sinh Tịnh độ 往生淨土.

Niệm Phật có bốn trường hợp:

1. Tâm niệm khẩu bất niệm 心念口不念: niệm thầm.
2. Khẩu niệm tâm bất niệm 口念心不念: miệng niệm nhưng tâm thì vọng tưởng.
3. Tâm khẩu câu niệm 心口俱念: cả hai đều niệm.
4. Tâm khẩu câu bất niệm 心口俱不念: cả hai đều không niệm.

Có thể nhập định theo 1 và 3. Thụy Tướng Kinh 瑞相經 nói: thanh phong thổi nhẹ. Gió không nóng cũng không lạnh. Gió thổi các lưới bảo và hàng cây báu làm hòa tấu lên vô thượng diệu Pháp thanh. Kẻ nghe không khởi vọng tưởng, tự nhiên cảm thấy an lạc như lúc nhập định.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Nhắc lại câu này để khiến cho chúng ta tăng trưởng lòng tin. Tất cả những trang nghiêm huyền diệu đều là kết quả của đại hạnh nguyện của Phật A Di Đà. Tâm Phật và tâm chúng sinh nối liền với nhau. Tâm hiện tiền thành cõi đó và ngược lại, tất cả cõi Tịnh độ là hiện tướng của tâm (nhất thiết duy tâm tạo: tất cả đều do tâm tạo ra). Tịnh độ không lìa tâm thanh tịnh.

Thích Vĩnh Hóa

Khi thông đạt được tam Đê (Không, Tục và Trung Đạo Đê) và tam Trí (Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí và Nhất Thiết đạo Chung Trí) được hòa lẫn thành một, lúc đó sẽ đắc đại giác ngộ và trí huệ vẹn toàn. Và trong mỗi niệm sẽ nhập trí huệ của đức Phật Tát Bà Nhược Hải 薩婆若海, như thế thì có thể tu Đạo một cách tự nhiên, dễ dàng (không cần hao sức) trong mọi sinh hoạt. Đó gọi là tính chân tu 性真修, một người tu là tất cả đều tu 一修一切修. Nhờ đó mà nhận diện được bốn tâm, kiến tính, và giác ngộ rằng: Muốn đắc tự tánh A Di Đà không thể chỉ nhờ tha lực. Vì thế nên kinh mới nói rằng Phật độ của Ngài lập ra nhằm hai mục tiêu: 1. tạo duyên thù thắng nhất cho chúng sanh dễ tu, 2. giúp chúng sanh có thể nhập Chân Lý tối thượng và khi dân chúng ở cõi Cực Lạc chuyên tâm tu hành như thế thì những công đức đó được dùng để trang nghiêm quốc độ.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, ý ông nghĩ sao? Tại sao Đức Phật kia có tên là A Di Đà? Này Xá-Lợi-Phất, Đức Phật kia có ánh sáng vô lượng, chiếu suốt mười phương cõi nước không bị chướng ngại, cho nên có tên là A Di Đà.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, ý ông nghĩ sao? Tại sao Đức Phật kia có tên là A Di Đà? Này Xá-Lợi-Phất, Đức Phật kia có ánh

Kinh A Di Đà

sáng vô lượng, chiếu suốt mười phương cõi nước không bị chướng ngại, cho nên có tên là A Di Đà.

Phần trước bàn về y và chánh báo thù thắng. Tiếp theo, chúng ta biết thêm về các diệu chánh báo. Chánh báo ở đây được hiểu là thân Phật nhưng vì nguyện lực của Ngài nên dân chúng cõi Cực Lạc cũng có thân tướng tốt đẹp y như vậy.

Vấn: Dân cư cõi Cực Lạc thuộc về phần đoạn hoặc biến dịch sinh tử?

Đáp: Tùy theo cõi Tịnh độ họ được sinh vào. Nếu sinh vào cõi Thật Báo Tịnh độ thì thuộc biến dịch sinh tử. Còn nếu được sinh vào Hóa Tịnh độ thì thuộc phần đoạn sinh tử.

Tại sao chúng ta niệm hồng danh của đức Phật? Tại vì hồng danh đại diện cho vô lượng trí huệ của Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật dùng danh hiệu của Phật A Di Đà để tiêu biểu vô lượng không gian (“quang” đi khắp mười phương) và thời gian (“thọ” bao gồm tam thế). Quang tượng trưng cho tịch nhưng thường chiếu, luôn luôn thuận duyên. Thọ chiếu nhưng thường tịch, thuận duyên nhưng thường không thay đổi. Trong quang có tịch, trong tịch có quang. Không gian và thời gian nối liền với nhau như toàn thể của một chân pháp giới.

Cho nên, A Di Đà tức là bản giác lý tính 本覺理性 của chúng sinh. Tâm có thể niệm hồng danh của Phật là thi giác 始覺. Hồng danh của Ngài mà được niệm là bản giác 本覺. Bản giác không khác thi giác và ngược lại. Thi và bản bất nhị; chúng sinh và Phật cũng bất nhị.

Thích Vĩnh Hóa

Ánh sáng của hóa thân có thể chiếu xa hoặc gần (một do tuần, mười, trăm, ngàn do tuần, hoặc một thế giới, mười, trăm ngàn thế giới), tùy theo đức của Phật. Ánh sáng của thân Ngài A Di Đà Phật phổ chiếu khắp nơi. Ánh sáng này là một loại ánh sáng thiên nhiên, khác với loại ánh sáng được phát ra khi thuyết pháp. Thân quang của A Di Đà Phật phổ chiếu khắp nơi vô ngại vì Ngài có duyên rất thâm sâu với chúng sinh mọi nơi!

Có hai loại quang:

- 1) Nội quang 內光: Trí huệ nội chiếu lý 智內照理.
- 2) Ngoại quang 外光: Hoặc thân quang, được nêu ra trong kinh. Thân của Phật A Di Đà làm bằng kim cương, vô ngại và thanh tịnh. Nó có thể hiện ra khắp pháp giới. Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng thân của Ngài có vô lượng quang. Khi chúng sinh gặp ánh sáng này thì tâm chấp trước được tiêu trừ. Những kẻ đọa trong tam ác đạo mà gặp được ánh sáng này thì các khổ lập tức ngừng và cuối đời sẽ đắc giải thoát.

Vấn: Tại sao có người thấy ánh sáng và người khác thì không thấy được? Hơn nữa, nếu quang chiếu thì niệm Phật làm gì?

Đáp: Kẻ thấy được ánh sáng của Ngài tại vì công phu đã thành thực hoặc nghiệp chướng từ kiếp trước còn nhẹ. Cũng như, mặc dầu mắt bị mù nhưng không có nghĩa là mặt trời không mọc. Cứ niệm hồng danh của Ngài mười lần với nhất tâm bất loạn: quý vị sẽ chắc chắn gặp Ngài, chứ không phải chỉ gặp ánh sáng!

Lời Kinh:

Kinh A Di Đà

Lại này Xá-Lợi-Phất, mạng sống của Phật kia và nhân dân của Ngài, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, cho nên có tên là A Di Đà. Nay Xá-lợi-phất, Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Lời giảng:

Lại này Xá-Lợi-Phất, mạng sống của Phật kia và nhân dân của Ngài, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, cho nên có tên là A Di Đà.

Pháp thân vô tướng vô hình, vô hình và vô tướng. Báo thân hữu tướng vô hình, là kết quả của sự tu hành. Thọ mạng của hóa thân tùy thuận theo bốn nguyện và cơ duyên của chúng sinh: có thể gia giảm theo ý nguyện, được như vậy là do kết quả của sự tu hành.

A Di Đà Phật nguyện (số 13 và 15) rằng thọ mạng của Ngài sẽ vô lượng. Thọ mạng của dân chúng của cõi Cực Lạc cũng vô lượng như Phật.

Tâm tính chiếu nhưng lại thường và tịch, nên có thể duy trì thọ mạng. Thể của tâm tính chúng được vô lượng nên thọ mạng của vị Phật này cũng vô lượng. Nguyện của Pháp Tạng Tỳ Kheo vô biên nên quả báo của Ngài cũng vô biên.

A-tăng-kỳ: nghĩa là “vô biên số”.

Ngài đã thành Phật mười kiếp rồi. Điều đó có nghĩa là tất cả 48 đại nguyện của Ngài đều đã thành tựu viên mãn. Ngài

Thích Vĩnh Hóa

đang thuyết Pháp, chúng ta nên mau mau vãng sinh về đó để được nghe chính Phật thuyết pháp.

Mạng sống của Ngài vô lượng nhưng cuối cùng cũng sẽ kết thúc. Chánh Pháp của Ngài sẽ kết thúc vào trước nửa đêm, rồi Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ nối Phật vị với danh hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai 普光功德山王如來. Thời Chánh Pháp của Ngài cũng vô lượng kiếp. Rồi Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ nối vị với danh hiệu Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai 善住功德寶王如來.

Tất cả chúng sinh sẽ đắc Đăng Giác trong một kiếp.

Chúng ta có thể nêu ra tám công án để biểu dương công đức của đức Phật A Di Đà lúc Ngài tu Bồ Tát Đạo:

1. Trong quá khứ, trước mặt Thế Tụ tại Vương Phật 世自在王佛, vị vua nghe thuyết Pháp và phát tâm xuất gia và trở thành Pháp Tạng 法藏 Tỳ Kheo. Ngài lập 48 đại nguyện. Sau khi hoàn thành nguyện hạnh, Ngài trở thành Phật.
2. Trong Kinh Pháp Hoa, trong thời đại của Đại Thông Trí Thắng Như Lai 大通智勝如來, có 16 hoàng tử xuất gia. Họ tu tịnh hạnh, và tinh tấn cầu đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi đức Như Lai nhập Niết Bàn, họ thường thọ trì Kinh Pháp Hoa. Sau đó họ đều thành Phật. A Di Đà Phật là vị hoàng tử thứ chín.

Ví dụ cho thấy rằng thọ trì Kinh Pháp Hoa cũng là tu pháp môn Tịnh độ.

Kinh A Di Đà

3. Bi Hoa Kinh 悲華經 kể, vô lượng kiếp trước, có một vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Vô Tranh Niệm 無諍念. Vua cúng dường cho Bảo Tạng Như Lai 寶藏如來. Lúc ấy, nhà vua nguyện rằng khi thành Phật, Phật độ sẽ có đủ loại thanh tịnh và trang nghiêm. Đức Như Lai ấy thọ ký cho nhà vua nói rằng sau hằng hà sa số kiếp, vua sẽ thành Phật. Phật độ tên là An Lạc 安樂.
4. Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì Kinh 大乘方廣總持經 nói: trong thời của Vô Cấu Diệm Xưng Khởi Vương Như Lai 無垢焰稱起王如來, có Tịnh Mạng 淨命 Tỳ Kheo tổng trì kinh điển nhiều như 14 ức bộ. Thuận theo sở thích của chúng sinh, thầy thuyết giảng đủ các loại Pháp khắp nơi. Đó là tiền thân của A Di Đà Phật.

Nhiều người xuất gia tưởng rằng Pháp môn Tịnh độ chỉ là tụng kinh A Di Đà, tụng 48 đại nguyện (trích từ Kinh Vô Lượng Thọ ra), và niệm Phật. Họ nên noi gương A Di Đà Phật và phát tâm nghiên cứu kinh điển và giảng thuyết.

5. Hiền Kiếp Kinh 賢劫經 nói: thời Biện Nghiêm Tịnh Lô Âm Hấu Như Lai 辯嚴淨雷音吼如來, có một vị hoàng tử tên là Tịnh Phước Báo Chúng Thanh 淨福報眾音, cúng dường cho vị Phật đó. Hoàng tử phát Bồ Đề tâm, trên cầu Phật huệ, dưới hóa độ chúng sanh. Bây giờ thì thành A Di Đà Phật.

Thích Vĩnh Hóa

6. Hiền Kiếp Kinh 賢劫經 nói: thời của Kim Long Quyết Quang Phật 金龍決光佛, có pháp sư tên Vô Hạn Lượng Bảo Âm Hạnh 無限量寶音行. Thầy tận lực truyền bá Phật Pháp. Nay thành A Di Đà Phật.

Nói cách khác, truyền bá Phật Pháp cũng tạo ra rất nhiều phước vãng sinh.

7. Quan Phật Tam Muội Hải Kinh 觀佛三昧海經 kể thời Không Vương Phật 空王佛, có bốn vị Tỳ Kheo đầy phiền não. Một giọng trong không trung bảo họ quán Phật công đức. Họ y giáo phụng hành và đắc Niệm Phật Tam Muội. A Di Đà Phật là vị Tỳ Kheo thứ ba.

“Đầy phiền não” nghĩa là bị lửa dâm dục thiêu đốt. Gặp trường hợp đó mà theo gương của những Tỳ Kheo trên, biết chuyên tâm niệm Phật thì sẽ được đại lợi ích.

8. Như Hoàn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn Kinh 如幻三摩地無量印法門經 nói rằng thời Sư Tử Du hí Kim Quang Như Lai 獅子遊戲金光如來, có vị vua tên là Thắng Oai Tôn Trọng 勝威尊重. Vua cúng dường Phật và tu thiền. Vị vua đó nay là A Di Đà Phật.

Ở trên chỉ là một vài tiền thân của A Di Đà Phật trong lúc còn tu Bồ Tát hạnh.

Này Xá-Lợi-Phất, Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Kinh A Di Đà

Pháp thân không cần chứng nên không thể tính thời gian. Báo và Ứng thân thì đều cần chứng đắc nên có thể nêu ra mười kiếp.

Một tiêu kiếp là một tăng (từ trung bình thọ mạng 10 tuổi, tăng lên một tuổi mỗi 100 năm cho đến 84.000 tuổi) và một giảm (từ thọ mạng trung bình 84.000 tuổi, mỗi 100 năm giảm xuống một tuổi cho đến khi chỉ còn mười tuổi thọ). Một trung kiếp là 20 tiêu kiếp. Bốn trung kiếp là một đại kiếp.

A Di Đà Phật thuyết pháp từ khi Ngài thành Phật mười kiếp trước. Thọ mạng của Ngài vô lượng vô biên là do tâm từ bi muốn giúp chúng sinh được gặp Phật dễ dàng. Vãng sanh Cực Lạc, hoa nở thấy Phật liền được nghe Phật thuyết pháp.

Lời Kinh:

Lại này Xá-Lợi-Phất, Đức Phật kia có vô lượng vô biên chúng đệ tử Thanh Văn đều là bậc đại A-La-Hán, không thể tính đếm mà biết được, các chúng Bồ-tát cũng nhiều như thế.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lời giảng:

Lại này Xá-Lợi-Phất, Đức Phật kia có vô lượng vô biên chúng đệ tử Thanh Văn đều là bậc đại A-La-Hán, không

Thích Vĩnh Hóa

thể tính đếm mà biết được, các chúng Bồ-Tát cũng nhiều như thế.

Dân chúng cư trú tại Tây Phương Cực Lạc có vô lượng A La Hán và Bồ Tát. Cho nên chúng ta sẽ được thân cận vô lượng thiện tri thức! Họ đều là đệ tử của A Di Đà Phật. Họ vãng sinh về quốc độ này tu học và nhờ A Di Đà Phật mà đắc quả.

Nguyện thứ 14: Khi tôi thành Phật, trong quốc độ tôi, A La Hán và Bích Chi Phật số đông vô lượng dù bỏ ra trăm ngàn kiếp để tính đếm cũng không hết được. Nếu không được như vậy, thì tôi thề không thành Phật. 法藏第十四願云：設我得佛，國中聲聞，三千大千世界悉成緣覺，於百千劫悉共計校，知其數者，不取正覺。今果成，聲聞無量，故不能知。 Nguyện này khiến chúng ta hiểu vì sao các vị A La Hán và Bích Chi Phật ở Tây phương Tịnh độ **không thể tính đếm mà biết được.**

Các vị A La Hán ở cõi đó đều đã phát tâm Bồ Đề rồi, nếu không thì đã chẳng được vãng sinh về đó. Ví dụ, nếu các vị tu Tiểu Thừa mà phát Bồ Đề tâm lúc lâm chung thì có thể đắc được vãng sinh về cõi Cực Lạc. Lúc đó, A Di Đà Phật sẽ tùy theo căn cơ của họ mà thuyết Pháp. Nhờ thế mà họ có thể đoạn kiến và tư hoặc và đắc A La Hán quả. Đây cũng là tinh thần của Kinh Pháp Hoa, chuyển nhất thừa, nhị thừa thành duy nhất một Phật thừa. Cho nên đừng nghĩ rằng cõi Cực Lạc chỉ là hóa thành .

今現在說法。由此信願往生。定非藏通二教之機。故斷定總屬別圓二教所攝菩薩機矣。

Kinh A Di Đà

Cõi đó cũng là nơi huấn luyện cho các vị Bồ Tát có đủ trình độ khác nhau. Cũng như các vị A La Hán, số lượng của họ cũng không thể đếm được.

Vấn: Nhị Thừa Thanh Văn không thể vãng sanh về cõi Thật Báo Vô Ngại Tịnh độ. Tất cả các vị A La Hán đều có thể vãng sanh về cõi Hóa Tịnh độ; tại sao kinh chỉ nêu ra Tứ quả A La hán thôi mà không bàn về ba quả vị kia?

Đáp: Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng A La Hán không đắc vãng sanh về cõi Tịnh độ: có hai trường hợp: 1. Nếu A La Hán chấp trụ nơi Niết Bàn không tịch thì không thể vãng sanh 2. Nếu A LA Hán chuyển tâm theo Đại thừa thì đắc vãng sanh nhưng chưa thể về Thật Báo Tịnh độ vì công phu và trí huệ chưa tương ưng. Kinh chỉ bàn về Tứ quả vì muốn tóm tắt: nếu có thể đắc Tứ quả thì ba quả kia không có gì khó lắm.

Kinh Vô Lượng Thọ dùng ví dụ để tán thán công đức của những vị Bồ Tát này:

1. Trí huệ sâu rộng như đại dương. Phạm phu thì tu để tích tụ phước báu để tư lợi, Bồ Tát thì tu để đắc trí huệ.
2. Tam muội bất động như núi Tu Di. Nền tảng của sự tu hành của họ là định lực. Cho nên, Chánh Giáo Đại Thừa chú trọng phát triển định lực.
3. Huệ quang sáng chói và thanh tịnh còn hơn cả nhật quang. Người có trí huệ có thể chiếu sáng tất cả khiến cho không có gì còn ẩn núp trong bóng tối. Tất cả đều lộ thiện. Cho nên tự nhiên đốn chính.
4. Tịnh Pháp viên mãn như Tuyết Sơn. Tịnh chỉ sự vắng mặt của tham dục, nhất là tình dục. Tại sao chúng ta suy nghĩ liên miên? Đó là tại vì quá nhiều dục vọng.

Thích Vĩnh Hóa

5. Bình đẳng như mặt đất: các Ngài cứu độ cả thiện lẫn ác. Tâm phân biệt đã ngừng hoạt động và không còn đối đãi. Phàm phu còn khổ vì còn có lòng tham muốn: muốn có nhà lớn hơn, xe đẹp hơn, v.v... Tâm phân biệt khơi động lòng tham.
6. Như tịnh thủy có thể rửa sạch tất cả ô uế. Bất tịnh không được dung túng và bị đẩy lui.
7. Như hỏa vương có thể đốt cháy hết thảy **củi** phiền não. Số 6 và số 7 khác nhau thế nào? Nước thường được dùng để tẩy sạch bên ngoài, lửa thường được dùng để nung hóa chất cặn bã bên trong, cũng như vàng cặn phải được nung mới được nguyên chất.

Về phương diện tu hành, nước và lửa là gì? Lửa là tọa thiền, xếp bằng để tăng nhiệt độ. Nước là đại chúng: ông và tôi.

8. Như gió đi khắp thế gian. Gió vô hình và không lộ ra trừ khi có sự chống cự. Có cản trở mới thấy được sức mạnh không ngừng của thiên nhiên. Ví dụ, các thế giới đều được duy trì bởi phong luân.
9. Như hư không, không một mây may chấp trước. Các Ngài hoàn toàn tự tại và có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh.
10. Tịnh như liên hoa: ô uế không thể bám víu được. Trong Phật giáo, hoa sen có địa vị đặc biệt, tượng trưng cho sự thanh tịnh. Tại vì hoa xuất thân từ bùn lầy nhưng không bị bùn làm dơ. Cái đẹp của hoa là giữ được bản chất thanh cao, không bị ô nhiễm. Đó là điều đáng quý của người tu.

Kinh A Di Đà

Phật giáo là giáo lý của thanh tịnh. Sau khi được thanh tịnh, chúng ta lại trở về lại chỗ bất tịnh để hoàn tất sự tự thanh tịnh hóa.

11. Giống như Đại Thừa: có thể vận tải nhiều chúng sinh. Bồ Tát là từ hàng (chiếc thuyền của sự từ bi) lớn lao có thể chở chúng sinh vượt biển khổ đến bờ giác, đắc an lạc.

Đại tương phản với tiểu. Thừa chỉ khả năng vận tải. Cho nên, Tiểu Thừa ám chỉ sức chuyên chở tiểu ngã và Đại Thừa ám chỉ khả năng chở đại ngã. Tiểu ngã là gì? Nó là bản ngã. Đại ngã thì sao? Đó là ngã của tất cả chúng sinh và vạn vật, hoặc là Pháp Thân.

Hơn nữa, Đại thừa là một Pháp bất khả tư nghì của chư Bồ Tát. Nó tượng trưng khả năng vận tải chúng sinh đến chốn an toàn. Tại sao phải chở? Chúng sinh rất khó giáo hóa. Họ không chịu nghe lời. Cho nên Bồ Tát phải dùng phương tiện để chở họ về chốn an toàn.

Đại Pháp vận tải là gì? Đó là Tịnh độ tông.

12. Như chấn động Pháp lôi: Dùng Pháp như sấm sét làm chấn động và thức tỉnh chúng sinh. Bồ Tát dùng nhiều phương tiện để “shock and awe” kẻ hồ đồ, khiến họ tỉnh dậy từ cơn mơ.

Đôi khi phải cần nặng tay một tí vì chúng sinh thường không chịu thay đổi trừ khi họ biết sợ.

13. Như mưa cam lồ: Có thể nuôi dưỡng chúng sinh. Cam lồ rất ngọt, có thể trừ đói khát và đem lại trường sinh. Mưa ám chỉ sự rộng lượng của các Bồ Tát: họ bố thí nhiều hơn là chúng sinh nghĩ tưởng, cho phép chúng ta hấp thụ tùy khả năng.

Thích Vĩnh Hóa

14. Như kim cang sơn: Thiên ma và ngoại đạo không thể động. Kim cang là một chất bất hoại, cứng nhất trong vũ trụ. Chỉ có Đại Thừa mới có pháp luyện thành. Tại sao kim cang bất hoại? Tại vì chúng ta không thể lường tượng được. Nếu lường tượng được thì cũng có thể nghĩ ra cách phá hoại.

Bồ Tát xuất hiện trong thế gian như dựng kim cang sơn để khắc phục thiên ma và ngoại đạo.

15. Như Phạm Thiên Vương: Đứng đầu về các thiện Pháp. Chân thiện là gì? Trong Phật giáo, thiện bắt đầu bằng sự giữ giới. Ác là không giữ giới. Đức Phật giảng rất tường tận giới Pháp để cho chúng ta có thể phân biệt rõ ràng thiện và ác. Nếu Phật Pháp không có tại thế thì có thể tu thập thiện: tức là không phạm thập ác (bốn của miệng: nói dối, lường thiệt, thô ngữ, ý ngữ; ba của thân: sát sinh, trộm cắp và tà dâm; ba của tâm: tham, sân và si).

Vấn: Phật Giáo có vẻ như hơi bi quan. Bộ chúng ta tệ như thế sao? Tại sao đức Phật không dạy về thiện? Chẳng hạn, chúng ta có thể làm thiện và chấp nhận rằng đôi lúc có làm lỗi được không?

Đáp: Câu hỏi này rất hay! Rất có lý vì đó là quan niệm của người có lý tưởng. Họ tin nên giúp người và đời và ý thức rằng đôi khi bị vấp nên có sai quấy. Họ rất đáng khen. Thế gian này tốt đẹp hơn nhiều nếu chúng ta có thể làm như thế.

Nhưng tôi thì nghĩ rằng phương Pháp Phật dạy tạo ra thiện tốt và cứu cánh hơn. Tại sao? Nếu chú trọng vào làm thiện và chấp nhận rằng có thể có lỗi lầm thì không khỏi

Kinh A Di Đà

thường tự bào chữa. Ngược lại, nếu chú trọng làm tam nghiệp được thanh tịnh thì công đức cao hơn và lớn hơn nhiều vì ai cũng đã từng biết: không dễ chống chọi lại các sự cám dỗ đâu!

Thật ra, cho phép tôi chia sẻ một điều bí mật lớn lao của Phật giáo mà ngoại đạo không biết được, còn tín đồ Phật giáo tuy có biết nhưng thường quên lãng vì hay phóng đuổi theo bên ngoài. Đó là: chúng ta đều có Phật tính nghĩa là chúng ta vốn thật thiện, đại thiện, thiện hoàn hảo nhất. Bằng chứng là mỗi người chúng ta đều có sẵn tâm từ bi, can đảm, biết hy sinh, rộng lượng v.v... Đó tại vì Phật là cái thiện cao nhất. Chúng ta chưa toàn thiện vì còn có khuyết điểm. Cho nên chủ trương sửa đổi những sai lầm thì có hiệu nghiệm hơn ví như khi gió xua được đám mây đen che phủ thì mặt trời hiện ra Phật tính sẵn có sẽ lưu lộ, tạo ra năng lực cực thiện. Nhìn cho kỹ thì sẽ thấy rằng Phật giáo không bị quan tì nào cả.

Phạm Thiên Vương có lưới báu rất trang nghiêm. Cũng như vậy, Bồ Tát trang nghiêm Pháp Đại Thừa và các hạnh tu của các Bồ Tát khác, không có cạnh tranh nhau.

16. Như đại thụ vương: Cây lớn có thể ban bóng mát cho thế gian và cũng là nơi trú mưa. Thân cận các Ngài giúp chúng ta bớt bị nắng phiền não đốt cháy và mưa tham dục dày vò.

Bồ Tát là nơi an nghỉ của tất cả chúng sinh.

Vậy muốn tìm các Ngài ở đâu bây giờ?

Thích Vĩnh Hóa

Đương nhiên là họ thường có mặt ở các chốn đang tu Đại Thừa.

Có người nói rằng Bồ Tát thường xuyên dựng tường lên nên khó mà nhận diện được các Ngài. Đúng vậy! Đó là vì các Ngài muốn âm thầm giúp chúng sinh mà không muốn được biết. Họ không bao giờ rêu rao hoặc cho chúng biết rằng họ là Phật sống hoặc hóa thân Bồ Tát. Họ cũng không bao giờ biểu diễn thần thông hoặc trở tài. Làm như thế chỉ làm cho chúng ta sinh lòng tham lam hoặc ganh tỵ thôi.

Thì giờ eo hẹp nên chúng ta chỉ có thể tóm tắt nói rằng thân cận các Ngài thì sẽ cảm thấy bớt nhiều phiền não.

Có người lại nói rằng Bồ Tát tại tâm.

Kể quý vị nghe câu chuyện.

Lúc tôi bắt đầu học tu, làm sa di với Ngài Tuyên Hóa, chúng tôi được bảo vệ và đùm bọc rất kỹ lưỡng tại các đạo tràng của Ngài. Ngặt là mỗi khi phải ra ngoài chùa thì thường gặp nhiều cám dỗ nên dễ phạm giới hơn. Một vị Tỳ kheo đã thường theo Ngài Tuyên Hóa tu từ lâu dạy tôi pháp này. Ngài Tuyên Hóa thường dạy họ là nếu ra ngoài mà thường niệm danh hiệu của Ngài thì sẽ không phạm giới. Pháp đó rất có hiệu nghiệm!

Câu chuyện dẫn chứng cho điều mới nêu ra: Bồ Tát thật sự trụ tại tâm chúng ta. Vững tâm tin thì họ sẽ bảo vệ và giúp đỡ cho.

Kinh A Di Đà

17. Như Ưu đàm hoa: Hoa rất hiếm và quý, rất khó gặp. Rất ít khi nở hoa; hoa có nở thì chỉ nội trong vài tiếng thì tàn. Bồ Tát giúp chỉ cho chúng sinh một thời gian rất ngắn để thân cận được họ. Cần phải có nhiều nhân duyên mới có thể gặp họ được.

Hơn nữa, Bồ Tát được so sánh với hoa vì hoa tượng trưng cho cái đẹp của hạnh đạo đức. Họ thuần thiện nên chư Phật và Bồ Tát có sự thu hút mãnh liệt và nhìn họ thích thú không chán hoặc mệt.

18. Như kim vũ điều 金翅鳥: có thể khắc phục ngoại đạo. Chim đại bàng này có rất nhiều thần thông và có thể làm khùng bố loài rồng (cũng có nhiều thần thông và nhưng phải chịu thua chim đại bàng). Ngoại đạo rất hãnh diện về thần thông của họ, nhưng còn thua Bồ Tát xa lắm.

19. Như các loài chim du mục: Không cất trữ bất cứ gì. Họ không có chấp trước và ít có sự phụ thuộc.

Quý vị còn nhớ câu chuyện ở phần trước về vị tu sĩ nghèo đến độ chỉ có một cái gáo uống nước thôi? Để tôi kể chuyện quay phim theo Hollywood.

Có một vị tu sĩ luyện Thiên tại chùa. Mỗi lần khát nước thì lấy gáo bước ra sông múc nước uống.

Cảnh giới của ông ta cao như thế. Ông có thể từ bỏ hết tất cả, chỉ còn chấp trước vào cái gáo để uống nước. Chúng ta nên tự xét lại: làm sao mà có thể sống nếu không có xe hơi, bạn bè thân thuộc, nhà cửa v.v... Chúng ta thật sự còn hồ đồ hơn ông thầy tu này nhiều!

Thích Vĩnh Hóa

Vấn: Sự chấp trước vào cái gạo có ẩn dụ gì không?

Đáp: Câu hỏi lộ ra khuynh hướng chú trọng trí thức của ông (academician). Không có ẩn dụ gì cả! Nó biểu tượng cho cảnh giới loài người (human condition): chúng ta hành động theo thói quen và không thể bỏ những thói quen hoặc tập khí. Ngược lại ông tu sĩ này có thể bỏ hết các chấp trước và chỉ còn bị cái gạo làm phiền não mà không biết.

Một hôm nọ, ông ta xuống sông múc nước uống thì bỗng nhiên tỉnh ngộ được sự chấp trước của mình. Ông ta lập tức thả gạo xuống sông. Đúng thế, ông ta không nghĩ đem gạo về chùa để lỡ khi cần dùng như những người thông minh và có trí thức như chúng ta.

Đi về lại chùa thì bỗng nhiên gặp thầy đứng đợi trước cổng chùa mà hỏi: “Tri kiến tới đâu rồi?” Đó là sự đối đáp về thiền tông, nghĩa là ngộ được gì chưa? Đó tương tự như người đời nói: ông làm gì để xứng đáng được tôi tiếp tục dung túng ông đây? Ông tu sĩ mới báo cáo: “Năm ngoái con nghèo đến độ chỉ còn một cái gạo. Nhưng năm nay thì còn tẻ hơn nữa: ngay cả cái gạo cũng không còn nữa!” Vị thầy bèn nói: “Được lắm! Được lắm!” Có nghĩa là ông có hiểu và tôi cũng hiểu như thế. Đó là một cách các vị tổ sư dùng tâm ấn chứng nhận chúng ta được giác ngộ rồi. Nếu quý vị giác ngộ rồi thì cũng sẽ hiểu ý thầy qua vài chữ như thế.

Xả bỏ hết thấy các chấp trước và được an nhiên tự tại như chim.

Kinh A Di Đà

20. Như vua trâu: không thể bị đả bại. Vua trâu ương ngạnh và không chịu nhường. Tại sao Bồ tát không bị đánh thua? Trước hết là tại vì họ không có khuyết điểm nên không có gì có thể hại họ. Hoặc họ có tài đánh bại địch thủ trước khi bị địch thủ đánh thua. Hoặc có thể là họ được giúp. Tại vì các Ngài được thầy giúp đỡ: chư Phật mười phương thường tưởng niệm họ.

Tin vui là nếu chúng ta chọn theo phe thiện của Phật và Bồ Tát thì chúng ta không thể bị đánh thua.

Vấn: Vậy tại sao con vẫn bị thua liểng xiểng và thường bị lép vế?

Đáp: Đề giúp ông khiêm tốn hơn. Và lại, nhiều khi họ cố ý không giúp để giúp ông chịu khổ nên mới bớt tự tin, ý lại và đổi đường lối.

21. Như đại tượng vương: Được khéo điều phục. Vua voi có sức mạnh lớn lao nhưng biết điều dụng nó. Nhất là có thể điều phục được các phiến nã. Cũng như voi được dùng gậy và móc sắt điều khiển, Bồ Tát biết dùng giới pháp để điều hòa thân tâm.
22. Như sư tử vương: Vô úy, không biết sợ. Có lòng can đảm vì có sức mạnh và tài nghệ hơn người. Ở trên nhân địa, vô úy là quả của sự bố thí vô úy.
23. Rộng lớn như hư không: Các Ngài có đại từ bi nên cũng như hư không có thể bao dung tất cả.

Hư không vô tận. Thân thể chúng ta có sự hạn chế nhưng tâm chúng ta không có hạn chế. Làm sao khiến tâm không bị hạn chế? Bằng cách tu tâm đại bi và bình đẳng.

Thích Vĩnh Hóa

Tâm bi là không chịu để người khác khổ nên làm gì để giúp đỡ cho họ. Lòng bi là làm chứ không phải nói. Đại bi là đồng thể. Đồng thể là gì? Nghĩa là chúng ta chỉ là một, không có sự khác biệt: cùng chung Phật tính, cùng một thể tính.

Lúc đầu, sức chúng ta có hạn nên thường phải phân biệt bạn và thù, người thân với người dưng nước lã. Cho nên phải cần tu hạnh bình đẳng để tiến về phía đại bi. Từ từ sẽ đến, đừng lo.

Vấn: Tài sản con có hạn, làm sao mà đem lòng đại bi ban cho tất cả đây?

Đáp: Đồng ý! Ví dụ, cô chỉ mong sống đến khoảng 100 tuổi, nên bị hạn chế về thời gian. Cửa cải cũng bị hạn chế nên không thể bừa bãi được.

Nhất là cô bị hạn chế bởi một việc khó khăn nhất. Có ai biết đó là gì không? (*Không ai trả lời được*) Đó là tính thiếu kiên nhẫn.

Không phải gì riêng cô mà tất cả quý vị đều thiếu kiên nhẫn. Đó là bệnh dịch của thời đại văn minh này. Ai cũng chú tâm đến mục tiêu. Câu hỏi của cô ta thật sự nghĩa là làm sao tôi có thể thành công trong tu hành đại bi, một trạng thái vô hạn chế, trong lúc tôi bị hạn chế?

Quý vị có thể chú tâm vào cố gắng hết sức bỏ thí, giúp người thôi và không đòi phải có sự thành công mới chịu làm, được không?

Kinh A Di Đà

Trên đây chỉ nêu ra một số ít công đức của các Bồ Tát. Muốn nói cho hết thì cần vô tận kiếp.

Này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Phần trước đã bàn về y báo, bắt đầu từ đây là nói về chánh báo.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: Ngài lập nguyện rằng khi đắc Bồ Đề, ánh sáng của thân sẽ chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, sáng tỏ các chốn đen tối và u ám. Các trời, người và ngay cả độc trùng hoặc độc thú mà được chiếu đến, tất cả đều phát tâm từ bi và hành thiện. Họ sẽ đắc vãng sinh về cõi Cực Lạc. Hơn nữa, đại nguyện thứ 13 nói rằng thọ mạng sẽ dài hơn một vạn ức na do tha kiếp. Nếu như thọ mạng không vô lượng thì Ngài không thành Phật.

Kinh Vô Lượng Thọ có một ví dụ: “Nếu có vạn ức na do tha Tỳ kheo có thân thông như Ma-ha Mục-Kiền-Liên tính đếm được số Thanh Văn trong đại chúng của A Di Đà Phật, thì họ chỉ có thể đếm được một phần trăm mà thôi.”

Hơn nữa, A Di Đà Phật còn nguyện rằng khi Ngài thành Phật, các Bồ Tát cư trú tại Cực Lạc quốc sẽ có thân thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, tùy hình và oai nghi không khác gì của Ngài.

Lời Kinh:

Lại này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Cực Lạc, chúng sanh sanh về đều là bậc a-bệ-bạt-trí. Trong đó có nhiều vị nhất sanh

Thích Vĩnh Hóa

bổ xứ. Số đó nhiều đến nỗi không thể tính đếm mà biết được, chỉ có dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ để nói.

Lời giảng:

Trong cõi Ta Bà này có rất nhiều chương duyên làm chúng ta thối chuyển trên đường tu hành. Đức Như Lai rất từ bi. Ngài xuất thế và đem giới Pháp để giúp chúng sinh khỏi thối lui hoặc đọa vào các cảnh giới thấp kém hơn. Ví dụ, giữ giới không tà dâm sẽ giúp tránh đọa vào giới súc sinh. Ngược lại, nếu đắc vãng sinh về cõi Cực Lạc, không còn có những ác duyên tạo sự thối lui (như không có đàn bà). Vì thế cõi đó rất thuận tiện cho việc tu hành và còn khiến chúng sinh tiến bộ đều đều.

Một người đệ tử của tôi có người bạn nhà sĩ. Người này không tin gì về tôn giáo nào cả và rất tự mãn. Khi ông ta qua đời thì đệ tử tôi đến thỉnh Pháp 49-ngày để giúp ông bạn vãng sinh về cõi Tịnh độ. Chúng tôi hành pháp đó để giúp ông ta sự lựa chọn. Ông ta chọn vãng sinh về An Lạc quốc. Không lâu sau, ông ta về thăm cô con gái. Cô ta mơ thấy cha hai đêm liền (chắc hai cha con thân nhau lắm). Ông ta bảo là đời sống rất sung túc thoải mái nhưng than phiền rằng ở đó không có chuyện gì làm cả ngoài việc tu hành!

Lại này Xá-Lợi-Phất, cõi nước Cực Lạc, chúng sanh sanh về đều là bậc a-bệ-bạt-trí. Trong đó có nhiều vị nhất sanh bổ xứ.

Đều nghĩa là tất cả các phẩm vị, không phân biệt, đều a-bệ-bạt-trí.

Kinh A Di Đà

A-bệ-bạt-trí: nghĩa là “không thối lùi hoặc bỏ đi”. Có ba loại bất thối:

1. Vị bất thối: Không thối lui về vị của phàm phu vì đã gia nhập thánh lưu. Đây có nghĩa là họ đắc ít nhất Sơ quả A La Hán.
2. Hạnh bất thối: Luôn luôn cứu độ chúng sinh, không bao giờ thối lui về Nhị Thừa (họ không dám dẫn thân vào thế tục để làm lợi lạc cho chúng sinh. Có nghĩa là đắc được Tam Hiền).
3. Niệm bất thối: Niệm niệm đi vào Bồ Tát giới, tâm trụ ở Trung Đạo. Không thiên về Không cũng không thiên về Hữu. Có nghĩa là họ đắc giác ngộ.
4. Bất thối về Bồ Đề. Có nghĩa là họ chắc chắn sẽ thành Phật.

此文進退雙明。教道不亂。教中位次分明。絲毫不容紊亂。若是具足煩惱之凡夫。自然不是初果。見道位之聖人。若是但求自利之二乘。自然不是自他兩利。常恆度生之菩薩。若是異生性之三賢。未破無明。未證法身。不與如來體同。名異生性。自然不是破無明證法身。同生性之菩薩等。此是下位。未可躡等上位。未得調得。未證調證。成大妄語不可。

念不退菩薩。已得同生性。非復異生性。行不退菩薩。已發大心。非僅見道之小果。位不退聖人。非是具足煩惱之人民。此是上位。未可

Thích Vĩnh Hóa

仍稱下名。既已進步。而獲新證。則捨故稱。如登初地。則捨三賢之故名等。

Họ không còn thói chuyển trên con đường cầu đạo Bồ Đề. Phạm phu chỉ những người chưa đắc quả. Nhị Thừa không tu hạnh Bồ Tát nhưng cao hơn phạm phu về phương diện chứng đắc. Dị sinh chỉ về những sự sinh khác hơn là phạm phu (nhưng vẫn chưa chứng Pháp Thân). Vậy thì:

1. Niệm bất thối: Không còn dị sinh nữa 非復異生.
2. Hạnh bất thối: Không chỉ kiến Đạo mà còn phát tâm cứu độ chúng sanh 非僅見道.
3. Vị bất thối: Không còn làm phạm phu nữa 非是人民.

Nói chung thì thấy cần rất nhiều phước mới đắc vãng sinh được. Vậy người tu pháp môn Tịnh độ phải biết gia công tích lũy công đức và hồi hướng vãng sinh. Có ba loại phước vô lậu thù thắng:

1. Biết đang khổ nên cầu giải thoát. Ví dụ người giàu có nhiều tiền nhưng ít phước vì không ý thức được cái khổ não của mình.
2. Gặp Pháp giải thoát. Nếu không có đủ phước vô lậu thì khó mà gặp được Đại Thừa.
3. Gặp được đại thiện tri thức. Nhờ được hướng dẫn nên mau tu đắc.

Vấn: Sau khi đắc vãng sinh về cõi Tịnh độ tại sao không còn sợ thối chuyển?

Đáp: Vì có nhiều duyên thù thắng như:

1. Không bị bệnh khổ ràng buộc 無病苦纏.

Kinh A Di Đà

2. Không còn có vi hạnh (đi ngược lại lời giáo huấn) 無違行.
3. Thường tụng kinh Pháp 常誦經法.
4. Thường làm việc thiện 常營善事.
5. Thường hòa thuận, không có tranh cãi hoặc những hành vi chống đối nhau 長和順、無諸違諍事.

Trong cõi Ta Bà này, phần lớn đều bị thối chuyển trên đường tu hành. Khi bị tham dục và ngoại cảnh lôi cuốn thì đa phần đều thối lui hoặc bỏ cuộc.

Thập Nghi Luận 十疑論 cho biết rằng có năm nhân duyên giúp dân chúng Cực lạc không thối chuyển:

1. Được giúp đỡ nhờ đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật. Pháp Tạng Tỳ kheo nguyện rằng sau khi thành Phật, những ai nghe tên của Ngài, qui y và tu hành tinh tấn sẽ đắc tam nhãn (giảng sau) và sẽ đắc bất thối về các Pháp. Đó như lên thuyền lớn vào đại dương: khó mà bị chết đuối.
2. Hào quang của vị Phật này thường chiếu, khiến tâm Bồ Đề tăng trưởng. Ánh sáng của Ngài nhiếp thọ chúng sinh và tăng trưởng thiện. Cũng như ánh sáng mặt trăng chiếu đêm tối giúp tránh vấp té.
3. Nước, chim, cây, rừng và gió thường thuyết Pháp, khiến cho người nghe tưởng niệm Tam Bảo và nhờ thế đắc bất thối. Cũng giống như người mê muối nghe tiếng chuông nên cảnh tỉnh và có nhiều chánh niệm hơn.
4. Bồ Tát làm bạn đồng tu. Ở ngoài thì không có ma quỷ hoặc bạn tà. Ở trong thì không có phiền não. Cho nên

Thích Vĩnh Hóa

họ đắc bất thối. Về phương diện tu hành, cái lợi được ở trong hoàn cảnh chỉ có những người thánh thiện và thượng căn thật không thể nào nói ra hết được!

5. Thọ mạng dài vô lượng kiếp như thọ mạng của đức A Di Đà Phật. Cho nên có đủ thời giờ để đắc các thánh quả. Cũng giống như đi vạn dặm và đến được bảo sơn: sẽ không bao giờ nghèo nàn nữa.

Hơn nữa, trong cõi Ta Bà này, chúng ta bị hồ đồ mỗi lần sinh ra đời. Ngược lại, chúng sinh được hóa sinh trên hoa sen vào cõi Tây Phương Cực Lạc, nên không bị mê muội và tránh tạo nghiệp mà thối chuyển. Trong một kiếp chúng ta có thể thành Phật nên không bao giờ thối lùi nữa trong việc tu hành.

Bàn về Tam Nhẫn, nhẫn là khả năng nhận thức sự và lý nên tâm thường an lạc. Có ba loại nhẫn:

1. Âm Hưởng Nhẫn 音響忍: Âm chỉ nghe Pháp và tâm đắc an lạc. Đây là trình độ của vị Thập Tín: ngộ nhờ văn Pháp.
2. Nhu Thuận Nhẫn 柔順忍: Vì biết tùy thuận theo Chân Lý, nên có thể dựa trên quán lực mà đắc giác ngộ. Đây là trình độ của Tam Hiền: họ có thể chế phục được quả báu mê muội nên không cho phép lục trần (vốn thiếu tự tính) sinh trưởng.
3. Vô Sinh Pháp Nhẫn 無生法忍: Cái hiểu biết tương ứng với Chân Lý. Đây là trình độ của Thất Địa hoặc cao hơn. Họ lìa xa các tướng nên có thể giác ngộ chân tướng.

Hoặc theo Kinh Hoa Nghiêm, có ba loại nhẫn:

Kinh A Di Đà

1. Nại Oan Hại Nhẫn 耐怨害忍，謂人以怨憎毒害而加於我，即能安心忍耐而無返報之心，是名耐怨害忍。 Chúng ta phải biết chịu đựng bị kẻ thù ám hại và hành hạ, nhất là khi họ cực kỳ hung ác! Quan trọng là phải biết “an” nhẫn. Phần thứ nhì cũng không dễ làm là không được trả đũa, dầu người ta có sai đến đâu.
2. An Thọ Khổ Nhẫn 安受苦忍，謂疾病水火刀杖等眾苦所逼，即能安心忍受恬然不動，是名安受苦忍。 Loại nhẫn đầu tiên là đối phó với yếu tố bên ngoài. Nếu chịu đựng không được nữa thì vẫn còn có thể bỏ đi hoặc rút lui để tránh tạo nghiệp. Tạo nghiệp chỉ tăng trưởng sự thù hận mà không giải quyết nợ cũ! Loại nhẫn thứ hai này bắt phải chịu đựng cái khổ tạo từ bên trong vì bệnh hoạn, tai họa, những biến cố mà làm tâm chúng bị đại phiền não. Đặc tính của sự thử thách là “bức”: chúng ta không thể nào bót áp lực đang tăng gia ở bên trong. Nội áp lực dồn dập cho đến khi chúng ta phải điên tiết mà tạo nghiệp. Chúng ta không thể bỏ chạy hoặc rút lui!
3. Đê Sát Pháp Nhẫn 諦察法忍，謂審察諸法體性虛幻，本無生滅，信解真實心無妄動，安然忍可，是名諦察法忍。 Tức là Vô Sinh Pháp Nhẫn: đặc được nhờ thấu tất cả đều giả, duyên sinh, không có tự tính nên không cần phải chấp trước.

Thích Vĩnh Hóa

Người thế gian cần phải phát triển hai loại nhãn đầu tiên. Hai loại nhãn này có ảnh hưởng rất lớn về sự thành công của mỗi cá nhân. Sau khi đã biết đối phó với hai loại thử thách này thì mới có khả năng đương đầu với cái nhãn thứ ba: Pháp Nhãn.

Đây là đặc sắc của chương trình huấn luyện người xuất gia chúng ta: chú trọng xây nền tảng để qua được loại thử thách thứ ba. Cho nên chúng tôi có vừa chân tu vừa giả tu. Kẻ giả tu có thể rất hư hoặc ác, để giúp thử thách nhóm chân tu.

Vấn: Làm sao con thành thực Pháp Nhãn?

Đáp: Có người đề nghị, dựa trên hơn 20 năm nghiên cứu Đại Thừa, chúng ta chỉ cần không chấp trước vào mọi vật. Ông ta lại giải thích thêm rằng, quan trọng ở chỗ không nên suy nghĩ quá thường xuyên về vạn vật. Ví dụ, chúng ta nên đạt cảnh giới không tiền mà chẳng quá bận tâm về tiền.

Tôi nghĩ đó là chỉ nói thôi. Để tôi cho ví dụ. Tôi mới mua một đồng hồ đeo tay rất đắt tiền. Tôi rất thích nó nhưng quả quyết rằng tôi thật sự không chấp vào nó vì tôi không có một tí bận tâm vì nó. Như vậy thì không đúng vì đồng hồ vẫn là sở hữu của tôi.

Thử thách chân thật là ở chỗ quý vị có thể bố thí được hay không. Nếu cho được thì bắt đầu biết xả. Có người thờ dài và thổ lộ rằng ông ta có đủ thứ mà khó lòng bố thí. Cứ tiếp tục bố thí thì từ từ sẽ phải đương đầu với sự thật vì có những thứ mình không thể bố thí.

Kinh A Di Đà

Sau khi dám bỏ thí cái không thể bỏ thí thì sẽ đạt Pháp Nhân.

Khởi Tín Luận 起信論 nói rằng những kẻ vãng sinh về cõi Cực Lạc thường được gặp Phật và ai nấy cũng đều đắc bất thối. Ngược lại ở cõi Ta Bà này, phần lớn người tu hành đều phải đối diện với thối duyên. Cho nên có câu:

“Đạo cao nhất xích 道高一尺，
Ma cao nhất trượng 魔高一丈。”

Đối phương thường đến quấy nhiễu khiến chúng ta bỏ cuộc hoặc thối lùi.

Hôm nay, chúng ta có khách đến nghe giảng kinh trong Phật thất này. Chắc họ không khởi thắc mắc tại sao chúng ta thường bắt đầu buổi giảng bằng lễ thỉnh Pháp.

Phương pháp này do Đại Sư Tuyên Hóa đem đến nước Mỹ. Phần lớn các chùa khác không có thỉnh Pháp.

Thật ra, thỉnh Pháp xuất thân từ thời Phật Thích Ca mới thành Đạo. Ngài quán sát và quyết định không dạy cho loài người vì căn cơ quá thấp.

Lúc ấy, Đại Phạm Thiên Vương biết ý Phật nên bảo Đế Thích quỳ phía sau ông ta và cả hai thỉnh Phật chuyển Pháp Luân để lợi ích cho chúng sinh. Nhờ họ thỉnh Pháp nên Phật mới đồng ý dạy. Chúng ta phải luôn biết ơn hai vị vua Trời này vì nhờ họ mà chúng mới có Phật Pháp để học cách liễu khổ đắc lạc.

Thích Vĩnh Hóa

Vấn: Con cứ tưởng rằng đức Phật cái gì cũng biết. Tại sao trước đó thì không chịu dạy, về sau ngài lại đổi ý?

Đáp: Ngài thấy rằng chúng sinh không thể nào thấu đạt được tri kiến Phật. Tại vì sao?

1. Bản ngã không cho phép chúng ta hiểu. Phật Pháp vốn là để dẹp bản ngã (nguồn gốc của các khổ não). Bản ngã sẽ từ bỏ Phật Pháp nếu cảm thấy bị đe dọa. Nói rộng ra, không dễ giảng Pháp vì nói sự thật thì quý vị sẽ phật lòng. Ngược lại, nếu tôi nịnh bợ quý vị, nói rằng rất biết ơn quý vị giảng lâm và hứa sẽ dạy quý vị luyện thiền để có thể hưởng thụ cuộc đời hơn, thì quý vị lại nghĩ rằng tôi là vị thầy rất giỏi. Nhưng làm như vậy là dạy thế gian pháp chứ không phải Phật Pháp.
2. Tri kiến Phật không thể diễn tả bằng ngôn ngữ được.

Tôi kiên nhẫn đợi người hỏi câu tiếp nhưng không thể đợi lâu hơn nữa nên phải tự hỏi vậy.

Vấn: Nếu trí kiến Phật không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ thì ngài giảng gì vậy? Làm sao lời giảng của Phật có thể giúp chúng ta?

Đáp: Phật Pháp là giáo lý và lời chỉ dẫn. Giáo lý miêu tả sự thật của vũ trụ. Muốn thật sự hiểu giáo lý thì chỉ cần làm theo lời chỉ giáo của Phật, Bồ Tát và tổ sư. Chúng ta dù có nói về giáo lý nhưng cần phải tu thì mới thật sự ngộ được. Chung qui, Phật Pháp là làm: niệm Phật, niệm chú, tụng kinh, tọa thiền v.v...

Số đó nhiều đến nỗi không thể tính đếm mà biết được, chỉ có dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ để nói.

Kinh A Di Đà

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã cứu độ vô lượng chúng sinh. Như Ngài bảo Di Lặc Bồ Tát ở Long Hoa hội: số lượng những người đã tu với Phật và đạt được quả vị của Tiểu Thừa và Đại Thừa không thể đếm được. Họ đều đắc bất thối. Chúng tôi kèm theo bản chữ Hoa để có thể quý vị có thể tự tham khảo: 釋迦牟尼在法華會上，對彌勒菩薩說，阿逸多、我說是如來壽命長遠，六百八十萬那由他恆河沙眾生，得無生法忍，復有千倍菩薩摩訶薩，得聞持陀羅尼門，乃至復有三千大千世界微塵數菩薩摩訶薩，能轉不退法輪，復有二千中千國土微塵數菩薩摩訶薩，能轉清淨法輪，復有小千國土微塵數菩薩摩訶薩，八生當得阿耨多羅三藐三菩提。復有四四天下微塵數菩薩摩訶薩，四生當得阿耨多羅三藐三菩提。復有三四天下微塵數菩薩摩訶薩，三生當得阿耨多羅三藐三菩提。復有二四天下微塵數菩薩摩訶薩，二生當得阿耨多羅三藐三菩提。復有一四天下微塵數菩薩摩訶薩，一生當得阿耨多羅三藐三菩提。如是釋迦在娑婆世界，度生尚如是多，何況淨土阿彌陀佛。 Đó chỉ trong thời gian 100 năm của cuộc đời của Phật Thích Ca. Thọ mạng của Phật A Di Đà thì vô lượng kiếp, chắc chắn sẽ độ nhiều hơn nữa!

Nhờ thần lực của Phật A Di Đà, ngay những người phạm ngũ nghịch (1) Làm thân Phật chảy máu 2) Giết A La Hán 3) Giết cha 4) Giết mẹ 5) Phá hòa hợp tăng) hoặc thập ác, nếu họ có

Thích Vĩnh Hóa

thể niệm tên của Ngài mười lần (mỗi lần có thể diệt trừ 80 ức kiếp tội sinh tử) lúc lâm chung, thì họ cũng có thể đở nghiệp vãng sinh 待業往生: họ thấy một đài hoa sen vàng, lớn như mặt trời hiện ra và đắc vãng sinh trong một niệm). Mặc dầu họ sinh vào hạ hạ phẩm, nhưng vẫn đắc được tam bất thối. Việc này chỉ có thể có ở cõi Tây Phương Cực Lạc!

Có một vị vua không tin về đở nghiệp vãng sinh 待業往生. Vua bày tỏ thắc mắc với một vị thầy, nói không thể tin là có thể đở nghiệp vãng sinh. Vị thầy hỏi: “Tảng đá sẽ chìm xuống đáy sông phải không?” Vua đáp: “Đương nhiên chìm!” Sư hỏi: “Nếu đặt tảng đá trên thuyền, thì có chìm không?” Vua chợt hiểu: “Đúng vậy, nếu dựa vào nguyện lực của đức Phật thì có thể thoát ly tam giới một cách dễ dàng”.

Các tổ sư dạy: Niệm Phật thì có thể đở nghiệp vãng sinh nhưng không thể đem nghiệp mới vãng sinh. Người tu Tịnh độ không nên vừa niệm Phật vừa tạo ác nghiệp. Nếu làm như vậy thì lúc lâm chung, nghiệp chướng sẽ đến cản trở sự vãng sinh về cõi Tịnh độ. A Di Đà Phật không bảo vệ kẻ phạm tội. Vả lại, phẩm vị vãng sinh tương đương với công phu niệm Phật.

Vĩnh Minh Thọ thiền sư 永明壽禪師 cũng là một vị tổ Tịnh độ tông nói: “Không Thiên (chí) có Tịnh, vạn người tu vạn người đắc vãng sinh. Quý vị nên mau lập nguyện mà đến đó. Không tu thì không vãng sinh.”

Vấn: Tại sao thiên sinh không chịu niệm Phật?

Kinh A Di Đà

Đáp: Tôi không chắc hiểu được ý của cậu. Ý cậu là tại sao những người tu thiền có nhiều tự tin rằng kiếp này sẽ đắc giải thoát nên nghĩ không cần niệm Phật?

Ý cậu là như vậy.

OK. Tôi không thể thay thế cho họ trả lời được vì tôi chưa gặp họ.

Nhưng cho phép tôi góp một ý kiến nông cạn.

Tôi nghĩ là không phải lỗi thiền sinh mà là của người thầy. Theo quan niệm của tôi, trách nhiệm người thầy là giúp học trò đắc giải thoát càng sớm càng tốt. Ông ta nên dạy pháp môn thích hợp với căn cơ người học trò. Ví dụ, có thể dạy thiền cho kẻ có căn cơ cao sâu. Ngược lại, những kẻ kém cỏi như chúng ta thì nên niệm Phật cầu vãng sinh vì đời nay tu thiền rất khó đắc giải thoát trong kiếp này. Nên nhớ rằng cái này cũng nên áp dụng cho người tu Tịnh Độ. Những ai có thượng căn thì nên được huấn luyện các Pháp Môn như thiền để đắc giải thoát mau hơn.

Bàn thêm một tí về liễu sinh tử.

Không dễ làm được vì chúng ta phải cần bỏ tất cả những gì quý giá: tiền bạc, nhà lầu, xe hơi, châu báu, vợ con, quyền thuộc chó mèo, v.v... Ai có thể làm được thì xin giơ tay lên. Ngày hôm nay tại chùa Rosemead, California, không có ai giơ tay lên cả. Nếu còn có chấp trước vào bất cứ pháp thế gian nào thì làm sao xuất thế được?

Để tôi kể một câu chuyện cho quý vị nghe.

Thích Vĩnh Hóa

Trong một kiếp lâu xa về trước, Thích Ca Mâu Ni Phật sinh làm con trưởng của giáo sĩ hoàng đế. Lớn lên học rất giỏi. Hoàng đế kính trọng nên phong thế cha làm giáo sĩ của hoàng đế, rồi ban nhiều ân huệ, vàng bạc và chức tước.

Hoàng đế rất mê đệ nhất vương phi.

Vị giáo sĩ trẻ tuổi này cũng bị lôi cuốn bởi sự quyến rũ mê hồn của vương phi. Quý vị nghĩ coi, vương phi là sở hữu của vua, đâu ai dám mạn phép nhìn lâu; chỉ có giáo sĩ trẻ này dám nhìn mê mết và ai cũng biết điều này.

Những kẻ vốn có lòng ganh tỵ với giáo sĩ, nhân dịp này bèn tâu lên vua.

Hoàng đế triệu chàng ta vào triều mà hỏi rằng lời đồn có thật như vậy không? Chàng ta trả lời: “Vương phi đẹp phi thường!”

Quý vị nghĩ hoàng đế sẽ phản ứng ra sao?

Có người nói là sai quân đem ra chém.

Không đâu! Hoàng đế thán phục sự thành thật của giáo sĩ trẻ và nghĩ rằng đó cũng là một cách tán thán sở thích của hoàng đế rất chí lý.

Nên hoàng đế nói: “Trẫm hiểu. Cho phép khanh ở với cô ta bảy ngày thử xem sao.”

Kinh A Di Đà

Chàng ta không đợi nhắc lần thứ nhì, lập tức nắm tay vương phi đi. Thời gian này quá ngắn ngủi.

Vương phi lại đâm ra mê tình yêu nồng nhiệt của vị giáo sĩ trẻ tuổi nên cả hai rủ nhau trốn đi mất.

Quý vị không thể tưởng tượng được hoàng đế đau khổ đến chừng nào! Một bên thì mất vương phi mà ông thâm mê hơn cả vàng bạc ngói báu. Một bên thì bị người tín cẩn nhất phản bội mình.

Hoàng đế trở nên chán đời và bỏ bê quốc sự.

Quần thần lo âu nên bày kế. Họ tổ chức đại hội bên cạnh vương cung.

Hoàng đế đi ngang qua đó và từ cửa sổ thấy một người biểu diễn nuốt cây kiếm sắc bén. Hoàng đế sinh lòng hiếu kỳ, bèn hỏi tể tướng: “Còn có gì khó hơn việc đó không?” Tể tướng đáp không biết, nên gọi vị giáo sĩ mới ra hỏi. Ông ta nói: “Tâu bệ hạ, dạ có. Việc khó hơn là có thể cho cái gì mà mình thích nhất.” Hoàng đế đâm chiêu rồi hỏi: “Vậy có gì khó hơn nữa không?” Giáo sĩ đáp: “Khó hơn nữa là có thể cho cái gì yêu quý nhất mà không một chút nuối tiếc.”

Hoàng đế chợt tỉnh và trở nên bình thường lại.

Tiếp theo, bàn về sự an ổn tu hành ở Cực Lạc: tất cả chúng sinh cõi Tây Phương Cực Lạc đều đắc Phật quả trong một kiếp! Phần này được giảng trong kinh Hoa Nghiêm, chương thứ 39: Nhập Pháp Giới. Trước hết Thiện Tài đồng tử gặp

Thích Vĩnh Hóa

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát để học căn bản trí 根本智. Rồi Thiện Tài đến tham phỏng 52 thiện tri thức khác để học sai biệt trí 差別智. Vị thầy cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài khuyên Thiện Tài vãng sinh Tây Phương Cực Lạc để viên thành hạnh nguyện thành Phật trong một kiếp. Ngài Phổ Hiền Bồ Tát cũng đem tất cả công đức tu tập mười đại nguyện của mình hồi hướng cầu vãng sinh Tịnh độ để sớm thành Phật quả

Chúng ta đã nghe về cảnh giới thù thắng của cõi Cực Lạc và sự thuận duyên để tu hành nơi đó. Điều này giúp chúng ta phát tín tâm. Khi đã có lòng tin, đức Phật khuyên chúng ta tiến thêm một bước nữa: lập nguyện vãng sinh về cõi đó.

Vấn: Kinh nói rằng ở cõi Cực Lạc có rất nhiều đại Bồ Tát sắp chứng quả Phật. Vậy tại sao chỉ nêu ra Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát là Bồ Xứ Phật mà không nêu ra các vị khác?

Đáp: Pháp giới có vô lượng vô biên Phật độ. Mỗi vị Phật nhập Niết Bàn thì sẽ có vô lượng vị khác thừa kế. Hơn nữa, các ngài không phải chỉ nổi vị ở Tây Phương Tịnh độ thôi mà còn ở các Phật độ khác nữa. Sở dĩ chỉ kể ra Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là vì Phật đang giảng về Cực lạc quốc. Nếu kể ra quá nhiều, chúng ta không thể nào mừng tượng nổi.

Lời Kinh:

Này Xá-lợi-phất, chúng sanh nghe được những điều này, phải nên phát nguyện, nguyện sanh về nước kia. Tại sao thế? Vì được ở cùng một chỗ với các bậc Thượng thiện nhơn. Này Xá-lợi-phất, không nên cho rằng có chút ít

Kinh A Di Đà

nhơn duyên phước đức căn lành mà được sanh về nước kia đâu.

Lời giảng:

Này Xá-lợi-phất, chúng sanh nghe được những điều này, phải nên phát nguyện, nguyện sanh về nước kia. Tại sao thế?

Chúng ta nên tin tưởng rằng nguyện lực của A Di Đà Phật thật sự bất khả tư nghì. Lực tu hành của chúng ta có thể có từ lòng tin thâm sâu vào công đức của Ngài. Niệm hồng danh của Ngài có thể giúp chúng ta sử dụng cái lực của Ngài. Chúng ta nên có lòng tin hoàn toàn, thì mới có thể lập đại nguyện. Nguyện lực thật khó nghĩ bàn: Tây Phương Cực Lạc được thành lập do nguyện lực. Quan điểm là phải có lòng tin thâm sâu. Nếu có thể kết hợp tín với nguyện, thì không khác gì có một địa bàn chỉ thẳng về cõi Cực Lạc.

Nếu không có lòng tin thì dầu có tu hành bao nhiêu cũng không thể đắc vãng sinh được. Nếu tín và nguyện đều kiên cố thì có thể nhập niệm Phật tam muội dễ hơn. Lúc đó, tâm ta vững vàng như núi, gió chẳng thể xuyên qua, mưa không làm ướt được. Hạnh niệm Phật như một bức tường sắt bảo hộ chúng ta. Tu như vậy còn lo gì chẳng đắc vãng sinh.

Kinh nói: Lúc lâm chung, các căn tan rã. Ngay cả quyền thuộc, thế lực, voi, ngựa và trâu châu cũng hoàn toàn vô dụng. Lúc ấy chỉ còn nguyện vương ở lại, không bỏ rơi chúng ta. Lại còn có thể hướng dẫn chúng ta tiến tới: trong một sát na, có thể vãng sinh Tây Phương Cực Lạc.

Vấn: Làm sao con được nguyện vương?

Thích Vĩnh Hóa

Đáp: Tôi cũng không biết làm sao mà trả lời!

Tôi tin rằng phải lập nguyện nhiều lần. Mỗi lần thì nên thành tâm hơn một chút. Lâu ngày dày tháng thì sẽ thành nguyện vương.

Vì vậy trong Phật thất, chúng ta mỗi ngày đều lập nguyện vãng sinh.

Chúc bạn nhiều may mắn!

Ngay cả các ngài Đẳng Giác Bồ Tát của mười phương đều phát nguyện vãng sinh về cõi Tây phương, huống gì phàm phu như chúng ta!

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có bài kệ cầu vãng sinh: “Tôi nguyện lúc lâm chung, có thể đoạn tất cả các phiền não, được kiến Phật A Di Đà và đắc vãng sinh vào Cực Lạc quốc độ”. Hãy mau lập nguyện như thế! Còn đợi gì nữa?

Vì được ở cùng một chỗ với các bậc Thượng thiện nhân. Nay Xá-lợi-phất, không nên cho rằng có chút ít non duyên phước đức căn lành mà được sanh về nước kia đâu:

các bậc Thượng thiện nhân như Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát và các đẳng Giác Bồ Tát! Nơi đó, phàm phu được cùng thánh nhân tập hội và tu đạo.

Những người nghe về pháp môn Tịnh độ này mà phát khởi lòng tin, nguyện vãng sinh vào cõi đó thật ra có rất nhiều

Kinh A Di Đà

phước. Quý vị đã phát nguyện vãng sinh chưa? Nếu chưa làm được thì nên tiếp tục tích tụ phước đi.

Những kẻ có thượng căn là người thiện trong người thiện. Họ là những người đã phát Bồ Đề tâm. Đại Trí Độ Luận nói có năm loại Bồ Đề tâm:

1. Phát tâm Bồ Đề **發心菩提** : Trong lúc chìm đắm trong vô số sinh tử mà có thể phát tâm Bồ Đề là điều khó làm nhất . Nhưng có thể nhờ trì niệm hồng danh Phật mà kẻ phàm phu có thể phát khởi đại giác ngộ.
2. Phục tâm Bồ Đề **伏心菩提** : Đoạn tất cả các phiền não và chế phục tâm. Thật ra, chính nhờ niệm Phật mà chánh niệm mới có thể có cơ hội hiện tiền và phiền não tự tiêu diệt.
3. Minh tâm Bồ Đề **明心菩提** : Rõ ràng ý thức rằng tất cả các pháp không ngoài một tâm. Trì hồng danh của đức Phật cần phải thông qua tâm đó, nhờ vậy hiểu được chân tướng một cách tường tận.
4. Xuất đạo Bồ Đề **出到菩提** : Đắc vô sinh nhẫn, xuất lìa tam giới và đến quả vị Phật. Thật ra, trì hồng danh của Phật có thể mở khóa và tháo tung tam nhẫn, hoành xuất sinh tử (thoát sinh tử bằng đường ngang) và khai mở trí huệ của Phật.
5. Vô thượng Bồ Đề **無上菩提** : Cũng được gọi là an tọa trong đại đạo tràng và chứng tối cao Chánh Giác. Trì danh hiệu của Phật có thể giúp đắc bất thối và thẳng đến Phật vị.

Thích Vĩnh Hóa

Thượng phước là phước trong phước. Câu A Di Đà Phật có đầy đủ vạn đức. Cứ niệm cho đến khi tâm không còn tán loạn và không còn điên đảo. Lúc ấy thì tự nhiên Lục Độ sẽ được thành tựu. Tại vì khi đắc nhất tâm bất loạn (niệm Phật tam muội):

1. Chúng ta không còn ganh tị và tham lam: Đó là bố thí Ba La Mật.
2. Chúng ta không còn ác độc: Đó là giới Ba La Mật.
3. Chúng ta không có sân hận: Đó là nhẫn Ba La Mật.
4. Chúng ta không có tư tưởng lười biếng: Đó là tinh tấn Ba La Mật.
5. Tâm chúng ta không động: Đó là định Ba La Mật.
6. Chúng ta không còn ngu si và đen tối: Đó là huệ Ba La Mật.

Kinh Kim Cang nói rằng Bồ Tát trụ ở vô tướng trong lúc bố thí vì thế nên phước đức mới vô lượng: đó là phước trong phước.

Ở Tây Phương Cực Lạc chúng sinh hóa sinh trên hoa sen. Không có gia đình hoặc người thân, chỉ có Pháp lữ làm quyến thuộc. A Di Đà Phật giúp chúng ta không còn sinh tử và tăng trưởng Bồ đề tâm. Quyến thuộc ở cõi Ta Bà này, dầu họ ủng hộ hoặc chống đối, tất cả chỉ là kẻ địch tập hợp. Một nhóm là cừu địch mềm mỏng của tình thương: anh yêu em, em yêu anh. Cô không cho tôi có cơ hội thoát tam giới vì thế thật là kẻ địch mềm mỏng đang cột tôi lại với sợi dây tình ái. Một nhóm là địch cứng rắn hoặc cường địch: đó là chủ nợ của chúng ta như ác hữu, ác quan, ác tặc, gồm cả ác quyến thuộc. Cường địch tạo chướng ngại đạo nghiệp và không cho phép chúng ta thực hành tịnh hạnh như ý nguyện.

Kinh A Di Đà

Khi mọi sự như ý thì nên coi nó như cơn mộng, một ảo tưởng, bọt nước hoặc ảo ảnh. Nếu mọi sự không như ý, chẳng hạn bị khinh khi hoặc phỉ báng thì nên hiểu đó là nghiệp báo từ quá khứ: lẽ ra phải bị đọa ác đồ, nay nhờ tu nên nghiệp nặng chuyển thành nhẹ. Nghĩ như vậy thấy mình rất đáng bị phỉ báng, sẽ vui lòng nhận chịu. Như thế sẽ tiêu trừ các tiền nghiệp và giúp đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy chúng ta không nên gán tội hoặc đổ lỗi cho người khác. Quả báo sẽ tự động bỏ đi. Trước khi đắc vãng sinh về cõi Tịnh độ, nếu không thể quán như thế thì vẫn có thể niệm Phật. Chỉ chuyên tâm niệm Phật, lúc ma quái đến quấy nhiễu thì không nên kinh động: nó phá ta không được sẽ tự động bỏ đi.

Vấn: Thiên cung của Di Lạc Bồ Tát thừa đủ an lạc, cũng có nhiều người tu hành thượng căn, tại sao lại khuyên chúng sinh cầu vãng sinh về cõi Cực Lạc xa xôi như thế?

Đáp: Nội viện của cõi trời Đâu Suất thù thắng hơn cõi nhân gian nhiều lắm. Nhưng so với Tây Phương Cực Lạc còn thua xa lắm. Cõi Cực Lạc có mười lợi điểm so với trời Đâu Suất có mười bất lợi.

Mười điều lợi của Cực Lạc quốc là 淨土十勝:

1. Chủ: A Di Đà Phật làm chủ.
2. Mạng sống: Vô lượng thọ.
3. Độ: Cõi Tịnh độ không có hạn chế về giới (vượt khỏi tam giới).
4. Vô dục: Không bị phiền não.
5. Không có đàn bà và trẻ con.
6. Tu hành bất thối.

Thích Vĩnh Hóa

7. Vô ô uế: hoàn cảnh thanh tịnh.
8. Rất trang nghiêm.
9. Nếu niệm hồng danh của Ngài, Ngài sẽ tiếp dẫn về Phật độ.
10. Niệm mười lần có thể vãng sinh.

Thiên cung của Di Lạc Bồ Tát có mười bất lợi 天宮十劣:

1. Độ: có hạn chế.
2. Mạng sống: ngắn hơn ở cõi Cực Lạc nhiều.
3. Bị hạn chế về giới: còn thuộc tam giới.
4. Thuộc về Dục thiên: vẫn còn tham dục.
5. Nam nữ sống lẫn lộn.
6. Không có hạnh bất thối.
7. Ô uế.
8. Không trang nghiêm như cõi Cực Lạc.
9. Thiện niệm nhiếp thọ chúng sinh, thay vì dựa vào nguyện lực của đức Phật.
10. Tu hành rất khó khăn và không miễn khổ.

Nên nhớ nếu thiếu một trong ba tư lương thì sẽ không đắc vãng sinh..

Có một người suốt đời chuyên tạo nghiệp. Lúc chết, ông ta đáng lẽ phải đọa địa ngục để chịu tội. Nhưng nhờ sự chỉ dạy của thiện tri thức, ông ta chân thành sám hối và phát nguyện vãng sanh Cực Lạc. Ông vừa thắp hương vừa niệm Phật, mặt hướng về phương Tây. Chưa niệm tới mười lần thì buộc miệng nói: Đức Phật đã đến, đem theo bảo đài. Nói vừa xong thì qua đời. Đây cũng là nhờ có phước từ đời trước nên kiếp này gặp thiện tri thức, phát tín tâm, nguyện vãng sanh và thành tâm niệm Phật mới đắc vãng sinh.

Kinh A Di Đà

Hơn nữa, Kinh Vô Lượng Thọ còn nhấn mạnh rằng phát nguyện Bồ Đề (lập bốn đại nguyện!) rất quan trọng nếu muốn đắc vãng sinh về cõi Tịnh độ.

Sau khi lập nguyện vãng sinh thì phải cần trì hồng danh của Phật. Mỗi niệm tiêu trừ đủ các loại vọng tưởng.

Vấn: Thiện sinh không niệm Phật và không cầu vãng sinh. Vậy có nghĩa là không thiện bằng và ít phước hơn không?

Đáp: Các người đó có thể đắc được sự hiểu biết cao thượng và tri kiến thù thắng nhưng có thể không liễu được sinh tử trong kiếp này. Tốt hơn hết, họ nên cầu vãng sinh về cõi Tịnh độ. Nếu không thì những đại phước của họ không thể giúp họ thoát khỏi vòng luân hồi. Trong tương lai, phước báu lớn của họ sẽ đem lại của cải, quyền lực và khả năng để mua các thú lạc, nhưng như vậy không phải rất ráo. Tổ Vĩnh Minh Thọ 永明壽祖 nói: Tu thiện không tu Tịnh độ, 9 người trong 10 người sẽ đi lạc đường 十人九錯路. Khi âm cảnh hiện tiền thì chạy theo vì bị mê hoặc. Mong quý vị chọn pháp môn tu thật kỹ lưỡng!

Vấn: Kinh nói rằng niệm Phật mười lần thì đắc vãng sinh. Tại sao cũng nói “những kẻ có ít thiện căn, phước đức không thể đắc vãng sinh vào cõi đó”?

Đáp: Bạn có thử niệm Phật mười lần trước khi chết chưa? Không phải dễ làm được đâu! Bằng chứng là bạn đã thất bại vì vẫn còn luẩn quẩn trong vòng luân hồi. Tốt hết nên chuẩn

Thích Vĩnh Hóa

bị ngay từ bây giờ: niệm Phật đi để có nhiều hy vọng đắc vãng sinh.

Vấn: Niệm Phật tạo ra rất nhiều thiện căn và phước đức. Có bằng cứ gì không?

Đáp: Tôi sẽ nêu ra hai nguồn tham khảo:

1. Đại Bi Kinh 大悲經 nói rằng niệm Phật một lần thôi là có thiện căn vô tận mà có thể giúp nhập Đại Niết Bàn.
2. Xưng Chư Phật Công Đức Kinh 稱揚諸佛功德經 nói rằng những kẻ nghe được tên của Vô Lượng Thọ Phật và có thể nhất tâm trì, tụng và niệm, phước báu họ đắc thật vô lượng. Họ sẽ vĩnh viễn lìa tam ác đồ. Lúc mạng chung, họ sẽ đắc vãng sinh về cõi Tịnh độ của Ngài.

Lời Kinh:

Này Xá-lợi-phất, nếu có hàng thiện nam thiện nữ nào nghe nói về Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu Ngài, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy khi lâm chung thấy Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Khi chết người ấy tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Này Xá-lợi-phất, ta thấy những điều lợi ấy nên mới nói như vậy. Nếu có chúng sinh nào nghe ta nói đây, phải nên phát nguyện sanh về nước kia.

Lời giảng:

Kinh A Di Đà

Này Xá-lợi-phất, nếu có hàng thiện nam thiện nữ nào nghe nói về Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu Ngài, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy khi lâm chung thấy Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt.

Phần trước khuyến khích chúng ta lập nguyện vãng sinh. Trong phần này, chúng ta được khuyên nên niệm Phật. Cũng như muốn đi đâu, chúng ta phải nhắc chân lên mà bước tới. Tu hành cũng vậy, cần phải hạ thủ công phu.

thiện nam thiện nữ: trì ngũ giới và hành thập thiện. Họ thường thân cận tăng già để hộ trợ Phật sự.

Bàn về nam nữ và sự phân biệt về giống, Tịnh Danh Kinh, Quán Chúng Sinh Phẩm 淨名經觀眾生品 kể một câu chuyện: Xá-Lợi-Phất đi theo Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ Tát đến viếng Trưởng Lão Duy Ma Cật. Xá-Lợi-Phất hỏi người Thiên nữ đang rải hoa trong phòng của Duy Ma Cật: “Tại sao không đổi ra thoát khỏi thân nữ?” Cô ta đáp: “Hai mươi năm trước, tôi hiểu rằng cầu thân tướng nữ không thể đắc, vậy có gì để có thể đổi? Cũng giống như ảo thuật gia làm hiện ra một người phụ nữ và có người hỏi cô ta tại sao không đổi thân nữ? Câu hỏi đó có lý không?” Xá-Lợi-Phất đáp: “Không! Ảo thuật không có định tướng, nên không có gì để đổi?” Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp cũng như thế, đều không có định tướng. Vậy tại sao Ngài vẫn còn hỏi tôi về việc đổi nữ thân?” Lúc ấy cô ta dùng thần thông mà biến đổi Xá-Lợi-Phất trở thành giống hệt như cô và cô trở thành giống Xá-Lợi-Phất và hỏi: “Tại sao không đổi thân phụ nữ đi?” Xá-

Thích Vĩnh Hóa

Lợi-Phất đang mang hình tướng giống như thiên nữ đáp: “Tôi không biết tại sao bỗng nhiên biến thành thân nữ!” Thiên nhân nói: “Xá-Lợi-Phất, nếu thân nữ này có thể đổi được thì tất cả các thân nữ khác đều có thể đổi được. Cũng thế Xá-Lợi-Phất không phải là phụ nữ mà lại hiện ra tướng nữ; tất cả phụ nữ cũng thế: mặc dầu có tướng phụ nữ nhưng thật ra không phải là phụ nữ. Vì vậy đức Phật mới nói là tất cả các pháp không có nam không có nữ.”

Thiện căn: Nếu có thì thường đặt chúng ta trên con đường về Bồ Đề. Bồ Đề bắt đầu cho nhân và quả. Chúng ta cũng nên tu hành những trợ Đạo Pháp như bố thí, trì giới, v.v... Phước đức là trợ duyên, giúp chúng tử thành thực.

Nhị Thừa ít có thiện căn Bồ Đề. Nhân thiên thì tạo phước hữu lậu. Những người ít phước đức, đầu tu các Ba La Mật vẫn có khuynh hướng cầu lợi lạc của cõi trời và người. Họ chưa thông đạt được vô vi và chưa đắc được vô lậu. Tóm lại, những kẻ ít thiện căn khó đắc vãng sinh.

Bàn về phước trong phước: chúng ta có thể coi đó là hồng danh của đức Phật vì có đầy đủ vạn đức. Những kẻ, dầu nam hay nữ, già hay trẻ, trong lục đạo hay bốn sinh (thai, noãn, thấp hoặc hóa sinh) mà có thể nghe được hồng danh của Phật: là đã tích tụ thiện căn từ nhiều kiếp rồi. Nếu không đủ phước thì không nghe được. Ví dụ, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài ở Thành Vệ Xá rất lâu. Thành có 900.000 người, vậy mà:

- 1/3 gặp được Phật và nghe thuyết Pháp
- 1/3 nghe Phật
- 1/3 không biết gì về Phật.

Kinh A Di Đà

Kinh Hoa Nghiêm nhấn mạnh sự quan trọng của thuyết Pháp. Kinh nói rằng nếu không ai giảng Phật Pháp, dầu có huệ nhưng vẫn không thể hiểu biết và không thể liễu khổ.

Cho nên kinh nói rằng nhân duyên vãng sinh phải gồm có cả ba tư lương của tín, nguyện và hành. Với lòng tin vào lực của nguyện và hạnh của đức Phật A Di Đà, chúng ta có thể lập nguyện vãng sinh và niệm hồng danh của Ngài. Niệm Phật liên tục thì có thể tạo ra vô thượng phước đức. Đắc được “nhất tâm bất loạn” thì sẽ đắc bất khả tư nghì phước đức!

Mục tiêu của hành là đạt được cảnh giới **nhất tâm bất loạn**. Nếu đắc được thì lúc mạng chung, sẽ được Phật và Bồ Tát chúng tiếp dẫn về Tây Phương Cực Lạc quốc. Hơn nữa, có văn huệ tức là sau khi nghe thì phát lòng tin và lập nguyện. Có tư huệ tức là có thể niệm Phật trong lúc quán tưởng Ngài, niệm này nối tiếp niệm kia không gián đoạn.

Muốn được lợi ích của pháp môn bất khả tư nghì này thì trước hết phải lập nguyện cầu vãng sinh về cõi đó.

hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm bất loạn

Người thượng căn có thể đắc niệm Phật tam muội trong một ngày. Người hạ căn có thể cần đến bảy ngày hoặc nhiều hơn mới nhập được định. Người trung căn thì ở giữa.

Các kinh khác có sự khác biệt về phương pháp và khoảng thời gian cần tu mới nhập được niệm Phật tam muội.

Kinh Vô Lượng Thọ nói cần mười ngày: người tại gia nên ăn chay và trì giới thanh tịnh. Rồi nên nhất tâm niệm Phật trong

Thích Vĩnh Hóa

mười ngày không gián đoạn, và cũng không ngủ nghỉ. Như thế thì sẽ đắc vãng sinh khi lâm chung.

Cổ Âm Thanh Vương Kinh 鼓音聲王經 cũng vậy, cần mười ngày. Nếu ai có thể thọ trì hồng danh của Phật, khiến tâm trở thành kiên cố, có thể luôn tưởng nghĩ đến niệm hồng danh của ngài suốt 10 ngày đêm không tán loạn thì chắc chắn sẽ kiến A Di Đà Phật.

Đại Tích Kinh 大集經 thì nêu ra 49 ngày: nếu có thể chuyên tâm niệm (bất cứ vị) Phật nào trong lúc ngồi hoặc đứng suốt 49 ngày, và nếu thấy Phật trong khi nhập định thì sẽ đắc vãng sinh kiếp này.

Ban Chu Tam Muội Kinh 般舟三昧經 nói cần 90 ngày: nếu có nguyện trong 90 ngày đứng hoặc ngồi (hoặc nửa đứng nửa ngồi) và nhất tâm hệ niệm 一心繫念, thì sẽ nhập định và thấy Phật.

Văn Thù Bát Nhã Kinh 文殊般若經 cũng nêu ra 90 ngày 九旬: Ngồi thẳng 90 ngày hướng phương Tây, nhất tâm niệm Phật thì có thể nhập định khi công phu đủ cao.

Nói tóm lại, công phu niệm Phật phải đủ thâm sâu (niệm cả ngày hoặc mười lần nhất tâm bất loạn) mới được Phật tiếp dẫn 得接引.

Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng Pháp Tạng Tỳ Kheo nguyện nếu ai có thể nhất tâm niệm tên Ngài, ngay chỉ cần trong một

Kinh A Di Đà

ngày và một đêm không gián đoạn, thì chắc chắn sẽ đắc vãng sinh về quốc độ của Ngài.

Đối với người tại gia thời gian eo hẹp, nếu họ có thể ngồi thẳng thấn, hướng mặt về phương Tây, niệm Phật trong mười hơi thở mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối, thì cũng đắc vãng sinh.

Pháp môn niệm Phật chỉ cần được nhất tâm, dầu chỉ là một chốc lát hay là trong thời gian lâu dài, thì sẽ đắc vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧海經 nói rằng thành tựu niệm Phật tam muội có năm nhân duyên:

1. Trì giới không phạm 持戒不犯.
2. Không khởi tà kiến 不起邪見.
3. Không nịnh bợ, không tự mãn 不生諂慢.
4. Không sân hận, không ganh tỵ 不恚不嫉.
5. Dũng mãnh và tinh tấn 勇健精進.

Niệm Phật tam muội còn được gọi là nhất tâm bất loạn.

Nhất tâm có những phương diện như sau:

- Nhất: một thôi, chỉ có một không có hai hoặc nhiều hơn.
- Chuyên tâm vào hồng danh Phật.
- Tâm không hỗn loạn hoặc tán loạn.
- Miệng và tâm đều niệm.
- Nếu không tán loạn tức là nhất tâm.

Thích Vĩnh Hóa

Bất loạn nghĩa là:

- Không có vọng tưởng.
- Nhập định.

Vấn: Niệm Phật cách nào để được nhiều lợi ích?

Đáp: Niệm một cách quyết chết.

Vấn: Quyết chết ra sao?

Đáp: Làm thì sẽ thấy. Có làm mới hiểu được. Không thể nào dễ dàng mà mô tả được.

Nhưng chúng ta cố gắng thử.

Tâm vốn là lanh lợi, có linh tính và khả năng, làm, sao phát triển quyết chết? Thay vì ôm ấp tình yêu, danh vọng, của cải, v.v... mà chỉ cần chú tâm niệm Phật. Cổ nhân nói: đến mức mà tất cả vọng tưởng đều chết hết (chết thức thứ sáu) thì lúc đó huệ mạng sinh khởi. Cũng như người ăn trộm có thể giết tâm trộm cắp thì sẽ trở thành một người đàng hoàng. Nếu tâm thật sự đã chết, ai là người niệm Phật?

Pháp môn trì hồng danh của Phật có thể chia làm hai phương diện:

- 1) Sự trì 事持: Sau nghe đến pháp môn Tịnh độ, chúng ta sinh lòng tin không một mảy may nghi ngờ. Rồi niệm một cách chuyên tâm, rõ ràng, niệm này nối tiếp niệm kia trong lúc đi đứng, nằm, ngồi không có một tư tưởng khác ngoài hồng danh của Phật. Chỉ còn lại

Kinh A Di Đà

một niệm nhưng vẫn chưa thông đạt lý đây là Sự nhất tâm.

Chúng ta có thể y như vậy mà trì hồng danh của Phật để đoạn tất cả các phiền não và diệt trừ kiến, tư hoặc. Thì có thể sinh vào hai cõi Tịnh độ đầu: Phạm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư.

Sự trì cũng có thể được phân tách theo Tứ tất đàn. Sau khi nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng, chúng ta phát lòng tin và nguyện đắc vãng sinh. Nhờ niệm Phật nên có được thiện lạc (lạc lợi). Đồng thời, chúng ta trồng chủng tử về thiện (thiện lợi) và sinh tâm chán ghét ác trược (diệt ác lợi). Cuối cùng, chúng ta nhập lý và đắc giác ngộ (nhập thâm lý lợi).

- 2) Lý trì 理持: như ở trên, chúng ta tận lực niệm Phật cho đến khi nhập Không. Lúc đó sẽ hiểu rằng ngoài tâm đang niệm Phật, không có Phật nào cả. Và ngoài Phật, không có tâm nào có thể niệm cả. Tâm và Phật là một không khác, đồng một thể. Niệm mà không niệm. Ngược lại, không niệm mà niệm, nên thông đạt lý.

Ở trình độ này, chúng ta không còn làm lẫn về nhị biên (cực đoạn của Không và Hữu). Chúng ta có thể tiếp tục niệm cho đến khi có thể thấy bản tính Phật. Sau này sẽ có thể sinh vào hai cõi Tịnh độ sau: Thật Báo Vô Ngại và Thường Tịch Quang.

Thông thường lý trì đắc được sau khi đạt sự trì.

Thích Vĩnh Hóa

Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, có thể niệm Phật với ba loại tâm:

- 1) Trục tâm 直心: Chúng ta phải giữ chánh niệm về Chân Như, không bị hồ đồ, không lọt vào hữu niệm (落有念; nếu chỗ có Phật thì không được trụ ở đó!) hoặc vào vô niệm (落無念; chỗ không có Phật thì mau bước qua!). Chúng ta không nên chấp vào hữu hoặc không: trụ ở Trung Đạo.
- 2) Thâm tâm 深心: Tức là thích tích tập thiện pháp. Tâm này không bị mê hoặc. Tu lục Ba-la-mật và vạn Pháp. Kinh nói: trong tất cả thiện, tâm đứng hàng đầu. Duy trì thiện trong tâm thì các Pháp khác sẽ đến theo.
- 3) Đại bi tâm 大悲心: Đắc định để quảng độ chúng sinh.

Pháp môn niệm Phật vừa tiêm vừa đôn.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Bát Nhã nói, đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “Nếu muốn nhập Nhất Hạnh Tam Muội 一行三昧, thì nên ở nơi vắng vẻ và xa xôi, từ bỏ tâm tán loạn, không chấp các tướng và hiện tượng, cột tâm nơi một vị Phật và chuyên tâm niệm hồng danh của Ngài. Nên ngồi thẳng và xây mặt về hướng Tây. Nếu có thể nhất tâm niệm vị Phật đó, thì ông sẽ có thể thấy được tất cả tam thế Phật.” Niệm công đức của một vị Phật không khác gì niệm công đức của tất cả các Phật: hoàn toàn giống nhau. Pháp mà A Nan Đà đã nghe được thật sự vô số. Nếu đắc được Nhất Hạnh Tam Muội thì có thể biết, phân biệt và hiểu tất cả các kinh và pháp môn. Chúng ta có thể diễn thuyết kinh pháp suốt ngày đêm. Trí huệ và biện tài thật là bất khả tư nghì.

Kinh A Di Đà

文殊般若經云：佛告文殊：欲入一行三昧者，應處空閒，捨諸亂意，不取相貌，繫心一佛，專稱名字；隨彼方所，端身正向。能於一佛，念念相續，即是念中能見過去未來現在諸佛；念一佛功德，與念無量佛功德無二。阿難所聞說法，猶住量數。若得一行三昧，諸經法門，一切分別，皆悉了知。晝夜宣說，智慧辯才，終不斷絕。

Nếu niệm Phật thì không cần phải quán. Pháp môn quán rất thâm sâu và vi tế nhưng tâm của chúng sinh lại tán loạn. Dùng tâm tán loạn để quán thì khó mà thành tựu pháp quán. Vì vậy Kinh Quán liệt niệm Phật là quán thứ mười sáu.

又但稱名號，不勞觀想。因觀法幽微，眾生心雜，雜心修觀，觀想難成。故觀經於第十六大開稱名之門。

Hơn nữa, nếu niệm Phật thì không cần phải tham thoại đầu. Chúng ta coi hồng danh của Phật như một cái phao dùng để vượt biển: không dám lỏng lơi dầu chỉ trong chốc lát. Miệng tụng, tâm thì chú ý. Mỗi chữ phát xuất từ tâm và được tụng bằng miệng. Tâm rõ ràng và sáng suốt, không mơ hồ hoặc tán loạn. Còn có hai ví dụ nữa. Thứ nhất, niệm Phật như mèo rình chuột: tinh thần hoàn toàn bén nhạy và tốc dụng đứng. Thứ hai, cũng như gà ấp trứng: đã từ bỏ tất cả các tạp niệm khác, hoàn toàn không màng đói khát. Nếu có thể niệm như vậy, mặc dầu là sự trì, không những chắc chắn sẽ đắc

Thích Vĩnh Hóa

vãng sinh mà còn sẽ giác ngộ. Cũng như Không Cốc thiền sư đã nói:” không cần phải tham ai là người niệm Phật.” Chỉ có gắng được nhất niệm thì có ngày sẽ đắc giác ngộ.”

又但稱名號，不假參究，將一句佛號，當作渡海浮囊，不敢頃刻放捨。口誦心惟，字字從心發出，從口吐出，分分明明，不昏不散。更有二喻：念佛之法當如貓捕鼠，提起全副精神，身毛皆豎。又當如雞抱卵，放下一切思想，飲啄渾忘。果能如是念佛，雖為事念，不但往生可必，而悟理亦自可期。如空谷禪師云：不必參念佛是誰，直爾純一念去，亦有悟日是也。

Lại nữa, nếu có thể vừa niệm Phật vừa tham thiền thì gọi là thiền tịnh song tu. Chúng ta không phải từ bỏ sự và lý trí mà là giống như đi thuyền về phương Tây. Chúng ta nương vào gió và chèo. Vĩnh Minh Thọ thiền sư nói: “Có Thiền có Tịnh, thì như cọp có sừng, kiếp này làm thầy của người và kiếp sau sẽ làm tổ sư.” Khi tham thiền thì không cần phải tham thoại đầu. Chúng ta chỉ cần chú tâm vào câu niệm Phật. Trong lúc niệm Phật thì cũng nên quán: ngoài tâm có thể niệm (năng), không có một vị Phật được niệm (sở); ngoài vị Phật đang được niệm (sở), không có tâm có thể niệm (năng); cả hai năng và sở đều biến mất, tướng của ngã và Phật tổng hợp. Nếu nói rằng cả hai đều Có, thì khi tâm đang niệm liả hình tuyệt tướng sẽ thấy rằng Phật được niệm không thể có được. Nếu nói là Không thì tại sao tâm năng niệm có linh tính bén nhạy không mơ hồ; và vị Phật đang được niệm luôn luôn rõ ràng sáng lạng. Cả hai Không và Hữu đều chẳng có sai biệt; tâm và Phật đồng một thể. Nếu quán được như thế một cách thuần

Kinh A Di Đà

thực thì gọi là niệm Phật. Trong bốn phương pháp niệm Phật, những phương pháp liệt kê ở sau thâm sâu hơn ở trước. Nhưng khi thành tựu lý trí thì các pháp môn trước sau đều không còn sai biệt nữa.

又持名倘能更加參究，則禪淨雙修，理事不廢，如駕西方船，既仗櫓棹之功，更益風帆之力，直赴蓮池海會，自可指日而待也。如永明壽祖曰：有禪有淨土，猶如帶角虎，現世為人師，來生作佛祖。但參究之法，不必別舉話頭，只消向一句阿彌陀佛上看到。正當念佛之時，即念反觀：能念心外，無有佛為我所念；所念佛外，無有心能念於佛；能所雙亡，心佛相即。又若言其有？則能念之心，離形絕相；所念之佛，了不可得。若言其空？則能念之心，靈靈不昧；所念之佛，歷歷分明；空有不立，心佛一體。如是參究，則持名念佛，通乎實相。雖然四種念佛，後後深於前前；而理念功成，亦可前前徹於後後也。

Khi chết người ấy tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Những người đã đắc được niệm Phật tam muội sẽ thấy Phật đến tiếp dẫn. Đây là tự lực. Nhưng Tịnh độ là pháp môn nhị lực: Tự tha đều hội đủ. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ Kheo nguyện rằng khi thành Phật, những nhân thiên của mười phương đã phát tâm Bồ Đề, tạo lập đủ loại công

Thích Vĩnh Hóa

đức và lập nguyện vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, lúc lâm chung họ sẽ thấy Phật A Di Đà và thánh chúng đem liên đài đến rước về Tịnh độ. Đó là tha lực.

Tùy theo công phu hành giả có thể sinh vào một trong bốn cõi Tịnh độ:

1. Phàm Thánh Đồng Cư: Vì chưa đoạn được ngã.
2. Phương Tiện Hữu Dư: cho Nhị Thừa.
3. Thật Báo Vô Ngại: cho các vị Bồ Tát không còn chấp vào Hữu và Không
4. Thường Tịch Quang: đã hoàn toàn đoạn tất cả các vô minh.

Có bằng chứng gì không? Sau khi chết thì thân lạnh cứng từ hai chân lên đầu. Đỉnh đầu có thể là chỗ ấm cuối cùng nếu thức thứ tám rời từ đó. Những người có thượng căn không cần phải qua Trung Âm thân: họ có thể đắc vãng sinh bằng cách hoá sinh lên đài hoa sen trong một niệm.

Phẩm vị cao thấp tùy công phu và phước đức. Phải nhớ rằng không cần quán gì cả, chỉ cần niệm Phật mà thôi!

Có một câu kệ của cổ đức cho biết người chết sẽ đi về cõi nào:

“*Phật đỉnh nhãn sinh thiên* 佛頂眼生天，
nhân tâm ngạ quỷ phúc 人心餓鬼腹，
súc sinh tại lưỡng tât 畜生在兩膝，
địa ngục cước bản xuất 地獄腳板出”。

Nếu phần ấm cuối cùng là:

- Đỉnh đầu: Sinh vào cõi Tịnh độ,

Kinh A Di Đà

- Mắt/trán: Sinh vào trời,
- Ngực: Sinh làm người,
- Bụng: Đọa ngã quỷ,
- Đầu gối: Đọa súc sinh,
- Bàn chân: Đọa địa ngục.

Vấn: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nhấn mạnh quán tưởng, vậy tại sao lại nói không cần quán?

Đáp: Kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng trả lời thắc mắc này. Kinh đó mô tả các loại pháp quán (như quán Báo Thân Phật theo kệ tán A Di Đà Phật) mà người phạm phu khó làm nổi. Quán thứ 13 tả liệt tướng 劣像 quán (tám trượng kim thân 丈六八尺之像身). Nhưng những người có nhiều nghiệp chướng vẫn khó thành tựu pháp quán này. Vì thế nên quán thứ 16 dạy pháp môn niệm Phật: rất thích hợp cho thời Mạt Pháp này vì chúng sinh có nghiệp chướng rất nặng nề, căn cơ hạ liệt.

Trong chương Hạ Phẩm Vãng Sinh của Kinh Vô Lượng Thọ 下品往生章. Ví dụ như có người ngu đần lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khuyên niệm Phật. Hắn ta rất chí thành mà niệm được 10 lần không gián đoạn. Mỗi niệm tiêu trừ 80 ức kiếp sinh tử nghiệp. Ngay khi đó liền thấy một đài sen vàng to như mặt trời hiện ra. Trong khoảng một niệm ông ta đắc vãng sinh.

Xin nhớ rằng trong thời Mạt Pháp, chúng sinh tuy độn căn nhưng vẫn có đầy đủ Phật tính. Tượng Phật và A Di Đà Phật không ở ngoài tâm. Thị tâm tác Phật 是心作佛 (tâm đó tạo

Thích Vĩnh Hóa

ra hình Phật). Thị tâm thị Phật 是心是佛 (tâm đó là Phật).
Thị tâm tác danh 是心作名 (tâm đó tạo ra tên). Thị tâm thị
danh 是心是名 (tâm đó là tên của Phật). Kinh nói rằng tất
cả các Như Lai là thân của Pháp giới. Các Ngài nhập tất cả
tâm và trí của chúng sinh. Cho nên tâm nghĩ đến Phật liền có
đủ 32 tướng hảo và 80 vẻ đẹp tùy hình. Thị tâm tác Phật 是
心作佛 (tâm đó tạo ra Phật). Thị tâm thị Phật 是心是佛
(tâm đó là Phật).

Vấn: Tại sao chúng ta nên tham thoại đầu “Ai là người niệm
Phật” như chư tổ sư dạy?

Đáp: Các Ngài dạy pháp môn này vì lòng từ bi. Đó là một
pháp môn khác có thể giúp chúng ta thức tỉnh khỏi cơn mê và
thấy A Di Đà Phật của tự tính.

Vấn: Làm sao biết rằng sự xuất hiện là Phật A Di Đà chứ
không phải là ma?

Đáp: Nếu không niệm Phật mà Phật hiện ra thì chắc chắn là
ma. Kinh Lăng Nghiêm nói: “khi tu Xa Ma Địa (chỉ) và Bi
Bà Xá Na (quán) mà ma đến thì rửa các tà kiến ra khỏi tâm”.
Vì thế khi đang tu định huệ thì tâm không chấp nhận bất cứ
một ý niệm nào nên Thiên tông có câu:

“Ma lai ma trảm 魔來魔斬,
Nghĩa là: ma đến thì chém ma,
Phật lai Phật trảm 佛來佛斬.
Nghĩa là: Phật đến thì chém Phật”.

Kinh A Di Đà

Vấn: Bảy ngày nhất tâm bất loạn: đó là niệm trong lúc còn sống?

Đáp: Phải.

Vấn: Sau đó, nếu vẫn còn bị mê hoặc nên tạo nghiệp, vậy còn có thể đắc vãng sinh không?”

Đáp: Sau đó, thì sẽ không cho phép tâm bị hồ đồ nữa. Chúng ta có thể trở nên thuần thực và nhập định. Tâm định sinh huệ nên không còn bị khốn đốn vì phiền não, khen ngợi hoặc phỉ báng, lời hoặc lỗi, thiện và ác v.v... Đó là tự nhiên mà kiến phá (nhìn thấu), phóng hạ (buông bỏ) nên không còn tạo nghiệp.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, pháp mười niệm nói rằng mỗi sáng sớm nên đánh răng súc miệng, cúng dâng hương bốn phương, chắp tay niệm Phật mười hơi, mỗi hơi niệm mười lần. Làm như thế không gián đoạn mỗi buổi sáng và tối 日
間無暇念佛, sẽ đắc vãng sinh.

Có câu:

“Mạc đãi lão lai phương học Đạo 莫待老來方學道 ,

Nghĩa là: Đừng đợi đến tuổi già mới học Đạo,

Cô phần tận thị thiếu niên nhân 孤墳儘是少年人;

Nghĩa là: Phần lớn các mộ cô đơn là của người trẻ tuổi”.

Ngay bây giờ nếu không chiu niệm Phật lại chờ lúc gần chết niệm 10 niệm nhất tâm bất loạn là việc khó trong khó không phải ai cũng có đủ phước đủ duyên để làm được

Thích Vĩnh Hóa

Vấn: Tây Phương Cực Lạc cách cõi chúng ta một ức Phật độ, làm sao mà vãng sinh về đó được?

Đáp: Thật ra chỉ xa như một niệm. Đó là thần lực của Đức Phật. Cũng như khi mặt trời mọc, khoảng không gian lớn đều sáng trong một chốc lát.

Tại sao cần có tam tư lương? Có tín không thôi thì không phải lòng tin chân thật. Lập nguyện nhưng không có lòng tin thì không phải nguyện chân thật. Tu hành thôi thì không phải tu hành chân thật. Thật ra, không cần có thứ tự đâu. Cả ba chỉ là một.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rằng lúc lâm chung mà có thể đứng mãnh niệm Phật mười lần, mỗi lần có thể tiêu trừ 80 ức kiếp sinh tử nghiệp. Nếu có thể niệm quyết liệt như thế lúc còn sống thì nghiệp tội cũng được tiêu trừ! Cũng như mặt trời có thể phá tan bóng tối, mỗi ánh sáng trí huệ của mỗi niệm có thể diệt trừ nghiệp ngu si.

Vấn: Nếu như niệm với tâm tán loạn, vẫn có thể trừ nghiệp không?

Đáp: Hồng danh của đức Phật có lực bất khả tư nghì và có thể diệt trừ nghiệp. Nhưng niệm Phật với tâm tán loạn sẽ không đắc vãng sinh. Đó là vì không đủ sức để khắc phục các nghiệp chướng đã được tích tụ từ vô thủy. Công phu niệm Phật như thế không đủ sức để phá tan các dây nợ đang cột chúng ta lại trong lục đạo.

Kinh A Di Đà

Ngược lại, quý vị còn nhớ chuyện ông lão niệm Phật một lần thôi không? Ông ta niệm với tâm tán loạn nhưng khi nhân duyên thành thực ông ta vẫn được giải thoát. Vậy thì biết chú tâm niệm sẽ còn lợi ích nhiều biết bao!

Thật ra, nếu các nghiệp cũ có hình tướng thì tất cả hư không không đủ to để chứa đựng được. Ngay cả nếu mỗi ngày niệm 100.000 lần cả trăm năm. Mỗi niệm mà có thể tiêu trừ 80 ức kiếp sinh tử nghiệp thì tất cả nghiệp được xóa chỉ bằng trái dưa và nghiệp chưa xóa như quả đất.

Nhan Hồi, vị đệ tử lớn của Không Tử có thể giữ chữ Nhân trong ba tháng một cách vẹn toàn không sơ sẩy. Ông ta là người duy nhất có thể làm được như vậy, những đệ tử khác không làm nổi. Tương tự như thế, người tu Pháp môn Tịnh độ nên có khả năng niệm Phật một chuỗi (108 hạt) mà không có vọng tưởng. Nhan Hồi chắc cũng có thể làm như thế. Biết chuyên tâm và không có vọng tưởng được gọi là thiện căn nhân duyên 一心無妄念則名善根因緣.

Này Xá-Lợi-Phất, ta thấy những điều lợi ấy nên mới nói như vậy.

Kinh Đại Niết Bàn nói rằng đức Phật đã chứng tám loại tự tại của cái ngã, cái ta:

1. Ngài có thể hiện ra ứng thân nhiều như bụi trần.
2. Ngài có thể hiện khắp cả pháp giới.
3. Đại thân của Ngài có thể bay bổng lên và đến Phật độ nhiều như cát sông Hằng.
4. Ngài có thể hiện vô lượng hình tướng của chúng sinh mà vẫn không rời chỗ.

Thích Vĩnh Hóa

5. Lục căn của Ngài đã đặc tự tại: mỗi căn có thể dùng như các căn khác.
6. Ngài đã đặc tất cả các Pháp nhưng không hề có tư tưởng đã đặc bất cứ một Pháp nào cả.
7. Ngài có thể thuyết Pháp tự tại, đạo lý được giảng vẫn còn đúng sau vô lượng kiếp.
8. Ngài có thể đến mọi nơi mà không thể thấy được vì như hư không.

Ngài có đầy đủ ngũ nhãn, nên có thể **“thấy những điều lợi ấy”**: vì có thể thấy chân tướng của Pháp một cách rất ráo.

“Điều lợi”: ám chỉ sự vắng mặt của mê hoặc: chúng ta có thể hiểu một cách rõ ràng. Nhất là chỉ cái lợi của hoành siêu tam giới, đặc vãng sinh về cõi Tịnh độ và chứng tam bất thối. Nói tóm lại: đó là cái lợi của công đức bất khả tư nghì. Đây là bàn về phương diện lý.

Về sự, lợi ích chỉ về việc lúc chết chúng ta có thể nương tựa vào lực của một cuộc đời niệm Phật (tự lực) và nguyện lực của A Di Đà Phật để đặc nhất tâm bất loạn. Đó là đại lợi ích: vì nhất tâm bất loạn nên chúng ta có thể đặc vãng sinh về cõi Cực Lạc, lia khổ, đặc lạc, và liễu sinh tử. Thật ra lúc lâm chung, rất khó mà có tự chủ: lúc đó rất hỗn loạn; tâm tính (lục thức) không còn làm việc nữa, những tập khí bốc lên từ đệ bát thức. Vì thế nên người tu Tịnh độ phải vừa tu phước và huệ và phát nguyện vãng sinh. Lúc lâm chung, tự nhiên tâm sẽ không điên đảo và mong cầu tam phước, huệ và vãng sinh. Hai yếu tố đầu là trợ duyên cho vãng sinh.

Kinh A Di Đà

Kinh Lăng Nghiêm nói rằng “thuần tưởng 純想; hoàn toàn chỉ có tư tưởng tốt và không có xấu ác thì sẽ bay (即飛): lúc chết, chắc chắn sẽ sinh lên cõi trời. Hơn nữa, nếu phi tâm (飛心) có đầy đủ tam cầu (1) phước 兼福, 2) huệ 兼慧, 3) tịnh nguyện 淨願), thì tâm sẽ khai mở (心開): có thể thấy được mười phương chư Phật cùng Phật độ và đắc vãng sinh.

Ngược lại, nếu không biết tu hành hoặc tu pháp môn sai lầm (như theo ngoại đạo và đắc tà định, tà huệ), thì chắc chắn sẽ không vãng sinh Cực Lạc được.

Những người tu Thiền (và không có tà định và huệ), dầu có được định huệ thâm sâu cũng không thể có bảo hiểm gì cả. Lúc chết, tập khí có thể khởi lên và làm cho họ gặp nhiều khó khăn hoặc bị đọa.

Ngay cả các bậc A La Hán và Bồ Tát cũng có mê hoặc. A La Hán có cái hôn mê của trụ thai 初果羅漢有住胎之昏. Bồ Tát thì có mê muội của cách ẩm (ẩm trước vừa bị diệt, trải qua trung ẩm thân và đổi thân, ẩm sau hiện tiền trên thế gian 菩薩有隔陰之迷). Cả hai đều bị mê hoặc về cuộc đời trước. Kẻ vãng sinh về cõi Tịnh độ không có vấn đề này vì có thể thành Phật trong một kiếp.

Đức Phật thấy như vậy nên khuyên chúng ta lập nguyện vãng sinh.

Đời Đường, tại Huệ Lâm 惠林 tự, Hòa Thượng Viên Trạch 圓澤和尚 và Lý Nguyên 李源 là đôi bạn thân. Ông Lý

Thích Vĩnh Hóa

không làm việc nên thường đến chùa. Bữa nọ, cả hai đều muốn đến viếng núi Nga Mi 峨嵋. Ông Lý muốn đi ngang Kinh Châu 荊州 nhưng Hòa Thượng Viên Trạch thì muốn đi ngang thung lũng, tức có nghĩa là phải đi ngang qua kinh thành. Ông Lý không còn thích thế sự nên không muốn vào kinh thành. Hòa Thượng Viên Trạch chịu theo ý bạn. Một hôm, thuyền của họ đang đi về hướng Nam thì gặp một người đàn bà đang múc nước nơi bờ sông. Khi nhìn thấy bà ta hòa thượng khóc ròng. Ông Lý ngạc nhiên hỏi tại sao. Hòa thượng Viên Trạch đáp bà này đợi tôi ba năm rồi, tôi đến quá trễ để trở thành con của bà. Bây giờ đã gặp rồi thì không thể nào đình hoãn được. Hòa thượng nói với ông Lý: ba ngày sau ông hãy tìm đến nhà bà này để thăm tôi, tôi sẽ có nụ cười để làm chứng. Ông Lý nghe xong rất buồn bã. Đêm đó hòa thượng Viên Trạch tắm rửa sạch sẽ và qua đời. Ba ngày sau Ông Lý tìm đến thăm, đưa bé nhìn ông mà cười. Rõ ràng đây là dấu hiệu hòa thượng đã thác sanh vào nhà này. Mười ba năm sau ông Lý lại có dịp đi từ Lạc dương đến Hàng Châu 杭州. Dọc đường, ngoài Tiên Thiên Trúc tự 天竺寺 ông gặp một đứa bé chăn trâu đang ngâm nga bài thơ:

“*Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn* 三生石上舊精魂;
Nghĩa là: Ba đời (đời trước, đời nay và đời sau) thề nguyện, có đá chứng kiến.

Thưởng nguyệt ngâm phong mạc yếu luận 賞月吟風莫要論.

Nghĩa là: Chúng ta thường cùng ngắm trăng, ngâm thơ. Bây giờ không còn như thế nữa

Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng 慚愧情人遠相訪;
Nghĩa là: Rất hổ thẹn rằng người bạn cũ đã phải từ xa xôi đến

Kinh A Di Đà

gặp

Thử thân tuy dị tính thường tồn 此身雖異性常存。

Nghĩa là: Thân này mặc dầu khác nhưng tính vẫn còn lại”.

Ông Lý hỏi: “Hòa thượng Viên Trạch, phải không, Thầy khỏe chứ?” Thăng bé nói: “Ông Lý, ông thật là người giữ lời! Duyên trần thế chưa dứt nên chúng ta lại có cơ hội trùng phùng. Chỉ cần thành tâm tu không lười biếng thì lại sẽ có cơ hội gặp nhau nữa.” Đứa bé lại ngâm câu thơ:

“Chớ quan ngại thân này hay thân trước.

Đời sống không lúc nào ngừng lưu chuyển, rất vội vàng.

Buồn thay khi phải nói đến nhân duyên.

Dù sao chúng ta cũng đã và đang qua sông vượt núi khắp nơi nơi. Nay muốn trở về thôn cũ 身前身後事茫茫。欲話因緣恐斷腸。吳越江山遊已遍。卻回煙棹上瞿塘”。 Nói xong thăng bé đi mất. Ông Lý trở về chùa.

Không biết hòa thượng trở lại vì lưu luyện tình bạn hay có lý do cao thượng nào khác. Nhưng tôi hy vọng rằng quý vị sẽ không bắt người thân yêu phải trở về cõi người vì còn lo lắng cho quý vị. Tốt nhất là giúp họ đắc vãng sinh về cõi Tịnh độ càng sớm càng tốt!

Thanh thiên sư 青禪師, là vị thiên sư nổi tiếng. Thầy có túc mạng thông, nhưng không vượt qua được cái ải sinh tử, khỏi cần nói đến các việc khác. Sau khi quan sát người khác tu luyện, thầy quyết định niệm Phật, mong đạt sự và lý nhất tâm bất loạn. Thầy chọn nương tựa vào Phật lực để đắc vãng sinh và không còn ý lại vào tự lực nữa. Chúng ta cũng nên theo gương vị thiên sư đầy trí huệ này. Nếu biết có thể liễu sinh tử kiếp này thì tự lực. Nếu không thì phải tìm tha lực mà

Thích Vĩnh Hóa

nương tựa.

Vấn: Phần trước nói rằng Phật là tâm, vậy tại sao phải dựa vào (lực của) A Di Đà Phật mà không dựa vào Phật tự tâm?

Đáp: Phần đó giảng về Pháp môn viên đốn. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tâm, Phật và chúng sinh không có khác biệt. Phật là (vị Phật) ở trong tâm của chúng sinh. Chúng sinh thì ở trong tâm của Phật. Cả ba vốn là một thể. Tu pháp môn này sẽ chứng được lý nhất tâm bất loạn. Tha không khác ngã, phải biết rằng tha Phật (ý nói Phật bên ngoài; 他佛) chỉ là tự Phật (自佛)). Câu hỏi chứng tỏ rằng người hỏi chưa hiểu được lý này, nên vẫn còn sự phân biệt giữa ngã và tha.

Vấn: Nghiệp của chúng sinh vô số, làm sao niệm Phật có thể tiêu diệt được nghiệp chướng và giúp đắc vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc?

Đáp: Thập Nghi luận 十疑論 nói: có ba cách để tiêu diệt ác nghiệp:

1. Tại tâm 在心: Chúng ta tạo nghiệp với tâm ác và giả, khi chúng ta niệm Phật với chân tâm thì chân có thể trừ xuất giả.
2. Tại cảnh 在境: Chúng ta tạo nghiệp và chấp cảnh giới điên đảo, niệm Phật dựa trên công đức (của Phật) thù thắng và huyền diệu nên thượng khắc chế liệt.
3. Tại tịnh 在淨: Chúng ta tạo nghiệp với tâm bất tịnh, khi niệm Phật với tâm thanh tịnh thì tẩy sạch bất tịnh.

Kinh A Di Đà

Pháp môn niệm Phật vô thượng: Chúng ta chỉ cần niệm Phật, với trực tâm, không cần suy nghĩ hoặc quán gì cả. Cách tu này không phải hý luận 戲論 vì hý luận không thuận lý và không có ý nghĩa chân thật. Tu như vậy thì có thể đoạn tận tất cả ý kiến (vọng tưởng) 斬盡一切意見.

Những bậc tu hành thượng căn đều tán thán pháp môn Tịnh độ và khuyên mọi người nên tu niệm Phật. Thí dụ như chư vị đại sư :

Mã Minh 馬鳴 (Ngựa hét): Ngài vốn giòng Ba la Môn. Ngài đã từng làm vua cả 500 kiếp. Sau thì xuất gia và đắc Pháp dưới trướng của Ngài Phú Na Dạ Xa 富那夜奢. Nhà vua rất nể phục. Nhân vì muốn thức tỉnh dân chúng trong nước ra khỏi mê muội thường tình nên ra lệnh bỏ đói bảy con ngựa trong suốt sáu ngày. Đến ngày thứ sáu, vua triệu sa môn và các học giả trong và ngoài nước đến nghe ngài Mã Minh giảng Pháp. Vua cột ngựa trước đại chúng và bày cỗ rơm trước mắt đám ngựa ấy. Khi ngài Mã Minh cất tiếng nói Pháp, bảy ngựa lắng nghe, roi lệ mà không chịu ăn, chứng tỏ rằng chúng nó hiểu được lời giảng của sư. Chắc vị sư này không phải người thường. Cho nên sau mới được đặt tên Mã Minh. Ngài truyền bá Phật Tâm Ấn tông và được công nhận làm vị tổ sư thứ 12. Ngài soạn Đại Thừa Khởi Tín Luận 大乘起信論, nói rằng nếu tưởng niệm Tây Phương Tịnh độ và A Di Đà Phật rồi hồi hướng tất cả công đức tu hành về Cực lạc thì sẽ vãng sinh về đó, thường được thấy Phật và không còn thối chuyển. Nếu chúng ta quán Pháp Thân của Phật A Di Đà và thường tinh tấn tu hành, thì chắc chắn sẽ đắc

Thích Vĩnh Hóa

vãng sinh về cõi Cực lạc do vì tâm thường trụ trong chánh định.

Long Thọ 龍樹 (Rồng cây) Bồ Tát: Lúc trước là thần cây. Trên cây có 500 con rồng nghe Pháp. Sau này, Ngài gặp Ngài Ca Bi Ma La 迦毘摩羅 và được truyền tâm ấn. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng có vị Tỳ Kheo tên là Long Thọ đã đắc Sơ Địa (Hoan Hỷ Địa). Và đã vãng sinh về cõi Cực Lạc rồi.

Trí giả 智者 đại sư: Mẹ Ngài mơ thấy hương ngũ sắc. Khi sinh Ngài thì ánh sáng chói lòa trong phòng. Lúc bảy tuổi, Ngài được dạy phẩm Phổ Môn một lần và đã có thể thuộc lòng. Sau đó, Ngài nguyện xuất gia để truyền bá Phật Pháp. Ngài gặp Huệ Tư thiền sư thì được biết là cả hai đã từng nghe kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu. Một bữa nọ, Ngài tụng Kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bồ Tát: “đây là chân tinh tấn, đây là chân Pháp thí”, bỗng nhiên nhập Pháp Hoa tam muội và đắc trí huệ vô ngại. Sau này Ngài ở tại núi Thiên Thai để truyền bá tông đó. Cuối đời Ngài niệm Phật mà nhập Diệt.

Vĩnh Minh Thọ thiền sư (“Luôn luôn sáng”; Ngài còn được gọi là Diên Thọ: làm dài mạng sống) vốn là vị quan. Lúc làm quan Ngài thường lấy tiền kho để làm việc phóng sanh. Ngài rất thích phóng sinh. Việc bị phát giác, nhà vua truyền lệnh xử tử. Khi đem ra pháp trường ngài chẳng hề tỏ vẻ sợ sệt, lại còn nói: “Tôi đã cứu vô lượng chúng sinh; bây giờ có chết thì cũng không có gì nuối tiếc”. Khi đao phủ hạ đao tới cổ ngài, đao tự bể ra thành ba mảnh. Nhà vua nghe kể liền xá tội cho Ngài. Sau đó Ngài xuất gia, nghiên cứu Thiên Thai tông và chuyên truyền bá Tịnh độ. Ngài nhập Diệt lúc 72

Kinh A Di Đà

tuổi. Có một vị sư lớn tuổi bệnh nặng nằm mơ thấy Diêm Vương lay hình tượng của một vị Tăng. Ông hỏi: lay ai thế? Diêm vương đáp: Tôi lay ngài Vĩnh Minh Thọ vì Ngài đã vãng sinh vào thượng thượng phẩm. Tôi rất tôn sùng công đức của Ngài.

Theo Đại Bản Tam Bối 大本三輩 vãng sinh có ba phẩm chính:

1. Thượng bối 上輩: Họ đã phát Bồ Đề tâm, lập các loại công đức, nguyện vãng sinh, chuyên niệm Phật. Lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các Bồ Tát đến tiếp dẫn về Tịnh độ. Họ hóa sinh trên đài sen vàng, đặc bất thối, có trí huệ sâu xa, có thần thông quảng đại và đại tự tại. Họ trú ở trong lầu các làm bằng thất bảo trên không trung. Họ thường thân cận đức Phật. Họ thành tựu sự và lý trì 此雙明事理二念者，方得生此.
2. Trung bối 中輩: Họ không thể tu đại công đức nhưng đã phát tâm Bồ Đề. Họ được vãng sinh với trí huệ thấp hơn. Họ thành tựu sự trì, chưa thành tựu lý trì 此事念有餘，理念不足者生此.
3. Hạ bối 下輩: Họ không tạo công đức nhưng phát tâm Bồ Đề. Họ chuyên niệm mười niệm. Lầu các của họ ở trên mặt đất. 此僅得事念，未諳理念者生此.

Một lần nữa, chúng ta nên xét lại những **điều lợi** của pháp môn Tịnh độ mà Phật **thấy** với Phật Nhân. A La Hán bị mê muội lúc ra đời 初果昧於出胎 và Bồ Tát mê muội trong thai 菩薩昏于隔陰, pháp môn Tịnh độ cho phép hoành

Thích Vĩnh Hóa

xuất ngũ ác trược và tức tốc đắc bất thối. Người thành tựu pháp môn Tịnh độ, khi chết tâm không điên đảo, chánh niệm hiện tiền, thấy Phật tiếp dẫn vãng sanh: cuộc sống của họ đầy ý nghĩa và được lợi ích vô lượng. Chúng sinh có thể đời nghiệp vãng sinh. Rất tiếc họ chưa hiểu rằng nghiệp vốn không có thật tính. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng chúng ta có thể đốn ngộ lý nhưng về sự phải tiệm tu sự.

Nếu có chúng sinh nào nghe ta nói đây, phải nên phát nguyện vãng sinh về nước kia.

Những ai có thật lòng tin đức Phật thì nên lập tức phát nguyện vãng sinh.

Tiếp theo chúng ta bắt đầu phần chứng của kinh.

Chỉ có Phật mới có thể hiểu được công đức bất khả tư nghĩ của Kinh nên mới không thỉnh mà thuyết. Lục phương chư Phật đều công nhận như thế.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, như ta hôm nay ngợi khen lợi ích về công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Ở phương Đông cũng có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang, Phật Diệu Âm. Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các người phải nên tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Kinh A Di Đà

Này Xá-Lợi-Phất, như ta hôm nay ngợi khen lợi ích về công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà.

không thể nghĩ bàn (công đức của A Di Đà Phật) có năm nghĩa:

1. Hoàn xuất tam giới: Không cần phải đợi cho đến lúc các hoặc bị diệt mới ra khỏi tam giới.
2. Tây Phương Cực Lạc có bốn loại Tịnh độ: Tất cả chúng sinh có thể tức tức đắc bất thối và không cần phải dần dà chứng. Chúng ta có thể thành Phật trong một kiếp.
3. Chúng ta chỉ cần niệm Phật: Không cần thiền, quán hoặc tu các phương tiện pháp môn khác.
4. Một cho đến bảy ngày: Không cần phải trải qua nhiều kiếp, nhiều mạng sống, nhiều năm tháng tu hành.
5. Niệm A Di Đà Phật tức là cùng một lúc niệm tất cả Phật tùy công đức và tâm nguyện cứu độ chúng sinh của các ngài đều như nhau. A Di Đà Phật cũng như Thích Ca Mâu Ni Phật đều dùng đủ mọi phương tiện để độ thoát chúng sanh.

Kinh này được chư Phật công nhận là hàm chứa pháp môn Tịnh độ. Kinh nêu ra danh sách của chư Phật sáu phương, từ nơi quốc độ của mình đồng tán thán kinh này. Cho nên chúng ta không nên hoài nghi mà phải phát lòng tin thâm sâu đối với pháp môn Tịnh độ.

Trước tiên, nêu ra phương Đông vì đó là điểm bắt đầu của sức sống hàm nghĩa thủ lãnh của động 群動之首, tượng trưng cho mùa xuân, lúc mà vạn vật được sinh.

Thích Vĩnh Hóa

Chư Phật có vô lượng công đức nên có vô lượng tên. Tên là tên giả nhưng công đức có thật. Tên có thể tùy căn cơ mà lập 隨機而立. Hoặc có thể dựa trên nhân hạnh 因行, hoặc quả đức 果德, hoặc tính, hoặc tướng, hoặc từ nguyện hoặc hạnh.

Lục phương tượng trưng cho thập phương.

Ở phương Đông cũng có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang, Phật Diệu Âm.

A Súc Bệ nghĩa là “bất động và thường trú Pháp Thân”: Pháp thân của Ngài không động và luôn luôn trụ. Bất động nghĩa là không bị động bởi bát phong. Bát phong là tám thứ gió mà người thế tục thích hoặc ghét nên dễ làm tâm họ động. Tám gió là:

1. Lợi 利: Đại đa số đều cầu lợi, cầu được, cầu đắc.
2. Suy 衰: Phần lớn không chịu nổi sự tiêu hao, suy sụp đưng nổi sự lỗ lã.
3. Hủy 毀: Đây là vì ghét người khác nên thù dệt lời để làm họ mất uy tín hoặc hãm hại họ.
4. Dự 譽: Khi thích ai thì dùng ngôn ngữ tán thán hành động, nhất là ở sau lưng họ.
5. Xung 稱: Vì muốn đề cao hoặc tiến cử người khác, chúng ta công khai khen ngợi.

Kinh A Di Đà

6. Cơ 譏: Vì ghét người khác nên dầu không có bằng chứng chúng ta bịa đặt chuyện để tố cáo họ với công chúng.
7. Khổ 苦: Có hàm nghĩa bức bách. Chúng ta gặp ác duyên và ác cảnh và cảm thấy bị bức bách.
8. Lạc 樂: Tâm và thân cảm thấy sung sướng, thích thú vì gặp hoàn cảnh thuận lợi.

Có câu:

“*Thân thể cập thủ túc* 身體及手足，

Nghĩa là: thân thể và tay chân

Tịch nhiên an bất động 寂然安不動，

Nghĩa là: không động đậy, tự nhiên.

Bát phong thổi bất động 八風吹不動

Nghĩa là: tám gió thổi nhưng không động”.

Vị Phật này không bị động bởi tam ác thú. Ngài lúc nào cũng nhập định và bất động. Đây là Dược Sư Phật.

Phật Tu Di Tướng: Tu Di nghĩa là “diệu cao”.

“Diệu” vì được bốn báu tạo thành: vàng, ngân, lưu ly và pha lê. Thân Phật đầy đủ phước trí trang nghiêm, tướng hảo, hào quang sáng ngời.

“Cao” vì không có núi nào cao hơn nữa. Tướng của Ngài ví như núi Tu Di, tượng trưng chín cảnh giới (Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, Trời, Người, A Tu La, Súc Sinh, Ngạ Quỷ và

Thích Vĩnh Hóa

Địa Ngục) đều ngưỡng mộ Ngài vì phước huệ của Ngài toàn vẹn.

Phật Đại Tu Di: Núi Tu Di là vua của núi. Bề cao 84.000 do tuần 由旬 và là dãy núi cao nhất trong “thiên hạ”: dưới trời. Cũng như vậy, đức của vị Phật này vô thượng và Ngài được tôn sùng nhất trong Pháp Giới. Hoặc cũng có thể nói rằng vị Phật này là đại Pháp vương được tôn sùng nhất trong chín cảnh giới.

Phật Tu Di Quang: Núi Tu Di do bốn bảo tạo thành nên rất chói sáng. Vạn đức của vị Phật này vẹn toàn và ánh sáng của đức chiếu khắp tất cả. Ngài đã chuyển tám thức thành bốn huệ và đang phổ chiếu tất cả chúng sinh.

Phật Diệu Âm: Giọng nói của Ngài hoàn hảo và vi diệu, hay hơn tất cả âm thanh của mọi chúng sinh. Một âm thanh của Ngài có đủ các âm thanh của tất cả chúng sinh. Tịnh Danh Kinh 淨名經 nói rằng đức Phật cùng một âm thanh thuyết Pháp, chúng sinh mỗi loài đều đắc sự hiểu biết 佛以一音演說法，眾生隨類各得解. Hơn nữa, với cùng một âm thanh, mỗi loài hiểu khác nhau: thượng căn đắc đại trí thức (họ nghe là Pháp Đại Thừa), hạ căn thì được tri kiến nhỏ (nghe là Pháp Tiểu Thừa). Mỗi người đắc sự hiểu biết, tự tại và thành tựu khác nhau.

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy:

Kinh A Di Đà

Chư Phật trong phương Đông, nhiều như cát sông Hằng đều tán thán Kinh này.

Sa tượng trưng cho vô số.

Hằng đại biểu cho rất nhiều: Vì có rất nhiều cát. Đa số người Ấn Độ coi nước sông Hằng là nước phước. Họ thường xuống sông tắm rửa vì tin rằng nước có thể tiêu trừ nghiệp. Một số người tin rằng bỏ xác người chết vào sông sẽ giúp họ thăng thiên. Tuy sông Hằng theo thời gian bị biến đổi rất nhiều nhưng danh từ hằng hà sa vẫn còn được dùng, ám chỉ nhiều vô số kể không thể nào tính đếm được. Chư Phật thường đến sông để thuyết Pháp. Sông là nơi nương tựa của nhiều người.

lưỡi rộng dài nghĩa là:

1. Nói sự thật.
2. Thâm nhập khắp tất cả.

Nếu có thể giữ giới không vọng ngữ thật thanh tịnh trong ba kiếp thì lưỡi sẽ dài tới mũi. Chư Phật giữ tịnh hạnh cả ba a tăng kỳ kiếp. Không gì lạ nếu lưỡi các Ngài to và dài như thế. Đó cũng là một tướng hảo của Phật. “Rộng” chỉ bề ngang và “dài” chỉ bề dọc. Lưỡi các Ngài mềm, dẻo, đỏ và rộng.

trùm khắp: nghĩa là bao quanh 遍 và che 覆.

tam thiên đại thiên thế giới chỉ một Phật độ.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Lìa Thế Giới 離世間品 nói rằng Bồ Tát có mười loại lưỡi:

Thích Vĩnh Hóa

1. Có thể phân biệt, thuyết giảng tất cả loài chúng sinh không tận cùng 分別解說一切眾生無盡舌.
2. Có thể thuyết giảng vô tận pháp môn.
3. Có thể tán thán vô tận công đức của chư Phật.
4. Có vô lượng biện tài khi thuyết Pháp.
5. Có thể thuyết giảng vô lượng pháp môn Đại Thừa.
6. Có thể trùm khắp hư không của mười phương.
7. Có thể phổ chiếu khắp các Phật độ.
8. Có thể xưng dương tất cả các chúng sinh mà không thiên vị.
9. Có thể tùy thuận với chư Phật làm cho các Ngài hoan hỉ.
10. Có thể điều phục tất cả tà ma ngoại đạo, liễu sinh tử, và giúp đạt Niết Bàn.

Bồ Tát mà thành tựu mười Pháp trên thì sẽ đắc lưỡi vô thượng của Phật, lưỡi này có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Vì thế, lưỡi rộng dài có được là nhờ sự tu hành. Giáo lý và pháp môn Đại Thừa cần lưỡi rộng dài mới tuyên nói và khen ngợi được.

nói lời thành thật như vậy

Không nên có lòng nghi! Đức Phật chỉ nói lời chân thật. Cổ nhân nói:

“*Văn hữu tường lược* 文有詳略,

Nghĩa là: Văn chương có chi tiết hoặc đại cương

Nghĩa vô tăng giảm 義無增減.

Nghĩa là: (Chân) lý thì không thêm cũng không bớt.”

Kinh A Di Đà

Chúng sanh các người phải nên tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

"Chúng sanh các người": Phương Đông có vô lượng thế giới. Nêu ra để nói rằng:

1. Mười phương chư Phật nói với dân chúng nơi quốc độ của mỗi ngài.
2. Phật Thích Ca nói với chúng ta: Ngài trích dẫn lời giáo huấn của các chư Phật. Các Ngài đều chứng nhận rằng Tây Phương Cực Lạc thật sự có để cho những kẻ có mặt trong đại chúng phát tâm tin tưởng và cung kính.

Chư Phật **hộ niệm** những người tụng kinh này:

1. Họ được chư Phật bảo vệ.
 - a. Nên được bình an và vững chắc.
 - b. Và không có chướng ngại.
2. Tất cả đều được chư Phật tưởng niệm.
 - a. Nên tinh tấn hơn.
 - b. Và không thối lui hoặc đọa

Không phải chỉ riêng Phật A Di Đà mới hộ niệm mà tất cả mười phương Phật đều hộ niệm.

Vấn: Các vị Phật khác không giảng kinh này, tại sao họ phải hộ niệm kẻ tụng kinh này?

Đáp: Lời của vua là lệnh. Lời của đức Phật thành kinh. Chư Phật mười phương đều tán thán Tây Phương Cực Lạc. Phật Thích Ca thuyết Kinh A Di Đà. Chư Phật mười phương cũng thuyết kinh này. Các Ngài đều hộ niệm pháp môn vô thượng này vì có thể cứu độ vô số chúng sinh.

Thích Vĩnh Hóa

Vấn: Tại sao không thỉnh chư Phật khác đến đại hội Tịnh độ này?

Đáp: Chư Phật có cảnh giới khác. Họ không đến mà đến. Pháp Thân khắp Pháp Giới, họ không cần đi hoặc đến đâu cả!

Lời Kinh:

Này Xá-lợi-phất, ở thế giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn. Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Này Xá-lợi-phất, ở thế giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn.

Kinh kể các phương Phật độ theo chiều kim đồng hồ: từ Đông đến Nam, rồi Tây, Bắc ... tất cả mọi nơi chư Phật đều tán thán và hộ niệm kinh này.

Phương Nam cũng có vô số Phật ở vô số Phật độ, không một vị nào không tán thán pháp môn Tịnh độ. Kinh nêu ra năm vị.

Kinh A Di Đà

Phật Nhật Nguyệt Đăng: hồng danh Nhật Nguyệt Đăng có nghĩa là đầy đủ tam huệ (Chân, Tục và Trung). Ánh sáng của thân tướng và trí huệ của Ngài soi chiếu cả trong lẫn ngoài. Mặt trời soi sáng ban ngày và trì dưỡng vạn vật, tượng trưng Tục Huệ của đức Phật có thể soi sáng mọi sự và thành tựu chúng sinh. Mặt trăng chiếu rọi ban đêm và xóa tan si ám, tượng trưng Chân Huệ của Phật có thể dùng chân lý, tiêu trừ vô minh. **Đăng:** Đèn có thể chiếu sáng cả ngày và đêm, tùy ý thọ dụng 隨意受用, tượng trưng Trung Huệ.

Phật Danh Văn Quang 名聞光佛: Tên của Ngài hàm chứa vạn đức và nổi tiếng khắp Pháp Giới. Danh văn 名聞 chỉ danh tiếng của Ngài, được lan truyền đi mọi nơi. Quang 光 chỉ ánh sáng của Ngài soi sáng trong và ngoài: từ quang chiếu khắp nơi giúp đỡ và bảo vệ tất cả các chúng sinh. Ánh sáng và tên Ngài phổ chiếu tứ Tịnh độ. Những chúng sinh nào nghe danh của Ngài hoặc gặp được ánh sáng sẽ đắc giác ngộ.

Phật Đại Diệm Kiên: phát quang từ hai vai. Tên Phật hàm nghĩa có hai huệ Quyền và Thật. Hai huệ này phát ra ánh sáng, nên gọi là “đại diệm”. “Kiên” nghĩa là vai, hàm ý có thể gánh vác nặng nhọc. Vị Phật này dùng ánh sáng rực rỡ của hai trí huệ để đốt cháy tất cả củi phiền não của chúng sinh.

Phật Tu Di Đăng: Ánh sáng từ thân của Ngài như ngọn đèn sáng có thể phá tan bóng tối. Tên Ngài dựa trên tứ huệ vì núi Tu Di được tứ bảo hợp thành; mỗi bảo có ánh sáng chiếu như ngọn đèn. Ý nghĩa: Phật đã biến tám thức thành tứ huệ .Thức

Thích Vĩnh Hóa

thứ sáu chuyển thành Diệu Quan Sát Huệ, thứ bảy thành Bình Đăng Tính Huệ, năm thứ đầu tiên thành Thành Sở Tác Huệ và thứ tám thành Đại Viên Kính Huệ. Thứ sáu và thứ bảy được chuyển hóa trước tiên vì là nhân 因中先轉 các thứ còn lại theo đó mà chuyển sau thuộc về quả 果上方圓. Ánh sáng trí tuệ của Ngài có thể phá tan ba hoặc: kiến hoặc, tư hoặc và vô minh 見思、塵沙、無明.

Phật Vô Lượng Tinh Tấn: Chọn tên theo hạnh. “Vô lượng” nghĩa là ngài trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu lục Ba La Mật. Thời gian và hạnh đều vô lượng. Lúc còn trên nhân địa, Ngài luôn luôn tinh tấn, vô úy và không bao giờ thối lùi.

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các người phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Một lần nữa, mười phương chư Phật chứng nhận pháp môn Tịnh độ.

Nay đã nghe đến pháp môn này thì không nên lãng phí cơ hội, hãy nỗ lực tu hành.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng,

Kinh A Di Đà

Phật Tịnh Quang. Giống như vậy hàng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang.

Phương Tây cũng có vô số Phật ở vô số Phật độ, không một vị nào không tán thán pháp môn Tịnh độ. Kinh nêu ra bảy vị.

Phật Vô Lượng Thọ: là A Di Đà Phật. Ngài cũng tán thán Phật Thích Ca đã thuyết Kinh này. Các vị Phật có cùng vô lượng công đức thì có thể cùng một danh hiệu (tổng danh).

Vấn: Ngay cả Nho gia còn tránh sự tự khen. Tại sao A Di Đà Phật lại khen Tịnh độ là bất khả tư nghĩ?

Đáp: Không phải chỉ có A Di Đà Phật mà tất cả chư Phật đều tán thán pháp môn Tịnh độ. Nếu như A Di Đà Phật tự khen đi nữa, có gì không tốt nếu làm như thế tạo ra sự tin tưởng cho chúng sinh và khiến họ cầu vãng sinh? Hơn nữa, không như phàm phu, đức Phật nói sự thật và không cần tự quảng cáo.

Thích Vĩnh Hóa

Phật Vô Lượng Tướng: có vô lượng tướng. Tên của Ngài dựa trên tướng: Ngài có vô lượng tướng hảo. Ứng thân thì có 32 tướng hảo và Báo Thân thì có vô lượng tướng hảo. Mỗi vị Phật đều có tam thân, mỗi thân có vô lượng tướng.

Phật Vô Lượng Tràng: được trang nghiêm bằng vô lượng bảo tràng (cờ). Thân và công đức của Ngài vút cao và trang nghiêm như cờ. Tên đặt từ Pháp. “Tràng” hàm ý mở đạo tràng thuyết pháp để phá tà hiển chánh 摧邪顯正義. Vị Phật này thiết lập ra vô lượng Pháp có tác dụng như tràng để hủy hoại tà và thành lập Chánh Pháp. Chúng sinh có đủ loại căn cơ nên Ngài phải thuyết vô lượng Pháp để cứu độ họ. Nguồn gốc của hồng danh Ngài như thế.

Phật Đại Quang: Tên Ngài dựa trên trí 智. Cũng có thể nói là dựa trên tướng 相. Ánh sáng của thân và trí huệ của Ngài soi sáng tất cả. Tịnh quang thông đạt đến khắp nơi; dầu tịch nhưng vẫn chiếu khắp hư không; đó thuộc ánh sáng trí huệ. Thân quang thì luôn soi sáng, soi rất xa và chiếu sáng đặc biệt; Kinh Pháp Hoa nêu ra một ví dụ như thế về ánh sáng của lông trắng có thể chiếu sáng 18.000 ức Phật độ phía Đông. Như Phật Thích Ca trước khi thuyết Pháp, đôi khi cũng phát quang. Hào quang của đại trí huệ (Nhất Thiết Chúng Trí一切種智) của vị Phật này có thể chiếu khắp Pháp Giới để độ chúng sinh.

Phật Đại Minh: Tên dựa trên huệ. Ngài đã đắc tam minh (thiên minh, túc mạng minh và lậu tận minh) và phá tan tối tăm của ngũ trụ và phiền não. Tam minh khiến không có gì mà không biết: cho nên Phật thường được gọi là Chánh Biến

Kinh A Di Đà

Tri 正遍知 (hiểu biết chơn chánh và khắp nơi). Ánh sáng có thể diệt trừ sự tối tăm của ba loại mê muội.

Phật Bảo Tướng: Hồng danh dựa trên tướng. “Bảo” có nghĩa là tôn quý. Các tướng của đức Phật rất nhiều, trang nghiêm, vi diệu và thù thắng, khiến chúng sinh sinh lòng tôn quý. Hơn nữa, toàn thân như vàng hảo hạng. Tất cả các tướng của ngài đều là bảo tướng. Cả hai loại nội và ngoại tướng đều được tôn quý.

Phật Tịnh Quang: có ánh sáng cực kỳ thanh tịnh. Tên dựa trên huệ. “Tịnh” nghĩa là không ô uế. “Quang” chỉ về thân và huệ quang. Cả hai đều phát quang do cực thanh tịnh. Tất cả các phiền não và bất tịnh đều được tiêu trừ. Ánh sáng trí huệ viên mãn, và bình đẳng chiếu khắp, không phân biệt ô uế và thanh tịnh: không có gì mà không được chiếu đến. Ánh sáng trí huệ của Ngài có thể làm thanh tịnh các phiền não nhiễm ô.

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các người phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Mười phương chư Phật chứng nhận pháp môn Tịnh độ.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Bắc có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trử, Phật Nhật

Thích Vĩnh Hóa

Sanh, Phật Võng Minh. Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Bắc có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhật Sanh, Phật Võng Minh.

Phật Diệm Kiên: Ngài dùng hai trí huệ (Tục và Chân) để gánh vác cho chúng sinh. Đã được giảng ở phần trước.

Phật Tối Thắng Âm: Âm thanh của Ngài không thể bị lấn át, rất thù thắng và huyền diệu, hơn tất cả âm thanh khác. Âm thanh này có bất khả tư nghì lực trong chín cảnh giới. Tam nghiệp của đức Phật tối thù thắng, đây chỉ nói về khẩu nghiệp. Khi Ngài thuyết Pháp, mỗi mỗi âm thanh đều viên mãn khiến cho tất cả chúng sinh đủ mọi loài thấu hiểu. Đây thật là điều khó nghĩ bàn, ngụ ý tự tại viên mãn.

Phật Nan Trở: Giáo lý của Ngài dạy không ai có thể xuyên tạc được. Ngài đã chứng đắc chân lý rốt ráo và kiên cố. Khi hoàn toàn tiêu trừ tất cả các lậu hoặc, thực chứng chân lý một cách viên mãn thì không gì có thể làm thương tổn được. Pháp thân của Ngài thường trụ và không thể bị hủy hoại. Tất cả các tà ma ngoại đạo không thể cản trở hoặc tạo chướng ngại.

Kinh A Di Đà

Phật Nhật Sanh: ngài xuất thế và dùng ánh sáng trí huệ, sáng như mặt trời, để trục xuất tất cả các vô minh và tối tăm của chúng sinh. Ngài cũng dùng trí huệ như mặt trời để truyền bá Phật Pháp khắp nơi. Hoặc có thể nói rằng Ngài dùng trí huệ như mặt trời để tạo thiện pháp nơi chúng sinh. Như mặt trời mọc xóa tan màn đêm tăm tối, Phật Nhật Sanh xuất thế tiêu trừ mê chướng cho những người bị ràng buộc bởi vô minh do phân biệt ngã và tha. Ngài như mặt trời làm đẹp không trung: mê hoặc của chúng sinh bị soi đốt và tan biến .

Phật Vông Minh: Ngài bủa giăng lưới giáo lý để kéo chúng sinh ra khỏi sông mê . Các Pháp môn vô lượng như lỗ lưới. Mỗi lưới giáo lý đều do Phật huệ thành tựu, sáng rỡ tương thông với nhau, có công năng phá trừ ngu si đen tối của chúng sanh bằng cách khai tâm mở trí cho họ.

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Mười phương chư Phật chứng nhận pháp môn Tịnh độ.

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, thế giới phương Dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp. Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin

Thích Vĩnh Hóa

vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn, và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, thế giới phương Dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp.

Phương dưới cũng có vô số thế giới và Phật tán thán pháp môn Tịnh độ viên đốn. Thủy luân của vùng này nâng đỡ các châu mà chúng sinh sinh sống. Thủy luân dựa vào kim luân. Dưới kim luân có phong luân. Phong luân và kim luân cọ xát nhau và tạo hỏa luân ở giữa. Thế giới này được đỡ dựng bằng phong luân. Dưới phong luân có không luân. Thế giới này có tam giới. Có vô lượng tầng lớp thế giới như thế.

Phật Sư Tử: Sư tử là vua loài thú. Với tiếng hồng, nó có thể làm kinh hãi hàng trăm loài thú. Cũng như thế, đức Phật là Pháp Vương. Khi Ngài thuyết Pháp, tất cả các ma quái và ngoại đạo đều khiếp sợ mất tâm thần. Pháp Vương thuyết Pháp rất tự tại. Thiên ma và ngoại đạo mà nghe được, không ai không bị khuất phục và đều phát tín tâm. Đức Phật thuyết pháp tự tại như sư tử trong rừng, là chúa tể sơn lâm khiến muôn loài đều tuân phục.

Phật Danh Văn: rất nổi tiếng khắp Pháp Giới. Tên của Ngài có thể chấn động mười phương. Có giảng ở phân trước rồi.

Phật Danh Quang: Huệ quang của Ngài rất nổi tiếng. Ánh sáng trí huệ của Ngài như mặt trời: có thể soi sáng cả thiên hạ (dưới cõi trời), xua đuổi bóng đêm, trường dưỡng vạn vật

Kinh A Di Đà

làm lợi ích cho chúng sinh. Những kẻ nghe được hồng danh của Ngài hoặc gặp được ánh sáng sẽ giác ngộ.

Phật Đạt Ma: Đạt Ma ngụ ý “con đường”, để xe cộ có thể qua lại người người đều tiện dùng. Phật Pháp như con đường dẫn dắt chúng sinh đến mục đích. Hạnh của đức Phật có thể làm gương cho chúng ta noi theo. Đặc biệt là Ngài dạy tam vô lậu học để chúng sinh có thể noi theo tu hành đáo bỉ ngạn (bờ bên kia). Ngài dùng Phật Pháp làm thân để chở pháp vô lậu cũng như hữu lậu giúp cho chúng sanh được lợi lạc nếu biết nương tựa vào đây .

Phật Pháp Tràng: Tràng có ý nghĩa cao và rõ ràng. Khi Phật thuyết Pháp, điều răn dạy của Ngài siêu vượt tất cả các pháp khác, vì rõ ràng, chánh đại và rốt ráo. Phật Pháp (Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, lục Ba La Mật, v.v...) rất thù thắng và nổi tiếng như tràng phan phát phới trên cao. Người theo Tam Thừa, thiên, rồng và bát bộ, nhân và phi-nhân v.v... đều tôn ngưỡng Ngài.

Phật Trì Pháp: Ngài chuyên trì Phật Pháp. Ngài duy trì Pháp Tiểu Thừa, Đại Thừa, đốn, mật để dạy chúng sinh tùy theo căn cơ của họ. Nhất là ngài trì các Phật Pháp đời trước để truyền đến đời sau.

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các ngươi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn, và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Mười phương chư Phật chứng nhận pháp môn Tịnh độ.

Thích Vĩnh Hóa

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Trên có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn. Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn, và "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, ở thế giới phương Trên có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Tu Di Sơn.

Phương trên cũng có nhiều tầng lớp thế giới như được miêu tả ở phần phương dưới. Trên lục thiên của cõi Dục giới này, có 18 cõi trời của tứ thiên. Trên cõi tứ thiên, có bốn cõi trời không. Trên cõi trời không là không luân. Trên không luân là phong luân. Trên phong luân là hỏa luân. Trên hỏa luân là kim luân. Trên kim luân là thủy luân. Trên thủy luân có vô lượng thế giới. Những luân hiện hữu tại vô số tầng lớp. Cho nên phương trên cũng có vô lượng thế giới và Phật.

Kinh A Di Đà

Vấn: Tất cả các phương đều có Tịnh độ, tại sao lại đề cao Tây Phương Tịnh độ?

Đáp: Câu hỏi này vô lý. Nếu mà đề cử Đông Phương Tịnh độ ông cũng phản đối luôn! Bớt so đo một tí!

Vấn: Tại sao không tán thán tất cả các Tịnh độ trong pháp giới?

Đáp: Có ba lý do:

1. Để làm người mới nhập môn dễ hiểu và có lòng tin.
2. Đức Phật chỉ có thể cứu độ những kẻ có duyên với Ngài. Trong khi hành Bồ Tát đạo, Ngài đã viên mãn tất cả hạnh nguyện thâm sâu và quảng đại. Rồi Ngài phương tiện giảng huấn khiến chúng sanh ưa thích phát lòng tin. Ngài khôi phục thiện căn vốn sẵn có khiến ác ma khó quấy nhiễu chúng ta lại giúp thể tính khai mở và tăng trưởng.
3. Phật chúng từ duyên khởi. Duyên có khắp Pháp Giới. Một niệm là tất cả niệm 一念一切念, một chúng sinh là tất cả chúng sinh 一生一切生. Một nén hương, một cành hoa, một âm thanh tán thán, một phẩm vật dâng lên cúng dường có thể được tất cả thập phương tam thế Phật chứng minh, có thể được Phật thọ ký hay xoa đầu. Phật Phật đều tương dung. Tây phương Cực lạc được tạo duyên thành tựu từ nhiều Phật độ trong khắp pháp giới. Không nên có tâm phân biệt
Kẻ có độn căn thì nên chú tâm về Cõi Cực lạc. Kẻ thượng căn không cần bỏ Tây Phương mà cầu Hoa

Thích Vĩnh Hóa

Tạng 深位人亦不必捨西方而別求華藏。Không nên phân biệt quá lố! Đừng nên nghĩ rằng Tây Phương Cực Lạc là quyền và Hoa Tạng là thật, hoặc coi Tây Phương Tịnh độ là nhỏ và Hoa Tạng là lớn. Như thế là thuộc về tâm tính toán và phân biệt của người thế gian. Và có thể khiến quý vị không đạt được quyền thật nhất thể vì thật ra nhỏ và lớn không có thật tính 若謂西方是權，華藏是實，西方小，華藏大者，全墮眾生遍計執情。以不達權實一體，大小無性故也。

Ghi chú: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Tạng Thế Giới 華藏世界 chỉ hệ thống thế giới mà Tỳ Lô Xá Na Phật thành lập sau khi thành tựu viên mãn Bồ Tát Đạo. Trong Hoa Tạng Thế Giới, lại có vô số hệ thống thế giới. Trong đó thì có một hệ thống thế giới tên là Liên Hoa Tạng Thế Giới 蓮華藏世界: Ta Bà thế giới và Tây Phương Cực Lạc đều nằm trên tầng thứ 13 của Liên Hoa Tạng hệ thống thế giới.

Phật Phạm Âm: Âm thanh của Ngài rõ ràng và thanh tịnh. Tượng của âm thanh này đẹp đẽ và huyền diệu, khiến cho người nghe thích thú và phấn khởi. Âm thanh thuyết Pháp của Phật hoàn toàn thanh tịnh, không chút tạp uế. Không còn chấp trước vào ngã hoặc Pháp.

Phật Tú Vương: Mặt trăng là vua của các tinh tú, sáng chói nhất trong đêm. Đức Phật là vua của Bồ Tát, Nhị Thừa và phàm phu vì đã đắc tự tại.

Phật huệ cũng như thế, không có gì so sánh được.

Kinh A Di Đà

Tú Vương cũng còn có thể được giải nghĩa như sau:

1. Mặt trăng là vua của ban đêm. Tất cả những tinh tú khác, dầu sáng thế mấy cũng không thể so với mặt trăng. Tương tự như thế đức Phật là vị Pháp Vương đã đắc giác ngộ, không một chúng sinh nào có thể sánh được.
2. Sao Bắc đẩu là vua ban đêm. Tất cả các tinh tú khác cung kính vây quanh. Cũng như thế, đức Phật là vua giác ngộ, tất cả các chúng sanh chín giới đều có thể quy y được.

Phật Hương Thượng: Vị Phật này có đầy đủ năm phần Pháp Thân hương:

1. Giới hương.
2. Định hương.
3. Huệ hương.
4. Giải thoát hương.
5. Giải thoát tri kiến hương.

Không có gì hơn giới và đức hương.

Hương ngưu thủ chiên đàn là đệ nhất của các loại hương. Sáu thù 銖 (đơn vị trọng lượng khoảng 7,8125 grams) loại hương này trị giá bằng cả cõi Ta Bà. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng nếu đốt hương này thì mùi thơm bay khắp một vùng rộng lớn 40 li (khoảng chừng 2,400 dặm). Giống như thế, đức Phật chúng đắc ngũ phần Pháp thân hương đồng thời có thể huân 薰 thơm ngát mười phương chứ không bị hạn chế như hương ngưu thủ chiên đàn.

Nếu chúng ta đốt hương thì **Phật Hương Quang** sẽ phóng quang. Hương truyền đi rất xa khiến ai ngửi được sẽ giác

Thích Vĩnh Hóa

ngộ và ánh sáng hào quang tiêu biểu chánh Pháp, ai thấy được sẽ phá trừ vô minh. Ngài cũng tu pháp môn niệm Phật. Ngài dùng hương quang làm trang nghiêm và nhờ thể mà đắc quả Phật. Trong Kinh Lăng Nghiêm, chương Đại Thế Chí Bồ Tát viên thông nói: nghĩ tưởng đến Phật và niệm hồng danh của Ngài thì chắc chắn, hiện tại và vị lai sẽ thấy Phật, cả quá khứ Phật cũng không quá xa nữa. Không cần dùng bất cứ phương tiện nào khác (chỉ niệm Phật thôi), mà tâm tự nhiên khai mở, cũng như người đốt hương thì thân thể tự nhiên có mùi hương.

Hương của thế gian có thể chống ô uế nhưng không thể phá tan đen tối. Ngược lại, giới định huệ của đức Phật không những có thể chống và diệt trừ kiến tư hoặc mà còn có thể soi sáng khắp hư không, đồng thời diệt trừ sự đen tối vô minh của chúng sanh

Như thế giới phương Nam, **Phật Đại Diệm Kiên** phát quang từ hai vai, tượng trưng cho hai loại trí huệ quyền và thật.

Phật Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân trang nghiêm quả đức với nhân hoa của lục Ba La Mật và vạn hạnh. Quả đức trang nghiêm Pháp Thân như thế. Danh hiệu dựa trên hạnh.

Tâm hoa nở hoa và tự trang nghiêm. Hoặc cũng có thể nói rằng thân của Ngài được trang nghiêm bằng đủ các tạng sắc bảo, làm thân rất đẹp.

Phật Ta La Thọ Vương: Cây Ta La ở bên Ấn Độ. Ta La nghĩa là “kiên cố”. Cây này cao và to hơn các loại cây khác. Nó không héo vì lạnh hoặc vì lâu năm. Đó tượng trưng cho Pháp Thân lý thể của đức Phật.

Kinh A Di Đà

Đức Phật đã chứng đắc Pháp Thân thể tính kiên cố rốt ráo vượt qua tất cả chín giới nên được tôn làm Pháp Vương. Cũng như đại thọ vương có thể ban bóng mát, đức Phật cũng có thể che khuất và ban bóng mát cho tất cả các chúng sinh.

Phật Bảo Hoa Đức: trên nhân địa ngài tu vạn hạnh (hoa) để trang nghiêm quả đức. Nhân hạnh của Ngài được tôn quý như bảo hoa.

Thân, trí huệ và công đức của Ngài giống như những loại châu báu vô giá. Đức Phật có đầy đủ vạn đức. Ngài rất trang nghiêm, được tôn sùng như bảo hoa. Hoa của thế gian có thể khô héo. Ngược lại, bảo hoa thì kiên cố, huyền diệu và tốt lành. Đức của Phật cũng như thế.

Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa: Trí huệ của Ngài biết hết tất cả, thấy hết tất cả.

“Nghĩa” chỉ cảnh giới. Đức Phật có ngũ nhãn và có thể thấy tất cả các cảnh giới.

Các pháp thế gian hoặc xuất thế đều vô tận. Các nghĩa cũng vô tận. Đức Phật đắc Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智. Ngài có đầy đủ chánh tri kiến. Ngài có thể thấy thật tướng rốt ráo của các pháp. Dầu Quyền hay Thật, Biên hay Viên, Đón hay Tiệm, Thông hay Biệt – tất cả các nghĩa: không có gì mà Ngài không thấy hoặc biết.

Thích Vĩnh Hóa

Phật Như Tu Di Sơn: Núi Tu Di được tạo thành bởi tứ bảo và là núi cao nhất. Đó tượng trưng cho tứ đức của Phật cao quý nhất trong thế gian.

Vấn: Tại sao khuyến vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thay vì cõi Tịnh độ khác?

Đáp: Có ba lý do:

1. Kẻ hạ căn thấy được cái khổ của Ta bà nhưng không thể tự lực thoát khổ. Pháp môn Tịnh độ đưa ra cơ hội thù thắng giúp họ cách thoát khổ: chỉ cần đầy đủ tam tư lương là đắc vãng sanh Cực lạc. Họ thấy pháp này có thể thực hành được nên dễ phát tâm tu để cầu vãng sanh Cực lạc và đắc chuyên tâm.
2. A Di Đà Phật dùng đại nguyện lực để trang nghiêm Phật độ của Ngài. Được chư Phật tán thán và hứa hộ niệm cho những người tu niệm Phật.
3. A Di Đà Phật có duyên thâm sâu với chúng sinh cõi Ta Bà.

Khi chư Phật cứu độ chúng sanh thì có người thành tựu dễ dàng, có người gặp khó khăn và thành quả của họ lớn nhỏ không đồng là vì ba yếu tố sau đây:

1. Phật không thể cứu độ những kẻ không có duyên với mình. Ngay nếu tiền duyên cạn thì cũng khó chuyển hóa chúng sinh!
2. A Di Đà Phật có duyên thâm sâu với chúng sinh vì Ngài lập ra 48 đại nguyện trên nhân địa.
3. Nếu không có pháp môn niệm Phật thì chúng sinh rất khó thoát ly sinh tử và không thể vãng sanh Cực lạc được.

Kinh A Di Đà

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: trong cõi này, có bảy trăm hai mươi ức người đắc vãng sinh, mỗi người đã từng cúng dường cho vô số Phật. Còn các thế giới khác thì: 1. Cõi của Quang Viễn Chiếu Phật: 80 ức Bồ Tát đang được vãng sinh về đây 2. Phật độ của Bảo Tạng Phật: 90 ức 3. Phật độ của Vô Lượng Thanh Phật: 220 ức v.v... Có vô lượng chúng sanh từ vô số thế giới khác đã được vãng sinh vào cõi Cực Lạc.

Kẻ hạ căn có thể chỉ niệm Phật thôi mà đắc vãng sinh. Kẻ thượng căn đã hiểu rằng niệm A Di Đà Phật là niệm tất cả chư Phật, vãng sinh về cõi Cực Lạc tức là vãng sinh về các cõi Tịnh độ của mười phương. Không cần phải bỏ Tây Phương hoặc cầu Hoa tạng. Tây Phương Cực Lạc không ngoài tâm!

Giống như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vậy: Chúng sanh các nơi phải tin vào công đức khen ngợi không thể nghĩ bàn, và "Kinh đợc tất cả chư Phật hộ niệm" này.

Mười phương chư Phật chứng nhận pháp môn Tịnh độ.

Các Phật tán thán công đức của A Di Đà Phật như thế. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Pháp tạng Tỳ Kheo nguyện rằng khi thành Phật thì tất cả các Phật đều tán thán Ngài và cõi Tịnh độ của Ngài.

Vấn: Tất cả các Phật tán thán pháp môn Tịnh độ, tại sao Lục Tổ lại nói: Người ở Đông phương tạo nghiệp, rồi niệm Phật cầu vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Kẻ bên Tây phương

Thích Vĩnh Hóa

tao nghiệp rồi niệm Phật thì cầu vãng sinh vào cõi nào đây 東方人造罪，念佛求生西方；西方人造罪，念佛求生何國？

Đáp: Lời dạy của Lục Tổ dành cho người có thiện thượng căn Thiên chứ không có ý khinh thường pháp môn Tịnh độ. Kẻ hạ căn nên nương tựa vào pháp môn Tịnh độ. Thật ra, cũng có thể nói rằng Lục Tổ đang tán thán Thật Tướng Niệm Phật. Thật Tướng có nghĩa là không có Phật hoặc Tịnh độ ngoài tâm: tất cả thuộc tính. Đây phù hợp với giáo lý Tịnh độ khuyến niệm tự tính A Di Đà Phật và Tây Phương Tịnh độ không lìa tâm thanh tịnh v.v...

Lời Kinh:

Này Xá-lợi-phất, ý của ông nghĩ sao? Tại sao gọi là "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm"? Này Xá-lợi-phất, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào nghe Kinh này mà thọ trì, và nghe được danh hiệu của chư Phật, thì những thiện nam thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm cho và đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên này Xá-lợi-phất, các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói.

Lời giảng:

Phật Thích Ca tán thán các vị Phật của sáu phương, tượng trưng cho mười phương. Hồng danh của Phật có đầy đủ vô thượng viên mãn và rất ráo vạn công đức. Tiếp theo, Ngài giải thích tên của Kinh.

Kinh A Di Đà

Này Xá-lợi-phất, ý của ông nghĩ sao? Tại sao gọi là "Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm"? Này Xá-lợi-phất, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào nghe Kinh này mà thọ trì, và nghe được danh hiệu của chư Phật, thì những thiện nam thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm cho và đều được không thôi chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có thiện nam thiện nữ thọ trì kinh này, thì tất cả chư Phật mười phương đều hộ niệm người này. Các Ngài còn giúp cho tiến đến Phật quả mà không thôi lui. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “nếu đã không tu phước huệ trong quá khứ thì không thể nào nghe được Chánh Pháp này. Chúng ta đã từng tôn kính và phụng sự cho tất cả Như Lai, nên nay mới có được nhân duyên nghe giáo lý này 若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義”.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “寧受地獄苦，得聞諸佛名；不願生天中，而不聞佛名。不願生天中，而不聞佛名； Tôi thà chịu khổ cõi địa ngục để được nghe hồng danh của Phật. Đừng nên nguyện sinh lên cõi Trời mà không được nghe tên Phật”. Những ai có thể nghe đến kinh này chấp trì hồng danh Phật, thì phải biết rằng những kẻ này, có đại nhân duyên và phước lành rất sâu dày: tất cả sẽ được chư Phật hộ niệm.

Đức Phật có ba đức:

1. Bát Nhã đức: Trí huệ đã đạt đến cứu cánh viên mãn.
2. Giải thoát đức: Đã đoạn diệt tất cả phiền não và lậu hoặc một cách rốt ráo.

Thích Vĩnh Hóa

3. Pháp Thân đức: Chân tính hiển hiện một cách viên mãn.

Vấn: Nếu như niệm Phật với tâm tán loạn, có thể đắc tam bất thối không?

Đáp: Có nghĩa rộng và hẹp.

Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh 占察善惡業報經 nói: nếu niệm tên tôi (Địa Tạng Bồ Tát) với tâm tán loạn và bất tịnh thì có thể coi là không được nghe. Tâm tán loạn và bất tịnh ám chỉ tâm bị ô uế bởi kiến (có 88 phẩm) và tư (có 81 phẩm) hoặc. Miệng có thể niệm nhưng tâm chẳng tương ưng nên không đắc văn huệ. Định lực chưa đủ, huệ tính không thể hiện tiền, khó đắc bất thối xuất thế. Hơn nữa, tín tâm không vững và phiền não vọng tưởng đầy đầy cản trở sự vãng sanh. Tuy nhiên được phước báo thế gian rất tốt đẹp.

Nếu đắc được niệm Phật tam muội thì có thể mở trí huệ: kiến và tư hoặc được tiêu trừ nên biến tâm bất tịnh thành tâm thanh tịnh. Có thể đắc nhập tương tự vị 得入相似位, gọi là đắc tương tự vô sanh pháp nhẫn 得相似無生法忍, hoặc tương tự đệ nhất nghĩa 相似第一諦, hoặc đắc đệ nhất đế tất đàn 得第一諦悉壇 nhập lý lợi ích 入理益; nên cùng một lúc có thể nghe tất cả hồng danh của mười phương chư Phật.

Điều quan trọng là phải niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, loại trừ kiến và tư hoặc thì chư Phật mới hộ niệm chúng ta. Đó là nghĩa hẹp.

Kinh A Di Đà

Về nghĩa rộng, tức là nói đến tha lực và đại từ bi nguyện lực của đức Phật, thì dầu có đắc niệm Phật tam muội hay không, hồng danh Phật cũng có năng lực bất khả tư nghĩ, có thể gieo trồng chủng tử niệm Phật giúp đắc vãng sanh trong tương lai. Hơn nữa, nếu chúng ta có tín sâu nguyện thiết thì sự cảm ứng cũng bất khả tư nghĩ, trong chừng một niệm đến mười niệm cũng có thể cùng Phật tương ứng.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Di Lặc Bồ Tát: “Vì lòng từ bi lân mẫn (thương xót) chúng sinh, ta sẽ duy trì kinh này thêm 100 năm nữa sau khi các kinh khác đã biến mất.” Kinh này và Kinh Vô Lượng Thọ cùng thuộc về Pháp Tịnh độ.

Chư Phật hộ niệm những thiện nam và thiện nữ thọ trì kinh này vì đó là chánh nhân để đắc vãng sanh về cõi Cực Lạc.

Tâm chúng sanh có ba khuynh hướng:

1. Tà định tụ 邪定聚
2. Bất định tụ 不定聚
3. Chánh định tụ 正定聚

Nếu có thể nhập chánh định thường ở trong chánh pháp thì chư Phật sẽ hộ niệm chúng ta 若人人正定聚，則為諸佛護念.

Có ba loại Phật tính:

1. Duyên nhân Phật tính 緣因佛性: Nhờ nghe hồng danh Phật nên chủng tử Phật được gieo trồng vào đệ

Thích Vĩnh Hóa

bát thức. Kiếp này hoặc kiếp sau chúng ta chắc chắn sẽ gặp được Phật và đắc giải thoát. Cũng như Kinh Pháp Hoa nói: “Dầu một người với tâm tán loạn vào chùa tháp và niệm ‘Nam Mô Phật’, người đó đã thành tựu Phật Đạo 若人散亂心，入於塔廟中，一稱南無佛，皆已成佛道”.

2. Liễu nhân Phật tính 了因佛性: Xá-lợi-Phất, nếu có thiện nam thiện nữ nghe đến kinh này, và thọ trì, tụng, đọc, giảng thuyết ý nghĩa và tu hành, khi người ấy đạt chuyên tâm cảm ứng (niệm Phật tam muội), thì lúc đó Tịnh độ sẽ hiện tiền. Người ấy sẽ hiểu rằng Tịnh độ chỉ là tâm. Cũng như kinh Pháp Hoa nói: “Những người nghe Pháp, không có bất cứ một ai không thành Phật 若有聞法者，無一不成佛”
3. Chánh nhân Phật tính 正因佛性: Trong Kinh Địa Tạng, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Nếu thiện nam thiện nữ trồng một ít thiện căn, dầu chỉ là một sợi tóc, một bụi trần, một hạt cát hoặc một giọt nước trong Phật Pháp, thì ông nên dùng Đạo lực để hộ vệ người ấy, khiến cho người đó tu Pháp vô thượng không thối chuyển cũng như không lạc đường 若善男子善女人，於佛法中，種少善根，一毛一塵一沙一涕，汝以道力擁護是人，漸修無上勿令退失.”

Những chúng tử nghe Pháp và niệm Phật thuộc về hai loại đầu tiên: Duyên nhân và liễu nhân. Nó phụ trợ khiến chánh nhân hiện tiền và khiến chúng ta phát tâm Bồ Đề.

Kinh A Di Đà

Lúc đó thì chư Phật sẽ hộ niệm chúng ta và chúng ta sẽ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Bất cứ một trong ba loại trên đều có thể đắc Phật quả.

Được chư Phật hộ niệm thật ra gồm có ba loại trí huệ:

1. Nghe đến Pháp Tịnh độ là văn huệ. Từ nghe mà sinh tín tâm, tin rằng pháp môn niệm Phật thật huyền diệu.
2. Thọ là tư huệ. Chúng ta thọ nhận, chiêm nghiệm và từ từ cảm thấy nhàm chán cõi Ta bà ứế trước, ham thích sự thanh tịnh và an lạc của Tây phương Tịnh độ do đó lập nguyện cầu vãng sanh.
3. Trì là tu huệ. Chúng ta trì hồng danh của đức Phật. Các niệm thanh tịnh theo nhau cho đến khi đắc “nhất tâm bất loạn”.

Những kẻ nghe được kinh này và hồng danh của Phật thật sự có thượng căn.

Cho nên này Xá-Lợi-Phất, các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói.

Đức Phật khuyên chúng sinh **nên tin nhận lời ta**. “Lời ta” chỉ những giáo lý trong chánh pháp, miêu tả rõ chánh báo và y báo trang nghiêm. Nhất là khuyên chúng ta niệm Phật cầu vãng sinh về Cực lạc.

tin nhận nghĩa là không hoài nghi. Nói cách khác, không nghi ngờ lời Phật nói. Ngược lại, phát tâm thọ trì và chuyên nhớ không quên. Chúng ta nên hoàn toàn tin lời của Phật Thích Ca và tất cả chư Phật. Đối với những kẻ không thể phát tín tâm, Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Kẻ thiếu lòng tin là từ tam ác đạo mới ra, nghiệp cũ chưa bỏ được, tâm ngu si mờ tối nên không tin. Họ chưa có thể đắc giải thoát được.”

Thích Vĩnh Hóa

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về nước của Phật A Di Đà thì những người đó đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở nước Phật kia, những người này hoặc đã sanh, hoặc đang sanh về, hoặc sẽ sanh. Cho nên này Xá-Lợi-Phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu ai có lòng tin hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.

Lời giảng:

Phần trước khuyên chúng sinh nên phát tín tâm về Pháp môn Tịnh độ. Phần này thì khuyên chúng ta lập nguyện.

Này Xá-Lợi-Phất, nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về nước của Phật A Di Đà thì những người đó đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở nước Phật kia, những người này hoặc đã sanh, hoặc đang sanh về, hoặc sẽ sanh.

Người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện chúng nhận rằng nguyện đã thật sự được lập. Rõ ràng là nếu không có lòng tin thì sẽ không lập nguyện. Cũng như thế, nếu không phát nguyện vãng sanh tức là chưa có lòng tin. Vì thế nên kinh nói rằng những kẻ có lòng tin nên phát nguyện vãng sinh.

Muốn ám chỉ ao ước và **sanh** chỉ ngũ uẩn.

Kinh A Di Đà

Lập nguyện là tự lực. Nguyện của A Di Đà Phật tiếp dẫn 接引 chúng sinh là tha lực. Pháp môn Tịnh độ có đầy đủ cả hai loại lực nên dễ thành tựu hơn: nếu lập nguyện chắc thật và liên tục (tam thế: đã, đang, sẽ) không lơ lửng thì chắc chắn sẽ đắc vãng sinh.

Đức Phật khuyên chúng ta phát nguyện ba lần trong kinh này:

1. Lần đầu, ở trong phần mô tả các trạng nghiệm của chánh và y báo. Những chúng sinh đắc vãng sinh đều được bất thối. Cho nên chúng ta nên phát nguyện vãng sinh.
2. Lần thứ nhì: dạy niệm Phật từ một đến bảy ngày tâm không tán loạn (nhất tâm bất loạn) tất đắc vãng sanh.
3. Phần này là lần thứ ba mà chúng ta được khuyên nên lập nguyện.

Vấn: Nếu tất cả chúng sinh trong mười phương đều đắc vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, vậy nơi này có đủ chỗ chứa không? Vì quá đông người.

Đáp: Phòng của Duy Ma Cật chỉ một trượng (3 mét 1/3) mà có thể chứa 32.000 sư tử tọa, thì làm sao nguyện của Phật A Di Đà có thể bị hạn chế được? Tây Phương Cực Lạc cũng như đại dương, có thể tiếp nhận tất cả các sông và suối.

Đến đây, chúng ta nên xét lại tam tư lương của pháp môn Tịnh độ: tín, nguyện và hạnh. Tín dẫn đến sự lập nguyện. Có đủ lòng tin, có lập nguyện chân thật ví như trong tay đã cầm chìa khóa để mở cửa (tượng trưng cho hạnh). Hành động mở cửa là hạnh; có thực hành mới bước vào trong nhà Như Lai được. Vậy nguyện là chìa khóa của hạnh. Hơn nữa, nguyện

Thích Vĩnh Hóa

cũng còn là then chốt của cửa hạnh, giúp cửa đứng vững. Cho nên tín nguyện hạnh đều phải hội đủ: Một tức là ba, ba tức là một.

Nguyện có hai khía cạnh: Vì chán ghét Ta bà mới sinh lòng hâm mộ Cực lạc Tây phương. Ta bà khổ tiêu biểu cho Khổ đế: phiền não ngày một nhiều hơn, tệ hại hơn. Nguyên do vì sao? Vì tâm ta bất tịnh: đây là Tập đế. Ý thức được điều này, chúng ta dùng tam tư lương (tín nguyện hạnh) để chuyển tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh: đây là Diệt đế. Nhập niệm Phật tam muội là Đạo đế: đặc vãng sanh một đời bất thối thành Phật. Không những kinh này hàm chứa Tứ Diệu Đế mà còn đầy đủ tứ đại thế nguyện. Từ Khổ đế chúng ta phát nguyện độ chúng sanh, từ Tập đế nguyện đoạn vô tận phiền não, từ Đạo đế nguyện học vô lượng pháp môn, từ Diệt đế nguyện thành Phật đạo.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: Là một trong năm thứ không phiên dịch (1. Mật: như thần chú 2. Tôn sùng: như Bát Nhã 3. Nhiều nghĩa: như Tỳ Kheo 4. Đây không có: như cây Diêm phù đàn 閻浮檀 5. Thuận với cỏ: như A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề). Chữ này có thể được giải nghĩa như sau. “Chánh giác” tức là siêu vượt lục đạo nên sự thấy biết trùm khắp, cao tột, không còn mảy may nhầm lẫn, không còn chút tà tri tà kiến nào. “Chánh đẳng”: nghĩa là chánh đáng và bình đẳng. Bậc chánh đẳng tâm không phân biệt chân đế và tục đế nên độ tất cả chúng sanh. Nhị Thừa không bình đẳng vì chỉ lo tự lợi mà không chịu lợi tha; Các Ngài thiên về biên Không nên không chịu xông vào bùn (Tục) để lợi ích chúng sinh; cho nên Không và Tục không bình đẳng. “Vô thượng”: vượt qua Đẳng Giác Bồ Tát vị.

Kinh A Di Đà

Vấn: Chúng ta có thể niệm hồng danh của A Di Đà Phật để đắc bất thối. Còn có phương tiện nào khác nữa không?

Đáp: Không phải chỉ nhờ niệm Phật, lễ Phật và tán thán Phật thôi. Noi gương Bồ Tát Phổ Hiền chúng ta có thể đối trước chư Phật thành tâm sám hối. Tỉnh Phật trụ thế gian tùy hỷ công đức đối với những việc thiện, hồi hướng và lập nguyện vãng sanh. Nói chung là tu mười đại nguyện của ngài Phổ Hiền rồi hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ thì rất tốt. Đặc biệt nhất là pháp sám hối. Sám hối không những chuyển được định báo từ nhiều kiếp trước mà còn gỡ gỡ chận lỗi lầm, ác nghiệp trong đời hiện tại: Đây là dọn đường cho sự vãng sanh. Lập nguyện càng quan trọng hơn ví như chúng ta có sẵn viên ngọc như ý mà không ước nguyện gì thì chắc chắn không được gì cả. Lập nguyện vãng sanh thiết tha bền vững thì được chư Phật hộ niệm: trong hiện tại tiến tu không thối chuyển, tương lai vãng sanh đắc bất thối, một đời thành Phật.

Cho nên này Xá-Lợi-Phất, các thiện nam tử thiện nữ nhân, nếu ai có lòng tin hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.

Đừng đợi nữa, nên lập nguyện vãng sinh ngay bây giờ.

Vấn: “Sẽ” lập nguyện có lý nhưng tại sao nói “đang”?

Đáp: “Đang” có hai nghĩa:

1. Lập nguyện kiếp này thì sẽ đắc vãng sinh kiếp này.
2. Về phương diện sát na (mỗi sát na có 90 niệm), mỗi niệm là nhân của vãng sinh, cho nên niệm theo niệm liên tục trồng chủng tử vãng sinh thì sẽ đắc vãng sanh. Càng tinh tấn niệm Phật chừng nào thì liên hoa của

Thích Vĩnh Hóa

chúng ta ở trong hồ sen của Tây Phương Cực lạc càng to và sáng ngời chừng nấy. Nếu chúng ta lười biếng niệm Phật thì hoa sen sẽ khô héo và tàn lụi. Cảm ứng bất khả tư nghì không khác gì tâm của chúng ta.

Chúng ta có thể nêu ra vài câu chuyện cảm ứng để chứng minh .

Đại Sư Khả Cửu 可久 hay tụng Kinh Pháp Hoa. Ngài nhập định cả ba ngày và trở về báo cho tín đồ rằng Ngài đến Tây Phương Cực Lạc và thấy cõi đó y như kinh miêu tả.

Rất thông thường, nhiều người chuyên tu pháp môn Tịnh độ qua đời mà phòng của họ sáng ngời và thơm ngát.

Có một hoàng hậu ở Việt Nam. Bà ta tin Pháp môn Tịnh độ và hướng dẫn tùy tùng tu hành niệm Phật. Một cung nữ của bà không bệnh hoạn mà qua đời. Đêm đó, hoàng hậu mơ thấy cung nữ trở lại cảm ơn đã dạy niệm Phật vì nhờ thế mà đắc vãng sinh. Cung nữ miêu tả cõi Cực lạc y như kinh sách và khuyên hoàng hậu tu hành tinh tấn hơn. Hoàng hậu hỏi: Ta cũng đắc vãng sinh được không? Cung nữ trả lời rằng đã thấy hoa sen của hoàng hậu: bà ta chắc chắn sẽ đắc vãng sinh vào thượng phẩm. Sau đó, nhân ngày sinh nhật của hoàng hậu, bà thấy Quán Thế Âm Bồ Tát nên lật đật đứng dậy chào đón. Khi các tỳ nữ đến chúc mừng sinh nhật, họ khám phá rằng hoàng hậu đã qua đời, đứng mà ra đi.

Lập nguyện vãng sinh thì có thể đắc vãng sinh vì tạo cảm ứng bất khả tư nghì giúp chúng ta được Phật tiếp dẫn về Tây phương Tịnh độ. Đó là một tài sản có giá trị chân thật mà

Kinh A Di Đà

chúng ta có thể nương tựa trong lúc lâm chung. Chương Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện nói rằng: “Hơn nữa, khi một người sắp chết, trong giây phút cuối cùng của cuộc đời, tất cả các giác quan đều tiêu tán. Chúng ta phải rời thân quyền, tất cả quyền thế đều vô dụng và không có gì tồn tại. Các đại thần, đại quan, triều đình (trong) và thành thị (ngoài), voi ngựa, xe cộ, và kho tàng của cải không thể đem theo được, chỉ có các nguyện vương lưu lại. Nguyện luôn luôn hướng dẫn tiến tới, và trong một chốc lát sẽ đắc vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc. Đến đó sẽ thấy A Di Đà Phật, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, và chư Thánh chúng, tất cả có đầy đủ tướng hảo trang nghiêm thù thắng vì công đức của họ thay đều viên mãn. Chư vị ấy cũng như những người mới vãng sanh đều được Phật thọ ký.

是人臨命終時，最后剎那，一切諸根悉皆散壞，一切親屬，悉皆捨離，一切威勢，悉皆退失，輔相大臣，宮城內外，象馬車乘，珍寶伏藏，如是一切，無復相隨，惟此願王不相捨離，於一切時引導其前，一剎那中，即得往生西方極樂世界，到已即見阿彌陀佛，文殊師利菩薩，普賢菩薩，觀自在菩薩，彌勒菩薩等自見生蓮華中，蒙佛授記。”

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, như ta hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật, các Đức Phật kia cũng ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của ta và nói như thế này: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm được những

Thích Vĩnh Hóa

việc rất khó làm và ít có; ở trong cõi nước Ta Bà, trong đời ác năm trước: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước, Mạng trước được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngài giảng cho các chúng sanh nghe pháp tất cả thế gian khó tin này.

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, như ta hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật, các Đức Phật kia cũng ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của ta và nói như thế này:

Phật Thích Ca khen ngợi A Di Đà Phật tức cũng là khen ngợi tất cả các Phật. Các Ngài lại khen ngợi Phật Thích Ca, nói rằng Ngài có thể làm những việc không dễ (khen tổng quát). Phật Thích Ca đã làm những gì mà người khác không làm được. Nhất là (khen đặc biệt), Phật có thể tuyên thuyết pháp môn Tịnh độ trong thời Ngũ Ác Trước.

Có mười cặp khó và dễ:

1. Trong cõi Tịnh độ: Chúng ta thường có cơ hội gặp Phật nên dễ tu. Trong cõi ác trước chúng ta không thể gặp Phật nên khó.
2. Trong cõi Tịnh độ: Chúng ta hay nghe Pháp nên việc tu hành dễ dàng hơn. Trong cõi ác trước: Chánh pháp khó tìm, lại ít người chịu tin nghe.
3. Trong cõi Tịnh độ: Kẻ thượng căn và thiện nhân tụ tập nên dễ. Trong cõi ác trước: Ác hữu lôi kéo nên khó.
4. Trong cõi Tịnh độ: Không có ma chướng nên dễ. Trong cõi ác trước: ma quái, ngoại đạo hay quấy nhiễu nên khó.

Kinh A Di Đà

5. Trong cõi Tịnh độ: Chúng ta không còn bị luân hồi sinh tử nên dễ. Trong cõi ác trược: Cứ bị luân quản trong luân hồi nên khó.
6. Trong cõi Tịnh độ: Tương đối dễ hơn vì không có tam ác đồ. Trong cõi ác trược thì khó hơn nhiều vì rất dễ đọa tam ác đồ.
7. Trong cõi Tịnh độ: thì dễ hơn vì có trợ Đạo duyên thù thắng. Trong cõi ác trược: khó hơn vì nhiều duyên bất tịnh (như nam nữ....) và nghiệp chướng.
8. Trong cõi Tịnh độ: dễ hơn vì thọ mạng vô lượng. Trong cõi ác trược: thì khó hơn vì mạng sống ở đây quá ngắn ngủi.
9. Trong cõi Tịnh độ: dễ hơn vì chứng đắc bất thối. Trong cõi ác trược: khó hơn nhiều vì phần lớn các người tu hành đều thối lùi.
10. Trong cõi Tịnh độ: Chúng ta chắc chắn sẽ thành Phật trong một kiếp nên dễ. Trong cõi ác trược: rất khó đắc Phật quả dầu trải qua vô lượng vô số a tăng kỳ kiếp.

Chúng sinh cõi Ta bà phải chịu đựng đủ các loại khổ sở nhưng ít ý thức là đang bị khổ. Sau khi biết thì lại cố ý lãng tránh hay quên đi. Họ thường tìm những thú vui nông nổi và vô nghĩa của thế gian.

Khó mà giảng pháp môn Tịnh độ cho chúng sinh của cõi ác trược vì họ có căn cơ thấp. Hoặc cũng có thể là nghiệp chướng quá nặng nên không có thể quyết tâm tích tập tam tu lương. Hơn nữa, không dễ giảng pháp đốn ngộ. Giảng Tiệm Pháp như Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Diệu Đế, 12 Nhân Duyên v.v... thì dễ hơn nhiều. Nhất là Pháp 49-ngày quá dễ dàng, khó mà tin được! Đây cũng giống như phôi trương hình tượng siêu phàm cho nhóm người chủ trương không mặc áo

Thích Vĩnh Hóa

裸形之國 hoặc giảng thích trắng đen cho người mù. Đức Phật Thích Ca giảng nói pháp môn Tịnh độ để giúp đỡ tất cả chúng sanh chóng liễu khổ đặc lạc.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm được những việc rất khó làm và ít có; ở trong cõi nước Ta Bà, trong đời ác năm trước: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước, Mạng trước.
Chỉ có Phật Thích Ca mới làm được.

Thích Ca Mâu Ni

Thích Ca là tiếng Phạn, nghĩa là “năng nhân”. Mâu Ni nghĩa là “tịch tĩnh”. Dựng tên do hai đức: bi và huệ. “Năng”, dựa trên nhân đức, dùng phương tiện giúp đỡ và đem lợi lạc cho chúng sinh: đó là đức bi. “Tịch”: bất động và tự tại, có thể chiếu và thông đạt khắp cả hư không. “Tĩnh”: Lặng lẽ, không tiếng động, không có ngôn ngữ âm thanh nhưng vẫn thuận với lý: đó là đức huệ.

đã làm được những việc rất khó làm và ít có

Ngài có thể nhẫn chịu sự khó khăn để giáo hóa chúng sinh. Thật ra, đức Thế Tôn đã cứu độ vô lượng vô biên chúng sinh, và đã thọ ký cho rất nhiều người. Vì thế nên mười phương chư Phật đồng khen ngợi Phật Thích Ca Mâu Ni.

cõi nước Ta Bà

Ta Bà là tiếng Phạn, nghĩa là “kham nhẫn”: Có thể chịu đựng và chấp nhận khổ não.

Chúng sanh trong cõi này chịu đựng cái khổ mãi rồi thành quen, thấy không cần phải thoát ra. Phật vì tâm đại từ bi, thị

Kinh A Di Đà

hiện vào thế giới Ta bà này kiên nhẫn chịu đựng mọi thứ khó khăn để cảnh tỉnh và giác ngộ cho mọi loài sớm lìa khổ được vui.

đời ác năm trước

Có thể được giảng theo năm khía cạnh như sau.

Trước có thể được xem như bùn lầy: rất khó mà thoát ra. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng giống như nước vốn trong sạch mà thấy bùn đất vào. Kết quả là đất thì mất tính chất chướng ngại và nước thì mất trong sạch: đó là trước. Vì có trước nên khó mà thấy được rõ ràng. Trong thời trước, tam tiểu tai (hoả tai, thủy tai và phong tai) dần dần phát khởi, phiền não càng ngày càng trầm trọng, chúng sinh thiên về ác, bất tịnh kiến thức tăng trưởng, mạng sống thu ngắn: môi trường sống từ từ hư hoại, con người trở nên tà ác đáng sợ.

Năm trước là:

1. **Kiếp trước**: thời gian trước. Nó xuất khởi dựa trên bốn trước kia. Nó lấy sự phát triển của bốn trước kia làm bản thể: lúc đầu thì không có trước, trước bỗng nhiên phát khởi lúc này. Nó cũng lấy cháy không ngừng làm tướng; cũng như củi đang cháy, càng cháy thì càng mãnh liệt hơn. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Đạo trong thời này. Ngài biết thành Phật đạo vô cùng khó khăn và phải trải qua vô lượng kiếp. Vì thế Ngài quyết định giảng pháp môn Tịnh độ dù không được thính. Trong thời kiếp trước, pháp này có khả năng cứu nhiều người trong một thời gian ngắn nhờ biết dựa vào tín nguyện, và lại sự thực hành tương đối cũng dễ dàng hơn. Đây là khế cơ vậy. Nếu không có pháp môn Tịnh độ, trong thời mạt pháp này chúng sanh rất

Thích Vĩnh Hóa

khó đắc giải thoát. Trong kiếp giảm, khi thọ mạng khoảng 20.000 năm: bắt đầu kiếp trước. Khi thọ mạng chỉ còn 100 năm, lúc đó gọi là ngũ ác trước. Đó là lúc Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế. Ngài dạy pháp môn Tịnh độ này để giúp chúng sinh hoành xuất tam giới. Nếu không có pháp môn Tịnh độ thì chúng sinh khó mà đắc giải thoát.

Nói rõ hơn, kiếp trước lấy ngũ kiến hoặc làm thể tính. Rất nhiều người thích theo ngoại đạo. Ác kiến trùng trùng. Sẽ có thời kỳ hạn hán đói khát, bệnh dịch và chiến tranh, có thể xảy ra cùng một lúc.

2. **Kiến trước:** Lấy ngũ lợi sử (1. Thân kiến 身: Chúng ta yêu mến và chấp vào thân thể, Không biết rằng nó chỉ là tứ đại giả hòa hợp; nó huyền có và vô thường, 2. Biên kiến 邊: Tin vào đoạn hoặc thường, hai thuyết lý cực đoan thay vì tin Trung Đạo, 3. Kiến thủ kiến 見取: Tưởng lầm, lấy không phải quả làm quả, ví dụ như Vô Văn Tỳ Kheo, 4. Giới thủ kiến 戒取: Tưởng lầm, lấy không phải nhân làm nhân như tu theo các hạnh đầu đà vô ích, và 5. Tà kiến 邪: không tin vào luật nhân quả) làm bản thể. Những kiến hoặc này có thể khiến chúng sinh tạo nghiệp và chịu trả quả báo, bị lôi cuốn trong vòng sinh tử luân hồi không thoát ra được vì thế nên được gọi là sử. Kiến trước lấy tà huệ và tà hạnh (tất cả các kiến sinh khởi trong rối loạn 諸見紛起) làm tướng. Với tà tri kiến, chúng sinh chấp ở chỗ

Kinh A Di Đà

cực đoan không thấy được chân lý. Ngược lại, tất cả các chúng sinh ở Tây phương Cực Lạc đều có chánh kiến.

Trong thời kỳ này đặc biệt là kiến thức của chúng sinh rất sai lệch. Tà kiến đầy dẫy. Lúc Phật Thích Ca còn tại thế, có 96 loại tà kiến của ngoại đạo. Hiện nay, tà giáo và tà sư xuất hiện khắp nơi. Vì thế nên gọi là kiến trực.

3. **Phiền não trực:** lấy ngũ độn sử (1. Tham: Chấp trước vào cảnh giới vừa ý mà không biết rằng tất cả các pháp hữu lậu đều chỉ là như một giấc mơ hoặc ảo ảnh, 2. Sân: Đối với cảnh giới không vừa ý, chúng ta sinh tâm sân hận, không thể kiên nhẫn và không ý thức rằng một tư tưởng sân hận mở cửa cho một vạn chướng ngại, 3. Si: Đối với cảnh giới trung lập chúng ta sinh khởi tư tưởng ngu si, không thể hiểu hoặc phân tích; chúng ta không thể hiểu rằng tất cả các pháp đều vô thường, rốt ráo chỉ là không, 4. Mạn: Đối với chúng sinh, chúng ta không thể khiêm tốn, không hiểu rằng tất cả chúng sinh vốn có Phật tính như nhau, không hơn không kém và 5. Nghi: Đối với Pháp, chúng ta không hiểu rằng nếu là thiện thì nên theo, nếu là Đạo thì nên tiến tới; ngũ sử này thuộc tư hoặc) làm bản thể và sự kích thích của phiền não làm tướng. Ngược lại, chúng sinh trong cõi Tây Phương Cực Lạc không có phiền não.

Chúng sinh càng ngày càng tham đắm tà pháp, và thích đấu tranh, hoặc bằng kiện tụng hoặc bằng vũ khí. Họ

Thích Vĩnh Hóa

dùng ý ngữ và vọng ngữ để truyền bá tà pháp cùng những pháp bất chánh. Vì thế ngoài ngũ độn sử ở bên trong, con người lại bị bao vây bằng những sự điên đảo rối reng ở bên ngoài.

4. **Chúng sanh trực:** Lấy sự phối hợp của ba điều kiện của cha, mẹ và bốn nghiệp làm bốn thể. Và lấy sự xoay chuyển không ngừng trong luân hồi (sắc tâm lậu liệt: thân và tâm đều xấu và yếu 由煩惱導致色心並皆陋劣) làm tướng. Ngũ uẩn (1. Sắc: hàm ý có sự kiên cố và chướng ngại, 2. Thọ: thọ nhận (của ngũ trần), 3. Tưởng: níu chụp hình tướng (thức thứ sáu phân tích và tính toán, suy nghĩ về các pháp), 4. Hành: lưu chuyển (thức thứ bảy luôn luôn ước lượng và phân biệt, niệm theo niệm liên tục như nước chảy xiết), và 5. Thức: duy trì (thức thứ tám chứa đựng ba yếu tố của sự sống: hơi thở, hơi ấm và sự sống)) phối hợp tạo thành chúng sinh. Ngũ uẩn che đậy chân tính. Ngược lại, chúng sinh ở cõi Tây Phương Tịnh độ hoá sinh trên liên đài. Họ thanh tịnh và trang nghiêm.

Chúng sinh không biết kính trọng cha mẹ, người xuất gia hoặc tổ tiên, không chịu hành động theo lý trí và chân lý, cũng không biết sợ ác báo trong tương lai. Họ không cần rộng lượng với ai, không tu bố thí, không chịu tạo công đức, không ăn chay, không giữ giới thanh tịnh. Thế nên mới gọi là chúng sinh trực. Chúng sinh thích chạy theo ngoại cảnh ác, làm ác và không chịu làm thiện.

Đặc biệt là, trong thời kỳ này chúng sinh được nuôi dưỡng bằng ác duyên, ngũ uẩn giả hòa hợp, thường

Kinh A Di Đà

tạo nghiệp và không biết hướng thiện. Kinh Pháp Hoa nói rằng mười phương thường bị u ám và đen tối, ác thú bành trướng, A Tu La đông thêm, cõi trời giảm bớt, phần lớn những người qua đời đều đọa vào ác thú, sắc lực và trí huệ thuyên giảm vì nghiệp báo nhân duyên. Chúng sinh không có lạc thọ cũng không có tâm lạc. Họ hoàn toàn bị bối rối và bấp bênh trong biển sinh tử.

5. **Mạng trước:** Lấy sự tiếp nhận hơi nóng làm bản thể và sự suy giảm, hủy diệt của mạng sống làm tướng. Cả hai nhân và quả đều thấp kém. Nhân chỉ kiến và tư trước. Kiến và tư hoặc là nhân của thọ quả báo. Quả: chúng sinh trước, thô và khổ. Ngũ uẩn là quả của sự sinh đẻ. Mạng sống không hơn 100 năm. Đó là vì quả báo của nghiệp sát sinh. Ngược lại, chúng sinh của Tây Phương Cực Lạc đắc vô lượng thọ, như đức Phật A Di Đà!

Đặc biệt là, trong thời hiện đại, mạng sống rất ngắn ngủi, hiếm khi quá 100 năm. Đó là vì có tự vận, chết non, phá thai, thiếu dinh dưỡng, nghèo cùng, nạn đói, bệnh dịch v.v... nên sống không lâu.

được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngài giảng cho các chúng sanh nghe pháp tất cả thế gian khó tin này. Phật Thích Ca đã thành tựu việc tu hành của Ngài trong thời kỳ rất khó khăn. Sau đó, với lòng đại bi, ngài thuyết pháp môn Tịnh Độ rất khó tin này, may ra những ai đủ thiện căn có thể được cứu thoát.

Thích Vĩnh Hóa

tất cả thế gian: bao gồm tất cả chín giới. Chỉ có chư Phật mới có thể hoàn toàn thấu hiểu được pháp môn này.

Có mười việc mà thế gian thấy **khó tin:**

1. Chúng ta đã quen với cõi bất tịnh nên tâm không màng. Bỗng nhiên nghe đến cõi Tịnh độ huy hoàng và trang nghiêm cực điểm thì không khỏi sinh nghi.
2. Nếu không nghi về cõi Tịnh độ thì không khỏi nghĩ rằng có thể vãng sinh về các cõi Tịnh độ của mười phương chứ không chỉ về cõi Tây Phương Tịnh độ thôi.
3. Nếu như tin có thể vãng sinh được về cõi Tây phương trong tương lai, nhưng cõi Ta Bà này xa cách cõi Cực Lạc một vạn ức thế giới : làm sao có thể sinh vào cõi xa như thế?
4. Nếu tin có thể sinh vào cõi Tây Phương Tịnh độ xa xôi nhưng không khỏi nghĩ làm sao phàm phu với nhiều nghiệp nặng và đầy chướng ngại mà có thể vãng sinh được.
5. Nếu như tin là phàm phu có thể đắc vãng sinh, nhưng làm sao chỉ niệm Phật thôi mà đủ đắc vãng sinh? Nếu vậy thì những pháp môn khác cũng do Phật nói ra chẳng tuyệt vời hay sao?
6. Nếu như không có những nghi hoặc trên, chắc phải cần trì hồng danh Phật rất lâu! Làm sao mà chỉ cần niệm Phật một ngày cho đến bảy ngày là xong được?
7. Ngay nếu có thể đắc vãng sinh sau khi niệm Phật bảy ngày, sinh vào cõi khác có bốn phương pháp: do thai, trứng, thấp hoặc hóa, tại sao sinh vào cõi Tây Phương Cực Lạc chỉ có hóa sinh trên đài hoa sen thôi?
8. Nếu như có thể hóa sinh trên hoa sen, phần lớn những người nhập Đạo đều thối lui. Làm sao có thể sinh vào cõi Cực Lạc mà tự nhiên đắc bất thối được?

Kinh A Di Đà

9. Nếu có thể đắc bất thối, kẻ độn căn được trợ giúp vãng sanh là phải rồi còn những bậc thượng căn tại sao cũng muốn về đó.
10. Nếu không có những điều nghi ngại trên, cũng còn có thể nghi rằng không biết A Di Đà Phật thật có hay không và cõi Cực Lạc thật có hay không. Vì vậy nên không tin.

Vấn: Tại sao Phật Thích Ca xuất thế lúc thọ mạng chỉ 100 năm mà Di Lạc Bồ Tát sẽ xuất thế lúc thọ mạng sẽ 80.000 năm?

Đáp: Các Ngài có nguyện khác nhau nên xuất thế khác thời. Vấn đề không phải là sống lâu dài. Chư Phật chỉ xuất thế đủ lâu để làm việc. Làm xong thì ra đi để khỏi vướng bận.

Ông có biết không? Phật Thích Ca Mâu Ni bỏ ra 49 năm để giáo hóa chúng sinh. Trong khi đó Di Lạc Bồ Tát sẽ chỉ dạy một ngày một đêm là xong!

Lời Kinh:

Này Xá-Lợi-Phất, nên biết ta ở đời ác năm trước làm việc khó làm này, được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nói cho tất cả thế gian pháp khó tin này, thật là rất khó!

Lời giảng:

Này Xá-Lợi-Phất, nên biết ta ở đời ác năm trước làm việc khó làm này, được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-

Thích Vĩnh Hóa

đề, nói cho tất cả thế gian pháp khó tin này, thật là rất khó!

Đắc Vô Thượng Giác Ngộ trong cõi ngũ ác trược thật là hi hữu và khó làm.

Kệ Pháp Đạt Ngộ Đạo trong Kinh Lục Tổ 法達悟道偈 nói:

“*Thùy tri hỏa trạch nội* 誰知火宅內 ,

Nghĩa là: Ai mà biết được rằng trong nhà lửa

Nguyên thị pháp trung vương 元是法中王!

Nghĩa là: vốn là có Pháp Vương!

Tam thời hệ niệm viết 三時繫念曰 :

Nghĩa là: Ba thời chỉ lo chí tâm niệm

Thùy tri vạn trượng hồng trần lí 誰知萬丈紅塵裡 ,

Nghĩa là: Ai mà biết trong vô số bụi trần

Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh 菡萏華開月正明.

Nghĩa là: Lại có một đóa hoa sen khai nở và đem chánh quang vào thế giới.”

Ngài lại tuyên thuyết pháp môn Tịnh độ này thật khó tin (rằng có thể có lợi ích bất khả tư nghì do chỉ niệm Phật thôi). Hơn nữa, xiển dương pháp môn này cũng không phải là dễ!

Cho nên, nghe được Pháp môn này thật là hy hữu. Trong thời kiến trược, chúng ta bị tà kiến cột và mê hoặc bởi thầy tà. Trong thời phiền não trược, chúng ta lại bị khốn bởi tham dục và kích thích bởi ác nghiệp. Trong thời chúng sinh trược, chúng ta bằng lòng với các ô uế nên không thể giác ngộ được, lại chấp nhận thân phận yếu hèn tự cho rằng mình không thể

Kinh A Di Đà

nào bay nhảy đến nơi khác. Trong thời mạng trước, chúng ta chịu bó tay với lửa và sét của vô thường.

Cho nên trong thời ngũ trước ác thế mà được nghe Tịnh độ , lại khởi lòng tin và phát tâm chân thật tu hành cầu vãng sanh Cực lạc là điều khó trong khó. Muốn đắc quả vị nhỏ còn có thể được nhưng đạt quả Bồ đề nơi cõi Ta bà này lại còn khó khăn vạn bội phần. Hiểu rõ như thế chúng ta mới khâm phục và tôn kính tri ân đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cuối cùng, chúng ta đã đến phần lưu thông. Lưu thông có từ danh từ tiếng Hoa 流通. Lưu 流 là lưu truyền vạn cổ 流傳 萬古 nghĩa là loan truyền cho đến tận thời gian, chỉ phương diện thời gian. Còn thông 通 là thông đạt thập phương 通 達十方 nghĩa là nhập đến mười phương, chỉ phương diện không gian. Vì thế, lưu thông có nghĩa là làm cho Pháp được phổ biến khắp mọi nơi và mọi thời.

PHẦN LƯU THÔNG

Lời Kinh:

Phật nói Kinh này rồi, ngài Xá-Lợi-Phất và các Tỳ-kheo, tất cả người, trời, A-tu-la... ở các thế gian nghe xong đều hoan hỷ tin nhận, lễ Phật mà lui ra.

Lời giảng:

Phật nói Kinh này rồi, ngài Xá-Lợi-Phất và các Tỳ-kheo, tất cả người, trời, A-tu-la... ở các thế gian nghe xong đều hoan hỷ tin nhận, lễ Phật mà lui ra.

nói Kinh này rồi

Tóm lại, pháp môn Tịnh độ thật khó tin và khó hiểu. Không ai có đủ trí huệ để thừa thĩnh câu chỉ dạy, mọi người hoàn toàn không biết. Phật Thích Ca dùng trí huệ soi chiếu căn cơ của chúng sinh. Vì thấy rằng thiện căn đã thành thực nên mới thuyết giảng đầu không được thĩnh.

ở các thế gian

Chỉ các cảnh giới vô tình, y báo riêng của mỗi loài có thể bị hủy hoại và bị phân rã.

Trời,

Chỉ các cõi Trời trong tam giới.

người,

Trong cõi Ta Bà thật có khả năng chịu đựng.

Kinh A Di Đà

A-tu-la,

Là phi thiên: có thiên phú nhưng không có thiên đức.

Tất cả thánh chúng trong pháp hội này từ A La Hán, Tỳ Kheo, Thiên long bát bộ, người và phi nhân từ mọi nơi tụ hội về đều cảm thấy đại **hoan hỷ** sau khi nghe kinh này. Hoan **歡** chỉ nét mặt vui vẻ và hi **喜** chỉ tâm thần vui sướng. Pháp môn bất khả tư nghì này giúp chúng sinh hoành xuất tam giới, mau chứng tính chân thật và thường trụ. Đây là pháp môn hi hữu nên được nghe rồi, tất cả đều vui mừng tin thọ. Ví như đang bị đói và lạnh nay lại được biết có chỗ luôn ấm no phước lạc; cũng như người đang ở trong đêm tối mịt mù nay tìm ra được con đường ánh sáng, đương nhiên cảm thấy phấn khởi và sung sướng. Sự vui mừng này khiến cho có người rơi lệ khóc òa và có kẻ nhảy lên reo hò biểu lộ sự hoan hỉ cùng cực vì chưa từng có hạnh phúc nào lớn lao như thế.

Đức Phật có năm lời nói:

1. Chân ngữ **真語**: Lời nói của Ngài bàn về chân tướng.
2. Thật ngữ **實語**: Có gì Ngài nói nấy, không thêm cũng không bớt.
3. Như ngữ **如語**: Lời nói của Phật tương ứng với chân lý.
4. Bất cuồng ngữ **不誑語**: Ngài không nói dối.
5. Bất dị ngữ **不異語**: Ngài không nói lời kỳ lạ, nói điều có thể lung lay tâm thần chúng sinh hoặc những lời đe dọa.

Cho nên chúng ta có thể tin lời của đức Phật.

Thích Vĩnh Hóa

Đại chúng **tin nhận**: phát lòng tin thâm sâu. “Tin” nghĩa là không có một chút nghi hoặc nào cả. “Nhận” nghĩa là ghi vào tâm mà không quên.

lễ

Đảnh lễ đức Phật để tỏ lòng biết ơn. Lạy là một cách tỏ ơn đặc biệt trong Phật giáo. Người Trung Hoa thường lạy ba lần rưỡi để tỏ lòng biết ơn và cúng dường thân quy y.

lui ra

Theo lời Phật dạy mà hành. Nghe xong, cách bày tỏ lòng biết ơn tốt nhất là y giáo phụng hành.

Vấn: Kinh bắt đầu bằng cách kê liệt ra các đại đức như A La Hán và Bồ Tát. Nhưng lại kết thúc mà không nêu ra Bồ Tát?

Đáp: Bồ Tát đương nhiên cũng biết hồng ơn của chư Phật. Cho nên không cần phải nhấn mạnh làm gì.

Kinh nói rằng trong thời Mạt pháp, nếu một ức ức người tu hành, có thể một người đắc Đạo. Những kẻ nương tựa vào pháp môn niệm Phật chắc chắn sẽ được cứu độ 末法億億人修行，罕一得道，唯依念佛得度。 Pháp môn Tịnh độ thật thích hợp cho thời đại của chúng ta. Phát lòng tin mà thành tâm tu hành, đặc vãng sinh về cõi Tịnh độ, khai mở trí huệ, rồi có thể trở về cõi Ta Bà mà cứu chúng sinh.

Có một sư cô người Việt quyết định tôn tôi làm sư phụ. Một hôm, cô xin phép tôi để thọ tang cho vị thầy A Xà Lê vừa mới qua đời ở Việt Nam. Sư cô rất buồn và thưa với tôi rằng : Cô nhớ ơn Sư bà đã huấn luyện dạy dỗ cô từ bước đầu nhập đạo.

Kinh A Di Đà

Sư Cô nói rằng muốn thầy cô trở lại cõi Ta Bà này để tiếp tục dạy chúng sinh thay vì nhờ tôi dùng pháp 49 ngày giúp gửi Sư Bà đi Tây Phương Cực Lạc. Tôi không nói gì cả vì cô ta không hỏi ý kiến tôi. Hai tuần sau, trong một buổi họp, tôi tình cờ nói cho Sư Cô biết là thầy của cô có lẽ sẽ trở về cõi người nhưng đó là điều không tốt vì cách mà sư bà qua đời cho thấy rằng sư bà không biết dụng công. Nói một cách khác, trở về cõi người sẽ gặp nhiều khó khăn vì không có Pháp thù thắng để tu. Tôi giảng nghĩa cho mọi người rằng cá nhân tôi thì sẽ chọn cõi Tây Phương Cực Lạc vì nơi đó thuận tiện cho việc tu hành hơn. Cô đệ tử tôi lập tức quì xuống xin tôi giúp sư bà đắc vãng sinh vì đã khá lâu thường thấy sư bà hiện ra trước mặt sư cô với nét mặt buồn hiu trong lúc sư cô ngồi thiền mỗi ngày. Lại thêm một điều là huynh đệ của cô bên Việt Nam cũng mơ thấy sư bà không được vui. Tôi giải thích cho đệ tử rằng sư bà muốn cầu cứu đó. Nhân tiện, tôi mắng sư cô một trận, bảo rằng cô thật ngốc. Tại sao dám tự tiện quyết định thầy mình nên đi về đâu? Tốt hơn là cho sư bà sự lựa chọn. Nói cách khác, hôn sư bà bất bình vì đệ tử tôi không chịu yêu cầu chúng tôi giúp để sư bà có cơ hội lựa chọn để có thể vãng sinh Tịnh độ. Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề, đệ tử tôi sám hối và cầu xin tôi giúp sư bà bằng pháp 49 ngày. Tôi đồng ý. Hai tuần sau, sư bà vãng sinh Tây Phương Cực Lạc và không còn quấy rầy sư cô trong lúc tọa thiền nữa. Sau này sư cô mới báo cáo rằng cũng cùng lúc đó ở Phật điện bên Việt Nam, đại chúng đang tụ họp làm lễ cho sư bà, mọi người đều thấy một vàng ánh sáng rạng ngời trong chánh điện.

Ngụ ý câu chuyện là: trừ phi quý vị có thể giác ngộ kiếp này, tốt nhất là nên cầu vãng sinh về cõi Tịnh độ. Không nên trở về đây trước khi có đủ sức và trí huệ giúp kẻ khác.

Thích Vĩnh Hóa

Phật Thuyết A Di Đà Kinh chung

**Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh Tịnh Độ
đà la ni:**

Nam mô a di đà bà dạ

Đa tha già đa dạ

Đa địa dạ tha

A di lị đô bà tì

A di lị đa

Tất đām bà tì

A di lị đa

Tì ca lan đế

A di lị đa

Tì ca lan đa

Già di nị

Già già na

Chỉ đa ca lị

Ta bà ha (3 lần)

Kinh A Di Đà



Tam Hiền cõi Tây Phương Cực Lạc

Thích Vĩnh Hóa



Kinh A Di Đà

Tiểu sử thầy Thích Vĩnh Hóa

Thời niên thiếu, thầy vốn qua Mỹ du học với nguyện vọng trở về nước xây dựng tổ quốc và phục vụ đồng bào. Sau khi đạt chức vụ hành chánh (executive management), thầy không mấy thỏa mãn với ngành quản trị xí nghiệp và cảm thấy cuộc đời thiếu ý nghĩa. Nhờ có duyên học Pháp ngài Tuyên Hóa, thầy tìm được Chân lý nên xuất gia, dâng hiến cuộc đời còn lại để phục vụ cho Phật Pháp.

Tỳ kheo Thích Vĩnh Hóa thuộc dòng Qui Ngưỡng của Hòa Thượng Tuyên Hóa và Lâm Tế của Hòa Thượng Mãn Giác. Sau khi nghiên cứu Đại thừa và hành thiền 20 năm, thầy quyết định báo ân chư tổ và sư trưởng bằng cách rộng thuyết pháp và đào tạo nhân tài cho thế hệ sau. Trong bảy năm qua, thầy đã giúp nhiều thiền sinh đạt trình độ cao.

Thầy chủ trương Thiền Tịnh đồng tu khiến kẻ có căn cơ đặc giải thoát và người có lòng tin chân chính đắc vãng sinh Tịnh độ kiếp này. Thầy giảng giáo lý một cách thực tiễn và dễ hiểu khiến người nghe thông đạt thâm ý thánh hiền để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày và chóng lìa khổ đặc lạc.